

**ĐẠI-ĐẠO-TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ**  
**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

---



*Châu Dung*  
**HỘ - PHÁP**  
**PHẠM CÔNG TẮC**

.....  
**HIỀN-TÀI TRẦN VĂN RẠNG**  
.....



**TÀI LIỆU SƯU TẦM 2013**  
hai•không•một•ba

---

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website [DAOCAODAI.INFO](http://DAOCAODAI.INFO). Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: [tamnguyen351@live.com](mailto:tamnguyen351@live.com)

Thành thật tri ơn SOẠN GIẢ HT. TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE [DAOCAODAI.INFO](http://DAOCAODAI.INFO) đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 22/06/2023

Tâm Nguyên

Website: [tusachCAODAI.wordpress.com](http://tusachCAODAI.wordpress.com)



**Chân Dung Hộ-Pháp**  
**PHẠM CÔNG TẮC**

SOẠN GIẢ: HT. TRẦN VĂN RẠNG

ẤT MÃO – 1974

---

# Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU .....	9
LỜI TỰA .....	11
<b>CHƯƠNG I: GIÁNG-SINH VÀO TIẾT ĐOAN NGỌ .....</b>	<b>15</b>
1.– Một thiếu niên diệu thường .....	15
2.– Một thanh niên ái dân .....	24
<b>CHƯƠNG II: THIÊN PHONG HỘ PHÁP .....</b>	<b>27</b>
1.– Ngô Đạo Cao Đài .....	27
2.– Tiêu ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ .....	52
3.– Tản pháp tu tịnh .....	60
4.– Mười hai vị cao đồ đầu tiên .....	65
5.– Thiên phong Hộ Pháp và khai Tịch đạo .....	68
6.– Thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo ở Nam Vang .....	82
7.– Phá phép ếm Long Tuyền Kiếm .....	92
8.– Quyền năng Đấng Tạo Hóa .....	95
<b>CHƯƠNG III: CHƯỜNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI .....</b>	<b>105</b>
1.– Bát Đạo Nghị Định. Quyền Chí Tôn nơi Giáo Tông và Hộ Pháp .....	105
2.– Ba Hội lập quyền Vạn Linh .....	116
3.– Ngài Lê Văn Trung đăng tiên .....	120
<b>CHƯƠNG IV: CHƯỜNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI .....</b>	<b>129</b>
1.– Năm quyền Chánh Trị Đạo .....	129
2.– Chức sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới .....	137
3.– Quy định về Lễ Sĩ, Giáo Nhi và Bộ Nhạc .....	139
4.– Kinh Thiên Đạo, Thể Đạo .....	144
5.– Lời cảnh cáo không cần thiết .....	147
6.– Pháp đàn áp Đạo .....	150
7.– Việc xây dựng đền Thánh .....	163
8.– Bộ đạo luật năm Mậu Dần và Cơ Quan Phước Thiện .....	171
9.– Việc mặc sắc phục khi đi hành Đạo .....	180

<b>CHƯƠNG V: MÃ ĐÀO PHÁP NẠN</b> .....	<b>187</b>
1.- Trấn Thánh Phi-Châu .....	187
2.- Hết mùa pháp-nạn .....	197
<b>CHƯƠNG VI : VAI TRÒ CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP TRONG THỂ-PHÁP VÀ BÍ-PHÁP</b> .....	<b>205</b>
1.- Phương luyện-kỹ và phép trị tâm .....	205
2.- Cao Đài Quốc Đạo .....	210
3.- Tái thủ quyền Đạo .....	217
4.- Đức Hộ-Pháp thuyết về quyền-năng Tôn-Giáo .....	223
5.- Đức Hộ-Pháp ân-xá các Chi Phái .....	228
6.- Những chuyến đi thiện chí .....	233
7.- Đức Hộ-Pháp nhập Tịnh-Thất .....	236
8.- Vai trò của Đức Phạm Hộ-Pháp với bí-pháp .....	239
9.- Người ươm mầm Đạo Dịch .....	242
<b>CHƯƠNG VII: ĐẠO CAO-ĐÀI RA MẶT QUỐC-TẾ</b> .....	<b>249</b>
1.- Đức Phạm Hộ-Pháp lập Long-Hoa Thị .....	249
2.- Việc lập các Phủ-Từ và Ngọc Xá-Lợi .....	253
3.- Xây dựng nơi thờ Diêu-Trì-Cung .....	256
4.- Đức Hộ-Pháp Âu-du .....	258
5.- Lễ Khánh-Thành Tòa-Thánh .....	266
<b>CHƯƠNG VIII: NHỮNG HOẠT-ĐỘNG CUỐI ĐỜI</b> .....	<b>273</b>
1.- Một chuyến đi .....	273
2.- Những hoạt-động cuối đời .....	283
3.- Triều Thiên trên xứ Chùa Tháp .....	291
4.- Bát Thiên-tính của Đức Hộ-Pháp .....	301
1.- Hy-sinh thân-thể và chịu đựng tù đày mưu tìm hạnh-phúc cho nhơn-sanh: .....	302
2.- Hành-động tích-cực và tận tâm: .....	303
3.- Óc sáng tạo huyền-bí: .....	304
4.- Chịu nổi thống-khổ và oan-nghiệt của một con người: .....	306
5.- Người của bình-dân: .....	309
6.- Có hấp lực mãnh liệt: .....	310
7.- Công bình và chính trực: .....	311

---

8.- Từ-bi, khoan hồng và đại độ: .....	313
<b>CHƯƠNG IX: GIẢN-LƯỢC CHÂN-DUNG PHẠM HỘ-PHÁP .....</b>	<b>317</b>
1.- Ngươn-Linh của Phạm Hộ-Pháp.....	317
2.- Văn thi của Ái-Dân Phạm Công Tắc .....	322
3.- Lược-sử chân-dung Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.....	332
<b>THƯ-MỤC</b>	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>340</b>



**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**





---

## LỜI GIỚI THIỆU

*của Ngài Chương-Ấn Hiệp-Thiên-Đài*

NGUYỄN VĂN HỘI

*Bộ Pháp-Chánh Tòa-Thánh Tây-Ninh*

Kính thưa quý chư tôn liệt vị,

Người ta thường nói: “*Hùm chết để da, người ta chết để tiếng*”. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là người tiên bối đứng vào bậc tam đại vĩ nhân cùng Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh đầu công khai sáng nền Đạo Cao Đài.

Quyển tiểu sử Đức Hộ Pháp được ông Hiền Tài Trần Văn Rạng – Trưởng Nhiệm Giáo Lý Ban Thế-Đạo soạn thảo rất công phu.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là một đấng siêu phàm được Đức Chí Tôn thân dụng đứng hàng đầu trong Hiệp Thiên Đài. Đức Ngài rất dày công khai cơ phổ độ, lập Đạo từ lúc sơ khai, là một ân nhân của toàn Đạo, khai mở ngôi Thánh Địa ngày nay trở thành Tổ Đình của Cao Đài Giáo lưu truyền vạn đại.

Tôi xin có lời giới THIỆU với toàn quý đạo tâm có lòng hoài cổ ân sâu của Bậc tiền hiền khai cơ lập Đạo cho chúng ta và chúng sanh đời đời sùng ngưỡng.

*Tòa Thánh, ngày 9 tháng Giêng năm Giáp Tý*

*(d.l. ngày 23-02-1972)*

*Chương Ấn Hiệp Thiên Đài*

*Nguyễn Văn Hội*

*(ấn ký)*



---

## LỜI TỰA

**D**ẠO CAO ĐÀI TỪ THUỞ MANH NHA ĐÃ THỂ HIỆN NGUYÊN LÝ ÂM (KHÔN) DƯƠNG (CÀN). TỪ NĂM 1920, Đức Cao Đài (*phần Dương*) đến dạy Đạo ông Ngô văn Chiêu, đến năm 1925, Đức Phật Mẫu (*phần Âm*) đến lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với nhóm Cao Phạm, phù hợp với truyền thống trọng Âm của các nước Đông Á.

Trong đó, vị thiên sứ Phạm Công Tắc, về thế tục từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành đã phản ảnh đầy đủ Tam Giáo và dung hợp cả Ki Tô Giáo và Hồi Giáo. Thuở nhỏ, Ngài đi học chữ Nho tại chợ Tây ninh và đã từng tham quan chùa Chàm Hồi Giáo bên cạnh chợ này. Trong thời gian học chữ Nho, Ngài được cụ Đồ dạy đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử. Khi lớn lên Ngài học trường Chasseloup Laubat tại Sài gòn và đã rửa tội theo Ki Tô Giáo với tên Thánh Phê-rô (*cả gia đình Ngài đều theo Công Giáo thuộc họ Đạo Tha La*).

Vào những năm 1906 – 1908 phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu, Trần Chánh Chiêu lên cao, Ngài bỏ học theo phong trào yêu nước xuất ngoại này. Chánh quyền thực dân Pháp phát hiện, đàn áp, Ngài trở lại quê cha, sống cuộc đời từ bi theo các sư ông niệm Phật.

Năm 1910, vì gia cảnh thanh bạch, Ngài vào làm thư ký Sở Thương Chánh Sài gòn. Đời sống công chức không làm cho Ngài thích thú, nên hợp cùng các bạn làm thơ, xây bàn thỉnh Tiên. Nhờ đó Ngài tiếp cận với Đức Phật Mẫu dạy việc vọng Thiên cầu đạo Cao Đài (1925). Vô hình trung trong bản thân của Ngài tích hợp

các đạo Nho, Phật, Lão, Thiên Chúa Giáo và cả Hồi Giáo kết thành «*Vạn Giáo Nhất Lý*». Sự dung hợp linh hoạt đó là một dạng tiếp biến văn hóa truyền thống nhằm đối phó với môi trường xã hội. Từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần nhiều nhà sư đồng thời là Đạo sĩ, Thiên sư muốn đọc được kinh Phật phải biết chữ Hán, mà chữ Hán thì phải học sách của Nho Giáo. Thế nên, Tam Giáo mới thoảng nhìn tưởng khác nhau, nhưng nghiên cứu kỹ thì thấy chỉ là những cách nói khác nhau. Vua Trần Thái Tông (1217 – 1277) nói rằng: «*Sách Nho thì dạy thi Nhân bổ Đức; Kinh Đạo Đức dạy yêu vật, quý sự sống; còn Phật chủ trương giữ giới, cấm sát sanh*». Tiến sĩ Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780) lại giải rằng: «*Phật Giáo chủ trương từ bi, Đạo Giáo ưa thanh tịnh, Nho Giáo lấy thuyết nhân nghĩa, trung chính, mở cương thường của Trời để dựng nên một trật tự cho Người. Nhập thế và xuất thế, dụng thì khác nhau mà thể thì như nhau*». Vua Trần Thái Tông kết rằng: «*Khi chưa tỏ thì người đời còn lầm lẫn phân biệt Tam Giáo, lúc đạt tới gốc rồi thì cùng ngộ một Tâm*».

Ngài Phạm Công Tắc đã tiếp thu truyền thống đó trong nội tạng. Ngài nhận mảnh đất Việt nam làm vườn ươm Quốc Đạo để làm sức bật thành Đại Đạo hòa đồng các Tôn Giáo hoàn cầu, thể hiện «*Vạn Giáo nhất lý*». Hãy nhìn Tòa Thánh Tây ninh do chính Ngài xây dựng để thấy được sự dung hòa tích hợp Đông Tây Kim Cổ.

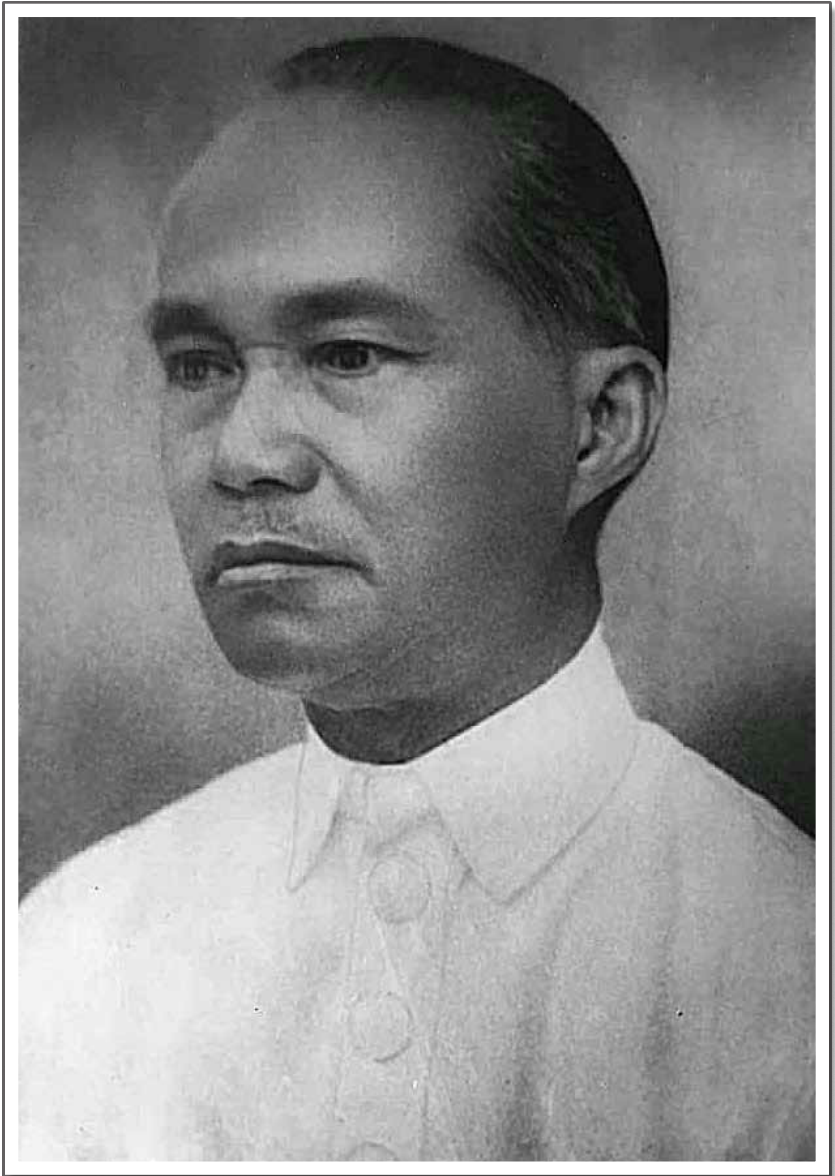
Thêm vào đó, đời hành đạo của Ngài lắm nỗi thăng trầm như các hàng Giáo lãnh khác khi phát biểu triết thuyết mới chưa thuận hợp với đời thường. Bao nhiêu đó cũng đủ tôn vinh Ngài là đáng cứu thế đứng đầu trong Cơ Phổ Độ nền Đạo Cao Đài.

---

Thế giới ca ngợi Đức Ngài, Hội Thông Thiên Học tôn vinh Đức Ngài, đồng đạo sùng ngưỡng Đức Ngài. Đức Ngài về cõi Thiên Liêng hằng sống là sự mất mát to lớn, không gì có thể đền bù được. Cơ Đạo sau thời Đức Ngài cứ nghiêng dần, khiến cho bao người muốn Đức Ngài giáng linh trở lại.

Vinh diệu thay!

*Kỷ niệm ngày triều thiên lần thứ ba  
của Đức Phạm Hộ Pháp  
GS Sử học Trần Văn Rạng*



ĐỨC HỘ-PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

## CHƯƠNG I: GIÁNG-SINH VÀO TIẾT ĐOAN NGỌ

(1890 – 1924)

- ★ Một thiếu niên diệu-thường
- ★ Một thanh niên Ái-Dân

### 1.- MỘT THIẾU NIÊN DIỆU THƯỜNG

**H**ÀO TIẾT ĐOAN NGỌ (5-5) NĂM CANH DẦN (21-6-1890), BÊN BỜ SÔNG VÀM CỎ TÂY, THUỘC LÀNG Bình Lập, tại tỉnh lỵ Tân An (nay là Long An), một chơn linh giáng lâm trong gia đình ông Phạm Công Thiện, một công chức. Đó là Phạm Công Tắc (*Theo giấy tờ hộ tịch thì Ngài sanh tại Bình Lập; và cũng được xác nhận trong quyển “Tiểu Sử Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc”, xuất bản năm 1954 lúc Ngài còn sanh tiền*). Ngài sanh nhằm năm Thành Thái thứ hai, lúc bấy giờ, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp cai trị. Vì thế Nam Kỳ coi như một phần lãnh thổ của Pháp. Phủ Thống Đốc Nam Kỳ đặt tại Sài Gòn.

Ông Phạm Công Thiện kết hôn với bà La thị Đường, sanh được tám người con mà Ngài Phạm Công Tắc là người con thứ bảy. Song thân Ngài trước ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì là công chức, ông Phạm Công Thiện được đổi đến Long An.

Thuở thiếu thời, Ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khỏe mạnh, tư chất thông minh đỉnh ngộ. Có điều lạ, vì sanh nhằm ngày Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu

nhập Thiên thai, nên thỉnh thoảng Ngài ngủ thiếp đi như người chết, linh hồn lạc khuất đầu đầu, khiến cho huyền đường âu lo; nhất là bà cụ cố tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc.

Cảnh trạng Ngài chết đi sống lại như thế, cả làng xã đều biết<sup>1</sup>. Người ta cố gắng lo thuốc thang cho Ngài, nhưng vốn tiền định, lâu lâu Ngài ngủ lịm đi đôi ba giờ, có khi kéo dài nửa ngày.

Năm 1896, đến tuổi cấp sách đến trường tiểu học, có lúc học chữ Nho, rồi sau theo học trường Chasseloup-Laubat (nay là trường Jean-Jacques Rousseau, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn). Bằng hữu ai cũng thích Ngài vì tính tình khoan hòa, ưa hoạt động, nhất là nhiều sáng kiến, bày biện các cuộc chơi, hay đánh đổ một vài nhân vật trong lịch sử nước Pháp. Việc này khiến cho các bạn ái ngại xa lánh Ngài. Phong trào Đông Du (1904 – 1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh chủ và hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng để nâng cao dân trí, bằng cách gửi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

Tại Sài Gòn, phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (tức Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các Kinh Thương Hội như: “*Minh Tân công nghệ*” và khách sạn “*Nam Trung*” làm nơi

---

1 (Nhật báo Điện Tín số ra ngày 9/9/1911 có đăng tin “*1 thiếu niên 19 tuổi sau khi đỗ tú tài thì đôi mắt tự nhiên lòa hẳn đi, kéo dài trong 1 tháng thì thiếu niên lâm trọng bệnh. Trong lúc mê sảng thiếu niên cho cho già biết là anh được Thiên tướng xuống đưa về Thiên đình chữa bệnh. Anh sẽ chết rồi 15 ngày sau mới sống dậy, miễn đừng đem xác chôn và ngày ngày vẫn cho anh uống 3 lần nước lạnh vào 6 giờ sáng, 12 giờ trưa và 8 giờ tối*”. Dẫn chuyện xảy ra ở Tân Châu (Châu Đốc) này để chứng tỏ chuyện thiếp đi của Ngài Phạm Công Tắc là chuyện thật)



lưu trú hội họp cho đảng viên. Ngài Phạm Công Tắc dù đang theo học năm thứ hai trường Chasseloup-Laubat, cũng lén bỏ học đến họp với anh em.

Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập họp các đảng viên chia nhiều nhóm để xuất dương. Ba nhóm đã tới Nhật. Ngài được ghi tên vào nhóm thứ tư. Lòng Ngài như mở hội, bao nhiêu mộng hải hồ viễn phương kéo lũ lượt qua võng mô Ngài. Bút nghiên tạm xếp, hành trang sẵn sàng chờ ngày lên đường. Đùng một tiếng, phong trào bị khám phá. Mật thám Pháp đến tra xét cơ sở Minh Tân công nghệ. Ông Dương Khắc Ninh đã lẹ tay hành động, tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu nên không ai bị lôi thôi gì cả. Tuy nhiên mật thám vẫn chú ý, luôn luôn theo dõi, dò xét các nhà lãnh đạo và chính Ngài cũng bị chúng để ý và nhà trường lưu tâm. Buộc lòng Ngài phải nghỉ học về làng An Hòa (*Tây ninh*) tạm tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Khi tình hình êm dịu, Ngài lại lặn mình vào trường tranh đấu. Lần này Ngài hoạt động cẩn thận hơn, rồi tham gia viết báo như: Công luận, La Cloche Fêlée (*Chuông rè*) của Nguyễn An Ninh, La Voix Libre (*Tiếng nói tự do*) vv... Tờ Lục Tỉnh Tân Văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiếu làm chủ bút. Ngài cộng tác thường xuyên với tờ này vì là đồng chí. Hơn nữa, ông Chiếu ngấm ngấm làm cơ quan tuyên truyền chống Pháp và khích động lòng yêu nước của nhân dân rất đặc lực. Các bài "*Thượng bất chánh, hạ tắc loạn*" (đăng ngày 12/12/1907), bài "*Dân tộc đoàn kết và thời đàm*" (đăng ngày 23/01/1908) là những lời thẳng thắn cảnh cáo nhà cầm quyền Pháp. Khi ông Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, Ngài lại về quê.

Vì ảnh hưởng cách mạng và các tiên Vương, về sau Ngài lập Báo Quốc Từ thờ Tổ Hùng Vương, bốn ba sang Nhật rước tro Cờng Để, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Từ (*gần chợ Long Hoa*). Tất cả các sự việc đó để cho tấm lòng nuôi dưỡng ý chí các liệt sĩ bất khuất và di dưỡng vang bóng một thời của tuổi trẻ hào hùng.

Âu cũng là thiên thơ dĩ định, mộng Đông Du không thành, bạn bè cùng chí hướng mỗi người mỗi ngã, Ngài chẳng lẽ ngồi đây nhìn quê hương mỗi ngày một thêm tan nát, hay chỉ còn biết làm bạn cùng cây cỏ gió trăng. Đêm rằm tháng Giêng năm Đinh Mùi, Ngài nằm trên sập kê trước nhà nhìn vầng trăng hư ảo mà khẽ ngâm bài “*Nhân nguyệt vấn đáp*”, rồi tâm thần dần dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền diệu mà Ngài đang lững thững đi trên đường bằng phẳng sạch sẽ và trắng như tuyết.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một vị sư già, mặc áo cà sa vàng, nét mặt từ bi và cất tiếng hỏi: “*Em có nhớ qua không?*”. Ngài nhìn vị sư, chợt nhớ ra vội đáp: “*Đạ nhớ*”.

Vì năm lên mười tuổi theo học chữ Nho, thường hầu Thầy đi cần thuốc ở tiệm Đức Vọng, chợ Tây Ninh, Ngài đã gặp vị sư này bàn với thầy Ngài về tương lai Ngài như vậy: “*Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả*”.

Vị sư già đưa Ngài đến một tòa lâu đài, một màu trắng tinh “*Một tòa thiên các ngọc lâu lâu*” và bảo Ngài: “*Em chờ ngoài này qua vào trong một chút nhé*”. Ngài chờ

lâu quá không thấy vị sứ trở lại, bèn vừa kêu vừa gõ cửa, vẫn không thấy ai trả lời. Ngài mới đi vòng quanh thấy nhà có tám góc và tám cửa đều giống nhau và đóng kín. Nhìn kỹ, Ngài mới nhận ra mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời xa. Trong lúc băn khoăn chưa biết chọn con đường nào, bỗng thấy phía có bóng đèn loé sáng, Ngài liền phăng tới, gặp một tòa nhà mà cửa vẫn đóng. Ngài gõ liền tiếp mấy tiếng, không thấy ai trả lời. Ngài bấn loạn, muốn thối lui thì một tiểu đồng xuất hiện và chỉ tay vào Ngài mà hỏi:

*“Anh có phải là anh Tắc không?”*

*“Sao em biết qua?”*

Cậu bé mỉm cười: *“Sao tôi lại không biết”*.

Nói xong tiểu đồng tiếp: *“Thầy gọi anh trong nhà”*.

Ngài ngạc nhiên hỏi: *“Thầy là ai hở em?”*

*“Rồi anh sẽ biết”*.

Nói xong tiểu đồng bước vào nhà. Ngài bước theo gặp “con chó lông vàng” nằm chặn ngang đường, Ngài ngần ngại nên tiểu đồng giục: *“Có gì mà sợ, nó không phải là chó nên chẳng cắn đâu. Anh cứ theo tôi đừng sợ gì cả.”* Ngài vừa bước qua, cửa từ từ đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đều đóng. Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng và dặn: *“Anh chờ đây. Lúc nào Thầy kêu tôi sẽ cho anh hay”*. Chờ lâu quá sốt ruột, phần vì sợ con Kim Mao Hầu (tức là con chó lông vàng), nên Ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe tiếng gõ cửa gất gỏng: *“Anh làm gì rồi thế? Anh nhát quá, thôi ở đây mà chờ Thầy”*. Ngài ngấm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng

10 thước, bốn mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liền, cực đẹp. Từ ngoài một ông già cao lớn, mặc áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào, Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra, ông già này là người đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong tiệm Đúc Vọng độ nào. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo Ngài: “*Con ngồi xuống đi*”. Trước nhất, ông già hỏi thăm về gia đình, nhưng trừ người chị thứ tư đã mất thì không hỏi, làm Ngài ngạc nhiên vô cùng.

Sau lúc phê phán từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng: “*Con đem bánh cho anh con ăn*”.

Tiểu đồng mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh bốc hơi thơm phức. Các bánh trong ngăn như bột lọc, hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, sắp theo hình nón. Ngài được ông già mời ăn và uống nước bằng tô lớn vàng ròng. Dội Ngài ăn xong, ông già trầm ngâm nói:

“*Hôm nay con ăn hai cái bánh rươi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này*”.

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con Kim Mao Hẩu, Ngài vái xin con vật đó. Ông già tỏ vẻ ưng lòng và đáp:

“*Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con*”.

Khi trở ra, Ngài bước lên lưng con Kim Mao Hẩu và đạp lên móng thì cánh cửa tự mở. Lúc đến tòa lâu đài tám góc, tiểu đồng ra từ tạ:

“*Bây giờ em chưa thể cùng đi với anh được. Sau này Thầy sẽ cho em xuống với anh. Thôi anh về đi*”.

Ngài sực nhớ đi chơi lâu quá, vội chạy nhanh về, vô ý vấp phải mô đất, té lộn đi một vòng. Ngài giựt mình tỉnh dậy, thoang thoang bên tai tiếng kêu khóc vang vầy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kê thì kéo tóc, người thì giạt tay, gọi tên âm ỉ. Ngài chờn vờn ngồi dậy nói như trong mơ: “*Con chó của tôi đâu rồi?*”. Người người ngơ ngác, nhưng Ngài lại nhớ đến con Kim Mao Hẩu trong giấc mộng dài diện kiến Thiên Cung. ập Thật ra, đây không phải là một giấc mộng mà là một cuộc xuất hồn của một chơn linh hiển đạo. Cuộc vân du này, năm 1927, Đức Ngài viết thành quyển “*Thiên Thai Kiến Diện*” đúng hơn là “*Tam thập lục thiên hồi ký*” mà bài số 75 gần như gom ý cuộc hội kiến với Đức phân thân Đức Cao Đài mặc áo xanh nói trên:

### BÀI 75

*Xa trông cảnh vật đã xây tròn,  
Bát hướng Đài ngưng thấy nước non.  
Động cũ Thần Tiên còn để dấu,  
Chùa xưa Phật Tích nát hư mòn.  
Chấp Kinh Khổng sĩ nho phong dôi,  
Năm nghiệp Đào quân nhấp thuốc khôn.  
Nẻo Thánh tuy quên tay đẩy cỏ,  
Nền Văn miếu thấy khói hương còn.*

Trong cuộc vân du kể trên, trước hết Ngài gặp vị sư già mặc áo vàng (*biểu tượng Đạo Phật*), ông già mặc áo xanh (*biểu tượng Đạo Lão*) đó là nhân vật chính Đức Hồng Quân Lão Tổ phân thân của Đức Cao Đài. Đĩa bánh bạc màu trắng (*màu Đạo Cao Đài*) đựng những chiếc bánh hình tròn (*biểu tượng Trời hay Thái Cực*) có

hai màu đỏ và trắng (*biểu tượng Âm Dương*) tức Thái cực sanh lưỡng nghi. Âm Dương hay Khôn Càn là đầu mỗi sinh biến sinh ra vạn vật. “Đạo vốn chỉ một Âm một Dương mà thôi... , có cái gì thích hợp mà chẳng một Âm một Dương (*Trần Thúc Lượng, Tổng nguyên học án. quyển 3, trang 643*).

Ngài được uống một tô nước cam lồ. Theo Dịch lý mọi việc khởi đầu ở cung Tý (*Thủy*) tức Thiên khai ư Tý, 12 giờ đêm thuộc Thiếu Dương số một, ứng vào quẻ Phục (*biểu tượng phục hưng nền Đạo mới*).

Thật sự, Ngài chỉ ăn có hai cái bánh, cái bánh thứ ba chỉ ăn nhưn mà bỏ vỏ hàm ý chỉ gom lấy cái tinh hoa của các Đạo mà bỏ những điều cặn bã, phản tiến hóa. Ông già áo xanh nói: “Con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước.

Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này”. Nếu Ngài ăn đủ ba cái thì xong không còn gì để nói. Như vậy không phù hợp với đạo Âm Dương: “*Sinh rồi lại sinh*”. Thế nên Ngài chỉ ăn có hai cái rưỡi mà lại “*ám hợp vào đời hành đạo sau này*”, tức là chưa xong. Cuộc đời, trường đời, việc Đạo là hỏa thủy vị tể (*quẻ Ly trên, quẻ Khảm dưới*). Đó là quẻ thứ 64 trong Kinh Dịch, quẻ 63 ký tể mà quẻ 64 lại bắt đầu biến hóa. Trường đời, việc Đạo biến hóa vô thường, Ngự Mã Thiên Quân phải đối phó để giữ vững thuyền Đạo lướt qua những cơn sóng dữ và đá ngầm của biển cả. Đó là lời tiên tri của ơn Trên:

“*Muốn giàu Thầy hứa đem cho của, Cái của cái công phải trả đồng*” (*Xem hình “Ngôi mộ tổ nhà họ Phạm*).

Sau đây, chính Đức Ngài kể lại về thời thanh thiếu

niên của mình:

“Bần Đạo thứ tám, còn con em thứ chín ở trong cái ổ nghèo, ổ rách. Mấy anh chị họ lớn hơn, lập nên danh. Kẻ có chồng, người có vợ chỉ có Bần Đạo chưa biết gì hết chỉ biết thương nhau mà thôi, thương cha có công sanh dưỡng, thương mẹ bảo trọng gia đình lo tảo tần nuôi con, thương anh em trong gia đình, duy có biết thương mà lo học, sợ không học ông bà buồn rầu...”

“Cha đã chết hồi Bần Đạo mới 12 tuổi, chỉ ở với mẹ. Thương mẹ sợ mẹ chết nữa không biết ở với ai? Ở tỉnh Tây Ninh, người ta thường chôn đám xác vào ban đêm. Khi ngủ nghe họ hò giục mình dậy mò kiếm bà già. Bà già hỏi con làm gì vậy? Con nghe người ta đưa đám xác, con sợ mẹ chết quá. Cũng vì sự thương yêu, được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho mẹ”.

“Lúc ấy Bần Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn mà không biết nuôi mẹ được không? Người anh rể nói “Em làm việc hãng buôn tư không có danh dự gì hết”. Bần Đạo nghe lời nên xin làm việc ở sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70-80 đồng, ăn xài cũng còn dư một đôi chục bạc để nuôi mẹ. Đến chừng lương còn 20 đồng một tháng, lúc đó thiếu nợ lại thêm một bà vợ nữa, công việc bối rối không biết bao nhiêu, tới chừng đó không còn lo cho mẹ nữa. Trong gia đình, khi đó chưa tạo được hạnh phúc thì bà mẹ đã chết” “Năm Bần Đạo được 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết lo một điều là lo lập thân danh dạng nuôi mẹ bảo trọng anh em. Đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, cha mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn, lại tai ác nữa là vợ con gia đình sanh đẻ mãi, đâu có lo bên ngoài được

nữa, khởi thống khổ tâm hồn. Tới chùng cao sang sung sướng ngó lụng lại không thấy cha mẹ. Hai Đấng ấy đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em. Em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái cũng đều chết hết. Bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột. Người em thứ chín là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bản Đạo mà đã qui liễu. Tới chùng ấy tâm hồn ngơ ngẩn, xác thịt bơ thờ, nghe tiếng chim, tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe cũng nhắc tới nỗi đau thương.

Từ ngày ấy không buổi nào vui chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu. Hễ biết tu, thì biết Đạo rồi biết diu dắt anh chị em tới tình yêu thương nồng nàn.”(*Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Tây Ninh 1970, trang 76-77*).

## 2.- MỘT THANH NIÊN ÁI DÂN

**X**EM THẾ, ÔNG LÀ MỘT NGƯỜI CON HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ, RẤT THƯƠNG YÊU VÀ TÔN KÍNH ANH CHỊ và nhường nhịn các em.

Năm 1910, lúc đó, ông đã hai mươi tuổi. Gia đình lâm vào cảnh quần bách túng thiếu. Ông xin làm Sở Thương Chánh ở Sài Gòn. Năm sau, ông vâng lệnh cha mẹ thành lập gia đình với bà Nguyễn thị Nhiều. Bà là phụ nữ theo luật tam tông, rất hiếu lễ tận tảo thờ phụng cha mẹ chồng hết lòng. Bà sanh được ba người con. Trai đầu lòng tên Phạm Công Huyền, gái thứ ba tên Phạm Hồ Cẩm và gái thứ tư tên Phạm Tấn Tranh. Đó là tên ba loại đàn cổ truyền.



Người trưởng nam Phạm Công Huyền sinh ra để báo hiệu huyền cơ của Tạo Hóa có Dương có Âm sắp ra đời. Thế nên lên bốn thì Huyền trở lại cõi trên: “*Quản Huyền đâu đã giục người sinh ly*”. Dù chỉ còn hai người con gái, ông thấy không cần thiết phải sinh thêm trai vì trai gái ngang nhau. Sinh con trai mà nó không nên mặt đàn ông, không đáng mặt đấng trượng phu để người đời trông gương thì thà không đẻ thêm còn hơn. Vả lại lúc đó ông đang theo đuổi làm việc từ thiện giúp nhân quần xã hội.

Đời sống công chức không làm cho ông thích thú, còn nếp sống gia đình đều đều buồn chán không trời buộc được Ngài. Ngài đâm ra mê lý tưởng hướng về Đạo, “*làm những việc thiện hàng ngày để giúp đỡ những kẻ cô đơn xung quanh. Ngài giàu tình thương đời, nhất là thương kẻ cô đơn trụy lạc. Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang là công chức Sở Thương Chánh, đồng tiền chẳng được dồi dào chi lắm, vậy mà Ngài dám vay nợ để giải phóng một đoàn nhi nữ ra khỏi chốn thanh lâu, cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh phúc gia đình*” (Theo Tiểu Sử Hộ Pháp Phạm Công Tắc 1954)

♦ Thật ra, Ngài có người bạn tên Trần Thành Chơn cho Ngài biết có một gia đình nghèo khổ có hai đứa con gái bị tú-bà gạt gẫm bán cho lầu xanh. Ông Chơn nhờ Ngài giúp đỡ gia đình ấy. Ngài dùng tiền dành giùm của mình chuộc cô Nguyễn thị Cẩm và Nguyễn thị Hồng trở về hoàn lương.

Người Pháp thấy Ngài có hành động khác thường, họ liệt Ngài vào hàng có tâm huyết, nên họ tìm cách đổi Ngài đi Cái Nhum (*Hậu Giang*), sau đổi ra Qui Nhơn

(*Trung phần*); rồi cùng lại đổi về Sài Gòn, để rồi những ngày sẽ tới, Ngài hiến trọn cuộc đời cho Đạo Pháp.

Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong chương này hé lộ cho ta thấy, từ thuở thanh thiếu niên, Đức Ngài đã là người yêu nước thương người. Trong cơ thể đã kết hợp Tam Giáo và nhất là Thiên Chúa Giáo. Những vốn sống ấy được nuôi dưỡng ra nụ, đơm hoa rồi sẽ kết trái trong những chương kế tiếp.

## CHƯƠNG II: THIÊN PHONG HỘ PHÁP (1925 - 1930)

- ★ Ngộ Đạo Cao Đài (1925)
- ★ Tiêu ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- ★ Tân pháp tu tịnh
- ★ 12 Vị cao đồ đầu tiên
- ★ Thiên phong Hộ Pháp và khai Tịch Đạo
- ★ Thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo
- ★ Phá phép ếm Long Tuyển Kiếm
- ★ Quyền năng Đấng Tạo Hóa

### 1.- NGỘ ĐẠO CAO ĐÀI

**N**ÀNG CÓ MỘT NỖ BẮN KHOẢN LỚN LAO LÀ TÂM ĐẠO ĐỂ GIẢI THOÁT CHO CẢ LOÀI NGƯỜI KHỔ ẪI. NÀNG sinh ra trong một gia đình Công Giáo, nhưng Đạo cứu thế với lòng bác ái của Đức Giêsu chưa chiếm hết lòng tin của Nàng. Nàng có óc phán đoán và nhận thấy rằng Đạo Phật khuyên người từ bi hỉ xả; Đạo Lão đặt nền tảng dưỡng tính tôn chân; Đạo Khổng dìu dắt người trên con đường trung dung, đều có những ưu điểm nhưng chưa thấy có cùng chung cội nguồn. Vì vậy Nàng đêm ngày suy nghĩ, muốn tổng hợp cả bốn Đạo lớn hiện có trên thế gian, và hòa hợp giữa hai nền văn minh Đông Tây. Việc đó không phải là không-tưởng, vì tất cả các vị Tổ sư của các môn phái đều hướng tư tưởng về một hướng chung: thiện và mỹ. Như vậy, tư tưởng đó rất có thể hợp nhất được.

Để đạt mục đích trên, Nàng cùng mấy người bạn

thân nghiên cứu và so sánh đối chiếu những Giáo lý của bốn Đạo. Một nhận xét chung được nêu lên: cứu cánh chỉ có một, còn phương tiện khác nhau, và một hoài bão chung được phát biểu; kết tinh cả bốn Đạo thành một Đạo lớn duy nhất cả về tín ngưỡng lẫn phương tiện thực hành.

Nhưng hành động như thế nào để thực hiện sự kết tinh đó?

Thật là một công cuộc khó khăn vượt sức lực con người trần gian.

Khi đó, đại úy P. Monet (*Thần linh học*), một người bạn của Ngài ở Pháp sang. Ông là một con đồng vắn thường ngồi cảm thông với các Thần linh trong các cuộc giáng thân. Ông rất chú ý đến sự nghiên cứu của nhóm Ngài, nhưng ông cũng không quan niệm nổi là có thể tổng hợp những phương tiện thực hành của các Đạo. Ông khuyên nên cầu xin các Đấng Thần linh chỉ giáo. Và một đàn cơ được tổ chức. Những lời khuyên của Đấng Thần linh sau đây đã cho Ngài cái chìa khoá mở cửa bí mật để thông hiểu vấn đề khó khăn huyền diệu kia:

*“Tín ngưỡng bắt nguồn từ lương-tâm. Lương-tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi con người. Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, bởi vì nó phát sinh ra từ nơi Thượng Đế. Vậy tự do tín ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi người; nhưng sự hòa hợp trong tinh thần: Chân, Thiện, Mỹ phải là một nhiệm vụ bắt buộc” (theo tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc).*

Để theo đuổi những ý niệm trên, Đức Ngài hay

lui tới nhà ông Cao Quỳnh Cư, người gốc ở Tây Ninh, xuống làm việc tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn. Ông Cư muốn phố ở tại đường Bourdais (số 134). Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết, là ông Phạm Công Tắc, nguyên làm việc tại Sở Thương Chánh Sài Gòn, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại Sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử”(Theo Đại Đạo Căn nguyên của Nguyễn Bảo Pháp).

Năm Ất Sửu (1925) là năm việc xây bàn hay “sai ma” rất thịnh hành trong các giới tại miền Nam Việt Nam, nhất là tại đô thành Sài Gòn.

Trước hết, vì sự hiếu kỳ mà quý ông bạn chí sĩ Cao Quỳnh Cư (sau đặc phong Thượng Phẩm), Phạm Công Tắc (sau đặc phong Hộ Pháp) và Cao Hoài Sang (sau đặc phong Thượng Sanh) mới nghĩ ra việc xây bàn để tiếp chuyện với người khuất mặt ở thế giới bên kia (theo Đạo Sử cơ bút của Trương Hiến Pháp).

Do đó, vào ngày 25-07-1925 (ngày mồng 5 tháng 6 năm Ất Sửu), hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang bên cạnh chợ Thái Bình (Sài Gòn) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya, vì Thần Linh thúc giục, các ông mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba ông đem ra trước hiên nhà một cái bàn vuông bốn chân (bàn này hiện để ở Nữ Đầu-Sư Đường), kê một chân hồng đất rồi đồng để tay lên bàn khấn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khấn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm, có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ, cũng có một vong linh học sinh Hà

Nội viết tiếng quốc ngữ.

Cái bàn gõ khi chững chạc, khi lộng khụng dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó, các ông năn lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với các Đấng vô hình trong vãn quốc ngữ. Như nhịp một lần là “*A*”, hai lần là “*Ả*” và ba lần là “*Á*” vv... Khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép lại thành một tiếng; nhiều tiếng mới ghép lại thành lời vãn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng liêng càng mau lẹ và dễ dàng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925), ba ông lại xây bàn đúng 24 giờ, có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật như sau:

### THI

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,  
Mi mới vừa lên ước dặm mười.  
Tổng mển lời khuyên bền mộ chép,  
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.  
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách,  
Cõi thọ nhiều phen đặn thành thời.  
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,  
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

KÝ TÊN CAO QUỲNH TUÂN

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư, qua đời đã 25 năm, đặc vị Xuất Bộ Tinh Quân, đọc tới câu thứ 7 các Ngài quá ngậm ngùi. Cả ba cảm phục ý tứ của bài thơ.

Đến đêm 30-7-1925 (10-6-Ất Sửu), ba Ngài lại họp nhau tại nhà Ngài Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm ấy có một nữ vong linh giáng bàn cho thi:

THI

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?  
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.  
Những ngõ trao duyên vào Ngọc Các,  
Nào dè phải nợ xuống Tuyên Đài.  
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.  
Đồn dập tương tư oằn một gánh,  
Nỗi mình tâm sự ngộ cùng ai?*

KÝ TÊN ĐOÀN NGỌC QUẾ

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi: “*Hỏi tại thế xứ ở đâu?*”. Cô Đoàn Ngọc Quế đáp: “*Ở Chợ Lớn*”. Ngài Phạm Công Tắc hỏi: “*Cô học ở đâu?*”. “*Học trường đằm*”.

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh), tên thật của cô là Vương thị Lễ, cháu ông Vương Quan Kỳ (Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Tây Ninh 1970, trang 76-77). Nhưng tầm nguyên còn bí hiểm hơn nữa. Kiếp trước cô là công chúa, con một vị vua bên Tàu, nhưng vì “*ngõ trao duyên vào Ngọc Các, nào dè phải nợ xuống Tuyên Đài*”. Thế nên còn vương vấn bụi hồng trần phải tái sanh vào gia đình Tổng Đốc họ Vương ở Việt Nam, nhưng vẫn không tròn câu tình ái.

Khi cô mang bệnh nặng, gia đình rước bác sĩ thuốc thang cho cô và hứa: nếu ai trị lành bệnh thì sẽ gả cô cho bác sĩ. Nhưng vì không phải duyên nợ, cô biết rõ lời hứa của song thân, nên lúc bác sĩ đến tận tình săn sóc cho cô, cô uất lên mà chết (Theo Đại Đạo Bí

Sử, Trần văn Rạng).

Ba Ngài đều có họa bài thi trên, riêng bài của Ngài Phạm Công Tắc họa như vậy:

HỌA VẬN

*Ngẩn bút hòa thi tử phạm ai,  
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.  
Tình thâm một gánh còn dương thế,  
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài,  
Để thâm thung đường như ác xế,  
Gieo thương lũ khách ngóng tin mai.  
Hiềm vì chưa rõ đầu đuôi thế,  
Ngẩn bút hòa thi tử phạm ai.*

Cũng đêm đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi cô bệnh chi mà chết, cô đáp bằng hai bài thơ như vậy:

THI

*Trời già đành đoạn nợ ba sinh,  
Bèo nước xẻ hai một mãnh tình.  
Mấy bữa nhận mây lâm chúc qui,  
Khiến ôm mỗi thăm lại Diêm Đình.  
Người thời Ngọc Mã với Kim Đàng,  
Quên kẻ dạ đài mỗi thăm mang.  
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,  
Mặc ai chung hưởng phạm cao sang.*

Hôm sau, Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua nhà mình xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Nhân tiện ba Ngài hỏi cô Quế về việc Thượng Giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các Ngài càng thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi Ngài Cao Quỳnh Cư là Trưởng ca, Ngài Phạm Công



Tắc là Nhị ca, Ngài Cao Hoài Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội.

Đến ngày 03-08-1925 (15-07-*Ất Sửu*), thiết đàn xây bàn, các Ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc với ba Ngài.

THI

*Ớt cay cay ớt gấm mà cay,  
Muối mặn ba năm muối mặn dai.  
Túng lú đi chơi nên tấp lại,  
Ấn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

*A-Ã-Ã*

Ngài Phạm Công Tắc nghe thi lạ lòng có ý hơi khó chịu, liền đó Đấng này cho thêm bài thi:

THI

*Đời hiệp lẫn nhau nữ chẳng thương,  
Thương đời nên mới đến đem đường.  
Đường dài vó ngựa tua bên sức,  
Sức yếu lòng người khó để gương.  
Gương Đạo noi theo đường Thuấn Đế,  
Đế dân vẹn giữ lối Văn Vương.  
Vương hầu lê thứ ai là chí,  
Chí quyết làm cho thế khác thường.*

*A-Ã-Ã*

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ã-Ã mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng. Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu thì được cho bài thi:

THI

*Trời trọi mình không mới thiệt bản,*

*Một nhành sen trắng nấu nường thân.  
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,  
Đỡ bước nhờ con hạc trắng ngân.  
Bố hóa người đời gậy mối Đạo,  
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.  
Chùng nào đất dẫy trời thay xác,  
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

Đến ngày 18-8-1925 (01-08-Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các Ngài hỏi rằng: “Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em qua làm thi”. Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời: “Có chị Hồn Liên Bạch, Lục Nương với Nhứt Nương làm thi hay lắm”. Và cô lại thêm: “Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, cầu mới được” (Những lời đối thoại trên đây đều trích trong sách “Đạo Sử Xây Bàn” của Bà Đầu Sư Hương Hiếu)

♦ Ba Ngài vâng ý cô Đoàn Ngọc Quế, ngày cầu, ba Ngài ăn chay.

Đến 25-08-0925 (08-08-Ất Sửu), Đấng A-Ấ-Ấ giảng dạy ba Ngài, vào rằm tháng tám năm đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đến 14 Âm lịch thì Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cho thơ mời các Ngài họa.

### THI

*Rừng tòng ngày tháng thú quen chùng,  
Nhuộm mắt dòm coi thế chuyển luân.  
Rượu cúc một bầu trăng gió hứng,  
Non sông đạo khắp lối đêm Xuân.*

Bài họa của Ngài Phạm Công Tắc như vậy:

## HỌA VẬN

*Cuộc thế lâm than đã quá chừng,  
 Ai là những bậc vẹn Thường Luân?  
 Thiều quang nhặc thúc không chờ đợi,  
 Tế thế an bang phi kiếp xuân.*

Đến 01-09-1925 (15-08-Ất Sửu), tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư số 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài Gòn), giữa nhà lập bàn hương án, chưng các hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Các Ngài mặc quốc phục quì trước hương án cầu nguyện các Tiên Nương dự tiệc. Lễ bái xong, các Ngài cũng ngồi vào bàn tiệc. Bà Nguyễn thị Hiếu (tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu) gấp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là thể pháp tượng trưng cho bí pháp của Đạo Cao Đài, mà hàng năm về sau đến ngày tháng này đều tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung do Hiệp Thiên Đài chủ trì.

Sau đó các Ngài xây bàn, Đấng A-Ă-Â giảng cho bài thi và Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương mỗi vị đều giảng cho một bài, mà ngày nay hàng năm thài để hiến lễ (Xem Công Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật cùng soạn giả)

## PHẬT MẪU

*Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc thiên,  
 Thiên thiên cửu phẩm đắc cao huyền,  
 Huyền hư tác thế Thần Tiên nữ,  
 Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên.*

## NHỨT NƯƠNG

*Hoa thu ủ như màu thẹn Nguyệt,  
 Giữa thu ba e tuyết Đông về.*

*Non sông trải cánh Tiên lòe,  
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.*

**NHỊ NƯƠNG**

*Cầm tú văn chương hà khách đạo?  
Thi Thân, tửu Thánh vấn thùy nhân?  
Tuy mang lấy tiếng hồng quân,  
Cánh Tiên còn mển, cỡi trần anh thư.*

**TAM NƯƠNG**

*Tuyển Đức năng hành đạo,  
Quãng trí đắc cao quyền.  
Biển mê lắc lẻo con thuyền,  
Chở che khách tục Cửu Tuyển ngăn sông.*

**TỨ NƯƠNG**

*Gấm lót ngô chưa vừa gót ngọc,  
Vàng treo nhà ít học không ưa,  
Đội trang nho sĩ tài vừa,  
Đằng giao khởi phụng chưởng giữa Tiên thi.*

**NGŨ NƯƠNG**

*Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp,  
Tuyệt trong ngân khó phép so thân.  
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,  
Đài sen mấy lượt gió Thần đưa hương.*

**LỤC NƯƠNG**

*Huệ ngào ngạt đưa hơi vò điệu,  
Đứng tài ba chưởng thiếu tú phong.  
Nương mây như thả cánh hồng,  
Tiêu Diêu phát phướn cỡi tòng đưa Tiên.*

### THẤT NƯƠNG

*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi,  
Nhân từ tái thế tử vô ưu.*

*Ngày Xuân gọi thế hảo cừ,  
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

### BÁT NƯƠNG

*Hồ Hồn hoa Sen Trắng nở ngày,  
Càng gần hương đẹp lại càng say.*

*Trêu Trăng bằng thoi dấu may,  
Cột mây tranh chúc Phật đài thêm hoa.*

### CỬU NƯƠNG

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,  
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.*

*Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,  
Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương.*

Nhờ mười bài thi trên mà ta biết tên, phong cách và việc làm của Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương (Xem Công Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật cùng soạn giả)

♦ Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, ngày rằm tháng 8, là ngày các con nhớ ơn báo hiếu Đức Mẹ, biểu tượng cho Nguồn Sống (*vườn đào là sự trường tồn*) và Nguồn Vui (*ngày lễ anh em tứ phương về sum họp*). Ngày 16-8 âm lịch là ngày Đức Mẹ đãi yến các con (*giờ phát quà cho nhi đồng tại Trai đường*).

Đức Phạm Hộ Pháp giải rõ (15-8 Kỷ Sửu) như sau: “*Cổ pháp định cho các chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bàn Đào, uống được Tiên tửu, mới nhập vô cảnh Thiêng liêng hằng sống*”.

Khi tái cầu, cô Lục Nương (*tức Jeanne d'Arc*) giảng

cho thêm bài (Xem Đại Đạo Sử Cương, Quyển 1) và  
mời Ngài làm thi liên ngâm. Bà xướng:

**1. LIÊN NGÂM I**

*Trót đã đa mang cái nợ đời,  
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.*

LỤC NƯƠNG

*Oằn vai Thần đạo non sông vác,  
Chịu kiếp trần ai gió bụi đời.*

CAO QUỲNH CƯ

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,  
Công danh phú quý nhằm trò chơi.*

PHẠM CÔNG TẮC

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,  
Khó một đôi năm dễ khó đời.*

CAO HOÀI SANG

**2. LIÊN NGÂM II**

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn,  
Buồn vui hai lẽ lấy cho đong.*

LỤC NƯƠNG

*Cân đai tuế nguyệt trêu hồn bướm,  
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

CAO QUỲNH CƯ

*Chiếc bách đập dôn dòng bích thủy,  
Phồn hoa mờ mịt giấc Huỳnh lương.*

PHẠM CÔNG TẮC

*Bờ dương chờ đặng phong trần rảnh,  
Quả gánh thơ đèn đạo bốn phương.*

CAO HOÀI SANG

(ĐẠO SỬ XÂY BÀN TÂY NINH 1967, TRANG 16)

## THU

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,  
 Mờ mịt vườn xuân điểm sắc thu.  
 Gió dây xao trời mây cuốn ngọc,  
 Sương lồng ướt đất liễu đeo châu.  
 Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,  
 Thơ ngọc trao gương đậm vẽ lâu.  
 Non nước điều hiu Xuân vắng chúa,  
 Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.*

LỤC NƯƠNG

Nhờ tình thân mật đó, Lục Nương cho biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì Cung.

Đêm 14-9-1925 (29-8-Ất Sửu), khi xây bàn, Đấng A-Ấ-Ấ giáng, ba vị hỏi sao lâu quá không đến. Ngài đáp rằng vì tiết lộ thiên cơ cho ba vị, nên bị Ngọc Hư bắt tội. Ba Ngài phải lập hương án giữa trời để chịu tội thay cho Đấng A-Ấ-Ấ. Đến ngày rằm tháng 9 năm đó Đấng A-Ấ-Ấ giáng cho một bài thi:

## THI

*Một tòa Thiên Các ngọc lâu lâu,  
 Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.  
 Vạn trượng then cài ngăn Bắc Đẩu,  
 Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào.  
 Chư Thần lóa mắt màu thường đổi,  
 Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.  
 Đời đổi chớp giăng doanh đồ nổi,  
 Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

Qua đến 04-11-1925 (18-9-Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du đến thăm Ngài Phạm.

Công Tắc, nhân đó quý Ngài xây bàn hỏi các Đấng về tương lai tổ quốc, được Đức Nhân Âm giáng cho bài Thập thủ liên hoàn, mà bốn câu nhập đề, bài đầu và bài cuối như sau:

**NHẬP ĐỀ**

*Thi họa vừa khi bước hững nhàn,  
Vòng trần luân chuyển luống lo toan.  
Cày mây cuốc nguyệt, chờ Thang Võ,  
Rằng biết cho dân chịu buộc ràng.*

**BÀI ĐẦU**

*Buộc ràng túng thiếu cả năm châu,  
Trị loạn vẫn xây cuốc bễ dâu.  
Phép nước đòi cơn mây gió thắm,  
Nghiep nhà lắm lúc nước non sâu.  
Thương nhân để dấu noi người trước,  
Hiệp chủng làm gương dắt lũ nhau.  
Cá chậu chim lồng chi dễ chịu,  
Rừng xưa bến cũ thành thời dâu?*

**BÀI CUỐI**

*Ăn nằm nín nấp đợi Chơn Quân,  
Ta quyết sẽ cho kẻ hạ trần.  
Nắm mỗi xa thơ ra sức gánh,  
Thâu giếng xã tắc sửa đầu cần.  
Thái bình trăm họ nhìn chơn Chúa,  
Thạnh trị năm châu trở trí thân.  
Độc lập gần ngày vui sắp đến,  
Bỏ cơn đất Việt chịu tam phân.*

**NHÂN ÂM ĐẠO TRƯỞNG**

Mười bài thập thủ liên hoàn này gây xôn xao trong



giới cách mạng lúc bấy giờ. Một số nhà ái quốc đến nhờ ba Ngài xây bàn để hỏi việc nước, được Tả Quân Lê Văn Duyệt giảng bàn cho thi:

1.

*Đã ghe phen phần khởi can qua,  
Thuộc địa trách ai nhượng nghiệp nhà.  
Trăm họ than van nài bọc lại,  
Ba Kỳ uất ức phép Tây tà.  
Xa thơ biếng trể rời vương thất,  
Nam đánh hầu thay sáng quốc gia.  
Ách nước nạn dân gần muốn mãi,  
Hết hồi áp chế tới khi hòa.*

2.

*Khi hòa tùy có chí đồng thanh,  
Vận nước nên hư cũng bởi mình.  
Tội giặc lắm người xô vũ trụ,  
Lòng trung mấy kẻ xót sanh linh.  
Đường dài chớ nệ ngàn công gắng,  
Bước nhọc đừng nao một dạ thìn.  
Đồ sộ giang sơn xưa phủi sạch,  
Trông vào tua vện nổi đỉnh ninh.*

TẢ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

Ngài Cao Hoài Sang bạch với Đức Ngài: “Trong tình thế hiện tại, các nhóm Cần Vương đất Việt có nên họp nhau đứng dậy làm cách mạng để thoát ách nô lệ chăng?”. Đức Ngài Lê Văn Duyệt trả lời bằng bài thi:

*Mạnh yếu hai đảng đã hiển nhiên,  
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên.  
Dần lòng ẩn nhẫn xem thời thế,  
Đừng vội gây nên cuộc đảo huyền.*

Việc xây bàn của các Ngài lan rộng trong quần chúng, kẻ hiểu kỳ đến xem cho biết, người không tin muốn đến thử coi chân giả. Một Phật tử hỏi Đấng A-Ă-Ă làm thế nào để phân biệt thiệt giả. Đấng A-Ă-Ă nhíp bàn cho thi:

*Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường,  
Chẳng để mũi gần chẳng biết hương.  
Hiển ngộ rủi sinh đời bạo ngược,  
Dầu trong Thánh đức cũng ra thường.*

Ngài Phật tử đó hỏi tiếp: “*Làm sao biết được chánh tà?*”. Đấng A-Ă-Ă đáp:

*Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà,  
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra?  
Sao ra Tiên Phật người trần tục,  
Trần tục muốn thành phải đến Ta.*

Cũng hôm ấy (14-11-1925), ông Nguyễn Trung Hậu (sau đặc phong Bảo Pháp) đến hầu đàn được Đấng A-Ă-Ă cho thi:

*THUẦN văn chất ĐỨC rất tài cao,  
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.  
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,  
Gặp thời búa Việt, giục cờ Mao.*

Và cho ông Phạm Minh Kiên cùng ông Lê Thế Vĩnh (sau đặc phong Tiếp Thế) chung một bài như vậy:

### THI

*Một viết với thân giữa diễn đàn,  
Bằng xưa trước giặc vạn binh lang.  
Đạo Đời ví biết Đời là trọng,*

*Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.*

*A-Ă-Â*

Nhờ điểm danh đúng bút hiệu Thuần Đức của ông Nguyễn Trung Hậu và chỉ đúng nghề nghiệp của hai ký giả Lê Thế Vinh và Phạm Minh Kiên, các ông mới chịu làm môn đệ Đấng A-Ă-Â.

Về sau có người hỏi ông Nguyễn Trung Hậu rằng: “Các ông đều học khá hơn ông Phạm Công Tắc, sao mà phục ổng dữ vậy, tôi tiếp chuyện ổng thấy ổng đâu có gì xuất sắc?”. Ông Nguyễn Trung Hậu đáp: “Ông nói có phần đúng. Lúc bình thường, con người ấy cũng mang thi phạm xác thịt như chúng ta. Có điều con người ấy khi người linh Hộ Pháp nhập vào ông ta rồi, không ai có thể sánh nổi. Tôi đâu phải là kẻ cả tin hay mê tín. Một lần đã chứng kiến ổng chấp bút viết một mạch 24 trang giấy mà không sửa một chữ nào. Là một nhà thơ mà tôi cũng không làm được việc ấy, hỏi sao tôi không tin có Thần Linh nhập điển quang cho ông Phạm Công Tắc”. Đến 27-11-1925 (12-10-Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du bị bắt, Ngài Phạm Công Tắc lo cho số mạng của ông ấy nên xây bàn hỏi các Đấng. Ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao, bạn văn thơ thuở còn sinh tiền với thi sĩ Thuần Đức, giảng bàn cho biết:

*Tử sanh dĩ định tự thiên kỳ,*

*Tái ngộ đồng hoan hội nhứt chi.*

*Bắc Ngụy Quan Vân tâm mộ hữu,*

*Giang Đông kháng thụy lụy triêm y.*

**QUÍ CAO**

Đến 12-12-1925 (27-10-Ất Sửu), Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng dạy: “Mùng 1 tháng 11 này, tam vị đạo hữu

*vọng thiên cầu đạo*". Các Ngài không biết phải làm thế nào. Ngày hôm sau ba Ngài cầu Thất Nương để hỏi: "*Thất Nương dạy đùm Cầu Đạo là gì?*". Thất Nương đáp: "*Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A-Ã-Ã*". Ngày sau nữa, các Đấng có giáng bàn, ba Ngài hỏi thì cũng được đáp: "*Không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông A-Ã-Ã. Ngày 30-10-Ất Sửu (15-12-1925) tam vị phải vọng thiên cầu đạo, tắm gội cho tinh khiết ra qui giữa trời cắm chín cây nhang mà vái rằng: "Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn giữ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh"*".

Tịnh tâm qui tàn hết ba cây nhang mới vào, rồi đến nhà ông Tý mượn Đại Ngọc Cơ, Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho bài thi nhiều ẩn ngữ:

*Vọng niệm phân thù sự sự phi,  
Cá lý thiên tâm thường thế nhĩn.  
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu,  
Quân vấn thiên tâm mạc tri tường.*

Các Ngài không rõ nghĩa, nên cầu Đức A-Ã-Ã giải nghĩa. Đức A-Ã-Ã giải thông như vậy: "*Đức Cao Đài Thượng Đế muốn nói tam vị chưa đủ đức tin về Ngài, nên hỏi gạn lại, Tam vị phải nghĩ cho thấu*".

Đức A-Ã-Ã cho thi dạy Đạo:

*Cứ níu theo chân Đức Thượng Hoàng,  
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.  
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,  
Vịn lấy cành dương hưởng đạo nhân.*

Thế là việc xây bàn đến đây chấm dứt và việc cầu

cơ bắt đầu để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là thời dẫn dắt vào đường Đạo đã hết.

Khi ba Ngài vọng thiên cầu Đạo ngoài đường kẻ qua người lại dập diu, nào xe cộ lượn qua, nào người đi coi hát về, họ hiểu kỳ dùng chân lại coi ba Ngài cúng vái ai mà quì ngoài sân. Bồng đầu có thi sĩ Bồng Dinh (*tức Giáo Sĩ*) đến vịn cái bàn chỗ ba Ngài quì mà ngâm thi. Mọi người càng đến coi đông hơn. Nhưng các Ngài cũng tâm nguyện chờ cho 9 cây nhang tàn mới vào nhà, đoạn thiết đàn cầu cơ.

Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng viết:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam phương”.*

### THI

*Thiên đàng nhưt thế biển Lô âm,  
Tận độ nhờn sanh thoát tục phàm.  
Chánh Giáo phát khai thiên thế mỹ,  
Thâu hồi hiệp nhưt Đạo kỳ tam.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Các Ngài không thông suốt được bài thi nên thỉnh Đấng A-Ấ-Ấ xin giải nghĩa, được giải như vậy:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế là Trời, viết là dạy rằng, Cao Đài chỉ Nho Giáo, Tiên ông chỉ Đạo Giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Thích Giáo, giáo đạo Nam phương là dạy Đạo ở phương Nam”.*

Việc Cao Đài Thượng Đế giảng cơ lập Đạo qui Tam Giáo làm cho bậc tri thức và giới tu sĩ bàn tán. Cụ Yết Ma Luật quyết đến đàn cơ thử coi hư thực. Cụ viết sẵn một bài thơ ở trong túi áo và xin họa vận như vậy:

*Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,  
Đời cùn Tiên Phật giáng phàm gian.  
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,  
Chính thật ta đây Đấng Ngọc Hoàng.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Cụ Yết Ma Luật bá phục, xin theo Đạo và đưa bài thi mà ông đã viết như sau:

*Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,  
Có đâu Tiên Phật giáng phàm gian.  
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,  
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.*

YẾT MA LUẬT

Ông Phan Khắc Sửu tuy có dự đàn, nhưng vẫn không tin, nên làm một bài thơ rồi đốt mà không khẩn vái gì cả. Dù đang giảng dạy chư môn đệ, Đấng Cao Đài ngưng cơ họa liền:

*Cơ trời khó tỏ hỏi con ơi,  
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.  
Bồi luyến mỗi thơm, cam cá chậu,  
Vì ganh tiếng gáy, chịu chim lồng.  
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,  
Đất dậy phong ba cứ vững lòng.  
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,  
Tu mà cứu thế dễ như không.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Nhận được bài họa, chánh khách Phan Khắc Sửu chịu làm đệ tử và đọc lại bài của ông, hai câu đầu cổ ý gieo lạc vẫn như vậy:

*Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ơi,*

Linh hiển sao không cứu giống nòi.  
 Trăm họ điều linh thân cá chậu,  
 Muôn dân đồ thán phận chim lồng.  
 Coi nòi diệt chủng càng đau dạ,  
 Thấy cảnh vong bang bắt nã lòng.  
 Ấch nước nạn dân như thế đấy,  
 Ngồi mà đạo đức có yên không?

PHAN KHẮC SỬU

Ngày 19-12-1925 (4-11-Ất Sửu), sau khi thiết bàn,  
 Đức A-Ấ-Ấ giảng cho một bài thi:

Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài,  
 Bồi đức ngày xưa có buổi nay.  
 Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc,  
 Giữ lòng tu tánh chớ đờn sai.  
 Đức Minh Nguyệt Tiên Ông dạy tiếp:  
 Chẳng quản đồng tông mới một nhà,  
 Cùng nhau một Đạo tức cùng cha.  
 Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,  
 Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.

MINH NGUYỆT TIÊN ÔNG

Đêm 20-12-1925, Đấng A-Ấ-Ấ giảng dạy:

THI

Hảo Nam bang, hảo Nam bang,  
 Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.  
 Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,  
 Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.  
 Thi ân tế chúng thiên tai tận,  
 Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.  
 Chí bửu nhưn sanh vô giá định,

*Năng tri giác thế sắc cao ban.*

Cơ gõ cho tiếp bài:

*Có cơ, có thế, có tinh thần,*

*Từ đây Thần Tiên dễ đặng gần.*

*Dưỡng tánh tu tâm tua gắng sức,*

*Ngày sau toại hưởng trọn thiên ân.*

Ông Phan Khắc Sửu hỏi: “Thưa Ngài, Đấng Cao Đài Thượng Đế có dạy: Tu mà cứu thế dễ như không, nhưng trước sự lầm than của dân tộc, xin Ngài dạy phương pháp dứt khổ”.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thay Thầy giảng cho mười bài Thập thủ liên hoàn mà bài chót như vậy:

*Nhà ta có tiếng giống anh phong,*

*Vẻ đẹp trời đông sắc Lạc Hồng.*

*Nam hải trở nhiều tay Thánh đức,*

*Giao châu sanh lắm mặt anh hùng.*

*Tinh trung lửa thét thành Bình Định,*

*Khí liệt gươm đề tỉnh Quảng Đông.*

*Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,*

*Chi cần dị chủng đến dân công.*

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Đến ngày 21-12-1925 (6-11-Ất Sửu), nhân Thất Nương giáng đàn, một người hỏi rằng: “Thưa Tiên Nương, mấy năm qua buôn bán lỗ lã, tôi định đổi nghề, xin Tiên Nương chỉ giúp”. Thất Nương giảng dạy rằng:

THI

*Hồ thỉ vầy vùng đáng phận trai,*

*Trời chiều nay đã rạng cân đai.*

*Cành Nam mến đặng người tên tuổi,*



*Đất Bắc mừng an bước lạc loài.  
 Lộc nước gặng đền ơn chín tháng,  
 Nợ nhà tua vẹn gánh hai vai.  
 Qui điền có lúc phong trần rảnh,  
 Đình sắc một lòng chí chớ lay.*

THẮT NƯƠNG

Người thương khách giả ấy được thơ vội chấp tay xá, vì ông ấy vốn là một cựu thân nhà Nguyễn đang đi bôn ba kết nạp Cần Vương.

Cũng nên biết, không phải người ngoài nghi ngờ lòng tin mà ngay cả Ngài Cao Hoài Sang lúc đầu cũng rất thận trọng. Ngài có làm một bài thi tự thuật cho các thi hữu họa chơi. Rồi cũng xây bàn thỉnh Tiên, vong linh cụ Cao Hoài Ân (*thân sinh ông Sang*) giáng đàn. Ngài Cao Quỳnh Cư thưa rằng: “*Săn dịp anh về đây có bài thơ của Sang, cậy mấy anh em tôi họa. Vậy anh họa chơi luôn thể*”. Ông Cao Quỳnh Diêu tiếp lời mà nói rằng: “*Anh đề thi mà khuyên dạy nó và lấy vận voi, mò, còi, roi, thoi của bài Từ Thứ Qui Tào mà họa lại*”. Chơn linh cụ Cao Hoài Ân cho thi:

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,  
 Vận thối hẳn nên đã thấy mò.  
 Vườn cúc hôm nay muôn cụm nở,  
 Rừng tòng buổi trước một cây còi.  
 Hồng nương dậm gió chi sồn cánh,  
 Ngựa ruỗi đường mây khó nhọc roi.  
 Nín năm chờ qua cơn bi cực,  
 Thìn lòng chúng có lượn đôi thoi.*

Vì có nhiều vị chưa vững đức tin, đêm mùng 8-11-Ất Sửu (23-12-1925) Lục Nương giáng giải đáp thắc mắc

cho các Ngài. Sở dĩ chỉ có Thất Nương, Lục Nương và Bát Nương thường giáng đàn là vì các Tiên Nương khác có nhiệm vụ riêng. Sau có Huệ Mạng Trường Phan (thầy tu trên núi Bà Đen) giáng:

1.

*Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vầy,  
Nào dè có đặng buổi hôm nay.  
Gìn lòng tu niệm cho bền chí,  
Bồng Đảo ngày mai đặng hiệp vầy.*

2.

*Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn,  
Chẳng quản mùi trần thiết với hơn.  
Trăm đặng ngàn cay đành một kiếp,  
Công hầu vương bá dám đâu hơn.*

“Xin chú vị gắng tu, thấp thôi như tôi, nhờ trọn tin Trời Phật, còn được ân hưởng Huệ Mạng Kim Tiên; hướng hồ chơn linh cao trọng như quý vị, nếu chịu tu ngày sau phẩm vị nơi Thiên đình còn đến mức nào”.

Lời báo tin may của Huệ Mạng làm cho các ông nửa mừng nửa sợ, nên đêm sau thiết đàn để thỉnh Đấng A-Ă-Ă về giáng dạy. Lục Nương giáng đàn báo phải chỉnh đàn nghiêm để rước Đấng Cao Đài Thượng Đế.

### BÀI I

*Trước vốn thương sau cũng thương,  
Một lòng như đức giữ cho thường.  
Trông ơn Thượng Đế trên cao rộng,  
Sum hiệp ngày sau cũng một trường.*

### BÀI II

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,*

Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

“Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe)”.

“Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này (nhà ông Cư) sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”

Nên biết thuở đầu, việc xây bàn cầu cơ phần lớn thiết lập ở nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, vì thế khi đi làm việc về, Ngài Phạm Công Tắc thường ghé luôn ở đây ăn cơm xong rồi cầu cơ thỉnh Tiên. Các Ngài muốn mau biết việc Thượng giới nên đi làm việc chỉ mong mau tối để về thiết đàn.

Cũng đêm hôm ấy Đức Lý Thái Bạch giáng đàn cho thi:

Đường trào hạ thế hưởng tam quan,  
Chẳng vị công danh chỉ hưởng nhàn.  
Chén rượu trăm thi đời vẫn nhắc,  
Non Tiên vạn kiếp thế chưa tàn.  
Một bầu nhật nguyệt say ngơ ngáo,  
Đầy túi thơ văn đồ chứa chan.  
Bồng đảo còn mơ khi múa bút,  
Tả lòng thế sự vẽ giang san.

Tiên ông Đỗ Mục gõ cơ họa lại:

Chẳng kể công danh bỏ ấn quan,  
Bồng lai vui Đạo hưởng thanh nhàn.

*Thi Thân vui hứng ngoài rừng trước,  
Rượu Thánh buồn sang dưới cội tàng.  
Nồng hạ Trời thương đưa gió quạt,  
Nắng thu đất cảm đổ mưa chan.  
Vân du thế giới vui mùi Đạo,  
Mời viếng Kỳ Sơn tối Cẩm San.*

Bà Lục Nương Diêu Trì Cung mừng tam vị:

*Vui hơn, vui Đạo, lại vui Thiên,  
Vui một bước đường, một bước yên.  
Vui bóng Cao Đài che khắp chốn,  
Vui gương Ngọc Đế thấy như nhiên.  
Vui ngàn thế giới rần như tự,  
Vui một màu thiên đống cứu tuyền.  
Vui vớt sanh linh nơi bể khổ,  
Vui Trời rưới khắp đủ ân Thiên.*

Cuối cùng Đức A-Ă-Â dạy tam vị:

“Hay lắm! Chỉ trông cho ba vị đi càng ngày càng vững trên đường Đạo”.

## 2.- TIÊU NGŨ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

**D**ÊM 31-12-1925 (15-11-ẤT SỬU), ĐĂNG A-Ă-Â GIÁNG DẠY:

“Ba con thương Thầy lắm há?

“Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ă-Â như thế nào chưa? Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế lớn nhất như vậy có thể hạ mình bằng A-Ă-Â chăng?”

“*A-Ã-Ā là Thầy.*

“*Thầy đến với các con thế ấy, con thương Thầy không?*

Cao Quỳnh Cư bạch: “*Thầy nhưn-sanh chưa rõ sự huyền-diệu của Thầy, họ nói phạm thượng, ba con bình vực Thầy, ba con cãi vả với họ.*

“*Thầy biết... Cười...*

“*Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.*

“*Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự cao kỳ ấy.*

“*Sự nhân đức của Nhất Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học sự nhân đức của Nhất Nương.*

“*Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.*

“*Sự kính nhường, ba con bằng Cửu Nương chẳng? Phải học.*

“*Phải học tình nhân ái, trung tín, cứu giúp. Ba con có đặng như Cửu Thiên Nương Nương (tức Đức Phật Mẫu) chẳng? Phải học gương.*

“*Hạ nguơn tận diệt, Thầy sai Thân, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đũa giỡn với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** cứu vớt chúng sanh”.*

Tuyên ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến nay mới được khai chúng. Năm 1920, Đấng Thượng Đế đến dạy Đạo Ngài Ngô Văn Chiêu ở Phú Quốc chỉ xưng là Cao Đài Ngọc Đế, nhiều người lầm tưởng Đại Đạo Tam Kỳ

Phổ Độ phát xuất từ Phú Quốc. Trong “Đại Đạo Căn Nguyên” của Nguyễn Bảo Pháp xác định rõ ràng: “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Sài Gòn. Trước kỳ Khai Đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ nhiều chỗ đặng cảnh tỉnh nhơn tâm, cùng để lời tiên tri rằng Đại Đạo hoằng khai. Như đàn tại Miếu Nổi (Bến Cát, Gò Vấp, Gia Định) đêm 17-6 năm Quý Hợi (30-7-1923), Tào Quốc Cựu Đại Tiên giáng cơ dạy như vậy:

“Khá rán luyện Đạo kéo uống, vì Đạo là món báu trong trời nên mới gặp Đạo mở kỳ ba. Hữu duyên đắc ngộ Tam kỳ độ”.

Đàn tại Đất Hộ (chùa Ngọc Hoàng Đa Kao), đêm 22-7 năm Quý Hợi (02-10-1923), Huệ Quang Đại Đế giáng cơ như vậy:

HUỆ phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,  
QUANG minh từ hướng thượng Tam Tài.  
ĐẠI phúc Kim đơn thần đắc ngộ,  
ĐẾ quân giáng hạ nhữ vô tai.

Xem thế, “Tam Kỳ Phổ Độ” lập giữa chợ Sài Gòn. Đó là lối tu chợ hay tu tâm. Tu giữa chợ mới gọi là “đại ần ần thành thị” hay “Nhất tu thị, nhị tu sơn”. Cách tu, lối tu theo thời cuộc mà biến đổi cho phù hợp với đời. “Thời còn ăn lông ở lỗ, hang núi là nơi ở thiên nhiên nên con người chọn lối tu núi tức tu Tiên (Đức Ngô Minh Chiêu hành đạo Vô-vi ở núi Phú Quốc). Khi con người biết quần tụ cất nhà để ở thì nảy ra lối tu chùa. Người sanh đẻ càng ngày càng đông giành giết nhau từ miếng ăn manh áo. Khổng Tử kêu gọi con người phải giữ Bát Điều Mục, sinh ra lối Tu Tế của Nho Giáo. Xã hội

ngày càng tiến bộ, chỗ nào cũng có người, chỗ nào cũng có chợ thì có lối tu chợ tức tu tâm. (Đạo Tâm). Xét qua quá trình các phương pháp tu: từ tu núi, tu chùa, tu tế, tu chợ, chắc chắn tu chợ là lối tu khổ luyện nhất”. (Xin xem “Ngôi Thờ Đức Chí Tôn” cùng người viết)

Những điều vừa trình bày trên, không thể nào nói cơ Phổ Độ thoát thai từ bên Vô-vi. Và cũng không thể nói: “Một Thánh Thất (tức Trước Lý Minh Đài, nhà của Chưởng Nghiêm Pháp Quân Nguyễn Phát Trước) thuộc phần Phổ Độ để các môn đệ bên Vô-vi giữa Thánh ý truyền Bí pháp lại cho hàng đệ tử thiện căn”(Đồng Tâm, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Sai Gòn, Cao Hiền 1972, trang 113). Vì chính Thánh Thất này khai sinh quyền Đại Thừa Chơn Giáo (1936), sau khi Đức Ngô Minh Chiêu qui vị ba năm. Thế thường người ta phân biệt Vô-vi, Phổ-Độ là hai mà quên lời dạy của Đức Chí Tôn “Cùng nhau một Đạo tức một Cha”. Chẳng lẽ Vô vi mà không Phổ-Độ, Phổ-Độ theo kiểu Vô-vi chớ! Còn Phổ-Độ chẳng lẽ không tịnh luyện. (xem đoạn sau, Đức Chí Tôn dạy các ông Cư, Tắc... tịnh luyện) nhưng phần phổ độ chúng sanh theo tuyên ngữ “Đại Ân Xá” vượt trội hơn mà thôi. Vô vi và Phổ-Độ song hành như lẽ trời đất phải có Dương Âm: “Thầy lập Bát Quái (có quả Càn Khôn ở trên) mà tác thành Càn Khôn thế giới”(Xin xem “Lý Giải Quả Càn Khôn” cùng người viết). Có Âm Dương mới sanh sanh hóa hóa. Nhờ đó mà Đạo mới truyền tới thất ức niên đặng”. Đức Cao Đài Tiên Ông (biểu tượng phần Dương) diu dẫn Đức Ngô Minh Chiêu thờ Thiên Nhân. Đức Phật Mẫu và Cửu Nương (biểu tượng phần Âm) độ dẫn nhóm Cao Phạm vào Đạo. Điều đó là một tiên tri quá hiển nhiên. Nói

theo Dịch Lý, trong Âm có Dương và trong Dương có Âm. Khi gọi là Dương vì Dương trội hơn Âm và khi gọi là Âm vì Âm nhiều hơn Dương có thể thôi. Nói rõ hơn, khi gọi là Vô-vi vì lo Vô-vi nhiều hơn. Phổ-Độ và khi gọi là Phổ-Độ vì lo việc hoằng Đạo nhiều hơn tịnh luyện, chớ không phải không có tịnh luyện. Đạo Cao Đài là bao la đại đồng, nếu không thấy được đại đồng mà chỉ thấy tiểu dị thì làm sao gọi là Đại Đạo. Đạo đã truyền bao nhiêu thập niên mà người Đạo lẽ nào chưa thông lý tưởng Đại đồng?

Các Ngài lúc bấy giờ, chưa rõ mỗi Đạo lớn là thế nào và Giáo lý ra sao hay lấy Giáo lý các Tôn Giáo đã có.

Thế nên, đêm 02-01-1926 (18-11-Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy:

*“Cư Tắc hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dặn hai con một điều: nhứt nhứt phải đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy ý tứ riêng mà phán đoán nghe.*

*Phận sự hai con, trách nhiệm hai con Thầy đã định trước, song ngày giờ chưa đến, phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo”.*

Ngày 02-01-1926 là ngày lịch sử trong khoảng đời tâm linh của Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư, vì từ đây Đức Chí Tôn mới thật sự dạy Đạo cho các Ngài. Vì vậy các Ngài gặp điều gì khó khăn thì triệu hỏi các Đấng Thiêng liêng. Đêm mồng 4 tháng đó, Đức Chí Tôn giảng cơ quả rằng:

*“Thầy đã nói A-Ấ-Ấ là Thầy, Diêu Trì Cung là Cung Diêu Trì, các Thánh đều có quả đó là những Đấng Thầy lựa sai đến dạy dỗ mấy con, đừng triệu thường vì mỗi vị đều có phận sự riêng.*



*Chư Tiên và chư Thánh đều có quả, song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều gì học hỏi”.*

Đến ngày 9-1-1926 (25-11-Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến đường Quai Testard (Chợ Lớn) độ ông Lê Văn Trung, Ngài Phạm Công Tắc có vẻ không bằng lòng vì:

*“Buổi nọ, ông Lê Văn Trung đang làm Thượng Nghị Viên, Hội đồng Thượng Nghị Viện thời Pháp lớn lắm. Ông là người Nam duy nhất làm đến bậc đó thôi. Ông là người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm (tức ông Cao Quỳnh Cư) không hạp chút nào. Tôi kỵ hơn hết, nhứt định không làm điều đó được. Một ông quan trong thời mất nước không thể tả hết”.*

*“Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ. Mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà chúng tôi thú thật với Ngài rằng: “Chúng tôi được linh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo”. Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi (Vì vào khoảng tháng 5 - Ất Sửu (tháng 6 - 1925), tại chợ Gạo (Chợ Lớn) nơi nhà Nguyễn Bá Vân có thiết đàn thỉnh Tiên, ông Nguyễn Hữu Đắc có đưa ông Lê Văn Trung đến hầu đàn nhiều lần. Khi Đức Lý độ ông Trung ngộ đạo thì mắt ông sáng lại. Đàn Chợ Gạo từ đó bị bế. Nghĩa là dù ai có cầu các Đấng vẫn không giảng.). Lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi phò loan, rồi bắt ông nhập môn.*

*“Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi. Hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, vái rồi cầu cơ. Khi phò loan thẳng nhỏ ngủ, ông*

thì thức. Cơ chạy hoài. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin có Đức Chí Tôn.

- *(Theo bài thuyết Đạo đêm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp)*

Thật ra, nội dung của đàn cơ là Đức Cao Đài cho Ngài Lê Văn Trung biết, chính Ngài đã truyền lệnh cho Đức Lý độ dẫn ông nơi Đàn Chợ Gạo. Đức Chí Tôn dặn rằng: “*Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy và thác cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy*” (Theo Đại Đạo Căn nguyên của Nguyễn Bảo Pháp, 1930)

◆ Dù đã theo học Đạo với Thầy-Trời, nhưng tấm lòng thương dân yêu nước vẫn chưa nguôi. Khi chính quyền Pháp đàn áp các phần tử ái quốc, dòng máu cách mạng của Ngài lại bùng sôi. Bà Thất Nương giảng cơ đêm 27-01-1926 (13-12-Ất Sửu) khuyên:

*“Em xin quý anh coi lại đời là thế nào? Bông Phù-dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con người. Vì nó sống ngắn ngủi nhường ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc; chớ đời người sanh ra chỉ để khổ mà thôi, dù sống trăm tuổi chưa một điều đắc chí, rồi chết. Cái đời đúng là một khổ hải.*

*Em xin quý anh coi sự trường sanh của mình làm trọng, người không có phải kiếm cho có, mình có sẵn nở bỏ đi. Em tiếc dùm đó thôi.*

*Đã vào đường chánh, cứ dò theo đó bước tới hoài thì trở về cựu vịặng”.*

Từ lúc chấm dứt việc xây bàn thay vào phò cơ thì hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc làm đồng

tử, nên tất cả những bài từ trước của các Đấng giảng cho đều do cặp cơ nguyên thủy này viết ra. Vì vậy Ngài Cao Hoài Sang thấy mình hơi thừa, rồi lần lần ít chịu đi hầu đàn. Các Ngài mới xin Đấng Cao Đài để lời dạy bảo. Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng rằng:

*“Nó thật thừa, vả lại nó còn mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn, các con chỉ cho Thầy coi?”*

Các Ngài đã thọ làm môn đệ Đấng Cao Đài đã lâu nhưng chưa thờ vì chưa biết cách thức thờ thế nào, nên mới xin dạy cách thức để thờ, thì Đấng Cao Đài Thượng Đế dạy: *“Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con”*. Vâng lệnh Đấng Cao Đài, các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến nhà ông Ngô Văn Chiêu ở số 110 đường Bonnard (nay là Lê Lợi, Sài Gòn) để quan sát cách thờ. Ngài Ngô Văn Chiêu thờ Thầy rất kỹ, tận trên cao và ngay chính giữa nhà thật kín đáo. Có ai đến chơi nhà, khó mà biết được vì ông là người rất dè dặt, không phải là bạn tu thì không bao giờ chỉ dẫn.

Vào năm 1921 lúc làm chủ quận Phú Quốc, một buổi sáng lối 8 giờ, Đức Chí Tôn đã hiện con mắt (*Thiên Nhân*) nhiều lần và dạy Ngài cách thờ. Năm 1924, Ngài đổi về Sài Gòn thì cũng tiếp tục thờ Thầy (*Thiên Nhân*) và tu đơn như trước. Kịp đến khi Đức Chí Tôn chuyển cơ Phổ-Độ cho nhóm Ngài Phạm Công Tắc thì các Ngài đến đây để xem cách thờ phượng về truyền bá trong đạo hữu.

Vì nhà Ngài Lê Văn Trung rộng rãi, ngày 15-12-Ất Sửu, Ngài thượng Thánh Tượng Thiên Nhân có mời các ông Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công

Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Lê Thế Vĩnh v.v.. Đấng Cao Đài giảng cơ dạy:

“Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trang trọng.

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà,  
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.  
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,  
Dạy lẫn cho nhau một chữ hòa.*

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG

### 3.- TÂN PHÁP TU TỊNH

**N** NGÀY 18-12-ẤT SỬU (31-01-1926), ĐỨC CHÍ TÔN DẠY NGÀI PHẠM CÔNG TẮC NGHĨ VIỆC ĐỜI MÀ LO HÀNH ĐẠO: “*Tắc! Có tuân mạng lệnh Thầy chẳng? Con sắp đặt hoàn thành rồi thôi chúc?*” (Đạo Sử quyển 1, trang 46).

Ngày 14-01-1926 (01-12-Ất Sửu), Đức Chí Tôn dạy hai vị Cư Tắc về nội giáo tâm truyền hay thiền định như sau:

Thành tâm niệm Phật,  
Tịnh, tịnh, tịnh, tĩnh, tĩnh.  
Tịnh là vô nhứt vật,  
Thành tâm hành Đạo (pháp).

Bà Thất Nương khuyến khích: “*Em xin hai anh gắng công học Đạo, dưỡng luyện tinh thần, ắt ngày sau*

*đắc Đạo. Coi Bửu vị làm trọng đừng ham luyện hồng trần mà phải đọa”.*

Chỉ bốn câu đã nêu rõ cách tịnh luyện theo Đạo mới: tâm thiện niệm, tĩnh lặng, vô nhất vật và tự hành pháp:

Câu 1 – Tâm thiện niệm: sau khi dâng tam bửu trong tứ thời thì niệm danh Thầy (*Phật trên các Phật*) là đủ. Vì danh Thầy có đủ Tam Giáo. (Xem chương VI, mục 1 và 6)

Câu 2 – Tĩnh lặng: Tĩnh là tâm bên ngoài không xao động, bên trong chẳng so hơn tính thiệt, tức bên trong bên ngoài chẳng loạn là Tĩnh. Khi tịnh giác quan ta vẫn nghe vẫn thấy nhưng phải tĩnh táo để tâm khỏi bị ngoại vật lôi cuốn, mà nghe như không nghe, thấy như không thấy. Nếu tịnh mà tâm viên ý mã là sai.

Câu 3 – Tâm vô nhất vật: nguyên văn câu mà Lục Tổ Huệ Năng được truyền y bát là “*bản lai vô nhất vật*”. Ngài nói “*Tâm vốn là vọng dấy khởi phân biệt là hư giả, nên tịnh chỉ cần không vọng là đủ; không vọng thì động tự lắng xuống, tâm an nhiên tự tánh thanh tịnh*”.

Câu 4 – Tự hành pháp: Tu chơn là tự tịnh luyện một mình sau khi được chơn sư chỉ dẫn. Hành pháp tự tu, tự thành. Biết được tánh giác thường hằng là sắp có ấn chứng Thiêng liêng.

Ngày 16-01-1926, Quý Cao giảng đàn và cho hai vị Cư, Tắc biết: “*Đã từ lâu không dám nói vì em còn phải tu như hai anh vậy. Không dám nói vì hai anh có Thầy, em không dám lộng quyền*”.

Rồi Ngài Quý Cao tặng hai Ngài bài thơ khuyến tu:

*Tu như cỏ úa gặp mù sương,*

*Đạo vốn cây che mát mẽ đường,  
Một kiếp muối dưa, muôn kiếp hưởng,  
Đôi năm mệt nhọc, vạn năm bường.  
Có Thần nuôi nấng Thần càng mạnh,  
Luyện khí thông thương khí mới tường.  
Nhập thể lòng trong gìn tịnh mãi,  
Nguồn Tiên ngọn Phật mới nhằm phương.*

Ngày 27-1-1926, khai đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, Thất Nương giảng dạy tam vị thiên sứ:

*“Em xin quý anh coi lại đời là thế nào? Bông phù dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con người. Vì nó sống ngắn ngủi nhường ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc; chó đời người sanh ra chỉ để thụ khổ mà thôi. Chung qui, dù sống trăm tuổi chưa một điều đắc chí. Chết là hết. Cái đời tạm này sách Phật gọi là khổ hải. Em xin quý anh coi sự trường sanh của mình làm trọng...Đã vào đường chánh, cứ do đó mà bước tới hoài thì trở về cứu vị đặng”.*

Ngài Lê Văn Trung còn nghi ngờ nên hỏi Thất Nương: *“Có duyên luyện đạo cùng chăng? Xin em mách dùm!”.*

Bà Thất Nương đáp: *“Đã gặp đạo đức tức có duyên phần. Rán tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đọa. Liệu lấy răn mình”.*

Đức Lý Thái Bạch cảm ứng khát vọng của Ngài Lê Văn Trung giảng dạy về tâm pháp như sau:

*Có công phải biết gắng nên công (PHU),  
Tu tánh đã xong tới luyện lòng (TÂM),  
Kinh sách đầy đâu chưa thoát tục,  
Đơn tâm khó (THIÊN) định lấy chi mong?*

Hôm sau Đức Chí Tôn dạy thêm nhóm Phổ-Độ:

*Một ngày thôn môn một ngày qua,  
Tiền Phật nơi mình chẳng ở xa.  
Luyện đặng tính thông muôn tuổi thọ,  
Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.  
Cương tỏa đường thời đã giải vây,  
Đừng mơ oan nghiệt một đời này.  
Hữu duyên độ thấu nguồn chơn đạo,  
Tu niệm khuyên bền chí chớ lay.*

Những lời dạy về Tân pháp tu chơn của các Đấng nêu trên đã đánh tan dư luận cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh không có tịnh luyện. Ta có thể kể các tịnh thất: Thảo Xá Hiên Cung (1927), Trí Huệ Cung (1950), Trí Giác Cung (1948), Vạn Pháp Cung (1963), rất nhiều vị tu thành chánh quả. Sở dĩ phần Phổ-Độ lẫn hơn phần Vô-vi là theo Thánh ý “Đại Ân Xá”, phải độ dẫn nhươn sanh trước, có nhươn sanh mới có người tịnh luyện, lần bước vào thời kỳ Đạo tâm như Đức Cao Đài đã tiên khai. Nếu xét về bình diện lịch sử, Tôn Giáo Cao Đài là Đạo trong nước, nên đã mang đậm sắc thái truyền thống Việt Nam về y phục, về nhạc lễ, nhất là Tam Giáo đồng nguyên của thời đại Lý, Trần.

*“Tinh thần dân tộc phát triển trong thế kỷ 13 đã góp phần hình thành tư tưởng Thiên Việt Nam biến chuyển thành Thiên Trúc Lâm”. Tuệ Trung Thượng Sĩ phản đối tọa thiền. “Tư tưởng thân dân đời Trần là muốn giảm nhẹ sự đau khổ của con người trong đời sống thực. Thiên Trúc Lâm tô đậm nét nhân ái, không dẫn đến yếm thế, xa lánh cuộc đời. Đó là Thiên Nhập Thế, điểm rất nổi bật của Thiên Trúc Lâm”*(Hà Văn Tấn,

*Thiên Trúc Lâm, tạp chí Quê Hương số 11, trang 20,21.*)

Bài Thất ngôn Bát cú trên do Đức Chí Tôn ban cho, phản ảnh đầy truyền thống Thiên Trúc Lâm. Đức Chí Tôn còn nhấn mạnh “*Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa*”. Như vậy Thiên trong Đạo Cao Đài là Thiên Nhập Thế, Thiên cơ Phổ-Độ. Nếu cưỡng chế ra ngoài Thiên Nhập Thế có nghĩa là ra ngoài truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

Và lại trong LUẬT TAM THỂ, bà Bát Nương giảng dạy khá rõ ràng về phép tịnh như vậy: “*Đừng lầm tưởng là phải yên tịnh một nơi mới thâm nên kết quả. Máy em tập thể nào mà tâm cho được cái tịnh ở trong cái động thì mới nên đó, bằng chẳng vậy quỉ mị sẽ vừa theo nơi an tịnh riêng mình. Nói rõ cho dễ hiểu hơn là Chơn Thần muốn tịnh lúc nào cũng được, chẳng nề đông, tiếng ồn ào, việc làm bề bộn*”. Rõ ràng bà Bát Nương dạy như sanh về Thiên Nhập Thế:

Đêm 30-12-Ất Sửu (12-12-1926) theo lời dạy của Đức Cao Đài quan phủ Ngô Văn Chiêu đi với hai Ngài Cư, Tắc đến nhà mỗi vị để mừng xuân. Đến nhà ai thì cặp cơ Cư-Tắc phò loan, trước hết là nhà ông phán Võ Văn Sang, sau cùng là Ngài Lê Văn Trung mỗi người đều được một bài thơ tứ tuyệt, mà bài của Ngài Phạm Công Tắc như vậy:

*Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,  
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.  
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,  
Cái của cái công phải trả đồng.*

Khuya mừng một Tết, Đấng Cao Đài giảng dạy: “*Hôm nay là ngày trọng đại, Thầy chính thức khai Đại*



Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cứu vớt 92 ức nguyên nhân đang bị đọa trầm luân:

*Phụng gáy non Nam Đạo trở mòi,  
Trở mòi nhân vật bốn phương trời.  
Trời Âu, biển Á chờ thay sắc,  
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

#### 4.- MƯỜI HAI VỊ CAO ĐỒ ĐẦU TIÊN

**Q**UA ĐẾN MỪNG 9-1 NHĂM VÍA ĐỨC CHÍ TÔN, ÔNG VƯƠNG QUAN KỲ THIẾT ĐÀN TẠI NHÀ RIÊNG Ở SỐ 80 đường Lagrandière (nay là đường Gia Long), Đức Thượng Đế giáng cơ:

*Bầu tòa thơ thới trở thêm hoa,  
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.  
Chung hiệp rón vun nền đạo đức,  
Bền lòng son sắc đến cùng Ta.*

Quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà cho một bài thi. Đức Thượng Đế thuận cho:

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,  
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.  
HẬU ĐỨC TẮC CỬ thiên địa cảnh,  
Hườn minh môn đáo thủ đài danh.*

Bài tứ tuyệt điểm danh 12 vị cao đồ là; Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý,

Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư. Thực tế, lúc đó Đức Cao Đài có tới 13 môn đệ. Trong “*Tiểu sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*” chép là “hai tên Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang, *Thầy điểm chung một tên*” (*Tiểu Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, Sài Gòn 1962, trang 41*). Nếu là 12 thì Đạo đã thành. Chính cái chưa xong số 13 mới biến dịch Đạo truyền tới thất úc niên, giống như trong Kinh Dịch quẻ 63, là Ký Tế (*đã xong*) nhưng đến quẻ cuối 64 là Vị Tế (*chưa xong*).

Đạo đã được Đức Cao Đài lập ra (*câu 1, 2, 3*) là để cứu đời, (*câu 4*) vì các ông Hườn, Minh, Mân là người chưa vào Đạo, nhưng Đức Chí Tôn tiên tri “*đáo thủ đài danh*”, tức sẽ theo Đạo. Đạo lập ra để tận độ chúng sanh và độ đời từ lúc còn “*hoài sanh*” (*trong bụng mẹ*).

Trong bài thi có 12 vị cao đồ (*phần Dương*) cộng ba vị hầu đàn (*phần Âm*) là 15. Số 15 là số đặc biệt của Lạc Thư, cộng chiều ngang, chiều dọc và đường chéo đều là 15. Người Tây phương gọi là Ma Phương (*Carré magique*).

Số 15 là số đồng tử Hiệp Thiên Đài, số đặc biệt vật phẩm dâng cúng Đức Phật Mẫu và số Thái Cực vì số 5 là số sinh cộng với số 10 là số thành thuộc thổ ở trung ương. Xem thế, số 15 là ám chỉ Đạo Cao Đài thờ phần Dương Chí Tôn và phần Âm Phật Mẫu. Đức Cao Đài hàm ý đặt tư tưởng Đạo trên Kinh Dịch. Vì thế, kiến trúc thờ phượng nơi Tòa Thánh, Thánh Thất đều thể hiện Dịch Lý bên trong.

Tuy theo Đạo nhưng các ông vẫn còn ngỡ ngàng trước cách lễ bái, đạo phục, nhất là cách thờ Thiên Nhân. Ngày 12-01-Bính Dần (24-02-1926), Đấng Cao

Đài giảng dạy:

“Thập nhị khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn Khôn thế giới, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy.

“Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng “con mắt” mà thờ Thầy. Song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

*Nhãn thị chủ tâm,  
Lưỡng quang chủ tế,  
Quang thị Thân,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả ngã giả.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh, Khí” đặng hiệp đủ “Tam Bửu” là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh”.

Lần lần khách bàng quang hiểu được chủ đích của Cao Đài Giáo là qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi. Người ta trích điểm lập chi Đạo mới cho thêm khó khăn phiền toái. Đức Cao Đài giảng dạy:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tuy theo phong hóa của nhơn loại mà gây Chánh Giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành Đạo nơi tư phương mà thôi.

“Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà nhơn loại bị nghịch lẫn nhau nên Thầy mới qui nguyên phục nhứt. Lại nữa Thầy giao Thánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà lập ra Phàm Giáo”.

## 5.- THIÊN PHONG HỘ PHÁP VÀ KHAI TỊCH ĐẠO

**D**ẾN NGÀY 25-04-1926 (15-03-BÍNH DẦN) THÌ THIẾT  
LỄ THIÊN PHONG TẠI NHÀ NGÀI LÊ VĂN TRUNG Ở  
Chợ Lớn, Thầy dạy:

“Cư nghe dặn: con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông  
hương cho nó, biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch  
sẽ, ăn mặc như thường, đội nón...”

“Cười...”

“Đáng lẽ nó phải sắm khô, giáp như hát bội, mà  
mặc nó nghèo, Thầy không biểu. “Bắt nó lên đứng trên,  
ngó mặt ngay vô ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp  
mặt nó lại.

“Lịch, con viết một lá phù Giáng-Ma-Xử đưa cho  
nó cầm.

...

“Cả thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quì xuống,  
biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn  
Ngũ-Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt  
Tắc, đặng Thầy trực-xuất chơn-thần nó ra, nhớ biểu  
Đức, Hậu xông hương tay của chúng nó, như em có giựt  
mình té thì đỡ.

“Hai con mặc đồ thường, chùng nào Thầy triệu Ngũ  
Lôi và Hộ Pháp về rồi, Thầy biểu mặc Thiên phục thể  
mới đặng”.

Nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không  
lời tuyên thệ, lời nguyện mà là một cuộc hành pháp  
trực chơn thần. Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để

chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

*Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà,  
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.*

Từ đó Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Đạo Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như chơn linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo (*Nguyệt Tâm Chơn Nhơn*). Ngài được Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về chơn thần của toàn thể đạo hữu. Hôm ấy có các vị được thọ phong là Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp, Ngài Cao Quỳnh Cư được phong Thượng Phẩm, Ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Ngài Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh.

Các vị sau đây được phong vị để phò cơ:

- Đức Hậu phong Tiên Đạo phò cơ Đạo sĩ.
- Cư phong Tá cơ Tiên hạc Đạo sĩ.
- Tắc phong Hộ giá Tiên đồng tá cơ Đạo sĩ.

*Cơ Phong Thánh*, truyền giáo lập Pháp Chánh Truyền, tức là Hiến Chương của nền Đại Đạo lúc bấy giờ và phê-chuẩn bộ Tân Luật.

“Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai ông này vào bực nhứt, trước hết và trên hết, Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai ông này mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai ông thì:

- Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Đâu có Chúc sắc Thiên phong nam nữ.

- Đâu có Hội Thánh và các cơ quan trong Đạo.
- Đâu có Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.
- Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng.
  - (Theo “Đạo Sử Cơ Bút” của Trương Hiến Pháp).

Ngoài cặp cơ Cư-Tắc còn có các cặp cơ: Sang-Diêu, Hậu-Đức, Nghĩa-Tràng, Tươi-Chương, Kim-Đãi, Mai-Nguyên, Mạnh-Phước, Thâu-Vĩnh.

Cầu cơ là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ cơ, tay cầm vào miệng cơ. Một lát sau điển các Đấng giáng nội rồi Ngọc cơ tự động viết ra. Chính vì đó, người ta có thể nghi ngờ người bên trái và bên phải viết ra. Thế nên, cơ bút có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được điều đó.

Nhằm chặn đứng sự lợi dụng cơ bút, Chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập “Hiến Pháp cơ bút” chỉ chấp nhận và thừa nhận cầu cơ nơi Cung Đạo Đền Thánh tại Tòa-Thánh.

Khi cầm quyền Chương Quản Nhị hữu hình Đài, Đức Phạm Hộ Pháp có ra Thánh Lệnh số 21 ngày 22-02-Tân Mão (29-03-1951) có đoạn: “Cơ bút vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phàm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo Đạo đặng, thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng. Vì có mà Đức Chí Tôn đã cấm cơ ‘Phổ-Độ’”.

Dưới đây là danh tánh các Đấng giáng cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ năm Ất Sửu đến khi Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp:

1. Xuất Bộ Tinh Quân,
2. A-Ă-Â,

3. Cửu Vị Tiên Nương,
4. Cửu Thiên Huyền Nữ,
5. Thiên Hậu,
6. Liên Huệ Tiên,
7. Đại Tiên Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký,
8. Nhân Âm Đạo Trưởng,
9. Quan Thánh Đế Quân,
10. Thần sơn quan Diệu Võ Tiên Ông,
11. Đỗ Mục Tiên,
12. Minh Nguyệt Tiên Ông,
13. Bách Nhân Đại Tiên,
14. Thánh Pierre,
15. Huệ Mạng Trường Phan,
16. Tả Quân Lê Văn Duyệt,
17. Quý Cao,
18. Thổ Địa Tài Thần,
19. Lý Thái Bạch,
20. Ông Môn,
21. Cao Xuân Lộc,
22. Cao Quỳnh Tuấn<sup>1</sup>,
23. Cao Hoài Ân (*tức Xuyên Quan Tứ bộ*).

Đàn Cầu Kho không đủ cung ứng cho hoàn cảnh, nên có 5 đàn nữa là Chợ Lớn, Tân Kim (*Cần Giuộc*), Lộc Giang, Thủ Đức và Tân Định mà cặp cơ Cự-Tắc phò loan ở đây. Chính đàn này đã thấu được ông Lê Thiện Phước (*sau đăc phong Bảo Thế*).

---

Thân sinh của 3 thiên sứ đặc vị đại ân xá là: Xuất Bộ Tinh Quân Cao Quỳnh Tuấn (*thân sinh của ông Cao Quỳnh Cư*), Ngân hà công bộ Phạm Công Thiện (*thân sinh ông Phạm Công Tắc*), và Xuyên quan tứ bộ Cao Hoài Ân (*thân sinh ông Cao Hoài Sang*) thờ ở Thảo Xá Hiên Cung

Để việc phổ độ chúng sanh khỏi bị ngăn trở, các Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc... tất cả 28 vị đứng tên đưa tờ Khai Tịch Đạo lên Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (*nhằm triều đại Bảo Đại*) vào ngày 7-10-1926.

### TỜ KHAI TỊCH ĐẠO

Saigon, le 7 Octobre 1926

Monsieur le Gouverneur,

Les Soussignés, ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaître ce qui suit:

Il existait en Indochine trois Religions (*Boudhisme, Taoisme et Confucianisme*). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureusement en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions. On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (*gia vô bế hộ, lộ bất thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales*).

Hélas! Ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se deviser, tandis que le but de toutes les religions est le même: Faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont



complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps. Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom “*đại đạo tam kỳ phổ độ*”, qui signifie la troisième Amnistie Générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de Ngọc Hoàng Thượng Đế dit Cao Đài ou “*Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT*”.

Par l'intermédiaire de médiums écrivains, Ngọc Hoàng Thượng Đế transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius;
2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoique. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les sousignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des “*Saintes Paroles*” de Ngọc Hoàng Thượng Đế, paroles estimées plus précieuses que tout ce qui existe ici-bas.
2. La tradition de quelques passages du livre de

prières que Ngọc Hoàng Thượng Đế nous a enseignées.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et don't la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'il vous propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance que cette Nouvelle Religion apportera à nous tous la Paix et la Concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués" (*PIERRE BERNARDINI, Le Caodaisme au Cambodge, Université de Paris VII, trang 282-284*).

Ont signé:

- Mme LÂM NGỌC Thanh,...
- Mr Lê văn Trung,...
- ...

Tờ khai tịch Đạo nguyên văn bằng tiếng Pháp như trên, xin tạm dịch như sau:

Sài gòn, ngày 07 tháng 10 năm 1926

Kính ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây, hân hạnh kính báo đến ông biết những điều sau: Từ trước ở Đông Dương

đã có ba Tôn Giáo (*Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo*). Tổ tiên chúng tôi đã tu theo giáo lý Tam Giáo và sống hạnh phúc nhờ thuận tòng nghiêm khắc những lời dạy tốt đẹp của các vị Chứng Giáo của các Tôn Giáo ấy. Vào thời xưa, người ta sống vô tư đến độ có thể ngủ mà không cần đóng cửa và ra đường chẳng thèm lượm của rơi (*Gia vô bế hộ, lộ bất thập di là câu nói đã được sử sách ghi lại*).

Buồn thay! Thời kỳ tốt đẹp đó không còn vì những lý do sau đây:

1. Tín hữu của các Tôn Giáo ấy tìm cách chia rẽ nhau, trong khi mục đích của tất cả các Tôn Giáo đều như nhau: làm lành lánh dữ, lòng thành thờ kính Đấng Tạo Hóa.

2. Họ làm lệch lạc hoàn toàn ý nghĩa của các giáo lý thánh thiện và quý giá đó.

3. Sự chạy theo vinh hoa phú quý, tính tham vọng của con người là những nguyên nhân chính của các bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam hôm nay đã từ bỏ hoàn toàn những mỹ tục và truyền thống cổ xưa.

Đau lòng trước tình huống này, một nhóm người Việt Nam nhiệt tâm với truyền thống và đạo hạnh đã nghiên cứu canh tân tất cả các Tôn Giáo này mà hợp nhứt lại với tên gọi là đạo Cao Đài hay Đại Đạo.

Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là đại ân xá kỳ ba đã do Đức Chí Tôn ban bố. Ngài đã giáng trần với danh hiệu Ngọc Hoàng Thượng Đế tức Đức cao đài hay là “*Đấng Tối Cao, thượng đế toàn năng*”.

Qua trung gian đồng tử, Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cho những người ký tên dưới đây Thánh Giáo có

mục đích tập trung giảng dạy những lời giáo huấn tốt lành của Tam Giáo cổ xưa.

Nền tân giáo lý sẽ dạy nhân sanh:

1. Luân lý cao siêu của Đức Khổng Phu Tử;
2. Những đức hạnh được dạy trong Phật Giáo và Lão Giáo. Những đức hạnh này bao gồm việc làm lành lánh dữ, yêu thương nhân loại, sống hòa hợp, tránh mọi sự chia rẽ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh gửi đến ông:

1. Một vài đoạn trích lục trong những “*Thánh Ngôn*” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời dạy quý báu hơn tất cả mọi cái hiện hữu trên đời này..

2. Mục đích của những người ký tên dưới đây theo đuổi là nhằm đưa nhân sanh trở lại thời cổ xưa hòa bình và hòa hợp. Được vậy, con người sẽ hướng về một kỷ nguyên mới hạnh phúc khôn tả.

Nhân danh rất nhiều người Việt nam đã đồng ý hoàn toàn những điều nghiên cứu này và đính kèm danh sách dưới đây, những người ký tên hân hạnh tuyên cáo cho ông biết là chúng tôi sẽ truyền bá cho toàn thể loài người nền giáo lý thánh thiện này.

Tin rằng nền Tân Tôn Giáo này sẽ đem đến cho tất cả chúng ta sự hòa bình và hòa hợp, những người ký tên thỉnh cầu ông chính thức tiếp nhận tuyên ngôn của chúng tôi.

Kính Thống Đốc, những người ký tên dưới đây xin ông nhận những tình cảm trân trọng và thành kính của chúng tôi. (*Bản dịch của Hiền Tài Nguyễn Kim*

*Anh, Giáo sư Pháp Văn Trung Học Tây Ninh)*

Hai mươi tám đệ tử Cao Đài ký tên vào tờ khai tịch Đạo là: (*Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 24*)

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ, Vũng liêm.
2. Ông Lê Văn Trung, cựu Thượng nghị viên, Ngũ đảng Bắc-Đẩu bội tinh, Chợ lớn.
3. Ông Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ lớn.
4. Ông Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia định.
5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, Tri phủ, Chủ quận Cần Giuộc.
6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, nghiệp chủ, Sài gòn.
7. Ông Lê Bá Trang, Đốc phủ sứ, Chợ lớn.
8. Ông Vương Quan Kỳ, Tri phủ, Sở thuế thân, Sài gòn.
9. Ông Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý thôn, Gia định.
10. Ông Ngô Tường Vân, Thông phán Sở Tạo Tác, Sài gòn.
11. Ông Nguyễn Văn Đạt, nghiệp chủ, Sài gòn.
12. Ông Ngô Văn Kim, điền chủ, Đại Hương cả, Cần Giuộc.
13. Ông Đoàn Văn Bản, Đốc học trường Cầu Kho, Sài gòn.
14. Ông Lê Văn Giảng, thư ký kế toán hãng Ippolito, Sài gòn.
15. Ông Huỳnh Văn Giỏi, Thông phán sở Tân Đáo, Sài gòn.
16. Ông Nguyễn Văn Tường, thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài gòn.
17. Ông Cao Quỳnh Cư, thư ký Sở Hỏa-Xa, Sài gòn.
18. Ông Phạm Công Tắc, thư ký Sở Thương Chánh, Sài gòn.
19. Ông Cao Hoài Sang, thư ký Sở Thương Chánh, Sài gòn.
20. Ông Nguyễn Trung Hậu, Đốc học trường Tư-thục

Dakao, Sài Gòn.

21. Ông Trương Hữu Đức, thơ ký Sở Hỏa xa, Sài Gòn.
22. Ông Huỳnh Trung Tuất, nghiệp chủ, Chợ Đũi, Sài Gòn.
23. Ông Nguyễn Văn Chúc, Cai tổng, Chợ lớn.
24. Ông Lại Văn Hành, Hương cả, Chợ lớn.
25. Ông Nguyễn Văn Trò, Giáo viên, Sài Gòn.
26. Ông Nguyễn Văn Hương, Giáo viên, Dakao.
27. Ông Võ Văn Kinh, Giáo tập, Cần giuộc.
28. Ông Phạm Văn Tỷ, Giáo tập, Cần giuộc.

Vì Nam Việt lúc ấy nằm dưới chế độ thuộc địa của chính quyền Pháp, nên tờ Khai Tịch Đạo coi như thông báo chính thức rồi hành đạo và truyền giáo chớ không đợi phúc văn của Pháp. Thế nên, không có bản văn kiện nào trả lời hoặc cho phép về tờ Khai Tịch Đạo trên cả.

Trong luận văn Tiến sĩ Đệ Tam Cấp nhan đề “*LE CAODAISME AU CAMBODGE*” (Đại Học Paris VII, năm 1974), Pierre Bernadini cũng thấy thực chất như vậy. Ông viết: “*Déclaration officielle adressée par les fondateurs du Caodaisme à M. Le Fol, Gouverneur de la Cochinchine*” (Trang 282).

Giáo sư Gustave Meillon cũng viết: “*Gouverneur de la Cochinchine reçoit la déclaration officielle de la fondation du Caodaisme. Prudent il se contente d'en prendre acte, sans fois s'engager formellement à le reconnaître*”. (Thống Đốc Nam Kỳ nhận đơn khai Đạo Cao Đài. Ông khéo léo tiếp nhận, nhưng không bài tỏ việc công nhận nền Đạo) *Le Caodaisme* (In trong *Les Messages Spitites*, Tây Ninh 1962, trang 13).

Thống Đốc Nam kỳ Le Fol, một viên chức dày dạn kinh nghiệm không thể ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động, vì chỉ là tờ Khai Tịch Đạo quá khôn khéo của quý ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc mà không có ai xin phép. Thanh tra Pháp Lalaurette trong “*Le Caodaisme*” đã khẳng định như vậy. Đó là bằng chứng hùng hồn để trả lời cho những ai đã từng nói “*Pháp ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động*” hay “*Đạo Cao Đài*” do Pháp lập nên”, đều là những lời nói suông vô căn cứ. Mặt khác, Lalaurette cho rằng người Cao Đài đã lợi dụng chữ Pháp, các phương thức, phép xử thế, những tiến bộ, cùng cách tổ chức xã hội và kinh tế của người Pháp không phải để Pháp hóa Nam kỳ mà để cho người Nam kỳ chống lại Pháp. (*Lalaurette et Vilmont, sđđ, trang 3*)

Các nhà tiên khai Đạo đã tiếp nối truyền thống của sĩ phu Nam kỳ đối mặt với chính quyền thực dân: Tuyên ngôn khai Đạo phá tung mọi ràng buộc. Trong Tân Luật còn ghi rõ: “Bực Thượng thừa tu theo Đại Đạo buộc phải để râu tóc”. Điều mà thực dân Pháp ngăn cấm khiến đất Quảng Nam nổi loạn (*loạn Dầu bào*) mà Trần Quý Cáp phải bị xử chém. Từ đó các nhà tiên khai Đại Đạo đã đưa Đạo và Dân tộc bước vào trang sử mới: “*Nam phong thử nhật biến nhưn phong*”.

Sau đó, các Ngài chia nhau thành ba nhóm để đi phổ độ Lục Tỉnh. Ngài Phạm Công Tắc ở trong nhóm thứ nhất đi phổ độ trong các tỉnh Vĩnh long, Trà vinh, Cần thơ, Sóc trăng, Bạc liêu, Long xuyên, Châu đốc, Hà Tiên, Rạch giá.

Nhóm thứ hai truyền Đạo trong các tỉnh Tiền giang,

*Nhóm thứ ba các tỉnh miền Đông.*

Ngày mồng 1 tháng mười năm Bính Dần (5-11-1926), tất cả chức sắc được lệnh tạm ngưng việc truyền giáo, trở về Thánh thất Từ Lâm (Gò Kén) chuẩn bị khai minh Đại Đạo.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy:

*“Các con! Thầy đã lập thành Thánh thất, nơi ấy là nhà chung của các con. Hiểu à! ‘Thầy qui Tam Giáo, lập Tân Luật trong Rằm tháng 10, có Đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!*

*“Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ-Độ, cũng do nơi ấy mà xuất hiện ra. Rõ à!*

*‘Thầy nhập ba chi lại làm một, là có ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà. Thầy là Cha chưởng quản... Hiểu à!*

*‘Từ đây trong nước Việt Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo. Hiểu à!*

*‘Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ phân phe chia phái là đại tội trước mặt Thầy. Nghe à!*

*‘Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo Đại Hội”.*

Chấp hành lệnh của Đức Chí Tôn, đồng đạo các nơi lũ lượt kéo về Tây Ninh. Đêm 14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần (18-11-1926) là đêm chánh thức khai Đạo Cao Đài tại Gò Kén (Tây Ninh) và làm lễ Khánh thành Thánh Thất Từ Lâm đầu tiên của nền Đại Đạo. Đêm hôm ấy vì quá đông, nên cuộc lễ bớt phần trang



nghiêm. Khi cấu cơ, Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thẳng. Thừa dịp đó tà quái nhập vào một nam là Lê Thế Vĩnh và một nữ là Vương Thanh Chi mà quấy phá. Họ mạo xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát (*Nên biết lúc đó Lê Thế Vĩnh chưa thọ phong Tiếp Thế nên mới xảy ra cơ sự, còn Vương Thanh Chi là ái nữ của Vương Quang Kỳ, cũng chưa có chức tước gì*).

Nên biết, cuộc biến xảy ra trong lễ tấn phong chức sắc Cửu Trùng Đài, chớ không phải trong một đàn cơ. Đó là tham vọng của một số ít người mà tâm sanh ra cuồng vọng, ta sẽ thấy việc đó thường xảy ra dưới nhiều hình thức khác nhau trong tiến trình phát triển Tôn Giáo Cao Đài, nên cũng có Giáo Tông thiệt và Giáo Tông giả. Sau khi quan khách ra về, Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm lại lập đàn cơ để hỏi lý do việc tà quái vừa qua.

Đại úy Monet thấy cơ chuyển liền làm phép cắt điện (*basse magnétique*) theo phương pháp Thần Linh học để coi phải đúng điện của Tiên Phật không, mà không cắt được. Đức Chí Tôn giảng dạy: “*Các con chớ nên phiền hà! Chuyện nơi Thánh Thất xảy ra, ấy cũng là bước trắc trở trong đường Đạo của Thầy, nhưng cũng là do Thiên cơ vậy...*”.

Trong bối cảnh như thế, Đức Chí Tôn vẫn dùng huyền diệu lập Hội Thánh Cửu Trùng Đài (16-10-Bính Dần). Nhất là việc giáng cơ cho hai câu liền nêu trước các Thánh Thất:

**CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HÒA BÌNH DÂN CHỦ CHÁNH!**  
**ĐÀI TIÊN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN.**

---

1 Giáo Sư De Lapatie ngại nói Đạo lập “*chánh quyền*”, nên đổi chữ CHÁNH thành chữ MỤC

Những ngày kế tiếp, Thầy lập Pháp Chánh Truyền (20-11-1926), Tân Luật (6-12-1926), ban Tịch Đạo cho phái nữ, thành lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài (13-02-1927) (*Xin xem trong Tân Luật - Pháp Chánh Truyền*); còn tịch Đạo Nam phái đã ban trước kia vào ngày 2-7-Bính Dần (9-8-1926).

Sở dĩ việc thành lập các cơ chế có nhiều khoảng trống thời gian là vì cặp Cu-Tắc còn bận làm việc tại Sài Gòn, ngày nghỉ cùng nhau lên xe Ngài Lê Văn Trung mới về Gò Kén hành pháp mà nhiều người tưởng bà Hương Hiếu đánh mất tài liệu sử Đạo đoạn này.

Do Hòa thượng Như Nhãn đòi chùa ngày 20-02 năm đó (23-3-1927), các Ngài mới thỉnh Thánh Tượng dời chư Phật, Tiên về đất mới thuộc làng Long Thành (*tức khuôn viên Tòa Thánh hiện nay*). Sau đó Đức Cao Thượng Phẩm bỏ sở, phế đòi hành đạo lo xây cất Tòa Thánh tạm bằng tranh.

## 6.- THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO Ở NAM VANG

**S**Ự BÀNH TRƯỚNG MAU LỆ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI LÀM CHO NHÀ CẦM QUYỀN PHÁP LO NGẠI. NĂM ĐÓ, họ đổi Đức Phạm Hộ Pháp sang Nam Vang (*Cao Miên*). Âu cũng là Thiên cơ dĩ định.

Khi Đức Ngài sang Cao Miên ở tại nhà ông Cao Đức Trọng (*bào huynh của ông Cao Hoài Sang*) và thường lui tới nhà ông Huỳnh Hữu Lợi. Xa Tổ đình, Đức Ngài muốn bỏ nhiệm sở trở về làm Đạo như lời dạy của Đức Chí Tôn trước kia. Ngài cầu cơ xin ý kiến các Đấng. Bà Bát Nương giáng cho thi:

THI

*Đường đời thanh loan đến Hồn đài,  
Tửu Tiên chưa phỉ tỉnh cùng say.  
Nghe danh ông Tắc, Y lia ruộng,  
Mến đức ông Nghiêu, Thuấn bỏ cày.  
Ái vật Thành Thang quên đồ ná,  
Yêu dân Hạ Võ mặc hài gai.  
Trông mưa đã đợi ba xuân mãi,  
Cứu chúng hờn ai chẳng trở tài.*

Đức Nhân. Âm. Đạo Trưởng cũng giảng cho một bài:

THI

*Cõi lười gương linh tới cõi trần,  
Chẳng cần bạch hạc với thanh vân.  
Nghe Tây Sơn Đạo<sup>1</sup> nơi Tần quốc,  
Nên đến thăm nhau thử một lần.*

Sau đó Đức Nhân. Âm. Đạo Trưởng lại giảng cơ khuyến khích:

THI

*Ấc xế nâng cao bóng hải đường,  
Xa tên nhờ bởi nặng cung thương.  
Lòn tròn Hàn Tín nên cơ nghiệp,  
Dâng dếp Trương Lương mở miếu đường.  
Khương Thượng đi câu ra trí chúa,  
Văn Vương ngồi ngục mới đồ vương.  
Trượng phu phải mặt không nao chí,  
Xung đột quyết hơn chốn chiến trường.*

Thời gian sau, Đức Hộ Pháp văn cảnh Đế Thiên,

---

1 (Tây Sơn Đạo là Bút Hiệu viết báo của Đức Hộ Pháp)

mở rộng tâm nhìn để xây dựng Đền Thánh, vừa đặt cơ, một cỗ Vương giáng đàn:

THI

*Mưa chầy gió lụn cảnh riêng gìn,  
Tạc để nên Tiên rạng trước Minh<sup>1</sup>.  
Trời hồi gương soi gương viễn đại,  
Đất còn chặt giữ dấu anh linh<sup>2</sup>.  
Rừng tòng hạc lánh muôn năm khuất,  
Chùa đá đời lưu một thuở nhìn.  
Dâu bể tan tàn non nước cũ,  
Đóng chuông cảnh tỉnh vẽ nên tranh*

BAKHANAYOUK

Trên đất chùa Tháp, đêm đêm Đức Hộ Pháp cùng ông Cao Đức Trọng thường cầu cơ học Đạo. Từ Victor Hugo, La Fontaine, Tôn Trung Sơn, Léon Tolstoi, Shakespeare, Aristide Briand v.v...giáng đàn dạy nhiều điều mới lạ. Nhất là đại văn hào Pháp Victor Hugo, ông cho biết đã cầu cơ từ năm 1853 ở đảo Jersey, thuộc Anh qua đồng tử Vacquerie, do sự chỉ dẫn của bà Delphine de Girardin và ông đã hiểu rõ Đức Thượng Đế. Victor Hugo rất tin tưởng vào Thần Linh, cho đồng tử Vacquerie chụp một bức hình với tư thế xuất thần. Ông ghi hàng chữ dưới tấm hình: “*Victor Hugo nghe tiếng gọi của Thượng Đế*” (Nguyễn Hiến Lê, *Các Cuộc Đời Ngoại Hạng*).

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn G. Gobron có ghi lại một đoạn cầu cơ ở đảo Jersey vào năm 1855 như sau:

“*Sache que tout connayt sa loi, son but, sa route;*

---

1 Trước đời nhà Minh, quân Mông Cổ tàn phá Đế Thiên vào thế kỷ XIII

2 Người Miên chôn báu vật dưới đền giấu giặc Mông, ánh sáng tỏa lên

Que de l'astre au ciron, l'immensité s'écoute,  
Que tout a conscience en la création;  
Et l'oreille pourrait avoir sa vision,  
Car les chises et l'être ont un grand dialogue".  
*Ce que dit la Bouche d'Ombre*

VICTOR HUGO

- (G. GORBRON, *Histoire et philosophie du Caodaisme*, Paris 1949, trang 61)

Trong “*Những phút trầm tư*” (*Les Contemplations*), Victor Hugo có quan niệm về vũ trụ rất phù hợp với Giáo lý Cao Đài “*Chỉ Một*” (*Unité*): “*Vạn vật đồng nhất thể*” hay “*Thiên nhưn hợp nhất*”; nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Thế nên bất cứ ở đâu cũng có Đạo, chỉ cần tâm ta hòa vào hồn vũ trụ.

### UNITÉ

Par dessus l'horizon aux collines brunies,  
Le soleil, cette fleur des splendeurs infinies,  
Se penchait sur la terre, à l'heure du couchant;  
Un humble marguerite éclosé au bord d'un champ,  
Sur un mur gris croulant parmi l'avoine folle  
Blanche épanouissait sa candide auréole;  
Et la petite fleur, par dessus le vieux mur,  
Regardait fixement dans l'éternel azur.  
Le grand astre épanchant sa lumière immortelle.

Et moi, j'ai des rayons aussi, lui disait – elle:

VICTOR HUGO<sup>1</sup>

(*LES CONTEMPLATIONS*)

### CHỈ MỘT

*Chân trời xa lộng bóng triền đồi,  
Bất tận chói chan hoa mặt trời,  
Nghiêng chiếu trần gian, giờ cúi lặn,  
Ven đồng cúc dại nở gương soi.  
Tường lam đỏ giữa lúa hoang điên,  
Nở trắng trinh nguyên ánh hiển vinh.  
Hoa nhỏ vươn cao trên vách cũ,  
Ngắm nhìn bầu vịnh cửu thanh thiên.  
Mặt trời luôn tỏa hào quang xuống.  
Hoa nhũ: lòng tôi có ánh linh.*

HIỀN TÀI NGUYỄN KIM ANH DỊCH.

Cũng nên nhắc lại vào ngày khai Đạo: Thanh Sơn Đạo sĩ, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (*tức Victor Hugo*) và Tôn Trung Sơn xưng là Tam Thánh Bạch Vân Động, đứng đầu là sư phó Nguyễn Bình Khiêm (*Thanh Sơn*) thay mặt nhân loại ký Đệ Tam Hòa Ước (*tức Thiên Nhơn Hợp nhất*) mà khai đạo mới.

Vào trung tuần tháng 5-1927, dưới sự dìu dắt của Đức Chưởng-Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (*tức đại văn hào Pháp Victor Hugo*) và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp, Hội Thánh Ngoại Giáo được thành lập(44)..Đêm 27-07-1927 một đàn cơ do Đức Hộ Pháp cầu, các vị sau đây được tấn phong:

– a.) Nam phái: Giáo hữu Thượng Bảy Thanh, Thượng

---

1 Morceaux choisis de Victor Hugo, Paris 1929, trang 249

Lắm Thanh, Thái Của Thanh. Lễ sanh: Thượng Chử Thanh, Thượng Vinh Thanh.

– b) Nữ phái: Giáo hữu Hương Phụng, Hương Huệ.

– c) Hiệp Thiên Đài: Tiếp Đạo Cao Đức Trọng (*bào huynh của ông Cao Hoài Sang*).

Vào ngày 2-6-1927, Sở Tuần Cảnh Pháp báo cáo với nhà đương cuộc là có 5.000 người Cao Miên, hậu quả của Hội Thánh Ngoại Giáo, đến lễ bái trước Chánh Điện Tòa Thánh Tây Ninh và lễ bái trước Đức Phật Thích Ca cỡi ngựa tầm Đạo nơi Đại Đồng Xã.

Khi số người tăng lên 30.000 thì Chánh Tham biện Tây Ninh sợ biến báo cáo với chánh quyền Pháp. Bộ trưởng Tôn giáo ra Thông tri ngày 23-05-1927 như sau:

*“Sau khi nghiên cứu tận nơi, ta phải nhận định rằng giáo phái này đã dựng lên trong mục đích bất chánh, đáng trách vì họ lấy tôn giáo làm phương tiện lường gạt lợi dụng lòng tin ngưỡng của dân chúng thật thà, để đem quyền lợi về cho nhóm họ. “Nay giáo lý Đạo Phật mà dân Miên đã thấm nhuần đang dẫn ta đến Chân Thiện và Liêm khiết. Ngoài ra không một tôn giáo nào khác đến choán chỗ trên các địa phương của ta”.*

Tháng sau các sư sãi Cao Miên được chỉ thị rõ ràng là họ có bốn phạm đầy lui giáo lý Cao Đài và định hình phạt đối với người Cao Miên nào nhập môn theo Đạo Cao Đài.

Vì thế, người Kampuchia bót theo Đạo và vắng bóng họ trên đường về Tòa Thánh. Đức Ngài bèn chú trọng vào Việt kiều và Hoa kiều. Nhờ đó việc truyền Đạo không bị gián đoạn.

Bỗng một hôm, khi đi làm về, Đức Ngài nói với ông Huỳnh Hữu Lợi (là Giám Đạo): “Ngày mai qua về Sài Gòn”. Ông Huỳnh Hữu Lợi hết sức ngạc nhiên, vì Đức Ngài đang là công chức mà muốn về Sài Gòn ngang sao được. Hôm sau, quả Đức Ngài được lệnh đổi về Sài Gòn vì họ không chịu được các hoạt động truyền giáo của Ngài ở Cao Miên mà họ cho là “phá rối trị an”.

Thời gian ở tại Cao Miên tuy ngắn ngủi chỉ có 7 tháng, Đức Ngài đã kiện toàn cơ chế tổ chức Hội Thánh Ngoại Giáo (*La Mission Étrangère*) đặt tại đường Lalande Calan (*Phnom Penh*). Từ đó, bổ chức sắc đi truyền giáo ở Hải Ngoại: Trung Hoa, Pháp, Nhật, Thái, Lào v.v...

Qua cơ bút do chính Đức Ngài phò loan, Ban Truyền Giáo Hải Ngoại đã thành hình, gồm có:

– Jean De La Fontaine (1621–1695): thi sĩ Pháp, sinh ở Château-Thierry. Thơ ngụ ngôn (*Fables*) của ông mang tính chất luân lý khuyên răn đời. Ông giảng cơ tại Tòa Thánh đêm 25–8–1934 có câu: “*Notre Maitre (Tức Maître de La Loge Blanche [Bạch vân Động] là Thanh Sơn Đạo Sĩ) vient d’avoir un entretien intime avec le Pape sur notre avenir apostolique. Il a lavé un échec sur notre avancement*”. Ông phụ trách phổ độ dân chúng Châu Âu với sự trợ lực của bà Jeanne d’Arc.

– Tôn Trung Sơn (1866–1925): tên thật là Tôn Văn, tự Dật Tiên, người Quảng Đông, một trong ba vị Thánh Bạch Vân Động. Gia đình theo Đạo Phật. Ông theo Đạo Thiên Chúa, Đỗ bác sĩ y khoa. Sau cuộc vận động duy tân thất bại, năm 1984, ông lập Trung Hưng Hội ở Honolulu lấy Dân tộc, Dân sinh, Dân quyền làm chủ



nghĩa Tam Dân.

Ông đứng đầu trong cuộc cách mạng Tân Hợi (10-10-1911) ở Trung Hoa và được bầu làm Tổng Thống. Viên Thế Khải phản bội nên loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để tránh nội chiến, năm 1925, ông lên Bắc Kinh để sắp xếp mọi việc, nhưng việc chưa thành ông bị bệnh mà mất (12-3-1925).

Ông hiền Thánh và giảng cơ xưng là một trong Tam Thánh Bạch Vân Động. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Á với sự trợ lực của bà Bát Nương Hồn Liên Bạch.

– William Shakespeare (1564-1616): nhà đại thi hào Anh quốc sinh ở Stratford-sur-Avon. Ông được dân chúng thế giới hoan nghinh thi tài kiệt liệt. Ông giảng cơ đêm 29-12-1935 cho bài thi mà bốn câu chót là:

*“Oh! Humain, je te plains et souffre  
Sans pouvoir arrêter ta marche vers le gouffre.  
La mort de Sodome et Gomorthe en athée.  
Tu l’as donc bel et bien mérité”*

▪ (*Les Messages Spirites, Tay Ninh 1962, trang 108*)

Ông phụ trách phổ độ dân chúng Anh và các nước trong Liên Hiệp Anh. – Léon Tolstoi (1828-1910): tiểu thuyết gia người Nga, sinh ở Iasnaia-Poliana nổi danh về hai quyển: Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karénina. Ông phụ trách phổ độ dân Âu-Á (*Eurasie*) (*Nguyễn Hiến Lê, Bảy ngày Trong Đồng Tháp Mười, Sài Gòn 1971, trang 145*).

– Aristide Briand (1862-1932): nhà chính trị Pháp, sinh ở Nantes, từng làm Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp. Ông giảng cơ tại Tòa Thánh đêm 29-08-1934 có câu: *“Soyez fidèle à votre tâche, elle est complexe mais non*

*irréalisables... Je demande à collaborer spirituellement avec vous, c'est continuer mes desseins pacifiques*". Ông phụ trách phổ độ dân Châu Phi.

– Pearl Buck: tiểu thuyết gia Hoa Kỳ, sinh ở Hillsboro vào năm 1892, tác giả nhiều sách về Trung Hoa. Bà được giải thưởng Nobel 1938 với tác phẩm “*The living reed*” (*Nỗi buồn nhược tiều*).

Bà có khuynh hướng tìm hiểu văn hóa phương Đông để tiến đến hòa hợp chung sống. Bà phụ trách phổ độ dân Châu Mỹ.

Vì những hoạt động truyền giáo mà chính quyền Pháp đối Đức Ngài về Việt Nam rồi định đổi ra miền Trung. Ngài được tin đưa đơn từ việc mà không đợi phép nghĩ, Ngài bỏ việc về Tây Ninh hành Đạo từ đó.

Với nhiệm vụ tư pháp, Ngài tương đối được rỗi rảnh để thì giờ viết truyện THIÊN THAI KIẾN DIỆN gồm 77 bài thơ Đường. Sách chia làm hai phần:

1. Thiên Thai kiến diện chỉ có 7 bài;
2. Tam Thập Lục Thiên ký bút có 70 bài, mà bài đầu như vậy :

*Xăm Xăm năm ngựa gió mây đưa,  
Ba bực vừa lên có kẻ ngựa.  
Con gậy tay cầm râu tóc bạc,  
Cái nhà lá lợp cửa song thưa.  
Cờ vàng quần mũ mang y đạo,  
Nai trắng nường lưng gót võ lừa.  
Rằng chiếu Ngọc Hư sai mở ngõ,  
Địa thần châu chực tiếp người xưa.*

Năm 1928 thì Ngài viết quyển “*Phương Tu Đại*

Đạo” gồm văn xuôi, biên ngẫu lẫn thơ thất ngôn tràng thiên, có các tiết mục sau: luật đời, phận anh, phận chị, phận làm em trai, phận em gái, phận chồng, làm rể, làm vợ, (làm dâu), làm cha.

Cứ vào hai quyển sách này mà so sánh lời văn ý tứ các Thánh Ngôn do Ngài phò cơ viết ra, ta cũng tin tưởng lời lẽ trong Thánh Ngôn là do các Đấng viết ra.

Sau đó, Ngài được lệnh Đức Chí Tôn đi Thủ Đức. Đêm 16 tháng 10 năm Mậu Thìn (17-11-1928), bà Bát Nương giáng đàn tại tiểu Thánh Thất Long Vân Thủ Đức báo tin cho Đức Hộ Pháp biết là vào năm 1914, Thầy Lỗ Ban bên Trung Hoa đột nhập vào nước Việt Nam, đem theo một cây Long Tuyền Kiếm trừ ếm ở Mỹ Tho để triệt hạ nhân tài.

Đức Hộ Pháp hỏi cách giải ếm thế nào đều được bà Bát Nương chỉ phép hóa giải. Việc này chưa thực hiện thì Đức Ngài nghe tin Đức Cao Thượng Phẩm bệnh nặng phải trở về Tòa Thánh.

Đức Ngài yêu cầu Hội Thánh lập một Tịnh Thất nơi cụm rừng Báo Ân Từ để rước Đức Cao Thượng Phẩm từ Thảo Xá Hiên Cung về tịnh luyện thay vì để Đức Cao Thượng Phẩm khổ một mình nơi nhà riêng.

Vào nhà tịnh một thời gian, bệnh của Đức Cao Thượng Phẩm không thuyên giảm lại biếng ăn mất ngủ. Thế nên vào 18 giờ ngày 26-12-Mậu Thìn (1928) bà Hương Hiếu đưa Đức Ngài về Thảo Xá Hiên Cung mà không cho Hội Thánh hay. Đến 11 giờ ngày 1-3-Kỷ Tị (1929), Đức Ngài cho mời Đức Hộ Pháp, Ngài Cao Bảo Văn, bà Giáo Sư Hương Hiếu và một vài chức sắc. Đức Cao Thượng Phẩm nhìn Đức Hộ Pháp mà trời rằng:

“Nay qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự”.

Kể day qua nói với người bạn đời (bà Hương Hiếu):  
“Anh dẫu có nhắm mắt thì sự MẤT cũng như sự CÒN”.

Rồi Đức Ngài xuất hồn êm ái của một chơn linh đắc Đạo.

Chư chức sắc có mặt đều bù ngùi cảm động. Đức Hộ Pháp tỏ tấm lòng thương tiếc “Anh Tư” qua bài thi:

### THI

*Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!  
Chưa xong trách nhiệm đã về trời.  
Bốn năm công quả vun nền Đạo,  
Mấy đoạn chông gai chịu nước đời.  
Ngọn bút Thần cơ, Trời nỡ đoạn,  
Nắm xương Thánh chất lấp chôn vùi.  
Mực hòa huyết lệ đề câu điệu,  
Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!*

### 7.- PHÁ PHÉP ẾM LONG TUYỀN KIỂM

**H**Ì PHẢI LO ĐÁM TANG CỦA ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM, MÃI TỚI NGÀY 28-3-KỶ Tị (1929), ĐỨC NGÀI MỚI ĐẾN THÁNH THẤT KHỔ HIỀN TRANG (MỸ THO) CHẤP BÚT THÌ ĐƯỢC CHỈ DẪN NƠI ẾM LONG TUYỀN KIỂM VỀ PHÍA TÂY NAM. NƠI ĐIỂM CHỈ LÀ MỘT KHOẢNG ĐỒNG RUỘNG CÓ DẠNG HÌNH NÚI MÉ BÊN KIA SÔNG, PHẢI ĐI GHE CHỪNG NĂM CÂY SỐ MỚI ĐẾN. CÁNH ĐỒNG NƯỚC PHÈN MỘC TOÀN NĂNG. PHÍA XA XA LÀ RỪNG ĐỨNG VÀ BÀNG. ĐẤT MÀU ĐEN

chưa trồng lúa được, nên dân cư sống bằng nghề làm đồ gốm lu, hủ, chén... Đúc Ngài và các tín hữu Minh Thiện Đản dừng lại trên một khoảng đất vàng, gò cao và rộng độ chừng 700 thước vuông. Đúc Ngài lại chấp bút, Lỗ Ban giáng và chỉ vào ngang chót núi Lan sâu xuống chừng 3 tấc tây thì đụng đá. Lỗ Ban cho biết đó là tháp của một Trạng Tào táng thuở cai trị nước ta. Trạng Tào biết chỗ này là núi vàng, sợ sau này núi nổi lên thành hình thì nước Việt Nam sẽ có Trạng. Nhân tài đó sẽ phục nghiệp, nên họ quyết chiếm cứ và ếm bằng Long Tuyền Kiếm. Công dụng của kiếm là vót đứt hết nhân tài.

Khi thế chiến thế giới thứ nhất chấm dứt (1919), chính phủ Tào sai một người Triều Châu giỏi về bói ếm, sang Việt Nam ếm lần nữa ngay nơi cũ. Dân cư quanh vùng, nhất là các vị bô lão còn sống đều kể như vậy.

Cơ Lỗ Ban cho biết, tại đây có vị thần vàng, lãnh mạng nơi Thượng Đế giữ gìn vật báu, không cho ai lấy, chỉ dành riêng cho Trạng Trời đến lấy mà thôi.

Việc đào thật vất vả. Đồng thì rộng mà mỗi người chỉ có một cái cuốc, dàn hàng ngang mà đào. Tưởng chừng như khó tìm thấy. Bỗng nhiên trực giác giúp suy luận thành công. Thông thường mồ mả ở vùng này đều có nắm ở trên, nhưng đặc biệt có một cái mả không có nắm. Sau khi hội ý với ông Lê Văn Trung (là *Chơn Nhơn, Chương Quán Phước Thiện*) Đúc Ngài cho đào cái mả đó. Đào lên thì được một cái ống ghè, trên có lưỡi dao cùn cắm thẳng xuống, trong đó có sáu con cò sừng trắng, 6 đồng tiền kẽm thời Minh Mạng. Đào sâu xuống nữa gặp một hộp bao chì dài 9 tấc. Đúc Ngài cho biết trong đó có Long Tuyền Kiếm, nhưng cấm không

cho xem và gói kín lại.

Đức Ngài cho đào con kinh từ Trảng Sập bằng ngang chót lưỡi Long Tuyền Kiếm cho bút. Đó là phép phản ếm trừ tuyệt việc sát nhân tài. Đức Ngài nói:

*“Ngày kỷ niệm nước Việt Nam được Đạo Trời khai mở sẽ gỡ nạn ách cho nhân loại. Dân tộc xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích lệ thuộc, dân Việt Nam sẽ không còn bị nô lệ nữa. Vào thời điểm 1929 mà Đức Hộ Pháp bình thân tuyên bố: “Từ đây, dân tộc Việt Nam sẽ có nhiều nhân tài xuất hiện, phá tan xiềng xích, giải ách nô lệ, chẳng còn bị lệ thuộc nữa”, biểu hiện lòng yêu nước nồng nàn hiếm có, lòng tự hào dân tộc cao độ và điều khích lệ lớn ch toàn dân đứng lên giành độc lập trong tay thực dân Pháp.*

Đêm hôm đó, Đức Phật Mẫu giáng cơ tại Khổ Hiền Trang lập Thảo Đường.

### THI

*Thảo Đường<sup>1</sup> phúc địa ngộ tùng hoa,  
Lục ức dư niên vũ trụ hòa.  
Cộng hưởng trần gian an lạc nghiệp,  
Thế đẳng đồng Đạo thịnh âu ca<sup>2</sup>.*

Việc lấy Long Tuyền Kiếm của Đức Hộ Pháp tiếng lành đồn xa. Kê hám vọng cho Ngài là Trạng Trời biết Lỗ Ban Kinh nên Kỳ Hương ở chợ Trảng Bàn đến tìm hiểu ngôi mộ tổ nhà họ Phạm ở An Hòa. Vùng mộ tổ này tọa lạc trên đồi An Quới, dưới chân đồi có bãi đất uốn cong theo rạch Trảng Bàn. Bên trái có đình An

---

1 Thảo Đường là chùa Phật, là 1 phái Đạo từ đời Lý Thánh Tông[1054–1072] về sau

2 Theo Hoá Giải Long Tuyền Kiếm, của Chơn Nhơn Lê Văn Trung

Hòa, Đại Chung Tự, Phổ Tế Tự; bên phải có nhà thờ Tha La. Ngôi mộ tổ họ Phạm hướng về Nam (*cung Khảm*) mở rộng hương điền. Lộc Giang xanh ngát, đôi lộng gió quanh năm. Thật nơi phong thủy vượng khí tốt lành.

Sau khi Đức Hộ Pháp rời Tòa Thánh (1956) là cơ hội cho Hoa kiều Kỳ Hương thực hiện khát vọng ôm ấp từ lâu. Hẳn thấy thế đất vùng An Quới vượng khí nên nài mua với giá cao phần đất bên phải ngôi mộ tổ đến Cầu Quan. Soạn giả đi khảo sát ngày 15-6-1974, thấy Kỳ Hương đã cho người đào (*năm 1956*) cắt long mạch lấy đất đắp núi giả làm bình phong chắn gió, làm ngôi mộ tổ mất phần Dương (*Phong*) mà chỉ còn rạch nước (*Thủy*) phần Âm. Thế nên gia tộc họ Phạm không còn vượng phát được. Khó khăn lắm, soạn giả mới vẽ được cảnh quanh vùng mộ tổ họ Phạm (*xem hình*).

### 8.- QUYỀN NĂNG ĐẲNG TẠO HÓA

**H**ÀO NGÀY 20-4-1930, ĐỨC HỘ PHÁP CHẤP BÚT, ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN GIÁNG CƠ DẠY VỀ QUYỀN LỰC CỦA ĐẲNG TẠO RA CÀN KHÔN VÀ VẠN VẬT.

Nguyên văn tiếng Pháp đăng trong “*Tam Thánh Bạch Vân Động*” (*Tam Thánh Bạch vân Động, cùng người viết*), dưới đây là bản dịch của Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp hỏi:

“*Nhờ Ngài giảng về do lai Đức Chí Tôn và quyền hành người tạo ra Càn Khôn cùng vạn vật*”.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đáp:

“Hiếu cho đặng huyền vi khó nổi,  
Tra khuôn hồng tổ mỗi không minh.  
Theo tôi nghĩ thế giới mình,  
Ngoài ra còn có lắm hình Càn Khôn.

Nhiều Thế khác, biệt phân lớn nhỏ,  
Sinh tồn loài vật nhỏ y nhau.  
Một ngôi nào đó trên cao,  
Về thần hồn với về loài chúng sinh.

Cũng có lúc giống mình như hệt,  
Tiến hóa nâng khí phách nên hiền.  
Máy trời đẹp vẻ thiên nhiên,  
Vật loài đều hưởng trọn quyền Chí Linh.

Các quả cầu thái bình yên tịnh,  
Cả chúng sanh đốt tánh can qua,  
Tương đối dứt, tuyệt đối ra,  
Chơn hồn tranh đấu về khoa tánh lành.

Sanh chi cũng quang minh cách trí,  
Quyền linh hồn chủ quý phạm tâm.  
Thế hèn luật cũng không cần,  
Tương thân chỉ cậy nhờ phần đức tin.

Cái chết bị tâm linh đánh bại,  
Sống chết dường trái phải không phân.  
Thương-sanh truyền khắp xa gần,  
Hồn và người vốn Thánh Thần hiển nhiên.

Như thế giới Càn Khôn ta có,  
Sanh hoạt này quả có nên nhiều.  
Địa cầu chừng đặng cao siêu



*Các Ngài rõ giá những điều phân phôi.”*

Đức Hộ Pháp hỏi:

*“Chùng nào địa cầu này hưởng đặng điều ấy?”*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

*“Thần linh dụng tiếng giúp Ngài hiểu,  
Cho tỏ tường phẩm hiệu đường bao,  
Qua luyện tôi, Thánh chất vào,  
Còn lâu nữa mới lâm trào Phật Tiên.*

*Muốn biết đặng căn nguyên từ pháp,  
Ở cùng người hoặc đạt hiểu người.  
Chẳng hồn nào quyết định bồi.  
Thích Ca thì cũng để lời phỏng ngôn.*

*Chớ coi trọng lời tôi bày tỏ,  
Tôi thuật lời tưởng ngộ chơn linh,  
Tỉ như lúc trước Chí Linh,  
Có sanh ở một cảnh hình Càn Khôn.*

*Người cũng đấng phẩm hồn hậu bổ,  
Vật nên người, người trở nên hiền.  
Lần hồi lên phẩm thiêng liêng,  
Khai thiên người mới đạt quyền Chí Linh.*

*Đã chịu lắm sinh sinh tử tử,  
Đủ huyền linh làm chủ trí khôn.  
Lại thay thân phục chơn hồn,  
Đặng làm thần độ vĩnh tồn triều nghi.*

*Đài thiên cảnh vừa khi đặng lớn,  
Dắt triều đình vào chốn không trung.*

Đức Hộ Pháp:

“*Vậy khi ấy Người đã có Thiên cung riêng của Người rồi hay sao?*”

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

“*Phải, mỗi đũa riêng trong cảnh giới,  
Của chúng ta tạo lại linh hồn,  
Hồn người do bởi giác hồn,  
Tạo nên cảnh giới cộng làm chánh chung.*

*Trong các Đấng lòng trung vẫn ít,  
Phần đông do kẻ nghịch oan khiên.  
Tu chơn bỏ máy diệu huyền,  
Thì ta mở lối cảnh thiên quỉ vào.*

*Quỉ vương hỏi nơi nào mà đến,  
Cứ tâm chân đừng tiến giả truyền,  
Chắc do trong đám triều thiên,  
Chí linh khó sửa cho truyền chánh tâm.*

*Ta hằng bị tình nhân phản nghịch,  
Đố kị cùng vui thích hại ta.  
Hộ Pháp tay Ngài tê quá hay là  
Đêm mai tôi tiếp nói qua chuyện này.”*

10 GIỜ ĐÊM 21-11-1930

“*Lại tiếp chuyện khai thiên tôi nhận,  
Cùng kính phương học vấn của Ngài,  
Chí Tôn tới chốn Dạ đài,  
Bình an phẳng lặng không loài động sanh.*

*Trong thứ không danh mây nước,  
Vật chất sanh ngũ ước vô chùng.*

Hào quang bao phủ mây vãng,  
Vật không biến hóa, thú ngừng không sanh.”

Đức Hộ Pháp:

“Thưa có phải là hình thức trong sách truyền Đạo Thánh đã nói đó không?”

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

“Phải, thứ khí kêu tên thủy khí,  
Đông đặc nhiều xem kỹ đứng đầu.  
Rằng trời, mặt nước ngự châu,  
Thì nên phải hiểu cao sâu thế này,  
Chơn thần người đầy đầy ánh sáng,  
Lấy dương quang ấp đẳng vô năng,  
Sinh làn hỏa khí bao giăng,  
Âm dương tương khắc nổ làn thiên thanh.

Thái cực nổ với hình nguyên thủy,  
Hai quyền năng đục khí hóa cơ,  
Vật tiêu hóa khí, khí nhơ,  
Tiêu thành nguyên khí đến giờ sanh quang.

Khí sanh quang ấy toàn linh cảm,  
Định linh hồn sống chết nơi tay,  
Dị thường sanh hóa rất hay,  
Sau này tôi cũng thấy hoài huyền linh.

Vật chi do tài tình Sư phụ,  
Ta không phương hiểu thấu cho cùng.  
Lửa Thái cực lớn vô cùng,  
Dẫn cùng thế giới muôn trùng hỏa tinh.

*Phân phát hóa nên hình phải tuyệt,  
Cùng Càn Khôn rải riết không ngần.  
Hỏa tinh lớn hóa nhứt quang,  
Nhứt tinh nguội làm cả tràng thế gian.*

*Nơi nào ánh dương quang chiếu diệu,  
Vạn vật gồm đại tiểu đều thông,  
Chí linh tánh đức bao trùm,  
Hữu sanh ai cũng dự cùng nhứt linh,*

*Bán thanh sanh khí, thanh thành hạo nhiên.  
Khối linh cảm ban truyền vạn loại,  
Tùy theo hàng phẩm lại vừa chừng,  
Hồn linh sanh hưởng hồng ân,  
Còn bên thể phách về thành sanh quang.*

*Ngài đã rõ hành tàng sót lại,  
Tới đây tôi đành phải ngưng văn.”*

Đức Hộ Pháp:

*“Sự hung ác và sự vô ích của loài người, loài vật và thảo mộc, cái đức tánh của vật khó lấy trí khôn người mà định mức khen choặng”.*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

*“Không vô ích dữ hiền mặt thế,  
Sống phải toan tìm kế nuôi thân.  
Chí Tôn con cái đều cân,  
Lòng thương kia phải dành phần lợi sanh.*

*Cho tấn hóa Người hành đau thảm,  
Người phải cho mô phạm bảo thân.  
Dưới đời mấy mặt hiền nhân,*

Với ta gọi dữ họ cần ích riêng.

Sao đặng tiếng Thánh hiền các Đấng,  
Sử nhưn gian bằng chứng chép ghi,  
Đấu tranh mạnh yếu thường khi,  
Xem ra thấy mạnh cũng thì phần hơn.

Lẽ mạnh yếu thiệt hơn chiến đấu,  
Năng trí mưu cơ xảo nên hay,  
Cảnh phàm tương đối là đây,  
Dữ vô dụng ấy là lời bia danh.

Nơi hoàn vũ cá sanh có chỗ,  
Các trời kia lớp ngỗ học đường,  
Cần Khôn thế giới là trường  
Chư hồn đến học cho thường mới hay.

Kẻ nào những bỏ bài trốn mãi,  
Không đặng lên học lại bài xưa.  
Các hồn ai cũng mến ưa,  
Sách thiêng liêng đọc mấy tờ vĩnh sanh.

Ai cũng ước công thành danh toại,  
Phải nhiều thời, nhiều phép, nhiều kinh.  
Vật hèn tối phẩm, tối linh,  
Con đường đi biết mấy nghìn thời gian.

Chung cuộc hiểu hành tàng ta đã,  
Sau mới tường căn quả Chí linh,  
Biệt phân đẳng cấp tánh tình,  
Là phương dành để cho mình sánh cân.

Trong học thức Ngài cần quăng đại,

Phân tánh người nơi cái tài ba,  
Đem người phàm tách cho ra,  
Ngoài vòng Thánh chất chánh tà phân minh,  
Lấy gương tốt để dành Hội Thánh,  
Năng dạy khuyên các cánh bất trung,  
Đừng nên ghét bỏ gian hùng,  
Coi phần hồn trọng độ dùm là hay.  
  
Cứ thương mãi giúp cho nhân loại,  
Chơn lý kia cần giải đôi lời,  
Từ bi, bác ái và Trời.

Đức Hộ Pháp:

“Hễ làm cha thì làm cha, còn làm thầy thì làm thầy. Cố sao Đại Từ Phụ lại xưng Thầy rất ư khó hiểu?”.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

Người cũng vốn Cha Thầy luôn một,  
Cả chơn linh hài cốt nơi Người.  
Nuôi mình dùng vật xanh tươi,  
Tạo hồn lấy phép tột rồi Chí linh.  
  
Nơi Người vốn quang minh cách trí,  
Tấn hóa hồn phép quý không ngưng,  
Vật hèn trước mắt thành trân,  
Hồn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.  
  
Luật thương yêu quyền là công chánh,  
Gần thiện căn xa lánh phàm tâm.  
Làm Cha nuôi sống âm thầm,  
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên.

Chân dung Đức Hộ Pháp trong chương này, tư tưởng và hành động của Đức Ngài đều thuận chiều để đi tới Đạo cao và đặc vị Vi Đà Hộ Pháp (*một trong bốn vị Thiên Vương trấn giữ các chùa*). Đức Vi Đà đã giáng linh ngự thể giúp Đức Ngài biểu hiện dẫn huyền diệu bí pháp của Đạo.





## CHƯƠNG III: CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI (1930 – 1934)

- ★ Bát Đạo Nghị Định. Quyền Chí Tôn nơi Giáo Tông và Hộ Pháp
- ★ Ba Hội lập quyền Vạn Linh
- ★ Ngài Lê Văn Trung đăng tiên

### 1.- BÁT ĐẠO NGHỊ ĐỊNH. QUYỀN CHÍ TÔN NƠI GIÁO TÔNG VÀ HỘ PHÁP.

**K**Ể TỪ KHAI ĐẠO ĐẾN NAY, THÌ ĐỨC HỘ PHÁP VẪN GIỮ VỊ THẾ CỦA NHÀ TƯ PHÁP, CẦM CÂN NẢY MỤC và kiêm nhiệm những văn kiện “*lập qui*”, vì Đức Chí Tôn và các Đấng mượn đôi tay của Ngài để vẽ nên cơ chế của nền Đại Đạo, cùng những luật lệ. Có lần Đức Chí Tôn hỏi hai ông Cư Tắc:

*“Thầy muốn dùng các con mà hoằng khai nền Đạo, các con dám lãnh trọng trách ấy không?”*

Ngài Phạm Công Tắc bạch:

*“Thầy dạy thì chúng con tuân lệnh, nhưng chúng con từ nhỏ tới lớn chẳng ai thông đạo lý, duy nhờ Thầy dạy bảo bấy lâu thì sự hiểu biết e chưa xứng đáng đảm nhận trọng trách lớn lao ấy”*.

Vào ngày 22-11-1930 (mùng 3-10-Canh Ngọ), Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập một đàn cơ cầu tại nơi Hiệp Thiên Đài (Tòa Thánh Tây Ninh), Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ban phẩm Quyền Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (thế danh Lê Văn Trung).

Đạo Nghị Định thứ hai, ban hành ngày 15-10-Canh Ngọ, Đức Lý Giáo-Tông phán rằng: “*Ban quyền hành cho Thượng Đẩu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng có Lão*”.

Có tất cả tám Đạo Nghị Định do Đức Lý Giáo-Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập, gồm hai thời gian:

– Ngày 3-10-Canh Ngọ chỉ có sáu Nghị Định và ban hành ngày Rằm tháng 10 năm đó. – Ngày 15-7-Giáp Tuất (25-8-1934) ban hành hai Nghị Định 7 và 8. Gồm chung gọi là Bát Đạo Nghị Định.

1. Đạo Nghị Định thứ nhất: buộc các chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải tuân y Tân-Luật và Pháp Chánh Truyền mà hành Đạo, lớn nhỏ giữ phận.

2. Đạo Nghị Định thứ hai: Ban Quyền Giáo Tông cho Thượng Đẩu Sư và qui định rõ quyền hạn của Chánh Phối Sư được giao tiếp với chánh quyền và nhân sanh, tức hành sự về phương diện Chánh trị Đạo.

3. Đạo Nghị Định thứ ba: Nam nữ Chánh Phối Sư phải hành chánh riêng và chia phận sự như sau:

- Phối Sư phải ở tại Tòa Thánh.
- Giáo Sư làm đầu một tỉnh.
- Giáo Hữu làm đầu một họ.
- Lễ Sanh làm đầu một quận.
- Chánh trị sự làm đầu một làng.
- Phó trị sự và Thông sự làm đầu một xóm.

Từ ban hành Đạo Nghị Định này thì việc phân

nhiệm vụ mới rõ rệt và chức sắc mới được tuyển bổ đi khắp nơi.

Ba phẩm Chánh Trị Sự, Phó trị sự và Thông sự gọi chung là Bàn Trị sự. Vốn buổi ban đầu, Pháp Chánh Truyền chỉ định đến phẩm Lễ Sanh mà thôi. Về sau nên Đạo mỗi ngày một thêm phổ thông, người theo Đạo mỗi ngày một nhiều, Đức Lý Giáo Tông đặt thêm hai phẩm chức việc là Chánh trị sự và Phó Trị sự; Đức Hộ Pháp đặt thêm phẩm Thông sự. Họ trông coi trực tiếp các đạo hữu. Họ là người sở tại, là cơ cấu hạ tầng kiên trì và hiệu năng nhất của Đạo, quen gọi là Hội Thánh em. Thông Sự là chức việc của Đức Lý Giáo Tông khuyên Hộ Pháp thành lập, như vậy là người của Hiệp Thiên Đài để từng quyền của Chánh Trị Sự (gọi là *Đầu Sư Em*) mà hành Đạo, đồng thể cùng Phó trị sự (gọi là *Giáo Tông em vì do Giáo Tông lập thành*) trong một ấp Đạo. Song có quyền về luật lệ chứ không có quyền về chánh trị, nên được gọi là Hộ Pháp em, để giữ lẽ công bình trong địa phận của Phó Trị sự cai quản.

4. Đạo Nghị Định thứ tư: phân rõ quyền hạn của ba vị Chánh Phối Sư.

5. Đạo Nghị Định thứ năm: buộc tất cả chức sắc phải phước đời hành Đạo, còn những người ngoài vòng chẳng dặng dự vào việc Chánh Trị Đạo.

Từ đây các chức sắc có áo tràng y chín nút cho Cửu Trùng Đài và sáu nút cho Hiệp Thiên Đài.

6. Đạo Nghị Định thứ sáu: chỉ định Đức Giáo Tông và Hộ Pháp chủ giải Pháp Chánh Truyền.

Nhờ vậy Pháp Chánh Truyền từ đây mới được chú giải rõ ràng như ngày nay.

7. Đạo Nghị Định thứ bảy: tất cả nam nữ chức sắc Cửu Trùng Đài được trọn hiến thân hành Đạo buổi sơ khai đều thăng nhứt cấp, trừ những người phạm tội hoặc phế phạm sự hoặc mới được thăng.

8. Đạo Nghị Định thứ tám: qui định những chi phái không tùng mạng lệnh Hội Thánh (*Tòa Thánh Tây Ninh*) đều coi là bàng môn tả đạo.

Nghị định này ban hành, bị nhiều chi phái đả kích và tình trạng phân chia vẫn không bớt. Nhân lễ Triều Thiên của Ngài năm Giáp Thìn, Ngài giảng cơ có khoản như vậy: “*Bản Đạo để lời khuyên chức sắc và toàn Đạo ráng thống nhứt nền Đạo cho được mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc*”.

Từ khi Đạo Nghị Định thứ hai ban Quyền Giáo Tông cho Ngài Lê Văn Trung, nhiều kẻ đổ ky, nhưng quyền thiêng liêng đã định vị, lòng phàm ganh hiềm ghét ngổ cũng chỉ tự hoại thân danh. Thánh Giáo ngày 23-12-1931, Đức Chí Tôn giảng cơ nơi Thảo Xá Hiền Cung ban quyền Chí Tôn tại thế nơi Hộ Pháp và Quyền Giáo Tông. Nội dung:

“Các con hãy nhớ rằng: toàn thế giới càn khôn chính có hai quyền: quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền của sanh chúng. Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy là Hội Thánh của Đại Đạo, rồi Thầy cũng ban quyền trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặng đủ phương tiện tận độ chúng sanh. Còn các con cả thầy đều đứng vào hàng chúng sanh, dưới quyền hành chuyển thế của Đời, nghĩa là toàn thể nhân loại đồng quyền cùng Thầy. Mà tạo hóa vạn linh vốn con cái của Thầy. Vậy thì, vạn linh cũng có thể đoạt

vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng.

‘Thầy nói rõ: quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn linh là sanh chúng. Ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp cùng Vạn linh thì Đạo mới ra thiệt tướng.

‘Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông và Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một. Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy chỉ có quyền hành Vạn linh đối phó mà thôi’.

Vì Thánh Ngôn này mà Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đã thống nhất tạo luật, đôi khi không thông qua ban Nội luật và ba Hội lập quyền Vạn linh, như chương trình hành Đạo sau:

*“Chương trình hành Đạo đáng lẽ phải đem ra cho Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh phê chuẩn, nhưng vì các khoản định trong chương trình đều không trái với Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và Đạo Nghị Định và nhất là cần phải thi hành lập tức; cho nên chúng tôi nhất định dùng quyền Chí Tôn giúp cho ba vị Chánh Phối Sư đủ quyền thi hành chương trình hành Đạo ấy, khỏi đem ra ba Hội phê chuẩn”* (Tờ châu tri số 1 ngày 7-3- Quý Dậu [1-4-1933] d Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông Ký Ban Hành).

Vịn vào đó, vào ngày 19-5-Quý Dậu (dl.11-6-1933) một số chức sắc và một ít đạo hữu các nơi, do sự triệu của nhà báo Nguyễn Phan Long về Tòa Thánh, họ lập Hội Vạn Linh (?) trong nội điện Tòa Thánh.

Họ đề cử các thành phần sau đây điều khiển buổi hội để vấn nạn Đức Quyền Giáo Tông và cũng lộ về trích điểm Đức Hộ Pháp:

- Ông Nguyễn Phan Long --- Nghị Trưởng
- Ông Trương Duy Toàn ----- Phó Nghị Trưởng
- Ông Tuyết Tấn Thành ----- Từ Hàn

Phiên họp chỉ có một ngày; vào khoảng một ngàn người tham dự, buổi chiều vắng bớt vài trăm vì họ cảm thấy phiên họp có tính cách đả phá hơn là xây dựng. Bị cáo không có người biện hộ. Cử ai đại diện, Đại hội cũng viện lý lẽ từ chối. Xin trích một vài đoạn trong phiên họp buổi chiều:

*“Mấy ông Phái viên an vị rồi, ông Diệp Văn Kỳ thay mặt cho ông Hộ Pháp để biện luận trong buổi nhóm này. Câu chốt có mấy lời như vậy: “Tôi sở dĩ chọn ông Diệp Văn Kỳ thay mặt là vì trong buổi nhóm này, chẳng những Hội viên mà ngay trong Ban Ủy viên cũng có người ngoại Đạo dự vào”.*

Đọc xong ông Nghị Trưởng liền nói:

*“Buổi nhóm họp này để vấn nạn ông Quyền Giáo Tông, chớ không phải vấn nạn ông Hộ Pháp, thì chỉ có Quyền Giáo Tông phái người thay mặt của Ngài mà thôi. Vả lại, hội nhóm này để bàn tính việc Đạo, mà ông Diệp Văn Kỳ không phải là người trong Đạo, chỉ được dự thính mà thôi, đâu có quyền tranh luận.*

*“Còn câu chốt chắc ông Hộ Pháp nhắc xéo tôi. Ông Hộ Pháp tưởng như thế là lắm. Tôi đã vào Đạo ba năm nay, được ban chức Giáo Sư; song ít khi đến đăng Tòa Thánh, nên người trong Đạo không rõ”.*

Diệp Văn Kỳ: *“Việc thay mặt được cùng không tưởng cũng không quan hệ. Tôi chỉ xin cho Hội biết rằng, tôi đến đây không có ý định binh ai bỏ ai, hay xu*

phụ theo phe đảng nào. Ông Hộ Pháp cậy tôi thay mặt, là cốt giải bày một ít Đạo Luật cho Hội biết mà thôi.

“Chỉ như nói ông Hộ Pháp là người không dính dấp đến Hội này, tôi e chẳng đúng. Hội đã công khai giữa Bửu Điện, thì bất kỳ tín đồ nhỏ nhen cũng được quyền tranh luận, phương chi Hộ Pháp là người giữ Pháp Luật Đạo, trên hết chức sắc.

“Còn nói như Quyền Giáo Tông sai người đến thay mặt, tức nhìn nhận buổi nhóm này đúng luật lệ là một cách buộc Ngài chạy chung quanh cái đường tròn chẳng có đường ra. Không đến mấy ông trách, sai người thay mặt, mấy ông bảo nhìn nhận buổi họp này”.

Chưởng (?) Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Ông Diệp Văn Kỳ vừa nói rằng ông Hộ Pháp ủy quyền biên giải luật Đạo giữa Hội, vì Hộ Pháp chưởng quản về phần luật, không luật nào qua khỏi tay Ngài được, nhưng Ngài ủy quyền cho ông Diệp Văn Kỳ, lại là một điều sai luật đó”.

Giáo Sư Thượng Chử Thanh: “Tôi xin trả lời cho ông Hậu. Ông Hộ Pháp có phái ông Tiếp Thế thay mặt cho Ngài, song vì tình anh em không thể nhóm được, nên ông Tiếp Thế phải về. Tôi xin hỏi bên Hiệp Thiên Đài, nay quyền Chưởng Pháp bảo giữ luật lệ của Đạo, tôi không công nhận ông Diệp Văn Kỳ được quyền dự Hội hôm nay”.

Diệp Văn Kỳ: “Vậy xin mấy ông nán đợi tôi về trả lời với ông Hộ Pháp coi Ngài có phái ai đi thế quyền của Ngài nữa chẳng?”.

... Ông Tiếp Thế và ông Diệp Văn Kỳ trở vào Bửu Điện.

Ông Tiếp Thế trình thư; ông Nghị Trưởng xem rồi nói rằng: “*Buổi sớm mai, ông Tiếp Thế đã từ hội về, thì hai cái giấy của Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp ủy quyền cho ông Tiếp Thế kể như đã hủy rồi. Chiều nay ông trở lại, chỉ cần thơ này là thơ riêng của Hộ Pháp gửi cho ông, chẳng phải là giấy của Quyền Giáo Tông phái đến thay mặt vậy ông nên về xin Quyền Giáo Tông ký vào bức thơ này, đặng chứng tỏ Ngài còn giao quyền cho ông hôm nay nữa.*”

Đến đây ông Thượng Bảy Thanh đứng dậy lên tay nói lớn: “*Xin lỗi ông, tôi thuở nay vẫn kính trọng ông là người hữu tâm với Đạo, nhưng cử chỉ ông ngày hôm nay thật là bất minh. Ông lấy quyền nào chủ tọa Hội này; còn Hội này là Hội gì? Và lại ông vào Đạo hồi nào không ai biết?*”

Nghị Trưởng: “*Tuy việc đời ràng buộc, tôi ít đến đây chớ tôi thường hầu đàn nơi khác. Tôi thọ chức Giáo Sư; ông không biết thì thôi tôi biết làm sao được.*”

Ông Thượng Bảy Thanh lại nói thêm rằng: “*Nhà thờ này lập ra, nay thành ra trường diễn thuyết, chớ không phải chỗ thờ phượng*”, nói rồi ông ngó ngay Quyền Ngọc Đầu Sư (Ngọc Trang Thanh) mà nói lớn rằng: “*Hiền Huynh Ngọc Trang Thanh, tôi cùng hiền huynh sẽ đối diện ngày về cùng Thầy, hiền huynh thọ Thiên điều đừng trách*”.

Sau khi ông Thượng Bảy Thanh, ông Diệp Văn Kỳ và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh rời khỏi nơi họp, thì ông Nghị Trưởng đọc Vi bằng có 12 khoản cáo trạng, mà khoản thứ năm có đoạn như vậy:

“*Sau khi hội viên bàn tính thì Thượng Hội quyết*



định:

- A. Hủy bài giảng cơ ngày 14 Février 1933 vì không y theo thể lệ cầu cơ đã lập ra rồi.
- B. Hủy bài chấp bút của Hộ Pháp ngày 10 Mars 1933, tại Hộ Pháp hay Giáo Tông Đường. Chấp bút dùng để học hỏi cho mình, không được đem ra ban hành.
- C. Bài giảng cơ ngày 23 Décembre 1931 tại Thảo Xá Hiền Cung thì phải giao cho ban kiểm duyệt xem xét trước rồi mới ban hành.
- D. Hủy tờ Châu tri số, ngày 1 Avril 1933 (*ngày 7 tháng 3 năm Quý Dậu*) vì Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp lấy ý riêng mà đặt ra”.

Về việc Hội Vạn Linh (?) có hợp lẽ Đạo không, ông Nguyễn Văn Lịch (*không phải ông Lê Văn Lịch Đầu Sư*) có tội không, ông Nguyễn Phan Long có xứng đáng ngồi ghế chủ tọa không, xin đọc một khoản trong ba Vi bằng thì rõ:

*“Thượng Chử Thanh: “Xin hãy kể tội của Đạo Hữu Lịch cho công chúng rõ”.*

Nghị Trưởng: *“Trong Vi bằng chả có nói Đạo hữu Lịch có tội hay là không tội”.*

Khi ấy một nữ Giáo Sư hỏi lớn lên rằng: *“Ông Nghị Trưởng chủ tọa trước Bửu Điện sao không mặc Thiên phục?”*

Lê Kim Ty: *“Mặc Thiên phục cùng không, ấy là điều không quan hệ chi cho mấy”.*

Nghị Trưởng: *“Trình cùng chư hội viên, tôi mới được giấy ông Diệp Văn Kỳ, xin Hội cho phép ông hỏi vài câu trong luật lệ Đạo”.*

Chư hội viên đều cho phép.

Ông Diệp Văn Kỳ liền đứng dậy nói: “Thưa quý Ngài, trước khi xin hỏi việc vài câu, tôi xin tỏ trước cho quý Ngài biết rằng tôi là người ngoại Đạo. Song tôi thấy suốt trong bốn Đạo dự nhóm đây, chọn cử ông bạn đồng nghiệp Nguyễn Phan Long lên làm Nghị Trưởng chứng buổi hội nghị này; và cũng nhờ đó mà tôi được biết rằng ông bạn đồng nghiệp đã vào Đạo lâu rồi, lại được Ông Trên ban Thiên chức, thì tôi lấy làm mừng dùm cho Đạo.

‘Tôi sở dĩ muốn hỏi vài điều là cốt cho thấu hiểu pháp luật của Đạo, chớ chẳng phải lãnh thay mặt ai cùng bình vực ai.

‘Theo như Tân Luật mà tôi được thấy, thì có một khoản nói về Giáo Tông như vậy: *“Chương Pháp phải can gián, sửa lỗi của Giáo Tông, nếu cả ba thấy lẽ vô Đạo của Giáo Tông có quyền đem đơn kiện nơi Tòa Thánh”*.

‘Một việc rất quan trọng là đem ông Giáo Tông ra xử, mà luật lệ nói tóm tắt như vậy thì tôi sợ chưa hoàn toàn.

‘Còn quyền Vạn Linh là gì?

‘Có phải là quyền gồm cả cơ quan trọng yếu: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh chẳng?

‘Ngày hội hôm nay có phải là ngày Hội Vạn Linh chẳng?

‘Tôi xin hỏi rõ: thế nào là Thượng Hội, thế nào là Hội Thánh, thế nào là Hội Nhơn Sanh?

‘Ấy vậy mà hôm nay, Thượng Hội thời như tưởng

sáu vị, sáu vị là người đứng buộc tội Giáo Tông; thì bữa nay là ngày xử, tôi ư cái quyền hành của sáu vị ấy phải ở trong phạm vi rất hẹp hòi: vừa buộc tội, vừa xử cũng hơi khó liệu.

“Còn Hội Thánh, Hội Thánh hôm nay có những ai hiện diện. Theo số chức sắc mặc Thiên phục mà tôi thấy đây, thì tôi tưởng ư về phương diện Hội Thánh cũng còn thiếu nhiều lắm.

“Hội Nhơn Sanh là ai? Cứ theo luật là một cái hội gồm đủ các chức sắc trong các địa phận, trong các Thánh Thất, các Phái Viên của các tín đồ nam nữ...

*“Số Thánh Thất của Đạo thì là 130 cái. Số tín đồ theo thống kê lấy số triệu mà kể. Ấy vậy, mà quý Ngài hãy nhìn thử chung quanh mấy Ngài, tính luôn cả mấy đứa trẻ em nhỏ dại đương ngồi ngó, không hiểu chi hết, cũng chưa lên số vài trăm người, thì sao gọi là nhơn sanh?”*

Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Nếu mấy kỳ nhóm trước không có số quyết định thì bây giờ không thể bắt chặc về số bốn Đạo nhiều hay ít”.

Ông Kỳ cười đoạn cùng với ông Phương kiếu hội ra về”. (*Ban Đạo Sử, tài liệu lưu trữ*)

Xem như thế, thì việc đem xử Đức Quyền Giáo Tông có định kiến rồi. Dù Đức Hộ Pháp có cử thêm ai thì cũng không biện biệt gì hơn. Cuộc hội nghị một ngày đó, chẳng khác gì lửa rơm bạo phát bạo tàn. Rồi không còn ai để ý gì. Nhưng nếu phải đưa ra một nhận xét, thì phiên hội đó đã không hợp luật pháp (*tức Tân Luật và Pháp Chánh Truyền*) và truyền thống nghi lễ Cao Đài Giáo không chấp nhận bất cứ ai ngồi chủ tọa một phiên hội mà mặc thường phục, chưa kể một hội

ng nghị tối cao như Thượng Hội hay Hội Nhơn Sanh.

## 2.- BA HỘI LẬP QUYỀN VẠN LINH

**D**ẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ NĂM BUỘC TẤT CẢ CHỨC SẮC PHẢI PHỄ ĐỜI HÀNH ĐẠO, CÒN NGƯỜI NGOÀI VÒNG chưa hiến thân chẳng được dự vào Chánh Trị Đạo. Về hình thức ắt có và đủ của ba Hội lập quyền Vạn Linh, thì phải theo Nội luật ngày 22-1-Nhâm Thân (dl.17-12-1932) do Đức Hộ-Pháp và Đức Quyền Giáo Tông đồng ký và ban hành như sau:

### 1. Thượng Hội gồm có:

- Giáo Tông . . . . . Hội Trưởng
- Hộ Pháp. . . . . Phó Hội Trưởng
- Thượng Phẩm . . . . . Nghị Viên
- Thượng Sanh . . . . . Nghị Viên
- Ba vị Chưởng Pháp . . . . . Nghị Viên
- Ba vị Đầu Sư Nam phái . . . . . Nghị Viên
- Đầu Sư Nữ phái . . . . . Nghị Viên
- Giáo Sư (trở lên) . . . . . Tù hàn

Mục đích của Thượng Hội là xem xét và phê chuẩn.

- Các điều của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.
- Các điều ước của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh. Trừ các điều nào do Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh để thì không được phép đưa vào Thượng Hội, nếu không có đơn của hai ông chủ tọa kêu nài.
- Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp

hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

## 2. Hội Thánh gồm có:

- Thái Chánh Phối Sư..... Chủ Trưởng
- Từ Giáo Hữu đến Phối Sư..... Hội viên

Hội Thánh xem xét các việc của Hội Nhơn Sanh dâng lên và việc hành chánh trong Đạo, rồi đệ lên Thượng Hội.

## 3. Hội Nhơn Sanh gồm có:

- **Thượng Chánh Phối Sư**: Nghị Trưởng
- **Nữ Chánh Phối Sư**: Phó Nghị Trưởng
- **Lễ Sanh, Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự**: Nghị viên, Phái viên.
- **1 nam và nữ Nghị viên**: Từ hàn

Mục đích của Hội Nhơn Sanh là trừ tính các việc:

- Giáo hóa nhơn sanh. – Lo liệu phương hay cho Đạo đời khỏi điều phản khắc và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.
- Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, dìu dắt tín đồ cho khỏi trái bước, trọn vâng các luật lệ Đạo.
- Sửa sai, thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của Đạo không phù hợp với trình độ trí thức, tinh thần của nhơn sanh.
- Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương tiện đặng phổ thông nền chơn giáo.
- Xem xét và công nhận về phương diện Chánh Trị Đạo, quan sát sổ sách, phân phát tài sản và nghị sở.

Khi hành Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp phải chấp nhận bao nhiêu khó khăn và trở ngại. Đức Ngài vẫn khăng

khăng tiến bước trên con đường đi than lửa. Đức Ngài từng tỏ nổi ưu tư nghiệp Đạo, kẻ làm thì ít mà người trích điểm thì nhiều:

*“Trước khi Đức Chí Tôn đến gieo truyền mối Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa thập nhị khai thiên đặng đem cờ cứu khổ để tại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả cứu nhị ức nguyên nhân con cái của Ngài. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài, mà trong chức sắc Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 vị: Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bản Đạo. Trong 15 vị thì chỉ có bốn đến năm vị lãnh lĩnh mà thôi... Mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lĩnh có bốn, năm vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được”.*

- *(Lời Đức Hộ Pháp nhân lễ khánh thành các dinh thự ngày 4 tháng 2 năm 1955)*

Bên trong thì như vậy, bên ngoài, chính quyền bảo hộ sợ Đạo bành trướng mạnh mẽ, một mai trở thành một phong trào ái quốc sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách để ly gián, giục loạn dưới mọi hình thức, để tâm lăm mớ rở âm mưu thâm độc của họ. Nào gây mâu thuẫn trong việc làm, gây ý thức trọng bằng cấp hơn Thiên phẩm giữa các chức sắc cao cấp. Họ tạo thành một trường đàm tiếu: Đốc phủ sao đi phò tá hạng Thư ký? Kịp đến khi Ngài Bảo Văn Pháp Quân chấp bút tạo ra bài dâng Tam Bửu mới thay ba bài cũ. Vì trong đó, hai bài dâng rượu và dâng trà cũ giống hệt nhau, chỉ khác năm chữ đầu. Họ vịn vào những sự kiện đó để bày trò chia rẽ: Khởi đầu là Nguyễn Văn Ca tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập Đạo ở Cầu Vỹ (*Mỹ Tho*). Thấy cơ Đạo sắp phân chia, nên Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh có ra Châu Tri số 31 ngày

22-9-Tân Mùi (1-11-1931) như sau:

“Ngày nay mỗi Đạo sắp phân chia, vì có một phần chức sắc và tín đồ tự quyền lập Đạo ra nhiều chỗ. Tòa Thánh có khuyên lớn, Tòa Tam Giáo có phán đoán rồi, mà cũng không ai tuân mạng lệnh. Lại cách thi thố, cách hành Đạo của các chức sắc ấy, nhiều khi không tuân phép nước. Nên xin chư hiền hữu hãy xem xét lại cho kỹ càng, rồi biên tên họ những chức sắc nào không tuân mạng lệnh Tòa-Thánh, gửi về trước cho tôi trong kỳ hạn 10 ngày đăng cho chính phủ biết rằng các Đạo hữu ấy hết thuộc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và tự hậu, Đạo không còn can dự chi tới việc hành động của các vị ấy nữa”.

Sau đó, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh (tức ông Nguyễn Ngọc Tương) gửi cho ông Nguyễn Văn Ca thơ đề Tây Ninh ngày 1-11-1932 với lời lẽ thống thiết, kêu gọi ông Ca mau trở về Tòa Thánh Tây Ninh để tiếp tục hành Đạo. Nhưng tấm lòng chung thủy của ông Nguyễn Ngọc Tương không được lâu bền. Vì ảnh hưởng của dư luận bên ngoài quá nặng, nên sau đó ông cùng Lê Bá Trang tách rời Tòa Thánh Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chính Đạo. Đức Hộ Pháp mới ra Đạo Nghị Định số 17 ngày 28-7-1933 không nhận hai ông này nữa.

Châu tri số 6 ngày 12-6-Ất Hợi (12-7-1935) có ghi:

“Bản Đạo chưa hề đăng lệnh cơ bút của Đại Từ Phụ hay của Đức Lý định nhượng phẩm ấy (Phẩm Giáo Tông) cho người nào cả.

‘Sự hành động mê hoặc tín đồ của Đạo hữu Thượng Tương Thanh đều là giả dối, huống chi sự hám vọng của người đã nảy sinh ra từ khi Đức Quyền Giáo Tông

còn tại thế, chỉ cố xô ngã Thượng Trung Nhật để tìm phương tiến vị.

‘Bản Đạo chính nguyện cho Thượng Tương Thanh lấy thủ đoạn thu phục nhân tâm sao cho đặng toàn hết thiên hạ, rồi Bản Đạo sẽ đem hết áo mão Giáo Tông ra quì trước cửa Tòa Thánh đặng dâng cho người, nâng đỡ người lên ngôi báu đặng làm chúa cả toàn sanh chúng.

‘Hại thay cái sở nguyện ấy e không đắc nguyện đặng vì dưới mắt Bản Đạo thấy, ba tay kiện tướng của người là ông Qui, ông Hậu, ông Kim cũng phản người rồi đó’.*(Ông Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Văn Kinh sau trở về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo, ông Cao Quỳnh Diêu cũng rời bỏ ban Chính Đạo trở về Tây Ninh)*

Rồi từ đó sự phân chia ngày càng nhiều. Thánh Thất này đôi trăm người lập ra một phái, Thánh Thất kia vài trăm người độc lập không phụ thuộc ai. Chung cuộc vẫn thờ Đấng Cha chung là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

### 3.- NGÀI LÊ VĂN TRUNG ĐĂNG TIÊN

**D**ỨC QUYỀN GIÁO TÔNG RỒI CŨNG THEO GÓT ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM QUI THIÊN (13-10-GIÁP TUẤT) để một mình Đức Hộ Pháp chiếc thân lèo lái thuyền Đạo lướt qua bao cơn thử thách nhọc nhằn.

Trong ngày lễ an táng xác Đức Quyền Giáo Tông (26-10-Giáp Tuất nhằm ngày 2-12-1934), Đức Hộ Pháp đọc văn tế có đoạn như sau:

*“Giữa thế kỷ 20 này, toàn địa cầu nhơn sanh đều xu hướng về đường vật chất, đua tranh náo nhiệt, mạnh*



đặng yếu thua, khôn thì còn, dại thì thác, làm cho cá nhân và cả xã hội sanh hoạt khó khăn mà quên cả tinh thần vi chủ...

‘Đời chẳng khác nào chiếc thuyền chịu sóng gió ba đào lênh đênh khổ hải. Những khách giang hồ của Tạo Công ai lại chẳng phập phồng rơi châu đổ ngọc. Trong cơn khổ não tâm hồn ấy, ngẫu nhiên gặp cứu tinh giải nạn là: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Thượng Đế chấn hưng tôn giáo.

‘Ngài đến đặng nhìn nhận các Đạo là phương giáo hóa của Ngài và dung hợp các triết lý của đời dưới khuôn phép lương tâm làm chủ.

‘Từ năm Bính Dần (1926) là năm Đạo mở tại Nam Kỳ đến nay, Anh Cả chúng tôi Lê Văn Trung, Đạo tịch Thượng Trung Nhứt đảm nhiệm vai tướng rất lớn lao là phổ độ diu dắt nhơn sanh vào đường chánh giáo.

‘Một mối Đạo rất cao thâm mầu nhiệm mà chính Đức Thượng Đế gieo truyền trong nước nhỏ Việt Nam, thiết tưởng sự khó khăn mà Anh Cả chúng tôi trọn chịu chín năm, chẳng quản nhọc nhằn một tay chống vững thuyền Đạo, bên chí lướt qua mọi khổ hải.

‘Đạo mở vào buổi nhơn sanh đương khuynh hướng về đường vật chất thì cái tôn chỉ Đạo phải có thực lực gì cực kỳ mãnh liệt mới dung hòa nổi hai thuyết duy tâm và duy vật; phải hợp thời thì nhơn sanh mới chịu hoan nghênh mà bước vào cửa Đạo. Nếu Đạo không có cái tôn chỉ duy tâm cải cách theo trình độ tiến hóa của nhơn sanh thì Đức Thượng Đế chẳng cần nhọc công tái lập vì Đạo đã có sẵn từ tạo thiên lập địa rồi.

‘Trong các tôn giáo: Phật Giáo, Lão Giáo, Nho Giáo,

Cơ Đốc Giáo cũng có nhiều triết lý cao siêu theo đó mà hành Đạo cũng tiến hóa. Mỗi tôn giáo ấy đều có một tôn chỉ đặc thù phù hợp với phong hóa tùy mỗi thời đại chứ không hợp thời buổi bây giờ. Đạo có những điều tối ưu như thế, tất phải có người tài đức làm hướng đạo mà truyền bá cho nhơn sanh, khỏi lầm đường lạc lối và cũng phải có đại hùng, đại lực mới gánh vác nổi trách nhiệm lớn lao của Đại Đạo.

‘Anh Cả chúng tôi trước khi vào Đạo vẫn là người duy vật cũng như mọi người ngoài đời; về đường danh lợi Người chẳng nhượng cho ai; kịp khi Đạo mở Đức Thượng Đế kêu đích danh Người mà phó thác Đạo Trời.

‘Phong trào duy vật (đây muốn nói chuộng bỏ lợi danh, đua đòi vật chất) đang sôi nổi, Người đương thời phấn đấu mà Người cũng vui lòng phế hết việc đời để hiến thân cho Đạo. Buổi ban sơ chỉ có vài ba anh em theo Đạo, cũng có kẻ trắng người đen, không đồng tâm chí, nghịch lẫn nhau. Nhưng vì lòng háo đức của Người sẵn có, Ngài không chút ngại ngùng bạo gan chí sĩ mà hiến mình trọn vẹn lập Đạo mới thành, công ấy thường này làm Anh Cả chúng sanh cũng đáng.

‘Vào Đạo rồi, khi thì lập đàn thương giáo cùng các Đấng Thiêng Liêng, khi đi phổ độ khắp Nam Kỳ. Không nói ra ai ai cũng rõ, những nỗi khó khăn về hiệp hội ở xứ mình. Cho nên lúc khai Đạo gặp nhiều nỗi tân khổ, lại còn nhiều nỗi cam go với Đạo hữu các nơi. Khi Đạo có mùi hoằng hóa. Sau đó, Hội Thánh Ngoại Giáo thành lập ở Kiêm Biên, tuy gặp lắm nỗi truân chuyên mà Người cũng cứ nhứt tâm, nhứt đức theo đường thẳng tiến hành không bao giờ nãn lòng thối chí.

‘Vì sao Đức Thượng Đế không chọn người nào khác mà đem mỗi Đạo lớn trao cho Người lúc ban sơ? Có ai dám nói Đức Chí Tôn dùng lầm!’

‘Vậy thì, tôn chỉ của Đại Đạo đã biểu lộ rõ ràng, bí quyết đạt Đạo chẳng phải do một mặt yếm thế để tịnh dưỡng tinh thần, mà phải lịch lãm về nhân sự và phải xuất chúng, rồi lấy đạo đức mà cứu nhơn quần.’

‘Xã hội phải tùy sở nguyện của chúng sanh mà lập phương phổ hóa, thì cái công tu luyện kia mới bổ ích. Vì vậy Anh Cả chúng tôi mới đặc dụng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.’

‘Anh Cả chúng tôi có nhiều điều kiện hợp lý với tân thời mà cũng không nghịch với phong hóa cũ.’

‘Vậy nên, Đức Chí Tôn mới dùng Người để làm mô phạm cho cả anh em Đạo hữu và cho đời thấy rõ một phần chơn lý trong tôn chỉ Đại Đạo.’

‘Theo thời đại khoa học đang nỗ lực phát dương này, nếu đem cái thuyết duy tâm cực đoan mà phổ hóa chúng sanh không khỏi bị hậu; còn nếu chuyên một mặt duy vật mà tiến hành thì xã hội có ngày ắt bị tiêu diệt về nạn cạnh tranh. Vậy phải chiết trung hai thuyết mà dung hòa thì đời mới đặng vừa tấn hóa theo văn minh khoa học, vừa duy trì đặng tâm hồn đạo đức. Nhờ hiểu ý nghĩa cao thâm như vậy mà Anh Cả chúng tôi không vì hoàn cảnh mà quá ưu thiên lệch về một mặt nào. (Đạo Cao Đài theo thuyết Trung Dung, không theo duy tâm mà cũng không theo duy vật, vì tâm vật đều do khí hóa tạo thành, mất quân bình âm dương sẽ rối loạn, nên Đạo chủ trương Tâm Vật bình hành)

‘Chúng tôi còn nhớ rất rõ lời tuyên bố của Anh Cả

chúng tôi như vậy:

“Ngày nào như sanh còn khốn khổ thì chưa phải ngày anh tọa hưởng an nhàn, dầu anh đắc quả mà qui Tiên, anh cũng nguyện tái kiếp để độ tận chúng sanh”.

‘Bác ái thay lời tuyên bố ấy, không cần khoe khoan bằng văn chương, với những lời chất phác trên kia cũng tả đặng tâm tình của một trang đại đức.

‘Theo thể thường, người đi tu nào cũng hy vọng thành Tiên, chứ ít ai ở lẫn lộn trong chốn hồng trần. Vậy mà Anh Cả chúng tôi chẳng hề nao núng, thậm chí có người lo sợ khuyển. Người giải quyền (tuốc) nhập tịnh cho yên. Người nói rằng dầu phải tử vì Đạo Người cũng vui lòng, chớ Người không sợ chết mà bỏ quên phận sự. Xem đó, đủ thấy cái đại chí của Người vì Người thấu mục đích tối cao của Đạo. Tôn chỉ của Đạo không dữ mà hùng, hòa mà không nhược.

‘Cái ý nghĩa đó, Anh Cả chúng tôi hiểu và đã thực hành, nên Đạo mới đứng vững đến ngày nay.

‘Anh Cả chúng tôi còn hiểu rộng nghĩa chữ “Từ Bi Bác Ái” nên gặp phải nhiều phản động lực của những người thiên kiến... Anh Cả chúng tôi không vì sự thương thấp thỏi của thường tình mà bỏ cái thương đại đồng thế giới cho nên phải gặp nhiều nổi tâm toan...

‘Ngày nay Anh Cả chúng tôi đã vào cõi hư vô, thiết tưởng những phản động lực kia (Dự vào châu tri số 1 ngày 7 - 3 - Quý Dậu. Ông Nguyễn Phan Long [ở đây ghi là nhóm duy vật] hướng dẫn một số người lên Tòa Thánh mở Hội Vạn Linh bị nhóm duy tâm của Giáo sư Thượng Chử Thanh chống lại.) cũng lần lần giảm bớt... Cái khó nhứt là phải có đủ đức kiên nhẫn để chống lại các phản

động lực trong Đạo và ngoài đời. Nhiều lý thuyết tương phản nhau vì trí độ của con người không thể đồng đều nhau: kẻ thì ưa thuyết duy tâm, cứ chuyên chú một mặt tích cực; còn người thích duy vật thì chuyên chú một mặt tích cực. Mỗi phía đều cực đoan, tránh sao khỏi xung đột. Hai phía xung đột nhau mà bắt Đạo ở trung gian là nơi chiến địa thì kẻ cầm quyền trong Đạo tránh sao khỏi những nỗi khó khăn. Vì vậy Anh Cả chúng tôi chịu nhiều đau đớn.

Ôi! Một đấng anh hùng như thế, một tay kiện tướng của Đạo nay đã ra người thiên cổ. Dẫu gan sắt dạ đồng cũng phải rơi châu mà thương tiếc. Anh Cả ơi!”

▪ (Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 123-128)

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung mất đi để lại trong Đạo một khoảng trống rất lớn. Khi Ngài lên cầm quyền Giáo Tông thì phẩm Đầu Sư khuyết vị nên ba vị Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh lên nắm quyền Đầu Sư. Khi hai ông Tương, Trang về Bến Tre thì Tòa Thánh khuyết vị Đầu Sư. Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng ý đưa ba vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài qua Cửu Trùng Đài cầm quyền Chánh Phối Sư mà lập thành Hội Thánh. Khai Đạo Phạm Tấn Đãi làm Thái Chánh Phối Sư, Khai Pháp Trần Duy Nghĩa là Ngọc Chánh Phối Sư, Khai Thế Thái Văn Thâu là Thượng Chánh Phối Sư. Quyết định này bị một số chức sắc phản đối, yêu cầu trả các Thời Quân về Hiệp Thiên Đài. Như vậy Cửu Trùng Đài là một ngôi nhà trống không Giáo Tông, không Đầu Sư, không Chánh Phối Sư.

Sau việc qui thiên của Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp thừa hưởng sự trống vắng như vậy. Sau thời

gian dài suy nghĩ, chức sắc Cửu Trùng Đài, chức sắc Hiệp Thiên Đài, toàn thể quyết nghị triệu tập Hội Nhơn Sanh vào ngày lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông (8-11-35) để giải quyết tình hình bức thiết của nền Đạo. Hội Nhơn Sanh là trí huệ tập thể, là ý dân cao nhất trong nền Đạo với quan niệm “*Thiên Nhân hợp nhất*”, “*ý dân là ý Trời*”. Thầy đã dạy: “*Việc gì hợp với lòng chư môn đệ là hiệp với ý Thầy*”. Thế nên việc đưa Đức Hộ Pháp lên nắm Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài đó là ý muốn của nhơn sanh lúc bấy giờ và được sự đồng tình của Hội Thánh Cao Đài. Quyết định ấy cũng có tính cách giai đoạn, đoán kỳ để cứu lấy nền Đạo một khi không khuyết chức sắc bên Cửu Trùng Đài.

Chuyện này nổi lên Hội Vạn-Linh, một đứa con hoang ngoài luật pháp Đạo. Vì chỉ có “*Ba Hội lập quyền Vạn Linh*” chứ không hề có “*Hội Vạn Linh*”. Người ta hiểu mập mờ: lấy quyền Vạn Linh mới đánh đổ Đạo quyền Chí Linh. Từ sau khi Bát Đạo Nghị Định ban quyền hành cho Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, kế đến đàn cơ tại Thảo Xá Hiền Cung ban quyền Chí Tôn tại thế cho nhị vị Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp. Một số chức sắc ở Sài Gòn lôi kéo thêm một số tín hữu về Tòa Thánh Tây Ninh mở Hội Vạn Linh (?) để chống lại Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và thử sức người cầm luật là Hộ Pháp (*bảo hộ luật pháp*).

Động cơ nào thúc đẩy nhà báo Nguyễn Phan Long mặc áo phục ngồi giữa Đền Thánh chủ tọa một hội nghị lớn như vậy. Số là thực dân Pháp quá khó chịu trước hành động đưa “*Tờ Khai Đạo*” rồi ngang nhiên hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông. Thêm vào đó Đức Ngài còn trả Bắc Đẩu Bội Tinh, huy chương cao

quí mà Pháp ban tặng. Mặt khác Đức Phạm Hộ Pháp bỏ việc về hành Đạo chỉ vì thực dân Pháp đổi Ngài đi Cái Nhum. Hai vị ấy, Pháp phải trừng trị qua việc xúi giục nhà báo Nguyễn Phan Long để “*bôi bẩn*” Đức Quyền Giáo Tông; thuận lợi sẽ lật đổ. Nhưng với sự cương quyết của Đức Hộ Pháp, Đức Ngài thừa hiểu: họ khảo dượt Đức Quyền Giáo Tông nhưng để thử thách “*viên thơ ký*” cấm luật Đạo. Đức Ngài phải nhờ luật sư Diệp Văn Kỳ để đối phó luật đời lẫn luật Đạo. Sở dĩ có hành động như vậy vì nhóm Nguyễn Phan Long am hiểu luật đời nhiều hơn luật Đạo nên sai lầm mà lập Hội Vạn Linh (?).

Cơn dông bão nào rồi cũng qua đi, để lại những vết hằn cho lời đàm tiếu của nhơn sanh.





## CHƯƠNG IV: CHƯƠNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI (1935 - 1940)

- ★ Năm quyền Chánh Trị Đạo
- ★ Chúc sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới
- ★ Qui định về Lễ sĩ, Giáo Nhi và Bộ Nhạc
- ★ Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo
- ★ Lời cảnh cáo không cần thiết
- ★ Việc xây dựng Đền Thánh
- ★ Bộ luật năm Mậu Dần
- ★ Việc mặc Đạo phục đi hành Đạo

### 1.- NĂM QUYỀN CHÁNH TRỊ ĐẠO

**T**Ừ KHAI ĐẠO ĐẾN ĐÂY, ĐỨC PHẠM HỘ-PHÁP VẪN GIỮ ĐÚNG VAI TRÒ TƯ PHÁP VÀ ĐỒNG TỬ TRUNG gian giữa Trời và người. Có thể nói thời gian trước Ngài là cái bóng mờ. Năm Ất Sửu (1925), thử tìm học Đạo thì Ngài chỉ là Nhị ca mà Đức Cao Thượng Phẩm là Đại ca. Khi Đức Chí Tôn dự kiến phong cho Ngài Ngô Văn Chiêu làm Giáo Tông thì Ngài vẫn vào hàng áp út.

*Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,  
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.  
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,  
Cái của cái công phải trả đồng.*

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cầm giềng mối Đạo là Anh Cả, Đức Ngài vẫn là hàng em. (*Xem lại các bài giảng Đạo lúc ấy ta thấy Đức Ngài xưng Em*)

Những sự kiện đó đánh tan những ai cho Ngài lập

Đạo để làm hậu thuẫn hoặc mưu đồ gì (?). Cao Đài Giáo là do Thiên Liêng lập ra mà Đức Ngài và Đức Cao Thượng Phẩm chỉ là cặp cơ phong Thánh đầu tiên để tạo cơ chế Đạo.

Đức Ngài đã chứng kiến ba cơn khảo của ba vị Đại Thiên Phong: Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật.

1) Vụ Ngài Ngô Minh Chiêu không nhận Thiên Phẩm Giáo Tông chỉ vì quan niệm “*ngô thân bất độ hà thân độ*”. Hơn nữa “*ông Chiêu vẫn là người dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ ông khuyên tu hành*”. (Theo “*Đại Đạo căn Nguyên*” của Nguyễn Bảo Pháp)

Đạo hiệu của Ngài Ngô là Minh Chiêu tức Chiêu Minh Linh Giác. Hai Ngài Ngô Phạm có huệ nhãn nhìn biết áo Giáo Tông thù bát quái chỉ là áo Tiểu phục, còn Đại phục Giáo Tông là áo tràng trắng có thù hoa sen vàng, đến khi lập Pháp Chánh Truyền toàn Đạo mới rõ. Việc định ban phẩm Giáo Tông là Thầy thử Ngài có trọn Đạo vô vi và đắc vị tại thế chưa! Một ít suy luận điều này điều nọ làm cho nền Đại Đạo ly tán là trí lực còn hẹp hòi. Đức Phạm Hộ Pháp lúc nào cũng xem Ngài Ngô là Anh Cả. Vào vía Đức Phật Mẫu năm 1954, Đức Hộ Pháp giới thiệu Ngô Khai Minh, con trai út của Đức Ngô với chức sắc tại Tòa Thánh: “*Đây là con trai Đức Ngô Minh Chiêu giáo chủ Đạo Cao Đài*”. (*Tiểu Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, Sài Gòn 1962*)

Nhờ sự quan tâm đó của Đức Hộ Pháp mà Ngô Thanh Phong con thứ chín của Đức Ngô dời nhà về

Tây Ninh ở gần Mít Một. Chính đồng đạo Ngô Thanh Phong tặng soạn giả bức hình của Đức Ngô khi nhận thờ Thiên Nhân. (*Hình này từ trước đến nay chưa được công bố*)

2) Vụ Đức Cao Thượng Phẩm xảy ra vì sự hiểu lầm của một vài tín hữu (*Xem Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư cùng người viết*). Trong khi đó Đức Hộ Pháp phải tịnh pháp ở Thủ Đức. “*Cho đến bảy tháng, lúc xuống ở Thủ Đức, năm thiên hạ bị bệnh chướng, khi không khởi phù mình rồi chết, nhứt là ở Thủ Đức lắm bệnh nhân quá chừng. Đức Chí Tôn bảo xuống Thủ Đức cứu bệnh cho họ trong bảy tháng, xuống ở Thánh Thất của Đạo. Nhờ Đức Lý giảng dạy với ngòi bút, trọn bảy tháng trường mới biết Đạo. Cái hay hơn hết là những gì Ngài dạy trong cơ bút là những sở hành trong kiếp sanh của Bản Đạo*”. (*Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm 17 - 8 - Quý Tỵ, [tức năm 1953]*)

Người gây bệnh khổ cho Đức Cao Thượng Phẩm là Nguyễn Phát Trước. Một tay “*anh chị*” ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn được Đức Quyền Giáo Tông độ vào Đạo, nên Tư Mắt (*tức Nguyễn Phát Trước*) chỉ có Ngài Lê Văn Trung nói mới nghe:

Tư Mắt làm chức gì trong Đạo (?) xưa nay ít ai để ý điều này. Trong đàn cơ ngày 26-10-Bính Dần, ông Trần Văn Tạ được phong Hộ Đàn Pháp Quân (*coi trong đàn lễ*), và Nguyễn Phát Trước được phong Chương Nghiêm Pháp Quân (*coi bên ngoài đàn lễ*) (Theo Nguyễn Hương Hiếu, “*Đạo Sử*”, Q. II, trang 12). Theo Đạo sử quyển II, nơi trang 55 ghi:

“*Mắt! Thầy dặn con cứ nghe lời Thầy...*”

“Còn sắc phục, con phải mặc áo nịt một sợi dây lưng ba màu: vàng, xanh, đỏ; có chữ ngay giữa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và một cây Trượng, trên có lá cờ cũng đề như vậy. Bộ y phục như của Ta, nghe à!”

Nên biết lâu nhà Tư Mắt hiển làm Thánh Thất, sau thành Trước Lý Minh Đài. Chính nơi đây khai sanh quyền Đại Thừa Chơn Giáo, nội giáo tâm truyền của phái Chiêu Minh. Dù ở Thủ Đức, khi hay tin Đức Cao Thượng Phẩm bệnh nặng, Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh ngay. Trước khi lâm chung, Đức Thượng Phẩm chỉ mời Đức Hộ Pháp đến dặn dò thì đủ hiểu tình của Đức Hộ Pháp đối với Đức Cao Thượng Phẩm là thân ái nhường nào!

3) Vụ Đức Quyền Giáo Tông tuy có sơ xuất một vài nguyên tắc hành chánh, nhưng Đức Ngài cũng đưa ông Diệp Văn Kỳ đến bệnh vực cho biết phiên họp đó ông Nguyễn Phan Long ngồi ghế Nghị Trưởng không hợp với lễ Đạo. Ba vụ trên chứng tỏ được nghĩa khí của Ngài là thế nào đối với người đồng hành. Chưa kể khi Ngài Bảo Văn Pháp-Quân Cao Quỳnh Diêu bỏ Bến Tre trở về Tòa Thánh; lúc qui vị, Đức Ngài cho hành đại lễ liệm trong liên đài và táng trước Đại Đồng Xã.

Vào ngày lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông (ngày 8 tháng 11 năm 1935), đồng thời cũng là Đại Hội Đồng gồm tất cả Nhơn Sanh và Hội Thánh nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh vào ba ngày 8, 9, 10 tháng 11 năm 1935, có hàng vạn tín đồ các nơi về tham dự.

Toàn Đại Hội đã đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị (Sài Gòn ngày

8-11-1935).

Tờ của Hội Nhơn Sanh đã biểu quyết như vậy:

“Nghị viên nam nữ Hội Nhơn Sanh nhóm Đại Hội thường niên tại Tòa Thánh ngày 17-10-Ất Hợi, đồng lòng bỏ thăm tín nhiệm chánh sách độc tài của Đức Hộ Pháp và xin đem hết tâm trí giúp Ngài đạt thành sở vọng, đưa cả chúng sanh đi tận trên con đường Thánh Đức của Đức Chí Tôn.

*“Thảng như phải dụng hết khổ tâm để làm màu cho thiên thơ thì chúng tôi cũng đều vui lòng hiến thân cho nên chánh giáo, đặng Hội Thánh cầm giữ quyền hành và nhắc giữ pháp luật”.*

Và tờ của Hội Thánh như vậy:

*“Nghị viên nam nữ Hội Thánh nhóm Đại Hội bất thường tại Tòa Thánh ngày 18-10-Ất Hợi, sau khi Đức Hộ Pháp giải bày về tình hình hiện thời của Đạo, đồng thời bỏ thăm tín-nhiệm chánh sách độc tài của Ngài, hầu vừa giúp Ngài có đủ quyền hành giữ nghiêm pháp luật Đạo”.*

Thế là từ đó về sau, Đức Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng để lo xây dựng chánh pháp và Đạo sự đặng bảo tồn chơn truyền, diu dắt con cái Đức Chí Tôn trên đường Thánh Đức.

Đức Lý Giáo Tông giáng cho bài thi quán thủ:

*Hộ giá Chí Tôn trước tôi giờ,  
Pháp luân thường chuyển máy Thiên cơ.  
Chương quyền Cục Lạc phân ngôi vị,  
Quản xuất Càn Khôn định cõi bờ.  
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,*

*Hữu duyên Đông Á năm Thiên thơ.  
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,  
Đài trọng hồng ân gắng cây nhờ.*

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn G. Gobron cũng viết “*Sa Sainteté Phạm Công Tắc fut proclamé Supérieur du Caodaisme par le Conseil Populaire et par le Conseil Sacerdotal en remplacement du feu Pape intérimaire M. Lê Văn Trung désincarné en 1934*”. (G. Gobron, *Histoire et Philosophie du Caodaisme*- -Paris, Dervis 1949, trang 85)

Lục Nương Diêu Trì Cung giảng cơ bày giải việc này như sau:

*“Em đặng tin lành: Ngọc Hư lo chung giữ pháp. Cả thiên thơ hủy phá, sửa cải pháp chơn truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết. Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ vô cùng, ngâm bài:*

*Vú Mẹ chưa lia đám trẻ con,  
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.  
Quyền cao Ngự Mã đà vinh lấy,  
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.  
Lọt điểm Thánh Tâm trần tục khảo,  
Vẻ tươi bợn thế nét dò đôn.  
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,  
Lòng Mẹ ngại ngục, con hồi con!*

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, các Đấng cho biết: Thiên thơ cải sửa, để cho Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài vì Cửu Trùng Đài bắt lực.

*Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,  
Ngọc Hư định sửa mới Thiên Thi.  
Cửu Trùng không kể an thiên hạ,*

*Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.  
Thành Pháp diu đời qua nẻo khổ,  
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.  
Quyền hành từ đây về tay nắm,  
Phải sửa cho nên đáng thế thì*

Ngày 18-10-Ất Hợi (13-11-1935), Đức Lý giảng cơ tại Giáo Tông Đường, có đoạn viết:

*“Thảng như Lão có muốn làm nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội Thánh hữu hư vô thực như vậy. May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi đời đời trở ngăn. Từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.*

*“Hội Pháp bạch: Đệ tử xin giao quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ tài cầm Thiên thơ chặc.*

*“Cười, Lão cho, không lẽ lấy lại, hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó. Cứ để y.*

*Nghe thi này và kiểm hiểu.*

*Bát nhã từ đây vững lái thuyền,  
Tuông pha khổ hải độ nhưn duyên.  
Gay chèo thoát khổ đầy linh cảm,  
Rạch nước trừ oan đủ diệu huyền.  
Thổi thẳng cánh buồm thì Lão thủ,  
Nâng an lòng bảng cây Thần Tiên.  
Phong ba mấy độ đà qua khỏi,  
Ném thử Giáng Ma đóng Cửu Tuyên.”*

Ngày 1-12-Quý Tỵ, Đức Lý giảng cơ cho biết:

*“Hiển hữu có nghi tại sao Lão phải ban quyền Giáo Tông cho Hiển hữu đặng trọn quyền Chí Tôn hữu hình*

*tại thế chăng?*

*“Do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão quá chấp nệ phạm tánh, không dung thứ tội cho con cái của Người, nên giao cho Hiền hữu là bạn đồng sanh biết đau đớn, khổ cực với mảnh thi phạm mà rộng dung cho họ.*

*“Quyển Chí Tôn trong tay Hiền hữu thì cứ tự dụng đăng định vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng can thiệp vào đó”.*

Tổ chức Đạo Cao Đài quá phân quyền, đó là một điều hay nếu trình độ trí thức của toàn Đạo cao, và mỗi người biết chịu lấy phần trách nhiệm của mình. Nếu không được vậy guồng máy trở nên nặng nề và khó mà đối phó với tình thế dầu sôi lửa bỏng về tình hình trong nước cũng như quốc tế. Trong bối cảnh lịch sử như thế, quyết định của Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh là một quyết định thúc thời. Nhờ tập trung quyền hành trong tay mà Đức Hộ Pháp đã lái con thuyền Đạo khỏi bao cơn phong ba bão tố.

Không những chính phủ Pháp làm khó dễ, mà chính triều đình Huế cũng cấm truyền Đạo: *“Bảo Đại tự nhiên cấm bắt đả truyền giáo Trung Kỳ”*. Chức sắc nào được bổ ra Trung đều bị bắt phóng trục về Nam.

Trong khoảng thời gian này khó khăn nhất cho nền Đạo, bên trong thì chia rẽ chi phái lũng đoạn truyền xuyên tạc bôi bẩn các Chức sắc và Hội Thánh. Bên ngoài thì người Pháp hạn chế việc truyền giáo, bí mật lỏng người vào Đạo để theo dõi và tìm tài liệu và phóng đại gửi về chính quốc báo cáo để diệt Đạo.



## 2.- CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI CẤP DƯỚI

**H**Ì THỂ, CÁC CHỨC SẮC CAO CẤP BỊ MẬT THÁM THEO ĐÔI. HẦU HẾT THẬP NHỊ THỜI QUÂN RỜI TÒA Thánh về quê. Không thể để bộ phận pháp chánh bị trống vắng, nên Đức Phạm Hộ Pháp cầu xin các Đấng cho thành lập các chức sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới Thời Quân.

Ngày 16-02-Ất Hợi (20-3-1935), đàn cơ tại Tòa Thánh Đức Chưởng Đạo dạy như sau:

“Chưởng Đạo Nguyệt Tâm, Chơn Nhơn, ou Victor Hugo

Cười...khi nầy có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông nơi đây, song hai vị mới hộ tiền nữ phái...cười...  
Quý hóa dữ ha!

Thưa Hộ Pháp, Bản Đạo để lời chia vui cùng Ngài, hôm qua nhờ có Thánh Chỉ Chí Tôn, nên mới đặt rộng đường xuất Thánh...Bản Đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho Học Tu nên mới đặt cao phong phẩm giá.

Cười...Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba pháp, đạo, thế thì sự hiểu biết của Bản Đạo như vậy:

Sĩ Tải là Secrétaire Archiviste:

Lên phẩm Truyền Trạng là Greffier.

Rồi lên phẩm Thừa Sứ là Commissaire de la Justice.

Lên phẩm Cải Trạng là Avocat.

Lên phẩm Chưởng Ấn là Chancelier.

Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên địa vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng Chưởng Ấn phải lên địa vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mà đặc phong phổ thông đặng một nước rồi mới vào chánh vị (*Hương Hiếu, “Đạo Sử II”, trang 318*).

Ngoài ra, còn thêm phẩm Luật Sự dưới cấp Sĩ Tải được thành lập bởi sắc lệnh của Đức Phạm Hộ Pháp số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (11-7-1936). Phẩm này do khoa mục tuyển chọn.

Theo Sắc Lệnh 34 ký ngày 23-5-Bính Tý (11-7-1936) của Đức Phạm Hộ Pháp, ngoài các thí sinh có bằng cấp ra, các chức việc sau đây cũng được dự thi:

“Bần Đạo mở khoa mục, tuyển chọn hàng Luật Sự trong chức việc nam nữ kể ra sau đây:

5. CHÁNH TRỊ SỰ nam nữ đặng dự thi, khi đã hành Đạo trên ba năm.
6. THÔNG SỰ nam nữ đặng dự thi, khi đã hành đạo trên năm năm.
7. TÍN ĐỒ nam nữ giữ luật pháp và trọn trung, trọn nghĩa cùng Đạo từ buổi ban sơ.

Chức Luật Sự Hiệp Thiên Đài trấn nhậm một họ Đạo, làm đầu Chánh Trị Sự và Thông Sự về mặt luật pháp nhưng tòng quyền Sĩ Tải và không được xử đoán”.

Theo quyển Nền Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa soạn dưới sự chỉ đạo của Đức Hộ Pháp, nơi trang 61 viết như sau:

“*Chức sắc Hiệp Thiên Đài ngoài Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân, còn có Thập Nhị Bảo Quân là: Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Văn Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Sĩ Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân,*

*Bảo Thương Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Học Quân, Bảo Ý Quân, Bảo Cô Quân”.*

### 3.- QUI ĐỊNH VỀ LỄ SĨ, GIÁO NHI VÀ BỘ NHẠC

**T**RONG THỜI GIAN KIÊM MIỆM CHƯỞNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI, ĐỨC NGÀI CHĂM LO MỌI MẶT không những cho chúc sắc, chúc việc mà còn ưu ái mọi nhân viên công quả. Dưới đây là Sắc Lệnh 51/SL về Lễ Sĩ và Giáo Nhi và Thánh Lệnh 25 về Bộ Nhạc.

#### SẮC LỆNH SỐ 51/SL

Nghĩ vì Tân Kinh là kinh tận độ đã ra nên cần nhất phải có Lễ Sĩ, Giáo Nhi dạy mấy em Đồng Nhi rồi phần linh hồn cho con cái Đức Chí Tôn khắp cả các nơi mà phước Đạo đã đủ huyền vi che chở;

Nghĩ vì Hội Thánh mong mỗi mở rộng con đường Thánh Đức cho đoàn hậu tấn bước vào hàng Thánh thể của Đức Chí Tôn đặng lập vị;

Nghĩ vì các em Đồng Nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay trưởng thành, nên buộc Hội Thánh định phân phong thưởng công nghiệp, nên:

#### SẮC LỆNH

Từ đây mở khoa mục các năm cho LỄ SĨ và GIÁO NHI thi cử.

Lễ Sĩ: thì mặt kinh luật của Đạo về phần QUAN HÔN TANG TẾ, nút là Lễ Nhạc. Buộc Lễ Sĩ cho biết một món đờn trong mấy món Tam, Tiêu, Tranh, Đản,

Kim, Tỳ, Cò, Độc.

Giáo Nhi: phải thuộc lòng TÂN KINH và cũng phải thuộc một món âm nhạc như Lễ Sĩ. Những đồng nhi nam nữ có đủ giấy chứng của Tòa Thánh, lớn hơn hai mươi bốn tuổi mới đăng thi Lễ Sĩ và Giáo Nhi và phải biết viết, biết đọc chữ quốc ngữ.

Mỗi năm mở khoa thi ngày 15-10 tại Tòa Thánh. Hội Thánh chia ra hai thứ Lễ Sĩ và Giáo Nhi.

1. Thi đậu Lễ Sĩ và Giáo Nhi hiến thân trọn đời cho Hội Thánh, nhứt là Giáo Nhi đã tuyên thệ thủ trình hành Đạo, thì sẽ đăng tuyên bố hành chánh trong các Thánh Thất, bất cứ nơi nào kể năm năm công nghiệp, thì thăng vị khỏi cầu phong.

Lại nữa, Lễ Sĩ và Giáo Nhi nầy trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc Quan, Hôn, Tang, Tế mà thôi, chớ không đăng dự về mặt chánh trị hay là mặt luật pháp của Tòa Đạo.

2. Là hàng Lễ Sĩ và Giáo Nhi còn ở lại gia đình, nhứt là Giáo Nhi có chồng con, theo thế không đăng vào Thánh Thất nào mà hành sự hết, duy hành sự nơi xóm làng mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 Đồng Nhi, Lễ Sĩ thì dạy nam, còn Giáo Nhi thì dạy nữ, chớ không đăng dạy lộn xộn nam nữ chung nhau.

Cấm nhứt Lễ Sĩ không đăng dạy Đồng Nhi nữ. Nếu mỗi năm một chức sắc, chức việc sở tại nói rằng dạy thiếu, không đi hành Đạo thì ngưng chức liền.

Hội Thánh không cần minh tra lại nữa, hạng này tòng quyền Chánh Trị Sự về Quan, Hôn, Tang, Tế mà thôi, chớ không đăng dự vào chánh trị và luật pháp

Tòa Đạo, tám năm công nghiệp đổ lên mới dựng cấu phong vào hàng Lễ Sanh, nhưng do nơi thờ yêu cầu của chức sắc và chức việc sở tại mới dựng.

Lễ Sĩ ăn mặc: như Lễ Sanh nam phái, nhưng trên mào ngang trán có tam sắc Đạo và Cổ Pháp của Giáo Tông là: Thờ Hùng Kiếm, Long Tu Phiến và cây Phật Chủ thêu trên.

Giáo Nhi ăn mặc: Đại Phục như Lễ Sanh nữ phái, nhưng không dựng vắt bông sen trên đầu tóc, còn tiểu phục cũng vậy, nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này do nơi sở may Linh Đức may cho các Lễ Sĩ và Giáo Nhi đương thời hành Đạo trong Hội Thánh và có lời yêu cầu công nhận chánh thể rồi.

Hội Thánh cấm ngặt không ai dựng xưng danh Lễ Sĩ và Giáo Nhi nếu không có khoa mục cấp bằng của Tòa Thánh ban cho đủ lễ.

Khai Pháp, Tiếp Đạo, Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài, Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo nên tùy phận sự thi hành Thánh Lịnh này.

*Lập tại Tòa Thánh, ngày mồng 9 tháng 11 Bính Tỵ.*

*(22 Décembre 1936)*

*Hộ Pháp*

*Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài*

*Hiệp Thiên và Cửu Trùng*

*(ấn ký)*

## THÁNH L ỊNH SỐ 25/TL

\* \* \*

### HỘ PHÁP

#### Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị,

Chiếu y Sắc Lệnh số 51 ngày mùng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần và phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ năm năm công nghiệp,

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phận thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị, nên:

## THÁNH L ỊNH

► **Điều thứ nhất:** Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có chín phẩm ân phong như sau đây:

- |              |              |
|--------------|--------------|
| 1- Nhạc Sĩ   | 6- Lãnh Nhạc |
| 2- Bếp Nhạc  | 7- ĐỀ Nhạc   |
| 3- Cai Nhạc  | 8- Đốc Nhạc  |
| 4- Đội Nhạc  | 9- Nhạc Sư   |
| 5- Quản Nhạc |              |

► **Điều thứ hai:** Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thì từ hạ phẩm dần thượng phẩm mỗi cấp có khoa mục đăng tuyển chọn danh nhưn để điều khiển.

nội ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào ứng thi thì xin thi và mỗi khi thi đậu, mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ứng thi vượt bậc.

▶ **Điều thứ ba:** Nếu thi rớt thì không đủ tài, phải ở lại phẩm cũ cho đủ năm năm công nghiệp mới được cầu ân phong.

▶ Phần Nhạc Sư đủ năm năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân, nếu có khuyết.

▶ **Điều thứ tư:** Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với chín phẩm của Hiệp Thiên Đài hay bậc phẩm khác của Cửu Trùng Đài và Phước Thiện như sau đây:

Lưu ý: sẽ bổ sung bảng đối phẩm sau

▶ **Điều thứ năm:** Chư vị Bảo Thế Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chương Quán Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Thượng Thống Lại Viện, Đạo Nhơn Chương Quán Phước Thiện, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

*Tòa Thánh, ngày 29 tháng 3 Tân Mão.*

*(DL 4-5-1951)*

*Hộ Pháp*

*(ấn ký)*

#### 4.- KINH THIÊN ĐẠO, THẾ ĐẠO

**T**Ừ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN, ĐỨC NGÀI CŨNG CỐ LƯỚT QUA VÀ HẰNG TÂM CẦU XIN CÁC ĐẢNG BAN cho kinh tận độ. Từ 23 tháng 7 đến mồng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 đến 31 tháng 8 năm 1935), các Đảng mới giảng cho Tân Kinh. Phần kinh Thiên Đạo thì do Đức Ngài và Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng phò loan, trong đó có kinh Di Lạc Đức Thích Ca giảng cho đặc sắc nhất. Phần kinh Thế Đạo thì do Đức Ngài và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh phò loan. Sau đó Ngài đi Kiềm Biên để đợc Kinh Phật Mẫu. Đức Ngài cho biết:

*“Kinh Phật Mẫu cho tại Kiềm Biên Tông Đạo (Cao Miên quốc), nơi Báo Ân Đường của Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi. Lúc chưa có kinh này, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu giảng cơ tại Hiệp Thiên Đài, khai Đạo Cao Đài. Nhờ thi phú văn từ của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do Đạo khai.*

*“Tại Kiềm Biên chức sắc, Hội Thánh Ngoại Giáo cầu xin kinh Phật Mẫu. Khiến khi đó, Bản Đạo đến nhằm lúc cúng vía, Bát Nương đến cầm cơ viết, chính mình Bản Đạo phò loan nơi Đại điện.*

*“Trong lúc giảng cơ, có nhiều Đạo hữu và một người chưa biết Đạo là gì (tức ông Hiếu kêu Bản Đạo bằng chú) ngồi trước sân chơi, thấy trước Báo Ân Đường đều có hào quang giáng hạ.*

*“Tôi chừng cho trọn bài kinh rồi, trong nhà mới hay có huyền diệu thiêng liêng, thì bốn kinh này thiệt là Kinh Đức Điều Trì Kim Mẫu”.*



- (Đức Hộ Pháp thuyết Đạo trên Cửu Long Đài ngày 15 tháng 8 năm Đnh Hợi)

Khi ban hành Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo (Còn gọi là Kinh Lễ, bản in ở Paris 1952), Hội Thánh có đề tựa như sau (theo bản in đầu tiên 1936):

*“Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giáng cơ truyền cho Phật Giáo: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dân kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song kinh tận độ vong linh chưa hề giáng cơ cho nơi nào cả”.*

Bản Kinh đầu tiên in năm 1928 tại Chợ Lớn có nhan đề là Tứ Thời Nhật Tụng Kinh do nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt phụng soạn và ban hành chỉ có kinh chính như: Kinh Ngọc Hoàng và Kinh Tam Giáo mà thôi.

Bài tựa viết tiếp:

*“Đức Quyền Giáo Tông khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp trót mười năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo đã nhiều phen dâng sớ lên Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng đặng xin Kinh Tận Độ nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn chúng sanh.*

*“Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 au 31 Août 1935) mới giáng cho Tân Kinh”.*

Vậy Kinh Lễ gồm hai phần: Kinh Thiên Đạo (tức Tứ Thời Nhật Tụng Kinh) và Kinh Thế Đạo (tức Kinh Tận Độ). Đó là cuốn Kinh căn bản nhất của Đạo Cao Đài. Để trọn nghĩa câu *“Tận độ chúng sanh”*, Đức Phạm Hộ Pháp ra lệnh cho Thập Nhị Thời Quân làm thuyên Bát Nhã theo Thánh giáo Đức Chí Tôn:

*Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,  
Nổi quá như bông, nặng tựa kim.  
Có Đạo trăm muôn ngôi cũng đủ,  
Vô duyên một đũa cũng là chìm.*

Mục đích của thuyền Bát Nhã được Bà Bát Nương giải thích:

*Trung khở hải độ thuyền Bát Nhã,  
Phước Từ Bi giải quả trừ căn.  
Huần hồn chuyển đọa vi thăng,  
Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chuông âm.*

Đức Di Lạc là vị chủ quyền kêu gọi 92 ức nguyên nhân thức tỉnh theo Đạo Cao Đài để sớm được Thuyền Bát Nhã đưa về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Nên biết, đời Thượng Ngươn có 100 ức nguyên nhân xuống trần để độ rồi chúng sanh nhưng bị mùi trần hãm sát. Phật Tổ chỉ độ được 6 ức, Lão Tử độ được 2 ức, còn lại 92 ức giao cho Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Chí Tôn mới hạ lệnh “Đại Ân Xá” và “tận độ chúng sanh” là vậy.

Trong ngày khánh thành Thuyền Bát Nhã (1935), ông Trần Khai Pháp và ông Bảo Văn Pháp-Quân có làm tuồng “chèo thuyền”. Ông cho biết ý nghĩa như sau:

Các nhân vật trong buổi tối chèo thuyền là:

- Tổng Lái là chơn linh Hắc Sát Tinh, tượng trưng cho Bát Quái Đài.
- Tổng Mũi là chơn linh Bạch Hổ Tinh, tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.
- Tổng Thương là chơn linh Huỳnh Long Tinh tượng trưng cho Cửu Trùng Đài.

- Tổng Khẩu tượng trưng cho nhơn sanh, buồn vui lẫn lộn.
- 12 bá trạo tượng trưng cho 12 con giáp.

Còn ông Nguyễn Bảo Pháp thì đề câu đối trước thuyền là:

**VẠN SỰ VIẾT VÔ, NHỤC THỂ THỔ SANH HUỒN TẠI THỔ,  
THIÊN NIÊN TỰ HỮU, LINH HỒN THIÊN PHÚ PHẢN HỒI THIÊN.**

### 5.- LỜI CẢNH CÁO KHÔNG CẦN THIẾT

**T**RƯỚC SỨC BÀNH TRƯỚNG VÀ LỚN MẠNH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI, CHÁNH QUYỀN PHÁP SỰ ĐẠO TRỞ THÀNH một phong trào ái quốc, sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách để ly gián làm cho người Đạo nghi kỵ lẫn nhau mà chia rẽ. Từ năm 1931, ông Nguyễn Văn Ca tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập Đạo ở Cầu Vỹ (*Mỹ Tho*), rồi ông Nguyễn Ngọc Tương về Bến Tre lập Ban Chính Đạo; đến năm 1940 thì đủ 12 chi phái.

Trong tình trạng các nhà hướng đạo ý hướng bất nhất, Ngài Thượng Sanh tập hợp đa số Thập Nhị Thời Quân để chấn chỉnh và thống nhất lại nền Đạo.

Ngày 16-11-1937, Ngài Thượng Sanh đứng đầu danh sách ra tờ Kinh Cáo như sau:

### **ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ HIỆP THIÊN ĐÀI**

Kính Cáo

“Hiện thời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã sai biệt với Chơn Truyền, bất đồng tín ngưỡng, mất trật tự tôn ti,

kém tinh thần liên lạc. Điều ấy dù không giải rõ tường  
chư Đạo hữu cũng chán biết.

“Đem chúng sanh trở về Chánh Giáo, nối chắc dây  
thân ái đặng cùng chung một tín ngưỡng chơn chánh,  
một tôn chỉ bác ái từ bi, đó là trách nhiệm hiện thời  
của chức sắc Hiệp Thiên Đài do theo mạng lệnh Đức  
Lý Đại Tiên., Nhứt Trấn Oai Nghiêm ngày 22 Aout 1937.

“Không thái quá mà cũng không bất cập, chức sắc  
Hiệp Thiên Đài sẽ cẩn thận từ lý từ bước một trong  
việc hành Đạo, nguyện đem hết dạ vô tư chí thành liêm  
khiết đặng bảo thủ Chơn Truyền và nêu cao danh thể  
Chí Tôn nơi cõi Việt.

“Ngày 2 Novembre 1937, chức sắc Hiệp Thiên Đài vì  
muốn giữ trọn nghĩa vụ chức sắc đối với ông Hộ Pháp  
Phạm Công Tắc nơi Tòa Thánh Tây Ninh, nên lần cuối  
cùng có gửi cho Người một bức thư. Ông Phạm Công  
Tắc không lấy chánh danh mình trả lời lại mà để cho  
một kẻ khác đứng tên trả lời.

“Vạy chiếu theo điều lệ thứ ba trong Hiến Pháp  
và Nội Luật Hiệp Thiên Đài lập tại Tòa Thánh ngày 21  
Mars 1932, chức sắc Hiệp Thiên Đài không nhìn nhận  
Ông Phạm Công Tắc là Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài nữa.

*“Phú Nhuận ngày 18 Novembre 1937*

*Hiệp Thiên Đài*

*Thượng Sanh Cao Hoài Sang”*

Hầu hết Thập Nhị Thời Quân đều ký tên vào tờ  
kính cáo này, trừ có bào huynh của Ngài Cao Thượng  
Sanh là Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và Khai Pháp Trần  
Duy Nghĩa.

Thật ra, điều thứ ba Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài ghi như vậy: “*Nếu Hộ Pháp chuyên quyền không do theo phần đông thì phần đông ấy đặng phép không tuân lệnh của Hộ Pháp và công bố cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài biết đặng đợi ngày cầu xin Đức Chí Tôn phán xét*”.

Đầu xuân năm 1970, tác giả có đến Giáo Tông Đường nơi Ngài Cao Thượng Sanh làm việc để tỏ về việc viết tiểu sử của Ngài. Ngài rất từ tốn không nói gì nhiều, chỉ cho tôi một ít bài mà trong buổi đầu học Đạo Ngài đã xây bàn với Ngài Bảo Văn Pháp Quân, vì các sách trong Đạo hiện chưa có những bài này (*Xem Thượng Sanh Cao Hoài Sang cùng người viết*). Trong suốt quá trình công phu, công quả, Ngài tùy cho nhưn sanh định lượng, Ngài chỉ nhấn mạnh về tờ Kinh Cáo năm 1937 mà Ngài cho là bị nhiều người trích điểm nhất, nhưng chẳng bao giờ Ngài chính thức biện hộ cho mình, mà để cho công luận và lịch sử soi xét. Ngài nói:

*“Ai có sống trong những ngày nền Đạo suy vi chia rẽ thì mới thấy những nỗi khổ tâm, lo lắng của những người có sứ mạng lúc bấy giờ. Bao nhiêu Thánh Thất đều thuộc về ông Tương. Các vị Thời Quân thì bấp bênh trước lời kêu gọi của ông Tương đang thiết có một bộ phận của Hiệp Thiên Đài, chư Đạo hữu chẳng biết ngã về đâu? Tờ Kinh Cáo có tác dụng trấn an các vị Thời Quân và chư Đạo hữu từ vùng Sài Gòn trở xuống Hậu Giang. “Chư Đạo Hữu muốn hỏi điều chi về việc Đạo xin do nơi văn phòng tạm thời ở Từ Vân Tự, Phú Nhuận, Gia Định”. Câu này hàm ý nhằm ngăn chặn không để một ai ngã về chi phái.”* Theo Ngài, con đường nào rồi cũng về Tòa Thánh Tây Ninh.

Thật vậy, ngày 7-11-1930, ngày lễ Khai Đạo tại Bến

Tre, ông Nguyễn Ngọc Tương có mời Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân đảm nhiệm cơ quan Hiệp Thiên Đài. Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân không ai đến Bến Tre dự lễ cả, nhưng Ngài chỉ gửi chương trình hành Đạo, coi như một lời cảnh cáo, một lời khuyên bảo đạo đức, chớ không phải khế ước hợp tác, vì Ngài không có đến dự hội. Đó chỉ là tấm lòng ưu tư vì nền Đạo phân chia của Đức Cao Thượng Sanh và các vị Thời Quân. Thật ra, Thập Nhị Thời Quân đều về Tòa Thánh và làm việc hòa thuận với Đức Phạm Hộ Pháp.

## 6.- PHÁP ĐÀN ÁP ĐẠO

**H**ÀO TRUNG TUẦN THÁNG 8 NĂM 1936, ĐỨC HỘ PHÁP NHÂN DANH HỘI THÁNH TÂY NINH XIN PHÉP khánh thành Thánh Thất Trắng Bàng. Chỉ còn ba ngày tới lễ mới được lệnh Thống Đốc Nam Kỳ là Pagès ra lệnh cấm khánh thành Thánh Thất Trắng Bàng.

Đức Hộ Pháp cử ban đại diện xuống Sài Gòn gặp Thống Đốc Pagès, đồng thời cho người hỏi ý kiến Luật sư Trịnh Đình Thảo. Luật sư Thảo là người có cảm tình và từng biện hộ binh vực cho Đạo Cao Đài, ông đồng ý đánh điện cho Georges Mandel, Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa biết. Bộ Thuộc Địa trả lời:

*“Tôi đã ra lệnh để cho Đạo Cao Đài được tự do khánh thành Thánh Thất Trắng Bàng và được tự do tín ngưỡng. Nếu có xảy ra việc gì xin ông lập tức báo tin cho tôi hay”.* Ký tên G. Mandel. (Nguyễn Kỳ Nam, Hồi Ký 1925-1964, Tập II, trang 102)

Trước khi đánh điện cho Trịnh Đình Thảo, ông Mandel chỉ thị cho Toàn Quyền Đông Dương Robin (1934-1936) để ngăn chặn sự tấn công bất thường của Thống Đốc Nam Kỳ. Ông Pagès cảm tức ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tăng cường binh lính vây quanh Thánh Thất Trảng Bàng. Hội Thánh không dám khánh thành. Luật sư Trịnh Đình Thảo phải viết một lá đơn chịu hết trách nhiệm. Nhà cầm quyền mới cho làm lễ. Ba chục vạn tín đồ khắp nơi đổ về Thánh Thất Trảng Bàng. Lễ khánh thành kết quả tốt đẹp đem lại uy tín lớn cho Hội Thánh Cao Đài nhất là Đức Hộ Pháp.

Thống Đốc Pagès quyết hạ uy tín của Đức Ngài bằng cách mời Ngài xuống dinh Thống Đốc hội kiến. Đức Hộ Pháp và 3 chức sắc Cửu Trùng Đài đều mặc Đạo phục. Phái đoàn đến dinh lúc 9 giờ sáng mà đến 12 giờ trưa Pagès mới chịu tiếp kiến. Pagès bắt lỗi Đức Hộ Pháp sao ăn mặc “*dị kỳ*” đến hầu ông. Đức Hộ Pháp trả lời:

– Chúng tôi mặc sắc phục theo Đạo chúng tôi.

Pagès nổi nóng la lớn:

– Tôi không muốn các ông ăn mặc như hát bội.

Tay đập bàn ông nói tiếp:

– Tôi có thể bỏ tù các ông, hiểu không?

Đức Hộ Pháp nhẹ nhàng đáp:

– Thưa Thống Đốc, nếu phải bị giam, Bản Đạo sẵn sàng vào tù. Lịch sử từng có nhiều người tu hành bị ngược đãi là sự thường. Bản Đạo sẽ là một nạn nhân chứ không sao. (*Nguyễn Kỳ Nam, Hồi Ký 1925-1964, Tập II, trang 103*)

Pagès giận quá đuổi Đức Hộ Pháp và ba vị chức sắc

ra ngoài. Trong lòng Pagès quyết bỏ tù công dân Phạm Công Tắc mà không bị mang tiếng là đàn áp Đạo Cao Đài nên phải chờ dịp.

Đức Hộ Pháp phải chịu đựng trải qua gian khổ của 6 đời Toàn Quyền sau đây: Alexandre Varenne (1925–1928), Pierre Pasquier (1928–1934), Robin (1934–1936), Brévié (1936–1939), Catroux (1939–1940), Decoux (1940–1945) không viên Toàn Quyền nào bỏ lơ việc theo dõi và đàn áp Đạo Cao Đài.

Tháng 11 năm 1937, Tổng Thống Pháp cử Chủ tịch Ủy ban điều tra các thuộc địa hải ngoại (*Le Président de la Commission d'enquête dans les Territoires d'Outre-Mer*) sang Việt Nam, Đức Hộ Pháp phải làm bản phúc trình nói rõ mọi chi tiết va chạm giữa Đạo Cao Đài và các tôn giáo khác và sự hiểu lầm giữa nhà cầm quyền và Đạo Cao Đài.

Xin lược dịch Tờ Phúc trình (*Rapport*) như sau:

### **TỜ PHÚC TRÌNH**

Hội Thánh Cao Đài

Kính gửi:

Chủ Tịch Ủy Ban Điều Tra Các Thuộc Địa Hải Ngoại.

Qua lời chất vấn, Hội Thánh Cao Đài xin cáo lỗi ông và chấp nhận bỏ một số điều để hợp với tự do tư tưởng. Mong quý ông nhận cho rằng một Tôn Giáo nào được thành lập mà lại không coi trọng tín ngưỡng.

Để bình vực Đạo, chúng tôi mạn phép nhắc đến những nhân vật mà giá trị tinh thần đã được khẳng định như Allan Kardec, Léon Denis đều tin tưởng



những điều bí ẩn của cõi Hư Vô...

Lẽ phải ở đâu khi những kẻ tiểu nhân sống sang trọng vinh hiển còn người quân tử phải chịu khổ não truân chuyên; tưởng rằng sẽ có sự công bằng bồi thường ở kiếp khác hay phải quả báo tiền khiên?

Chúng ta mong có công lý mà công lý không hề hiện hữu... Tin vào công lý đâu phải là vô lối mà nó sẽ nảy sinh thêm nhiều điều thiện mỹ; nếu không có công lý thì chúng ta cần gì phải làm lành?

Con người được sống mà chẳng hề không có đức tin. Những người không tin ngưỡng, họ có làm theo đức tin mình chẳng, hay mỗi ngày đọc báo biết tin là đủ? Trái lại hạng người dốt nát suốt đời làm theo lòng tin của mình. Bởi những lý do đó, sao lại từ chối lòng tin đạo đức và những điều huyền vi bí ẩn nơi cõi Hư Vô. Chẳng cần trình bày dông dài, chúng tôi xin khẳng định: Đạo và Đức tin nơi cõi Hư Vô là một điều cần yếu cho nhơn sanh. Hễ dân tộc nào càng khốn khổ thì họ càng cần được đền bù cho kiếp mai sau.

Sự thất vọng của cá nhân đưa đến tự tử và sự thất vọng tập thể khiến họ làm cách mạng.

Vậy, ông Chủ tịch nên đồng ý với chúng tôi: đối với dân tộc tự trị, điều hy vọng rất nên hữu dụng, còn đối với dân tộc bị chinh phục, nó càng yếu trọng hơn...

Sự bất đồng giữa nước Pháp và Việt Nam không hẳn do sự tương tranh giữa hai nền văn hóa mà do sự xung khắc giữa hai tôn giáo: Khổng giáo và Thiên Chúa giáo. Khổng giáo là một tôn giáo có giáo lý khoan dung, quảng đại đến nỗi tinh thần đạo đức chính nó phải từ bỏ nó... Nó bước đến cảnh nhàn lạc vui hứng

của Epicure; không một điều gì không làm cho nó tỉnh mộng mà quay đầu hướng thiện.

Trái lại, Thiên Chúa giáo là một nền tôn giáo sốt sắng, hăng hái, nhiệt huyết, độc quyền, lắm phen tranh cãi, không chịu nhận cái hay của kẻ khác, không có điều gì là chân lý ngoài tôn chỉ của nó, nó còn buộc những ai đã theo Đạo thì phải hành Đạo. Có phải chăng, đó là một tôn giáo chinh phục? Do đó, phát khởi sự xung đột với Khổng giáo.

Người ta có thể chia sự xung đột này thành ra ba thời kỳ:

1. Thời kỳ trước và ngay buổi hỗn độn chinh phục.
2. Thời kỳ trị bình.
3. Thời kỳ hợp tác.

### **Khoản Thứ Nhứt** **(Chinh phục)**

Chúng tôi đã nói rõ rằng: dân tộc Việt Nam theo Khổng giáo rất quăng đại nên không đủ phương kế hoạch sự đàn áp của quan lại. Thiên Chúa giáo ngược lại độc chiếm làm cho vua chúa phải cúi đầu, dưới quyền trực xuất ra khỏi đạo và đã làm cho nước Pháp nhờ cậy.

Chẳng lúc nào Khổng giáo dám bạo hành như thế. Nó chẳng làm chi hơn là kêu gọi hơn sanh vào đường chí thiện bằng cách khuyên nhủ mà không hù dọa đuổi ra khỏi Đạo Khổng.

Kết cuộc, đa số chán ngán với tôn giáo cổ truyền mà nghe các nhà truyền giáo của Đạo Thiên Chúa với giáo lý mới mẻ tốt đẹp. Họ nhân danh chính phủ Pháp đến tận Triều đình Huế. Nhờ đó các nhà truyền giáo

được ân tứ nhiều lợi lộc và Đạo được quăng truyền.

Nhiều Nhà Chung mở ra nhiều nơi. Những cơ sở ấy biến thành Thánh Địa. Nhờ đó, nhiều kẻ tâm tòng đến trú ngụ hầu tránh sự đàn áp của quan lại.

Hại thay! Nơi làm chỗ trú thân cho những người Việt Nam bị áp bức, lại cũng là nơi cư ngụ của những kẻ trốn tránh tội đáng nghiêm trị. Thế nên, dân chúng bảo Nhà Chung che chở cho những can phạm bị tập nã. Nhiều cuộc chống đối nổ ra giữa lương dân và giáo sĩ đến lưu huyết. Dựa vào cơ hội ấy, nhà nước chiếm nhiều nơi ở Lục tỉnh và buộc nước Việt Nam chịu sự bảo hộ. (Ý nói: việc quân Pháp chiếm ba tỉnh Miền Đông và ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ)

Thật ra, chỉ là trận giặc giữa Thiên Chúa giáo và Khổng giáo, gọi nhục danh là “*Bụt Thần*” (*paganisme*). (*Paganisme là tà giáo*)

Trong cuộc chinh phục, nước Pháp nhờ dân chúng bản xứ (*indigènes*) của Nhà Chung giúp sức.

Thời kỳ Pháp Việt đánh nhau, các người Việt Nam ra giúp Pháp đều là những kẻ tư lợi nên chẳng sợ gì mà không phản Chúa để theo kẻ thù, nên họ chẳng cao thượng gì hơn ai. Đừng tưởng lầm rằng quốc dân Việt Nam không có lòng yêu nước là lầm. Họ đã triển khai những trận đánh theo các anh hùng xưa kia (*chỉ Nghĩa Quân đánh du kích*).

♦ Tổng kết thời kỳ thứ nhứt đấu tranh giữa Lão giáo, Khổng giáo mỗi mê với Thiên Chúa giáo oanh liệt; những người Việt Nam đứng ra đảm trách lúc ấy không phải là hạng người đứng mức được lựa chọn.

## Khoản Thứ Nhì

### (Trị bình)

Chánh quyền Pháp thắng. Quyền hành Nhà Chung tăng thêm hàng ngày; trong lúc đó Khổng giáo thối lui từ từ.

Hại thay, những cổ tục Việt Nam không thay đổi và phần đông dân chúng vẫn còn theo tục lệ cũ.

Thiên Chúa giáo buộc phải từ bỏ những điều tín ngưỡng ngoại đạo. Buộc từ chối nhà thờ tổ tiên và tế lễ cổ truyền để đến quỳ lạy trước đền thờ mới. Thực chất những người Việt Nam đến đó chỉ vì mục đích tư danh, tư lợi.

Những kẻ Đạo giả này hy vọng họ được miễn thuế, được đất đai, mong trở thành địa chủ, còn người khác chỉ làm tá điền hay tôi tớ cho họ.

Khi họ gặp khó khăn, các Cha, Cố Đạo đến gặp viên sứ Pháp thì mọi điều đều êm đẹp như ý muốn. Do đó, sự vào Đạo là căn cứ trên quyền lợi.

Ngược lại, đa số dân chúng chơn chất, trung thành với tục lệ nhà Nam thì chịu khổn khổ mà họ vẫn giữ lòng cao đẹp, từ chối mọi điều nghịch lý mà lương tâm họ không cho phép.

Sự tranh đấu trở nên thúc ngạt giữa tôn giáo mới có nhiều đặc ân dù gốc đạo đức chưa rõ ràng (*Tác giả không ám chỉ Đạo Thiên Chúa đời sau*) với các đảng phái chống báng...

Thế thì, không còn chỗ mà chấn hưng tôn giáo để hạng người chơn thật, hạng lao động không bị phiền phức, không so đo, biết kính trọng cổ tục của tiền nhân lưu lại. Họ sẵn sàng tôn sùng giáo lý chí thiện, bất cứ

nơi nào họ gặp, miễn là không bị ép buộc coi Đạo nhà là thô thiển.

Có cần thiết tạo ra một nơi di dưỡng tinh thần mới hợp với tâm đức của người dân? Điều ấy Đạo Cao Đài đã làm thử. Nó khiến những người Thiên Chúa giáo tố cáo, còn quan lại Phật giáo bị nó biếm trách về cách đối xử gian ngược. Những việc ấy chưa vội bàn vì Đạo Cao Đài phát sinh vào thời kỳ sau đó.

### Khoản Thứ Ba

#### (Hiệp tác)

Tiếng hiệp tác này là của ông Albert Sarraut, cựu Toàn quyền Đông Dương (1925-1928) đã nêu ra trong một bài diễn thuyết.

Người Việt Nam e ngại không tin. Hạt giống ấy mọc lên chậm chạp.

Một Thượng Nghị-Viên, ông Lê Văn Trung đã qui vị. Ông Sarraut trước kia, giữa Hạ Nghị Viện Pháp đã gọi là những người bạn thân thiết của ông để chánh sách (*hiệp tác*) không bị lẽ loi, không ai hưởng ứng.

Việc hiệp tác đó khó thành dù vị Tổng Trưởng Bộ Thuộc địa đã đề ra. Nhưng muốn đạt đích thì phải làm thế nào cho hai nền văn hóa Âu Á hòa hợp mà muốn hòa hợp thì phải dung hòa hai nền tôn giáo đã xung đột. (*Đây muốn nói việc cấm Đạo của triều đình Huế, do cách đối xử khác nhau giữa Nho giáo và Thiên Chúa giáo mà ra*)

Triết lý của Khổng Tử thì ôn hòa và trung dung, còn triết lý của Jésus Christ thì khoan hồng chí mỹ...

Chân tướng của hai tôn giáo ấy chẳng có gì phản

khắc. Nhưng hỡi ôi! Bên nào cũng vậy, tinh thần đạo đức để ở sau, còn lợi lộc đem lên trước. Bởi thế mà bài toán ấy khó giải quyết đến khi nào người môn đệ Khổng giáo nói rằng: “*phải theo tinh thần đạo đức của Đấng Christ*” (*suivez la morale du Christ*) và với con chiên Thiên Chúa giáo: “*phải đến hợp tác trong điều thiện dưới bóng giáo lý huyền diệu và khoan dung của Đức Khổng Tử*” (*venez collaborer dans le bien à l'ombre des doctrines douces et tolérantes de Confucius*).

Chí Thiện và Chí Mỹ không do có nhãn hiệu, vậy nó không có quê hương, nên không có tôn giáo nào tranh đoạt nó làm của riêng. Nó cũng như ánh sáng mặt trời là của chung nhân loại.

Ngày nào, nhân dân Việt Nam trọn gìn lòng tin và được hành đạo của tổ tiên đáng kính trọng đáng tôn sùng. Một nền Đạo dù mới mà cho phép họ hành Đạo theo tinh thần của Đấng Christ, với qui hiệp đại đồng mà nước Pháp đã kêu gọi bên kia bờ đại dương; ngày nào quân chinh phục hiểu đặng sự quăng đại bao dung của Khổng giáo đối với đồng loại và thôi coi chữ “*quyền hành*” đồng nghĩa với “*Chí Thiện*”, “*Chí Chơn*” thì ngày ấy mọi khó khăn sẽ được giải quyết.

Thế thì, chúng ta phải làm thế nào để có sự dung hòa giữa hai nền tôn giáo hầu trở thành một tôn chỉ chấn hưng; đã có sẵn sự quăng đại bao dung của Khổng giáo và lòng tin nhiệt thành của Thiên Chúa giáo thì sự tàn ác muốn tiêu tan, cả hai phải hòa hợp trong tinh thần đạo đức thanh khiết. Nơi mà hai bên đều thấy sự chí mỹ cao thượng và vô tâm (*vô tâm đạo để tâm*).

Dưới quyền năng của Đấng Cứu Thế, cố đô Huế

cần chăm sóc hạng bần dân và dưới sự che chở của Đạo Nho quyền lực của nước Pháp sẽ quăng đại nhân từ mà từ bỏ quyền độc đoán. (*Tác giả kêu gọi 2 nhà cầm quyền: nhà Nguyễn và Pháp bớt hà khắc và ban các quyền tự do dân chủ cho nhân dân*)

Thế nên tôn giáo nào rộng rãi hơn phải nghinh đón giáo lý của Đạo kia. Do đó Đức Khổng Tử phải mở rộng cửa rước Chúa Jésus Christ và mời ngồi đồng bàn. Đó là ngày Đạo Cao Đài xuất hiện.

Ngày nay con đường khá dài đã trải qua.

Từ lâu bị kèm thúc, nhưng chúng tôi cố gắng nhẫn nại, nhìn sang Mẫu quốc (*Métropole*) và biết chắc rằng điều chí thiện chẳng thể bị chèn ép mãi bao giờ. Chúng tôi thường liên lạc về ý tưởng với các bạn chúng tôi bên Pháp; chúng tôi cũng báo cho cả tín đồ của chúng tôi biết về lòng nhân hậu, tính phi phạm của họ; vừa qua chúng tôi hân hạnh nghe đặng chút ít kết quả về sự thực hành tôn chỉ Đạo của họ.

Dân Việt Nam bị tư tưởng Pháp chinh phục... Những tín đồ Cao Đài chẳng chịu chung hợp vào cách ấy vì họ là người bình tịnh (*bất bạo động*) nên từ chối tham dự các cuộc biểu tình quốc sự.

Những người dường như phản đối đó chẳng phải kẻ nghịch hẳn với các ông. Một ngày kia, các ông có thể thấu phục nhân tâm họ.

Dưới sự đồng hóa của các ông, với ngôn ngữ đặc sắc và đầy quyền lực của Mẫu quốc sẽ làm cho tất cả từng theo mỗi ngày thêm một ít; hàng quan Pháp và bản xứ sẽ cùng nói một thứ tiếng và dân chúng sẽ trả lời rõ rệt. Chừng ấy, một ai còn phản loạn thì chính

các người đồng hương của họ sẽ xử đoán.

Trong thanh niên Việt Nam đã phát sinh ra hạng người có trình độ học vấn theo văn hóa Pháp, họ được cấp bằng tốt nghiệp bên Pháp. Hạng dân trí này (*Tác giả muốn nói đến thanh niên trí thức Nguyễn An Ninh, Dương Văn Giáo... chống Pháp*) không chịu thiệt thòi để một thiểu số ngồi trên an hưởng.

Tín đồ Cao Đài chúng tôi biết điều ấy. Chúng tôi sẽ cho họ hiểu rằng cái gánh của họ đã mang thật ra nhẹ nhàng lắm.

Những điều ước vọng của chúng tôi

Cái nguyện vọng thiết yếu của chúng tôi là thuộc địa hải ngoại biến thành như chánh quốc. (*Đất Nam Kỳ là đất thuộc địa nên luật lệ giống như bên nước Pháp*)

Nguyện vọng kế nữa, với tài cảm hóa của chính quyền Pháp giúp chúng tôi khỏi bị thúc phược đối với các tôn giáo khác vì họ tưởng lầm rằng lòng phước thiện của chúng tôi không chơn thật vì nó chưa thể hiện ra đặng.

Trải qua mấy năm rồi, do không am hiểu luật pháp của nhà nước Pháp thi hành ở Đông Dương, chúng tôi nay đã lập một Dưỡng lão đường, một Ấu trĩ đường, một cơ sở công nghệ cho hạng trai tráng thất nghiệp vì họ cần sự giúp đỡ của chúng tôi. Chúng tôi đã bị buộc tội ra trước Tòa án, nhờ bị hại mà chúng tôi hiểu ra rằng: phước thiện là độc chiếm của Nhà Nước hay dành riêng cho một nhóm người nào đó.

Việc áp dụng luật pháp như vậy phản khắc với tính quảng đại của Nho giáo và cũng là trở lực làm cho chúng tôi không thể tuyên truyền tư tưởng Pháp cho những



người chơn chất, họ đến với tấm lòng thành thật và trí ý giản đơn chí thiện. Họ không quen lối Machiavel (*Nhà chính trị độc tài Ý*) và họ cũng không hiểu ý định của lẽ quốc chánh (*la raison d'état*) là sao?

Dưới mắt họ, lắm điều trái với tinh thần công lý; những kẻ theo Gia Tô giáo được lập cơ quan Phước Thiện và được Chính Phủ giúp đỡ; còn Đạo Cao Đài có mục đích đại đồng dù việc làm hạn hẹp mà vẫn không đặt lập cơ sở tương trợ lẫn nhau, rất cần yếu cho kẻ nghèo nàn, nhưng Đạo lại thiếu quyền tư cách pháp nhân (*personalité civile*).

Những hoa lợi của chúng tôi đã bị phá bỏ ngay khi mới tạo dựng, vì Đạo Cao Đài chẳng đặt làm chủ sản nghiệp chi, chưa đặt nhìn nhận là đoàn thể và cũng không lập đảng giáo hội.

Chúng tôi mong cho điều thúc phước ấy tiêu hủy và xin phép lập một Giáo Hội, nhờ đó đứng làm chủ sản nghiệp để cứu giúp kẻ nghèo.

Chùng đó, chúng tôi sẽ đủ sức nói đến lòng nhân hậu của chính phủ Pháp và trình bày về tinh thần Thiên Chúa giáo và Nho giáo không hề phản khắc cùng nhau. Nếu thực hành đúng đắn, đường lối nước Pháp giúp hay cho sự mở mang là điều hạnh phúc cho nhân dân Nam Việt. Sự thăng tiến này, dân Nam chẳng hề trông mong nơi vương quyền bạc nhược... (*Triều đình Huế*)

Chẳng phải nhà vua không hiểu tôn chỉ Đạo của chúng tôi, mà tại nơi các tham quan ô lại. Họ chỉ trích gây xung đột tranh đấu để ngăn trở tài cảm hóa của Đạo...

Chung quanh chúng tôi, xúm xít những hạng nông

dân sống về ruộng đất, hạng buôn bán nhỏ. Họ là những hạng người chân thật chẳng biết mưu chước là gì. Họ chỉ biết làm lành và chỉ trông vào kết quả của sự lao động, “*không trông công danh và cũng không trông lợi lộc*”, (*sans espoir de duchés, ni de dotations*) theo lời Edmond Rostand. Tuy họ không tìm lấy một đặc ân nào, nhưng muốn bảo vệ những của cải do chính công sức lao động của họ.

Họ vốn là những người không chịu từ bỏ đức tin thờ cúng Tổ Tiên dù nhiều quyền lợi của họ có thể bị chiếm dụng. Đó là những người trọng lẽ phải bất cứ từ đâu đến; nếu bảo họ xa lánh một giáo lý cao thâm và thuần khiết để gấn gửi cùng Đạo nhà là một điều thất đức.

Muốn thực hiện những cải cách đó, chúng tôi đặt trọn lòng tin nơi chính phủ Pháp vì văn hóa Pháp có lịch sử hàng đầu. Chúng tôi chờ mong với tất cả tấm lòng nhẫn nại để vượt qua cơn khải đảo thử thách, và những thành tựu nhiều tốt đẹp không thể trọn khai cho chánh quyền hiểu hết.

Vậy thì, nước Pháp nên nhận rằng chính Nhà Nước thấu hiểu các đặc ân đã ban cho chúng tôi. Trong hành động ấy, nước Pháp sẽ ân hận rằng chính mình đã chậm trễ giang tay rộng mà nâng đỡ chúng tôi.

*Làm tại Tòa Thánh, ngày 12 tháng 12 năm 1937*

*Phạm Công Tắc*

*Bề Trên Đạo Cao Đài<sup>1</sup>*

▪ *d'outre Mer, Saigon, Tin Đức Thư Xả 1937*

---

1 (PHẠM CÔNG TẮC, *Rapport adressé par le Sacerdote Caodaique à M. Le Président de la Commission d'enquête dans les Territoire*

Đọc kỹ tờ phúc trình ta thấy Đức Hộ Pháp đã dùng những lời lẽ cao xa và mềm dẻo buộc người đọc phải tìm hiểu cái lý ứng của nó, và những ý lý cụ thể trong lịch sử nước ta để chứng minh những cuộc đấu tranh giữa quân đội viễn chinh Pháp và quân Nghĩa dũng Việt Nam là không tránh khỏi. Đức Ngài coi Triều đình Huế là bạc nhược trước cuộc xâm lăng của Pháp và chế dẫu thêm vào lửa bằng chánh sách cấm Đạo Thiên Chúa. Đức Ngài kêu gọi Triều đình hãy thay đổi đường lối và chấp nhận Đạo Thiên Chúa để nhân dân được an lạc.

Đối với Pháp, Đức Ngài khẳng định: Đạo Cao Đài không mê tín dù rằng Đạo tin vào cõi Hư Vô bí nhiệm vì đó là bản chất của bất cứ Đạo nào, ngay cả những nhân vật nổi tiếng của Pháp như Allan Kardec, Léon Denis cũng tin vào những điều thiêng liêng bí ẩn.

Điều quan tâm hơn hết của Đức Ngài là nhà cầm quyền Pháp phải nới rộng các quyền tự do dân chủ. Dân Việt Nam phải hưởng được tự do như dân Pháp vì Pháp mệnh danh là nước có thiên chức đi khai hóa các dân tộc chậm tiến. Qua đó, chánh quyền Pháp nên cho phép Đạo Cao Đài lập Giáo hội và ban tư cách pháp nhân cho Đạo.

Bản phúc trình đó không trấn an nhà cầm quyền Pháp đủ lâu để xây dựng Tòa Thánh và các cơ sở Đạo.

## 7.- VIỆC XÂY DỰNG ĐỀN THÁNH

**VI**ỆC XÂY DỰNG TÒA THÁNH CŨNG BỊ ẢNH HƯỞNG TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN LÚC BẤY GIỜ. ĐỀN THÁNH

đã ba lần khởi công xây cất. Ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (14-12-1936), Đức Hộ Pháp ra lệnh khởi công xây cất lần thứ tư trước sự vui mừng của chư Chưc sắc và toàn Đạo. Điều đáng nói, việc kiến thiết Đền Thánh không có sơ đồ thiết kế trước mà do Đức Lý Thái Bạch giáng bút hướng dẫn cho Đức Hộ Pháp từng phần, sau đó Đức Ngài chỉ vẽ lại cho công thợ. Không có bài cơ nào để lại nói về kiến trúc Tòa Thánh, ngoài bài cơ nói về kích thước tổng quát.

Đức Hộ Pháp lệnh cho Hộ Viện kiểm lại ngân quỹ của Đạo, chỉ còn một đồng sáu mươi bốn xu (\$1.64). Trước tình thế đó, Đức Hộ Pháp phải đi Vững Liêm mượn tiền của bà Lâm Hương Thanh. Bà Hương Thanh không có tiền mặt vì lúa hạ giá chưa bán được. Bà lấy cái hòm đựng đầy vàng và hột xoàn đưa cho Đức Ngài nói đem về cầm lấy tiền cất Đền Thánh. Đức Ngài không dám cầm vì sợ chuộc lại không nổi. Bà khích lệ Đức Ngài: “...đâu em về cất buồng coi, bắt gió nắn hình là không cần số nữ trang này”.

Vì thế, ngày 4-7-1937 (28-5-Đinh Sửu), Hội Thánh mới ra Thông Tri số 39 kêu gọi như sau: “*Ai là người tâm Đạo, ai là người có dạ nhiệt thành, biết rằng Trời giáng trần cứu thế, nên đem cả mãnh lực tinh thần, kẻ công người của, kẻ ít người nhiều dâng tô điểm vẽ vời cho cơ thể Đạo trở nên xinh lịch. Ấy là công nghiệp thứ nhứt của chúng ta đối với tương lai Đạo. Giàu nghèo chẳng nệ xin trọn tác thành cùng Đại Từ Phụ. Buổi này tưởng lại chẳng công quả nào vĩ đại bằng công quả tạo đền thờ cho mau thành tựu hầu trụ cả đức tin con cái yêu dấu của Thầy cho ra thiệt tướng*”.

Nhờ sự hưởng ứng của toàn Đạo và sự chăm sóc

từng ly, từng tí và hầu như thường trực hằng ngày của Đức Phạm Hộ Pháp, vừa xây xong năm 1941, chưa kịp tô hồ trang hoàng đắp vẽ thì Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt. Đến năm 1946, Đức Ngài trở về tiếp tục chỉnh đốn tô điểm Tòa Thánh. Nhưng có điều khó khăn là bức tường ở Hiệp Thiên Đài chắn lối vào Cửu Trùng Đài do Đức Lý dạy xây dựng nhưng chưa chỉ vẽ trang trí hình tượng. Trong một buổi định thần, Đức Ngài được Đức Lý mách sẽ có người đến phát vẽ Thánh tượng.

Năm 1947, ông Lê Minh Tông một họa sĩ ở Gia Định bị Pháp tình nghi làm quốc sự, bị Pháp đày ra Côn Đảo rồi được thả chỉ sau ngày hồi-loan của Đức Hộ Pháp vài tháng. Ông Tông về nhà được đôi ngày dự định đi thăm bạn ở Biên Hòa. Khi ra bến xe Ngã Sáu chừ Thần lại xuôi khiến ông Tông lên xe đi Tây Ninh. Khi đến nơi ông Tông mới hay mình đã đến chợ Ngã Năm. Ông từng nghe Tòa Thánh cảnh đẹp nên vào thăm. Đến Hộ Pháp Đường, ông lấp ló nhìn vào trong. Bảo Thế vào báo lên Đức Hộ Pháp, Ngài biết ngay là người Đức Lý phái đến. Khi Đức Ngài trấn thần tượng Tam Thánh vào 8 giờ sáng ngày 10-7-Mậu Tý (11-8-1948), Luật sư Võ Quang Tâm tường thuật như sau:

“Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2,80m X 1,90m.

“Hình tượng bằng người thường. Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông ngỗng và Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiêng mực.

“Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ

Hán Văn: Thiên thượng, thiên hạ – bác ái công bình

Pháp văn: Dieu et humanité – AMOUR ET JUSTICE

“Đi sau bàn đưa có Đức Hộ Pháp, kể là các Ngài Bảo Thế, Khai Đạo...”

“Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Nam, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài. Trước hết Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt tượng ba lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng vẽ ba ảnh để khử trừc.

“Khi Đức Hộ Pháp trấn thần tượng ảnh Tam Thánh xong, các nhân viên tụng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng tới cửa trước, rồi đi vào Hiệp Thiên Đài, đến thỉnh Thánh Tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra phía trước Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích:

- 1- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn
- 2- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ
- 3- Đức Tôn Trung Sơn

là đại diện Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo ngoại quốc, cho nên tượng ảnh để ở Hiệp Thiên Đài, quay mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi thiêng liêng của các Ngài.

“Cái khuông xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia Bản Đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

“Ngày nay, vị Hiền Tài ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý

truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này. Mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy. Từ ngày 10-7-Mậu Tý, tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiện cho chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài”. (*Xem tam Thánh Bạch Vân Động cùng người viết*)

Xem thế, Lê Minh Tông từ một họa sĩ rồi ngộ Đạo được Đức Hộ Pháp ban cho phẩm Hiền Tài. Mãi đến đêm 17 tháng 10 năm Kỷ Dậu (26-11-1969), Đức Ngài giáng cơ ban phẩm Bảo Công Quân cho Lê Minh Tông cùng với hai Hiền Tài khác phẩm Bảo Huyền Linh Quân và Bảo Sĩ Quân, là đủ 12 Bảo Quân.

Đền Thánh dài 96 thước, rộng 22 thước, cao 27 thước về phía tháp chuông trống Hiệp Thiên Đài, 25 thước về nơi Cửu Trùng Đài, 30 thước nơi Bát Quái Đài. Mặt tiền hướng về phía Tây trang hoàng rất mỹ thuật với tất cả biểu hiện của Tam Giáo và Ngũ Chi.

Đền Thánh kiến trúc thật vĩ đại. Không ai có thể tưởng tượng được một công trình đồ sộ như vậy mà Đức Ngài chỉ kêu gọi chư tín hữu làm công quả và lương thực cũng do hiến dâng của mọi nhà hảo tâm. Bởi Đức Ngài quan niệm rằng Tòa Thánh là chung của nhơn sanh không ai được độc quyền xây cất mà phải do chính đức tin của mọi người đóng góp vào không phân biệt lương giáo. Cũng để có bầu khí thiêng liêng vĩnh cửu, tất cả thợ hồ phải thủ trình hạnh và chay lạc trong suốt thời kỳ tạo tác. Thế nên, suốt thời gian xây cất dù độ cao cheo leo khó khăn không ai phải thiệt mạng, mà

được các Đấng hộ trì tai qua nạn khỏi.

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động Đài ở bao lơn mặt tiền Tòa Thánh, chỗ danh dự nhất, tám hạng người lao động: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiểu, Canh, Mục. Ông Bùi Ái Thoại được điểm công hàng đầu và đặc phong Thánh Nhơn do Đạo Nghị Định số 7/PT, Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 14-2-Mậu Dần (dl 15-3-1938). Hai phẩm Thánh Nhơn và Bảo Quân (*Lê Minh Tông*) đều đổi phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài. Xem thể những vị có công xây dựng Tòa Thánh đều được Đạo phong thưởng xứng đáng.

Dưới đây xin trích đoạn đầu và đoạn chót của “*Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn cho Hội Thánh*”:

Tòa Thánh, ngày mùng 3 tháng 1 năm Đinh Hợi  
(dl ngày 24-1-1948)

Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là Tổng Giám, Tá Lý, nhân công nam nữ xin dâng 3 bốn này lên Hội Thánh.

Nguyên năm Bính Tý (1936), các con có làm tờ trình nguyện làm Đền thờ Đức Chí Tôn. Nay các con đã hoàn thành, xin giao lại cho Hội Thánh...

VI Bằng: Vị Tổng Giám xây Tòa Thánh Lê Văn Bằng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn nhân công nam nữ ra mắt vị Tiên vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức sắc nam nữ vào lạy Chí Tôn ban ân huệ cho cả gia quyến các công thợ và thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Tòa Thánh.



Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp nhân danh Hội Thánh để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung. Kẻ công, người của đã trải qua biết bao thời gian nguy biến, gian lao, gìn giữ đức tin, mới lần hồi kiến tạo nên một Đền thờ vĩ đại, oai nghiêm tráng lệ đường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lờ thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bàng đọc lời chúc mừng: *“Tòa Thánh là hồn Đạo, là khối đức tin lớn xuất hiện tại vùng Á Đông vào cuối kỳ Hạ Nguơn. Nhờ nơi huyền diệu thiêng liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng, nhiều tín đồ đã từng giáo, nên Đạo phải có Thánh thể của Chí Tôn tại thế mà tụ khối đức tin của toàn nhơn loại. Vì lẽ đó Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư thi hành theo tiếng gọi của nhơn sanh để làm Tòa Thánh. Biết bao nhiêu hăng hái vui mừng chung hợp xây Tòa Thánh cho mau rồi...”*

Khi vị Tá Lý đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lời: “Bần Đạo không ngờ mấy em phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bần Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lần hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chi đủ nam nữ, Âm Dương, mới tạo thành lý Đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt, Bần Đạo mới buộc mấy em phải hồng thệ và thủ trinh cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bần Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích.”

Đức Hộ Pháp kêu Tổng Giám Lê Văn Bàng đem tờ

Giao Lãnh mà khi xưa, mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Đức Ngài ký tên với danh vị thợ hồ. (*Ban Kiến Trúc: Lễ Giao Lãnh Đền thờ Đức Chí Tôn 1948. Ấn hành năm 1971*)

Thật vậy chính người thợ hồ Phạm Công Tắc đã hướng dẫn thiết kế dựng và đắp hình trong ngoài Đền Thánh lưu để mai sau.

Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, là mẫu mực cho nhân loại noi theo. Nơi nào muốn tạo dựng Thánh Thất cũng phải lấy họa đồ mà xây cất đủ ba đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Đức Hộ Pháp cho phép được tiết giảm đắp vẽ hình nơi các Thánh Thất ít hơn ở Tòa Thánh: không đắp hình Tam Giáo, Ngũ Chi, Thất Hiền, Bát Tiên trên các tấm hoành chữ M, không đắp Tứ Linh, các cột rồng trong Cửu Trùng Đài, không đắp hình Đức Quyển Giáo Tông và bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh nơi lầu Hiệp Thiên Đài v.v...

Tại tư gia, Đức Ngài cho thờ thống nhất tượng Ngũ Chi đặt lên trang thờ tôn nghiêm có ba bức biểu tượng Tam Kỳ, Tam Giáo. Kỹ thuật điêu khắc chạm trổ của các nghệ nhân nơi các khánh thờ mỗi ngày một tinh vi điêu luyện nhưng vẫn giữ nguyên tam cấp như thuở ban đầu.

Nhằm nâng cao nghệ thuật chưng bồng, hàng năm vào hai ngày lễ lớn: vía Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật, Long, Lân, Qui, Phụng... đều có thưởng nên ngày càng phát triển. Nghệ nhân các tỉnh phải về Tòa Thánh học hỏi. Về sau, vì hoàn cảnh khó khăn, các cộ bồng gom vào triển lãm, long lân... lên bàn thờ gia tiên tô điểm cho ngày tân hôn, xuân

Tết, v.v... Các tỉnh có nghệ thuật chưng hình thú là phát xuất từ Tây Ninh...

## 8.- BỘ ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN VÀ CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN

**H**ÀO NGÀY 15-7-MẬU THÌN (1928), ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG LẬP MINH THIÊN ĐÀN TẠI NHÀ ÔNG ĐÌNH CÔNG TRÚ ở làng Phú Mỹ. Năm sau, Đức Lý giao Minh Thiên Đàn cho Đức Hộ Pháp để Ngài mở Phạm Môn theo tinh thần của Đức Chí Tôn:

*Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,  
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn.  
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,  
Tỉnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

Đêm 22 tháng 2 Kỷ-Tỵ, Đức Phạm Hộ Pháp hành pháp cân thân cho 93 người. Ngài tuyển ra 24 vị để thọ “đào viên pháp”. Đến mừng 10 tháng 6 Kỷ-Tỵ, Đức Ngài cân thân thêm 48 người, hai kỳ gom lại được 72 vị. Đức Ngài cấp giấy đi hành thiện kêu gọi các chi phái trở về với Tòa Thánh.

Đến cuối năm 1930, các cơ sở lương điền công nghệ của Phạm Môn được khai mở tại xã Trường Hòa (Tây Ninh). Vào tháng 3 năm 1934 lực lượng các chi phái kéo về Tòa Thánh nhờ các công quả Phạm Môn chặn đứng tại các cửa vào Nội Ô. Năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ-Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiên, trực thuộc chi Đạo Hiệp Thiên Đài.

Để hợp nhất các cơ quan Chánh Trị Đạo, Đức Ngài đã ban hành “*Bộ Đạo Luật Mậu Dần*”, do từ

Kiến Chứng ngày mùng 8-1-Mậu Dần (7-2-1938). Nền Chánh Trị Đạo gồm có 4 cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Tòa Đạo và Phổ Tế.

a) – Hành-Chánh: là cơ quan để thi hành các luật lệ của Hội Thánh hoặc của Nhơn sanh dâng lên mà đã có quyền Chí Tôn phê chuẩn.

Về Hành Chánh (*tức Cửu Trùng Đài*) gồm có các phẩm chức sắc (*từ dưới lên trên*):

- |             |                |
|-------------|----------------|
| 1- Lễ Sanh  | 5- Đầu Sư      |
| 2- Giáo Hữu | 6- Chưởng Pháp |
| 3- Giáo Sư  | 7- Giáo Tông   |
| 4- Phối Sư  |                |

Theo “*Bài thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp*”, ngày 14-2-Mậu Thìn (4-4-1948) Đức Phạm Hộ Pháp giảng về cửu phẩm Cửu Trùng Đài phù hợp với Cửu Thiên như sau:

1) Thần vị: người không Đạo mà mộ Đạo, lại giữ đặng trọn Đạo, hữu căn hữu kiếp có thể đắc vị đối với Địa Thần, kẻ tín đồ biết Đạo mà giữ Đạo đối với Nhơn Thần, còn Lễ Sanh đối với Thiên Thần.

2) Thánh vị:

- Giáo Hữu . . . . . đối với Nhơn Thánh
- Giáo Sư . . . . . đối với Địa Thánh
- Giáo Sư . . . . . đối với Thiên Thánh

3) Tiên vị:

- Đầu Sư. . . . . đối với Địa Tiên
- Chưởng Pháp . . . . . đối với Nhơn Tiên
- Giáo Tông. . . . . đối với Thiên Tiên.

b) -Phước Thiện: là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi nấng thi hài, tức là cơ giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc cho những kẻ tật nguyên cô độc hoặc giúp tay cho Hành Chánh thi hành luật pháp được trọn vẹn.

Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của chư Chức sắc Phước Thiện định như sau (*từ dưới lên trên*):

- |                |                |
|----------------|----------------|
| 1- Minh Đức    | 7- Đạo Nhơn    |
| 2- Tân Dân     | 8- Chơn Nhơn   |
| 3- Thính Thiện | 9- Hiền Nhơn   |
| 4- Hành Thiện  | 10- Thánh Nhơn |
| 5- Giáo Thiện  | 11- Tiên Tử    |
| 6- Chí Thiện   | 12- Phật Tử    |

Nên biết Phước Thiện là do Đức Phạm Hộ Pháp lập thành. Sau khi ở Mã Đảo hồi loan, Đức Ngài nâng lên hàng Hội Thánh đã giúp Ngài thực thi cơ cứu khổ.

c) -Phổ Tế: là cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng khuyên lớn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phước vong phạm sự, hay là độ rỗi những kẻ hữu tâm tầm Đạo.

d) -Toà Đạo: là cơ quan bảo thủ chơn truyền, giữ gìn luật pháp, chăm nom chư Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu thi hành phạm sự; che chở những kẻ yếu, bênh vực người cô thế tức là giữ gìn công bình luật Đạo, cũng là cơ quan giúp cho Hành Chánh, Phước Thiện và Phổ Tế thêm uy quyền mạnh mẽ và được tôn nghiêm.

Sau đó mấy tháng, để hợp thức hóa Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, Đức Lý giảng cơ chuẩn y, Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Đạo Nghị Định số 48/PT như sau:

## ĐẠO NGHỊ ĐỊNH SỐ 48/PT

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp;

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ 4/60, phân định quyền hành cho Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài ngày 4-11-Ất Hợi (dl 29-11-1935);

Nghĩ vì Hội Thánh có một mà quyền Đạo có bốn phương là: Hành Chánh, Tòa Đạo, Phước Thiện và Phổ Tế;

Nghĩ vì Cơ Quan Phước Thiện cốt để mở đường thánh đức cho toàn sanh chúng, có đủ phương thế nhập vào Thánh Thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp một cùng Hội Thánh, nên:

### NGHỊ ĐỊNH

▶ **Điều thứ nhất:** Hội Thánh sẽ tuyển chọn trong hàng Chức Sắc Thiên Phong đủ hạnh đức, đủ công nghiệp đáng chiết ra lo khai hóa, giáo hóa cả Cơ Quan Phước Thiện đặng cứu thế độ đời.

▶ **Điều thứ hai:** Chức sắc Phước Thiện chú trọng nhập vào Thập Nhị Đảng Cấp Thiêng Liêng kể ra sau đây:

- |                |                |
|----------------|----------------|
| 1. Minh đức    | 7. Đạo nhơn    |
| 2. Tân dân     | 8. Chơn nhơn   |
| 3. Thính thiện | 9. Hiền nhơn   |
| 4. Hành thiện  | 10. Thánh nhơn |
| 5. Giáo thiện  | 11. Tiên tử    |
| 6. Chí thiện   | 12. Phật tử    |

▶ **Điều thứ ba:** những người ngoại giáo hay chư vị Đạo

nhơn các nền tôn giáo khác muốn nhập vào cửa Đạo thì Hội Thánh sẽ do nơi công nghiệp Phước Thiện của họ mà định vị, tùy theo công nghiệp nhỏ lớn, đặng định phẩm từ bậc Minh Đức cho tới Chơn Nhơn mà thôi.

Còn bậc Hiền Nhơn đở lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn chơn pháp, nên các phẩm vị này phải có cơ bút giáng phong mới đặng.

► **Điều thứ tư:** cả cơ quan Phước Thiện đều giao cho Hiệp Thiên Đài chưởng quản.

► **Điều thứ năm:** Chức sắc Phước Thiện không có Đạo phục riêng, duy đặng Hội Thánh ân tứ Lịnh Bài và Sắc Lịnh kể ra sau này:

- MINH ĐỨC và TÂN DÂN có lãnh cấp bằng, mặc áo Đạo phục trắng trơn mà thôi, không có dấu hiệu chi ngoại thể.  
Bậc Chức sắc Thiên phong hay là Chức việc thì mặc đồ Đạo phục của mình, những người ngoại giáo thì phải mặc áo dài khăn đen theo quốc phục.
- THÍNH THIỆN, HÀNH THIỆN và GIÁO THIÊN thì lãnh sắc lịnh phái Ngọc có Lịnh bài của mỗi phẩm vị ấy gắn giữ dây Sắc lịnh ngay ngực.
- CHÍ THIỆN, ĐẠO NHƠN và CHƠN NHƠN mang dây sắc lịnh phái Thượng có gắn Lịnh bài của mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- HIỀN NHƠN, THÁNH NHƠN và TIÊN TỬ thì mang dây sắc lịnh phái Thái, có gắn Lịnh bài của mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- Phẩm PHẬT TỬ thì do nơi cơ bút của Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì Người định đoạt.

► **Điều thứ sáu:** Sắc Lịnh và Lịnh Bài của Phước Thiện, duy mặc nơi các Thánh Thất và Tòa Thánh để châu lễ Đức Chí Tôn, mà thôi, không đặng phép dùng theo đồ thường thế.

► **Điều thứ bảy:** cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài tùy phận, sự mình thi hành Đạo Nghị Định này.

*Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 19-10-Mậu Dần  
(dl 10-12-1938)*

*Hộ Pháp*

*Chưởng Quản Nhị Hữu Hình đài*

*Hiệp Thiên và Cửu Trùng*

*(ký tên)*

*Phạm Công Tắc*

Đến ngày 12-10-Kỷ Hợi, Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như sau:

- **Minh Đức** là gì? Là người đã theo đảng Thiên Lý, sửa tánh cho trong sạch đặng qui về với Khí Hư Linh nhẹ nhàng không còn tối tăm nữa, một mảy quấy không dám làm, một lành nhỏ không bỏ qua. Trọng đức hơn trọng tài, Đạo vậy gọi là Minh Đạo. Minh Đức đứng vào hàng phẩm trung thừa của thần vị.
- **Tân Dân:** là người đã bỏ được các điều nhiễm cũ, xưa nay hư tệ như: cờ bạc, rượu chè, gian tham, trộm cướp. Nói tóm lại là cái gì đối phong, bại tục đều bỏ hết. Sửa lòng trong sạch, tịnh dưỡng tinh thần hầu noi theo con đường quang minh chánh đại của Trời là con đường hành thiện gọi là Tân Dân.



Tân Dân đứng vào hàng phẩm thượng thừa của Thần vị.

- **Thính Thiện:** là người đã hoán cựu nghinh tân, không còn cái dục tình vật chất nào quyến rũ tinh thần đặng nữa. Sửa lòng cho trong sạch, hầu nghe lành và học lành, cho biết từ cái chi tiết của lành, đặng làm lành.

Thính Thiện đứng vào hàng phẩm hạ thừa của Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ đeo khuê bài Thính Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ ba.

- **Hành Thiện:** là người đã nghe lành và biết việc lành rồi, thì phải làm lành, làm thế nào có thể cho kẻ bịnh hoạn tật nguyên, già cả, góa bụa được hưởng cái lành và được an ủi cõi lòng, hết than thân tủi phận dở dang, khổ não mới gọi là Hành Thiện.

Hành Thiện đứng vào hàng phẩm trung thừa Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ đeo khuê bài Hành Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhì.

- **Giáo Thiện:** là người đã làm được lành rồi, thì phải đi dạy lành cho nhơn sanh tìm đường Thiên Lý là Đạo Trời.

Giáo Thiện đứng vào hàng phẩm thượng thừa Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh đỏ đeo khuê bài Giáo Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhất.

- **Chí Thiện:** là người đã được 5 cái bằng cấp: từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện nên được đến lãnh đứng đầu các vị Thánh

và Thần. Chí Thiện đứng vào hàng phẩm hạ thừa Tiên vị, khi đi châu Chí Tôn được mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Chí Thiện, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ ba.

- **Đạo Nhơn**: là người đã được trọn lành rồi thì phải về Hội Thánh học tân pháp bí truyền để được đắc Pháp.

Đạo Nhơn đứng vào hàng phẩm trung thừa Tiên vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Đạo Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhì.

- **Chơn Nhơn**: là người được học tân pháp bí truyền, đắc pháp rồi phải đi ra hành pháp cứu thế độ nhơn trong một nước.

Chơn Nhơn đứng vào hàng phẩm thượng thừa Tiên vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lệnh xanh, đeo khuê bài Chơn Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhất.

- **Hiền Nhơn**: là người diệt được cả thất tình lục dục rồi, không còn nhiễm một mảy gì của trần thế nữa. Cõi lòng thanh tịnh ta bà thế giới, độ tận chúng sanh, ấy là hạng Hiền Nhơn.

Hiền Nhơn đứng vào hàng phẩm hạ thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lệnh vàng, đeo khuê bài Hiền Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ ba.

- **Thánh Nhơn**: là người đã học được thông tri tam giải: Thượng giải, Trung giải, Hạ giải, có thể vâng lệnh Chí Tôn đi khai Đạo một nơi nào để độ rồi

nhơn sanh gọi là Thánh Nhơn.

Thánh Nhơn đứng vào hàng phẩm trung thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lĩnh vàng, đeo khuê bài Thánh Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhì.

- **Tiên Tử:** là người sáng suốt hoàn toàn, học đủ lục thông: Nhân thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông, tức Mạnh thông, Thần thông, Trí thông, có khi vâng lệnh Đức Chí Tôn làm một vị Giáo chủ của nhơn loại.

Tiên Tử đứng vào hàng phẩm thượng thừa Phật vị, khi đi châu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lĩnh vàng, đeo khuê bài Tiên Tử, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhứt.

- **Phật Tử:** được đồng quyền CHÍ TÔN cai quản cả Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Càn Khôn thế giới.

CHÍ TÔN có nói: kỳ ba này CHÍ TÔN đến độ rồi con cái của Ngài, đến ngang bậc cùng Ngài, là ngôi Phật Tử đó vậy.

Sau khi Cơ Quan Phước Thiện ra đời, một ít Chức sắc bên Cửu Trùng Đài bàn tán so sánh cao thấp. Thế nên, ngày 13-10-Đinh Hợi (26-10-1947), Đức Hộ Pháp ban hành Huấn Lệnh số 551 có đoan viết:

“Chiếu y Đạo luật năm Mậu Dần phân định quyền hành của bốn cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Tòa Đạo, Phổ Tế.

“Nghĩ vì theo Hòa ước trên đây, Đức Lý Giáo Tông đã định phép đổi phẩm của chức sắc Cửu Trùng Đài và Phước Thiện như vậy:

- Giáo Thiện đối phẩm Lễ Sanh
- Chí Thiện đối phẩm Giáo Hữu
- Đạo Nhơn và Chơn Nhơn đối phẩm Giáo Sư”.

Kê cứu thêm trong “*Nền tảng Chánh Trị Đạo*” trang 95 và các đàn dạy Đạo về sau, đối phẩm các chức sắc, chức việc trong Đạo Cao Đài. ((*Xem Thánh Lịnh số 25 TL*))

### **9.- VIỆC MẶC SẮC PHỤC KHI ĐI HÀNH ĐẠO**

**D**ỨC NGÀI LẠI CHUYÊN CHÚ ĐẾN CÁCH PHỤC SỨC CỦA CHƯ CHỨC SẮC, CHẴNG LẼ KHI HÀNH LỄ ĐỨC Chí Tôn mặc Đại phục, khi giao tiếp với người đời cũng mặc Đại phục sơ ơ giảm nghi tiết đặc biệt dành đánh lễ các Đấng. Thế nên, Đức Ngài mới xin Ôn Trên ban thêm một bộ tiểu phục đi đường từ năm 1934, chính quyền Pháp cho phép Cửu Trùng Đài mặc tràng y chín nút, Hiệp Thiên Đài 6 nút và Phước Thiện 12 nút từ tháng 2 năm 1936. Nhưng thỉnh thoảng có Chức Sắc bị cưỡng chế mặc thường phục khi tiếp xúc với họ.

Châu tri số 62 ngày 19 tháng 9 Mậu Dần (7-11-1938) nhắc lại việc này như sau:

“Từ xưa đến nay tôn giáo nào cũng vậy, hễ người tu thì mặc đồ tu theo tôn chỉ Đạo ấy. Đồ mặc là thể Đạo như Phật Giáo, Gia Tô Giáo.

“Lúc trước Đức Hộ Pháp đã gửi cho Toàn Quyền ở Hà Nội qua Thống Đốc Nam Kỳ và các quan bảo hộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Cao Miên biết đặng cho lệnh các viên quan của chính phủ hay rằng chức sắc Cao Đài

kể từ tháng 2 năm 1936 sẽ mặc Đạo phục đi đường và có giao hình Đạo phục của toàn chức sắc Thiên phong nam nữ Hội Thánh Cao Đài. Từ chức việc Chánh Phó Trị Sự tới Giáo Tông, từ Sĩ Tả đến Hộ Pháp.

“Nay lại xảy ra vụ bất ngờ nói rằng không cho chức sắc Đạo Cao Đài mặc Đạo phục khi đến hầu chuyện với quan đời mà phải mặc áo thường phục.

*“Vậy từ đây cứ y luật pháp mà hành Đạo, chứ Chức sắc nào có việc phải đến quan làng hầu chuyện thì cứ mặc Đạo phục như thường. Nếu họ không tiếp thì viện đủ lẽ chứng cứ rõ ràng hoặc mời Trưởng Tòa (Thừa phát lại) nhân chứng, rồi cho Hội Thánh hay”.*

Việc này, Đức Hộ Pháp chính Ngài về Sài gòn để khiếu nại và Ngài quyết định sẽ làm mạnh nếu nhà cầm quyền còn viện lẽ quanh co từ chối. Đến ngày 27-12-1938, Toàn Quyền Đông Dương Brévié phúc thư như sau:

*“Vì muốn thi hành các sở định của Tổng Trưởng thuộc địa. Vị thượng quan tái truyền lệnh cho tín đồ trong các cơ quan dưới quyền của Đạo đặng thờ phượng khỏi điều trở ngại và nhất là không còn buộc họ phải mặc đồ thế phục khi đến trình diện trước quyền hành chánh đời nữa”.*

Dù vậy, Đạo Cao Đài vẫn bị dòm ngó, nhà cầm quyền không muốn cho nó lớn mạnh. Tỉnh trưởng Tây Ninh Vilmont và Thanh tra Lalaurette người Pháp đã theo dõi và ghi chú từng hành động và cử chỉ, nhất là chức sắc Đại Thiên Phong. Trong quyển: *Le Caodaïsme*, trang 15, bằng mật điện số 146C ngày 14-11-1926, Thống Đốc Le Fol đã lưu ý các Chủ Tỉnh phải bí mật theo dõi

về hoạt động và truyền Đạo và phải báo cáo ngay cho Le Fol bằng công văn mật.

Đến khi thế chiến thứ II (1939–1945) bùng nổ giữa Đông Minh và trục Phát Xít (*Đức, Ý, Nhật*), thừa vận hội mới các nhược tiểu nổi dậy chống đế quốc. Các đảng phái ở Việt Nam cũng nổi lên như: Đại Việt Quốc Dân Đảng, Duy Tân, Phục Việt, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội...

Năm 1940, Nhật tràn vào lục địa Trung Hoa tiến xuống miền Đông Nam châu Á. Pháp lo sợ bắt đầu đàn áp các đảng phái. Cao Đài dù muốn dù không cũng phải chịu chung số phận của đất nước. Chữ Vạn biểu hiệu của Phật-giáo trên nóc các Thánh thất bị hiểu lầm là dấu hiệu của Đức Quốc Xã, nên Hội Thánh phải ra Thánh huấn ngày 2–4–Canh Thìn (8–5–1940) ra lệnh gỡ các chữ Vạn.

Phong trào bài Pháp lan rộng trên toàn quốc. Các tín đồ là con dân trong nước, nên họ nhảy vào vòng tranh đấu. Hội Thánh không thể ngăn được vì nước mất nhà tan, Đạo sự phải suy vi. Nhân cơ hội đó một ít người vô lương, quá thiên về bả lợi danh, dựa theo quyền đời ám hại Đạo. Họ vu cáo phao truyền Đạo Cao Đài lập một nước nhỏ trong một nước lớn. Họ chú giải lệch lạc các danh từ Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Đạo Nghị Định, Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh, Tòa Đạo, Cửu Viện... ra là Thượng Nghị Viện, Hạ Nghị Viện, Tòa án, Cửu Bộ... rồi cố ý cho Đạo Cao Đài có ý chủ trương Quân Chủ Lập Hiến.

Thống Đốc Nam kỳ Pagès vịn vào đó, mật lệnh cho Đại tá Gordon, Ủy viên Chánh phủ của Tòa án Quân

sự lập phương án tấn công Tòa Thánh Tây Ninh. Nhờ Ôn Trên chuyển xoay, trong một phiên họp của Tòa án Quân sự, Đại tá Gordon vô tình tâm sự với một người bạn là ông ta được lệnh thực hiện khám xét một vụ to lớn cần phải xử dụng đến 20 xe cam nhông binh lính để bao vây một khu rừng vào lúc 2 giờ đêm. Người bạn tò mò hỏi: “Ông khám tổ chức nào mà to tát vậy?”. Đại tá Gordon lúc đầu còn chần chừ, sau ông nói thật rằng mai này (23-7-Canh Thìn, 1940) sẽ khám xét Tòa Thánh Cao Đài ở Tây Ninh. Người bạn của Gordon lại đem kể chuyện với một người có cảm tình với Đạo Cao Đài.

Thế là chiều trước hôm đó, Hội Thánh xem xét lại những giấy tờ gì nghi có liên quan tới chánh trị đều đốt hết. Vừa làm xong lính Pháp cũng vừa đổ quân bao vây chu vi Tòa Thánh chờ sáng là tiến vô khám xét. Chính Đại tá Gordon chỉ huy cuộc khám xét này. Hẳn ra lệnh tịch thu hết hồ sơ, giấy tờ của Đạo chất vào 10 cam nhông đem về Sài Gòn.

Nhưng một Chức sắc quá chủ quan, lén để lại một tài liệu quan trọng có liên hệ đến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong quyển kinh của mình. Nhân viên Tòa án được lệnh tịch thu hết các hồ sơ chớ không phải coi từng hồ sơ nên tài liệu nói trên cũng được chất lên xe cam nhông số 3. Thế nên Sĩ Tải Huỳnh Hữu Lợi phải hối hả xuống Sài Gòn báo tin ấy cho các bạn thân. Các tín hữu cấp tốc liên lạc với nhân viên làm trong Tòa án Quân sự. Một việc khó khăn như vậy mà chỉ ngày hôm sau, một người trong Tòa án đem tài liệu về trao tận tay cho Sĩ Tải Lợi.

Thế là kế hoạch của Thống Đốc Pagès thất bại. Họ

không tìm thấy tài liệu gì trong 10 xe cam nhông có thể buộc tội Đức Hộ Pháp. Họ trù hoạch phương án khác để diệt Đạo.

Ngày 8–11 năm đó, họ đem 5 xe hơi vào Tòa Thánh bắt các Chức sắc và Đạo hữu giải ra Tây Ninh.

Ngày 15–5–Tân Tỵ (1941) chính phủ Pháp cấm các công quả tạo tác không được xây tiếp Tòa Thánh.

Ngày 4–6 vào 8 giờ sáng, lính mật thám vào bắt Đức Phạm Hộ Pháp.

Ngày 9–7, Chủ Quận và lính vào Tòa Thánh xét giấy thuế thân và đuổi tất cả tín hữu về tỉnh, về xứ, không cho ở trong chu vi Thánh địa.

Ngày 11–7, lính Pháp lại vào bắt thêm 3 vị Chức sắc, ở Sài Gòn một vị và Cao Miên một vị.

Ngày 7–8, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh.

Ngày 25–10, lính mật thám vào Tòa Thánh bắt thêm ba vị Chức sắc nữa.

Nhất là nhà cầm quyền Pháp tìm thấy văn bản của ông Godwin, Trưởng Lão của giáo hội Eglise Gnostique Đức quốc liên lạc với Đức Quyền Giáo Tông (13–11–1931), trong có đoạn viết:

“Bức thông điệp của Đức Ngài (*Lê Văn Trung*) đã tới Trung Âu. Tổng Giáo Hội Eglise Gnostique Đức Quốc mà tôi là Trưởng Lão quyết định liên hợp với Đạo Cao Đài.

“Tôi được lãnh nhiệm vụ báo tin cho Đức Ngài biết sự quyết định này và kính xin Đức Ngài thông truyền cho chúng tôi về lịch sử, hiến chương, giáo lý và những nghi lễ của Đại Đạo” (*Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông*,



*Tây Ninh 1972, trang 82).*

Trong khi đó, nước Pháp bị Hitler xâm chiếm, ở Đông Dương các đảng phái nổi lên chống ách thống trị của Pháp. Đó là những nguyên nhân mà mật thám Pháp buộc phải bắt Đức Hộ Pháp đưa đi an trí tại Di Linh rồi Sơn La để trừ hậu họa. Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong chương này nổi lên nhiều tiếng xầm xì trong nhà Đạo do chức phẩm Chương Quân Nhị Hữu Hình Đài. Trong quyển “*Lịch sử Cao Đài*” (quyển hai) Đồng Tân cho rằng từ khi ban hành Bộ Đạo Luật năm Mậu Dần (1938), Tòa Thánh trở thành một chi phái (Đồng Tân, *Lịch Sử Cao Đài, Cao Hiến 1972, trang 403*).

Trước đó (1949), trong quyển “*Histoire et philosophie du Caodaïsme*”, Gabriel Gobron khi viết về các phái Đạo khác của Đạo Cao Đài (*Les diverses sectes du Caodaïsme* nơi trang 174), chỉ liệt kê 11 phái, người đọc hiểu lầm là G. Gobron coi Tòa Thánh Tây Ninh cũng là một phái cho đủ 12 phái.

Trong tiểu luận Cao Học Nhân Văn “*Đại Lễ vía Đức Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*”, trong lời nói đầu Đinh Văn Khá dẫn: “*Giáo sư Nghiêm Thẩm cho biết rằng Đạo Cao Đài có rất nhiều chi phái, nếu muốn nghiên cứu, ta nên chọn Tòa Thánh Tây Ninh, vì nơi đây được xem như là Thánh Địa của Đạo Cao Đài*”.

Thật vậy, một Giáo sư Nhân Văn, một nhà nghiên cứu thâm sâu về Đạo Cao Đài phát biểu một định đề rất chí lý. Người đời có nói gì đi nữa, các người ngoại quốc, các nhà khảo cứu Đông Tây muốn hiểu về Đạo Cao Đài cũng phải đi Tây Ninh, chớ không thể đến nơi nào khác. Đó là niềm vinh hạnh, điều tự hào cho các

tín hữu Cao Đài Tây Ninh.

Trong báo VĂN NGHỆ TRẺ số 10 (171) cũng viết:

*“Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống dung hợp các luồng văn hóa ngoại nhập, dù đó là văn hóa phương Tây hay phương Đông, là văn hóa Trung Hoa hay là văn hóa Ấn Độ, Đạo Cao Đài ở Việt Nam đầu thế kỷ XX này là một minh chứng điển hình về tính dung hòa văn hóa của người Việt Nam”.*

- (Trần Lưu, “Đền Ngọc Sơn với sự dung hợp văn hóa”, Văn Nghệ Trẻ số 10 [171])

Khách bàng quang nhìn Đạo mỗi người một lối riêng, đó là ý kiến riêng của họ. Còn người Đạo vẫn trụ vững đức tin của mình, đó mới là điều đáng lưu tâm và đáng tôn vinh.

## CHƯƠNG V: MÃ ĐẢO PHÁP NẠN (1941 - 1946)

- ★ Trần Thánh Phi-Châu
- ★ Hết mùa pháp-nạn

### 1.- TRẦN THÁNH PHI-CHÂU

**T**IN ĐỨC HỘ-PHÁP BỊ PHÁP BẮT VÀ BỊ ĐƯA ĐI AN TRÍ LOANG RA LÀM CHẤN ĐỘNG CẢ TOÀN ĐẠO. Chức-sắc và Đạo-Hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức-sắc đương quyền lúc ấy, một số tán-cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày 16.06 năm Tân-Tỵ, một phiên nhóm bắt thường của các chức-sắc tại Tòa-Thánh để giao quyền cho ba vị Chánh Phối-Sư, trong lúc Đức Hộ-Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn, mà hai vị Luật-Sự Hiệp-Thiên Đài là Phan Hữu Phước và Võ văn Nhơn tranh giành các bốn vị bằng trước mặt ba vị Chánh Phối-Sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối-Sư không thành.

Tòa-Thánh lúc ấy do Giáo-Sư Thượng Tước Thanh và Giáo-Hữu Thượng Chất Thanh điều-hành và sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần, chớ không dám ở.

Ngày 01.06 năm Tân-Tỵ, Đức Hộ-Pháp cùng năm vị chức-sắc: Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo-sư Thái Phần Thanh (*bị bắt ở Cao-Miền*), Giáo-sư Thái Gầm

Thanh, Quyền Chánh Phối-sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ-Tài Đỗ Quang Hiến bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn. Sau đây là vài nét về chư vị chức-sắc trên:

1. Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa (1889–1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối-Sư (1930), Chương-quản Phước-Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh Chương-Quản Bộ Pháp-Chánh, rồi qui vị ngày 22.01 Giáp-Ngọ.

2. Chánh Phối-Sư Ngọc Trọng Thanh; từ lúc khai Đạo đã có Ngài, sau ở Mã-Đảo về, vẫn tiếp tục làm việc Đạo.

3. Giáo-sư Thái Gấm Thanh, tên họ thật là Thái văn Gấm, ngồi Đầu Tộc-Đạo Châu-Đốc (1932–1933), Gia-Định (1934–1935), Thượng-Thống Công-Viện (1936–1937), Chủ-Trưởng Hội-Thánh Ngoại-Giáo (1938–1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và qui tại Mã-Đảo (1943).

4. Giáo-sư Thái Phấn Thanh tức Trần văn Phấn giữ chức Chủ-Trưởng Hội-Thánh Ngoại-Giáo tại Kiên-Biên (1941), thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng-Tàu, sau về Gò-Vấp và từ trần năm 1965 (Gia-Định).

5. Sĩ-Tài Đỗ Quang Hiến chết tại Mã Đảo, Phi-Châu và về cơ xưng là Thánh Phi-Châu có bài thi như sau:

### THI

*Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,  
Các Đấng ghe phen đã dẫn dò.  
Hành Đạo Cao-Đài cho phải Đạo,  
Học-trò Xiển-Giáo đáng danh trò.  
Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,  
Đạo-đức trường tồn gắng chí lo.  
Một kiếp phù-sanh không mấy lát,*

*Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.*

Ngày 27.07.1941, Đức Hộ-Pháp và 5 vị chức-sắc bị đưa xuống tàu Compiègne cùng mười hai chánh-trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh-trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores (*Xem hình - Miền Bắc mã Đảo*)

♦ Trong số chính-trị phạm, gồm có 6 chức-sắc Đạo Cao-Đài, ba nhà cách-mạng là Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang, Ngô Văn Phiến, còn lại là Đảng viên Đệ Tam Quốc-Tế.

Sau khi đày Đức Phạm Hộ-Pháp, giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền-Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu-Đoàn Trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp-Thiên Đài (vì chúng cho: “*Hiệp-Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp-Thiên Đài mất, thì Đạo dứt*”) chôn một trái mìn (*mine*) một ngàn kí lô.

Thực-dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao-Đài có liên hệ với phát-xít Đức vì trên nóc Hiệp-Thiên Đài có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào phát-xít Nhật cũng đến giải vây Tòa-Thánh. Viên Tiểu-Đoàn Trưởng lúc đó mới chằm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên Tiểu-Đoàn Trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu-Tá Rouband. Ở Trên xui khiến, viên Tiểu-Đoàn trưởng không ghi “*Mission Impossible*” này trong biên-bản nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa-Thánh, đã không thi hành “*Sứ mạng bất khả thi*” này.

Vào tết Bính-Thân (1950), anh Ba Tất (*Lê văn Tất*) đọc tin này trên báo Paris Match có trình lên Đức Hộ-Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: “*Nếu không có ai câu điện mà giựt, thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi*”. Mới hay, nơi Thầy ngụ là Bạch Ngọc Kinh tại Thế, đâu thể phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu một ít về Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc-địa này bị Anh chiếm, nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (*đây là chiến lược của phe Đông-Minh*). Năm 1946, Madagascar được độc-lập, chính phủ liên-bang được thành lập, gọi tên mới là Cộng-Hòa Malgache (*Larousse illustré. Paris 1952, tang 1517*).

Năm 1943, tình hình thế-giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Pétain lập chính-phủ Vichy. De Gaulle lập chính-phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ-Pháp và các chánh-trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên Nosy Lava (*hay Nosi Lave*) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar (*xem hình trang 201*). Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24.11.1944 mới được ra ngoài lao động. Trong những ngày tù đầy làm coọc-vê, Đức Ngài được Đức Chí-Tôn che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù, qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo, thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả. Một lần khác, cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được súc xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả

mọi người đều hôn lìa khỏi xác từ từ tỉnh lại. Bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: “*Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này*”. Nhờ đó, từ đây về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài.

Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lừa trâu bò quăng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng súc vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì, mà để dân ngu hòng dễ cai trị. Lòng nhân của một Thiên-Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo-sư Phấn làm cây, làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache thực-hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương-pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã-Đảo.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa giã gạo, mà chỉ tuốt hạt rồi tọt như dân thiếu-số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay, còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giã gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ-biến cách làm gạch để chống lại độc-quyền của bọn Pháp.

Cái ăn, cái ở đã có, nhưng đầu óc còn ngu dốt, thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng-bào ruột thịt của mình, cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu-học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa-phương và tiếng Pháp. Vì thế, họ coi Ngài như một

Đấng Sư-Biểu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiềng vàng... giúp cho đời tươi đẹp hơn lên.

Một đệ-tử đã cảm khái những hoạt-động khai hóa và từ thiện của Đức Ngài bằng bài thi sau:

THI

*Mến ông thợ bạc gốc Thầy tu,  
Nuôi cả nhơn-sanh bị nhất tù.  
Đẻo mẫu cày, bừa trâu lấm thóc,  
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.  
Dắt diu kẻ khó thành Vương Khải,  
Dẫn độ người lành ngự Ngọc-Hư.  
Thầy tớ gặp nhau trên đảo vắng,  
Pháo đầu như nổ dưới chân cù.*

“Dẫn độ người lành ngự Ngọc-Hư”. Thật vậy, nhiệm-vụ trọng yếu của Thiên-Quân là truyền đạo độ đời. Một hôm, Thiêng-liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà một cư sĩ trí-thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn, nên vị cư-sĩ ra rước Ngài vào nhà, rồi quì xuống xin Ngài truyền tâm pháp tu chơn. Ngài mở huyền quang khiêu cho cư-sĩ được chứng ngộ tại thế. Một lần khác, cô Marie, sinh-viên du học tại Pháp, nằm mộng thấy Thần-linh mách bảo: trong nước xuất hiện vị Phật sống. Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ nhập-môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư-ký cho ông “*thầu khoán bất đắc dĩ*” để giúp nhơn-sanh.



Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ “*Lac Tinivar*”. Hồ này nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chấm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. Rõ ràng là con mắt trái: “*Thiên-nhãn*”.

Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí-Tôn, Phật-Mẫu và các Đấng Thiêng-Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ-Tải Đỗ Quang Hiến phò loan, được các Đấng giáng an ủi. Một hôm Đức Tiêu-Diêu Đạo-Sĩ giáng cho bài thi như vậy:

### THI

*Lược chiến từng quen đã bấy lâu,  
Thiên-cơ đã rõ máy cao sâu.  
Dần lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,  
Sẽ thấy khuôn-linh phép nhiệm mầu.*

Chào Thiên-Tôn và chư vị Thiên-Phong, có Đức Nhân-Âm Đạo-Trưởng đến, để Bản-Tăng đi triệu Thần Hoàng Bản-Cảnh tới gìn giữ cơ.

Nhân-Âm Đạo-Sĩ cười... Bản-Tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dường này. Hạn thay cho giống dã man tàn bạo... Trung-Quân là Nam-Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á-Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

### THI

*Quá hải đòi phen đến viếng nhau,  
Ngặt không cơ bút để lời giao.  
An-nhàn đợi thuở triều linh địa,*

*Chuyển thế gặp thời phải múa đao.  
Côi Ấ đã trở thành nơi chủng-quốc,  
Phương Âu sẽ diệt tận nô-lao<sup>1</sup>.  
Lửa hương đất Việt dầu quen nhúm,  
Nhờ đám Trung-Quân ở nước Tàu.*

Ít lâu sau câu cơ, một vị (phái nữ) giảng không xưng tên mà cho bài thi sau:

THI

*Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,  
Mi đã rước ai hồi hồi người.  
Lượn thăm bủa ghềnh tình ột ạt,  
Gió sầu xô đánh ái toi bời.  
Yên phu điệu gọi thương cảnh sớm,  
Giọng ngạn quyên kêu gọi buổi mai.  
Tổ-quốc đón đường bao dặm thẳng,  
Xa đưa thăm thăm một phương trời.*

Nosy Lava, hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar. Về sao Vô Danh thị lại giảng cơ và nhủ:

“Chào Thiên-Tôn và chư vị Đại Thiên-phong. Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh Chí-Tôn cho nơi nghỉ nơi đây. Chí-Tôn than rằng: “Chức-sắc Thiên phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì cơ ấy mà triết lý Đạo khó phổ-thông cho toàn thiên-hạ.

THI

*Đã phong trần phải chịu phong-trần,*

---

1 (\*) (Tức No si Lave ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar)

*Có thân âu phải biết thương thân.  
 Nam xa ví chẳng vì đường khó,  
 Việt đành mong chi đượm lửa mừng.  
 Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,  
 Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.  
 Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,  
 Mặt địa-cầu ta vốn định chùng.*

Sau khi giải thích Nam xa Việt đành thế nào, Vô Danh thị lại cho thi:

### THI

*Hòn đảo này đây trước nhất tù,  
 Mà nay làm khám nhất Thầy tu.  
 Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,  
 Thì lũ Tây-man, Nhật-bổn trừ.*

Những bài thơ trên đây đều có tính chất tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên-lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô-Danh thị là ai? Đó là Đức Linh-Sơn Thánh-Mẫu vàng lệnh Thất-Nương Diêu-Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ-Pháp biết được, vì chiếc nhẫn nam ngọc trên tay Ngài phát hào-quang khi bà thăng. Hạt ngọc nầy của ông Lễ-Sanh Võ văn Đợi tìm được ở Núi Bà, biểu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ-Pháp học tu tịnh, đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc, nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung, để rước các thầy tu ở núi lỗ vụn.

Biển cổ Núi Điện điêu tàn, một nhóm chức-sắc

xin Đức Hộ-Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật-Mẫu, Đức Ngài phê: “*Bản-Đạo vì thanh tình lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho*”.

Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ-Pháp thường câu cơ, lúc với Sĩ-Tải Đỗ Quang Hiến, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội-Trưởng Thánh-Thất Bàu Sen, Phạm Duy Tảo và soạn giả (ông Truyền đến nhà anh Hai Tảo để chích thuốc. Ở đây bốn đạo ai cũng biết): Đêm Noël (1945) (Theo lời kể của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965), Đức Hộ-Pháp và Ngài Khai Pháp phò cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý giảng cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt-Nam vào cuối năm 1946. Rồi Đức Lý ân phong cho ba ông:

1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa-Lý Quân, giữ tròn vẹn lãnh-thổ Việt-Nam.
2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.
3. Ông Ngô Văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh-mạng nhân-loại...

Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Đức Hộ-Pháp và các ông được tự do và trả về Việt-Nam. Hai ông thường liên-lạc với nhau.

“*Tôi (L. H. CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa-Thánh Tây-Ninh, khi ở Văn-Phòng liên-lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa-chỉ của Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, Giáo chủ*

Đạo Cao-Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar”.

- (Nhân vật lịch sử - Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & nay số 60)

## 2.- HẾT MÙA PHÁP-NẠN

**H**ỘT HÔM ĐỨC HỘ-PHÁP NÓI VỚI NGÀI KHAI-PHÁP TRẦN DUY NGHĨA, NGƯỜI ĐƯỢC PHÁP CỬ LÀM đại-diện tù-nhơn tại Mã-Đảo rằng: “Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước”. Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc, bịa đặt nên đáp: “Ông đã bày đặt Thượng-Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi này”. Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phàng rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhặt và nói: “Thánh Pierre lần này là lần thứ ba người phản ta”. Nên biết ngôn-linh của Ngài Trần Khai-Pháp là Thánh Pierre:

Ba hôm sau, quả như lời, quý vị được trả tự-do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài để xin lỗi.

Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (tháng 9.1945), tình hình Việt-Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ-chức chắc chắn, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ. Ở Việt-Nam, ngày 8-04 Bính Tuất (8-05-1946), các cơ sở Đạo tại Sài Gòn bị chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội-đàm, Trần Quang Vinh và Ménage ký thỏa-ước ngày 9-06-1946, đại để:

1. Đối với Pháp: quân đội Cao-Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.

2. Đối với Đạo: quân Pháp ngưng các cuộc khủng-bố, không bắt giam tín-hữu, bảo đảm quyền tự-do hành giáo và truyền-giáo. Mở cửa Tòa-Thánh và các Thánh Thất, được tự-do tế tự trong phạm-vi tôn-giáo. Trao trả Đức Hộ-Pháp và chư vị Thiên-Phong về cố quốc, phục hồi các quyền công-dân cho chư vị đó.

Vì các điều-khoản đó mà chính-phủ Pháp mới trả tự-do cho Đức Hộ-Pháp. Khởi đầu Giáo-Sư Thượng Vinh Thanh (*tức Trần Quang Vinh*), ngày 16-08-1946 đến gặp Ủy-Viên Cộng-Hòa Nam-Kỳ Cédile và Đồng-Lý Văn-phòng Frémolle bàn-tính việc rước Đức Hộ-Pháp, bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị lãnh-đạo một Tôn-giáo lớn.

Ngày 20-08-1946, nhà cầm-quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyến tàu Ile De France cập bến Vũng-Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo-Sư Thượng Vinh Thanh vội ra châu-tri cho toàn Đạo hay đặng chuẩn-bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile De France sắp cập bến, không có Đức Hộ-Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên-truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ-Pháp. Mục-đích của nhà cầm-quyền Pháp là tránh dân Đạo tụ-tập đông-đảo mất an-ninh.

Chiều ngày 21-08-1946, được tin chuyến tàu Ile De France đã cập bến Vũng-Tàu (*Cap Saint Jacques*) trong đó có Đức Hộ-Pháp. Nhà cầm-quyền Pháp chuẩn-bị đi rước bằng máy bay từ Cáp về Sài-gòn.

09 giờ 20 sáng ngày 22-08-1946, phi-cơ cất cánh tại

phi-trường Tân-Sơn-Nhút, phái-đoàn gồm có Giáo-Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đồng-Lý Văn-Phòng của ông Cédile, Ủy-Viên Cộng-Hòa Nam-Kỳ, ông Bazin, Sĩ-quan Cò mật-thám. Khi đến Cáp, phi-cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile De France rồi mới đáp xuống phi-trường... Nơi đó đã có quan Chủ-Tỉnh Cap Saint-Jacques, M. Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thầy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Phạm Hộ-Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle, thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ, vì lúc ở Mã-Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan tư Pháp Désanges và phu-nhơn, người có phận-sự đưa Đức Hộ-Pháp từ Mã-Đảo đến Sài-gòn gặp Phái-đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong, thì phái-đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông Chánh Chủ-Tỉnh, M. Ropion rước Đức Ngài và phái-đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo-Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai-đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa-Thánh bị chiếm, chức-sắc phải hành-đạo ở Kiêm-Biên (*hạ tuần tháng 3 năm Nhâm-Ngọ, 1942*), hiệp tác với Nhật-Bản (1-12 *Nhâm-Ngọ*), ở hăng tàu Nitinan và Nội-Ứng Nghĩa-binh (1-01 *Ất-Dậu*), lập Cao-Đài Tham-Mưu Quân-Sự Vụ, hiệp tác với Mặt-Trận Việt-Minh, tới thoả ước ngày 9-06-1946. Riêng Thỏa-ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: “*Luật công-bình thiên liêng của Tạo-Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cãi đặng..., còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt-Nam dứt đặng...*”

Ý Đức Ngài muốn nói: hoàn cảnh thúc-bách đã tạo ra quân-đội, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu

vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân-sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại luật Thiên-điều.

Tín-đồ các nơi tấp nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng trù mến. Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo-sư Thượng Vinh Thanh và bốn bộ lần lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua, buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30-08-1946, toàn Đạo và chánh-phủ làm lễ rước Đức Hộ-Pháp về Tòa-Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây-Ninh.

Khi gần tới Tây-Ninh, thì có Chủ-Tỉnh Tây-Ninh ra nghinh tiếp và vào dinh Tỉnh-trưởng đàm luận. Sau đó đoàn xe tiếp tục về Tòa-Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức-sắc Hiệp-Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể tín-đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng, Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền-Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài. Các chức-sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tuông châu thương hận. Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào Bửu-điện đánh lễ Đức Chí-Tôn. Sau đó, Đức Ngài qua Giáo-Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo-Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp-nghinh. Ngài Bảo-Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp-Thiên Đài, Giáo-sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài



và một Sĩ-quan. Pháp đại diện cho Chính-Phủ Bảo-hộ, mỗi người đọc một bài diễn-văn để chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên-bố về chủ trương của Đạo Cao-Đài.

Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ-Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thịnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng-Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vậy:

#### CẢM TÁC

*Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,  
Còn non còn nước lại còn người.  
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,  
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.  
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,  
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.  
Trời Nam thử điểm trang tân-sử,  
Đổ lệ cùng nhau gượng để lời.*

CAO THƯỢNG SANH

#### HỌA VẬN

*Sắc sơn nhuộm tánh đậm màu tươi,  
Hay dỡ khen chê để miệng người.  
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,  
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.  
Vó ký từng trải đường nguy hiểm,  
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.  
Ước trả mây may ơn xã tắc,*

*Nợ muôn đên một kẻ chi lời.*

ĐỨC HỘ-PHÁP

LẠI HỌA VẬN

*Màu xe Tây vức ngắm thêm tươi,  
Hỏi khách Hồn-nguồn đặng mấy người.  
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,  
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.  
Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,  
Phép Tạo tay cầm ngược cũng xuôi.  
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh-phúc,  
Đá kia cũng gặt để nên lời.*

CAO TIẾP-ĐẠO

Đức Cao Thượng-Sanh ở lại để cúng Rằm và dự lễ Hội-Yến Diêu-Trì Cung, bà Bát Nương giảng cơ cho Đức Hộ-Pháp thi:

THI

*Đào nguyên lại trở trái hai lần,  
Ai ngỡ Việt thường đã thấy Lân.  
Cung-Đẩu ví xa gương Xích-quý,  
Thiên-Cung mở rộng cửa Hà-ngân.  
Xuân-Thu định vững ngôi lương tế,  
Phất-Chủ quét tan lũ nịnh thần.  
Thối khí vĩnh sanh lau Xã-tắc,  
Mở đường quốc thể định Phong-vân.*

BÁT NƯƠNG

HỌA VẬN

*Chông gai đường Đạo mãng dò lân,  
Từ bước ta bà trở cổ lân.  
Biển Bắc vừa nghe hơi sủng nổ,*

Gành Nam kể lóng tiếng chuông ngân.  
 Buồm thuyền tế độ sang mơ mộng,  
 Gió hạc chiêu Tiên giục định thân.  
 Cam lộ کیا ai dành để sẵn,  
 Cành Dương rửa sạch nét phù vân.

ĐỨC HỘ-PHÁP

LẠI HỌA VẬN

Dựng gậy xā tắc bấy nhiêu lần,  
 Mong mỗi vùng Nam đặng thấy Lân.  
 Dãnh Việt Trời che gìn cảnh trí,  
 Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.  
 Đài hoa tạc để gương anh kiệt,  
 Thiên khiển dành riêng đám tội thân.  
 Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,  
 Làm trai tua vẹn trí thanh vân.

CAO THƯỢNG SANH

Sau khi Đức Phạm Hộ-Pháp hồi loan., ông Lễ-Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng sư phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: “Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?” Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hăng tàu Nitinan., Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội-Ứng Nghĩa-binh tham gia đảo chánh ngày 9-03-1945. Đức Ngài nói: “Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ-niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm”. Ai cũng biết, quân đội Cao-Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội-Ứng Nghĩa-Binh (1945), trước khi Đức Hộ-Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: “Chỉ có quân đội Cao-Đài thi hành

những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập. Văn thơ số 115/HP-TTVP đề ngày 17-01-1949 gửi cho Thượng-sứ Pháp và Đại-Tướng Blaizot, Tư-Lệnh quân đội Pháp tại Đông-Dương, Đức Ngài đã viết rõ: “Sự hiện diện của những tổ-chức quân-lực Cao-Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy”.

Chân dung Đức Hộ-Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng đại-dồng, yêu thương nhân-loại. Đức Ngài đã giúp dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là *Ái-Dân*) còn nhớ cổ hương trong những lúc rảnh rỗi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (*Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An-Ninh*) trong những năm đầu của thế kỷ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt-Nam khỏi ách đô-hộ của thực-dân Pháp.

Nhờ đó, hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu cơ, Đức Lý giảng cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo-Quân. Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn phổ-độ chúng sanh như lời nguyện.

## CHƯƠNG VI : VAI TRÒ CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP TRONG THỂ-PHÁP VÀ BÍ-PHÁP

(1947 - 1951)

- ★ Phương Luyện-kỹ và Pháp trị tâm
- ★ Cao-Đài quốc Đạo
- ★ Đức Hộ-Pháp tái thủ quyền Đạo
- ★ Đức Hộ-Pháp thuyết đạo về quyền năng tôn-giáo
- ★ Đức Hộ-Pháp ra Châu-tri ân-xá các chi-phái
- ★ Những chuyến đi thăm thiện-chí
- ★ Nhập Tịnh-Thất Trí-Huệ Cung
- ★ Vai trò Đức Hộ-Pháp với Bí-Pháp
- ★ Người ươm mầm Đạo-Dịch

### 1.- PHƯƠNG LUYỆN-KỸ VÀ PHÉP TRỊ TÂM

**T**HIÊN-CHỨC CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP LÀ GIÁO DÂN QUI THIỆN. THỂ NÊN, TRONG HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN nào, Đức Ngài vẫn dành nhiều thời giờ để giáo-hóa tín-đồ đạt pháp.

Ngày 14 tháng giêng năm Đinh-Hợi (1947), Đức Ngài đã ban hành Đạo-lệnh 209-HP chỉ dẫn về Phương Luyện-Kỹ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại-Đạo (*tức luyện-kỹ, tu đơn, thiên định*). Nhớ lại từ 14-01-1926, Đức Chí-Tôn đã truyền Tân-Pháp tu chơn cho Đức Ngài và nay Ngài truyền lại cho nhơn-sanh. Tại vì không tìm hiểu tận nơi mà có người cho là Tòa-Thánh Tây-Ninh chỉ có tịnh-thất cho tín-đồ mà không có lý pháp tu tịnh cho chức-sắc (*Đồng Tân, Lịch Sử Đạo Cao Đài [quyển II]. Sài gòn 1972, trang 402*). Đức Chí-Tôn đã dạy: “*Phải*

*bày bừa pháp ra không đặng dấu nữa” (Thánh ngôn Hiệp Tuyên, Q. 1, trang 13). Việc luyện Tinh, Khí, Thần đã truyền ra rồi (Xin xem: Trường Đường Tinh Khí Thần, “Quan Niệm Tu Chơn”) cứ theo đó mà hành pháp “Dầu không Thiên-phong hễ gắng tâm thiện niệm cũng đạt hồi đặng” (Thánh ngôn Hiệp Tuyên đầu đêm 17-9-927).*

Dưới đây là Đạo lệnh 209-HP Đức Phạm Hộ-Pháp đã ban hành công khai:

### **PHƯƠNG LUYỆN-KỶ**

*Đặng vào con đường thứ ba Đại-Đạo*

Phải biết thân thiết cùng cả Nhơn vật, tức là tìm nguyên do của Vạn-Linh cùng Chí-Linh.

Phải ân-hậu và khoan hồng.

Phải thanh-nhàn, đừng vị kỷ.

Phải bình-tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh-hưởng của họa, phước, buồn, vui (*tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh*).

Phải độ-lượng, khoan dung, tha thứ.

Phải vui vẻ, điều hòa, tự chủ và quyết-đoán.

Giữ linh-tâm làm căn bản.

Hiếu-hạnh với Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu.

### **PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM**

*Vì Tâm là Hình-ảnh của Thiên-Lương*

1. Đức tin và khôn-ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ, là đồ vô giá.
2. Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh

- tâm công chánh cho đặng.
3. Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
  4. Sự cừu hận là khối thảm khổ đặng nhứt của nhơn-sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu-hận oán ghét.
  5. Thắng đặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận dữ.
  6. Lấy thiện mà trừ ác.
  7. Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo tàn.
  8. Lấy lòng quăng-đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
  9. Lấy chánh trừ tà. Ấy là đường thương Huệ-Kiểm.

### LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ

Ấm thực tinh khiết.

Tư tưởng tinh khiết.

Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đức Chí-Tôn, Phật-Mẫu.

Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái Đài tại thế này.

Ngày 14 tháng Giêng năm Đinh-Hợi (1947)

Hộ-Pháp

(ấn ký)

Phương-pháp trị tâm của Đức Hộ-Pháp nói gọn là Pháp Tâm hay Đạo Tâm. Vào cửa Đạo đi tu là cố gắng tĩnh lặng cái tâm. “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*” của ta. Bởi lẽ, tâm dẫn đầu hết thảy mọi hành động. Khi sinh hoạt theo hướng tham sân si, nhỏ mọn, trách-cứ, lo âu, sầu muộn..., đó là ác tâm. Khi lòng ta rộng lượng, vị tha, hoan hỉ, thương người, đó là các tâm chơn-chánh: Đạo-Tâm. Nếu tâm còn bợn đục, thì phải tẩy

tâm, soi rọi lại lòng mình mà hồi quang phản chiếu để minh tâm kiến tánh.

Đức Phật-Mẫu đã dạy trong bài Kinh Cửu Cửu:

*Cung Trí-Giác trụ tinh-thần,  
Hườn hư mẫu-nhiệm thoát trần đặng Tiên.*

Muốn hườn hư giải thoát đặng đặng Tiên, thì trí tuệ phải giác ngộ nhờ luyện Tinh Khí Thần hiệp nhất. Tất cả mọi Tịnh-thất trong Đạo Cao-Đài đều chú trọng đến việc trau dồi cái tâm: trí-giác, trí-tuệ, vạn pháp. Muốn trau dồi cái tâm, phải tu luyện, đọc sách Thánh Hiền, không đọc sách dễ dẫn ta đến bến mê sai lầm. Chỉ có bậc thượng căn như Huệ-Năng Lục Tổ, không biết chữ mà quán thông Đạo pháp, mới được tôn sùng là bậc Đại Giác-Ngộ. Còn kẻ phàm phu phải tẩy tâm, rửa sạch bợn trần, giúp tâm thanh-tịnh phát huệ. Được như thế, mới đáp lại nhận-định của một người nước ngoài: “Đạo Cao-Đài bao dung mọi tôn-giáo, thuận-lý với khoa-học”.

Ta xem “*Phương Pháp Trị Tâm*” của Đức Phạm Hộ-Pháp so sánh thấy phù hợp với “*Thập Mục Ngưu Đồ*” (*Mười bức tranh chăn trâu, ngụ ý dạy về tu chơn*). Mười bức tranh này vẽ trong Chánh-Điện Chùa Tam Tông Miếu (*tức chi Minh-Lý trong Ngũ Chi Đại Đạo*).

- 1. Thập Mục Ngưu Đồ (TMNĐ).
- 2. Phương-Pháp Trị Tâm (PPTT).

Ta thấy cả hai đều có 10 câu, 10 đề-tài (*mười bức họa*) như sau:

- 1.- TMNĐ: Tìm trâu (*tâm ngưu*)
  - PPTT: Thanh tâm công chánh



- 2.- TMNĐ: Thấy dấu trâu (*kiến tích*)
  - PPTT: Thăng đặng mình
- 3.- TMNĐ: Thấy trâu (*Kiến ngưu tức thấy tâm mình*)
  - PPTT: Từ bỏ cừu hận.
4. - TMNĐ: Được trâu (*đắc ngưu*)
  - PPTT: Thăng đặng khí nộ (*thì được tâm mình*)
5. - TMNĐ: Chăn trâu (*mục ngưu*)
  - PPTT: Lấy thiện mà trừ ác
6. - TMNĐ: Cưỡi trâu về nhà (*ky ngưu qui gia*)
  - PPTT: Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.
7. - TMNĐ: quên trâu còn người (*vong ngưu tồn nhơn*)
  - PPTT: Đức tin và khôn-ngoa là kho chí-bửu
- 8.- TMNĐ: Người trâu đều quên (*Nhơn ngưu câu vong*)
  - PPTT: Lấy lòng quăng đại
9. - TMNĐ: Buông tay vào chợ
  - PPTT: Lấy chánh trừ tà
- 10.- TMNĐ: Phản bốn hườn nguyên.
  - PPTT: Ấy là đường thương Huệ-Kiểm.

Mười bức tranh vẽ trâu (*chỉ cái tâm*), ý nói “*Bạch Ngưu Xa*” tức Phật-Thừa, là cái đại viên-giác, tu đốn-ngộ. Bức tranh 1 “*Tìm Trâu*”, trâu đâu mà tìm? Trong phút giây khác thường nào đó, ta nghi ngờ những điều tai nghe mắt thấy, tức nghi ngờ cái chánh tâm ta. Khi ta hỏi tâm ở đâu, chẳng khác nào ta hỏi trâu ở đâu? Trong khi chính ta đang cưỡi trâu. Ta đi tìm cái tâm. Rốt cuộc tâm ở nơi lòng ta. Ta chỉ cần dừng lại, nó hiện ngay trước mắt ta. Nếu loài người biết dừng lại

(*định tâm suy nghĩ*) trong vài phút thôi, thì thế gian này không đến nỗi buồn thảm.

Sau giai-đoạn ngoại cầu, đến giai đoạn tư-trị, tự giác. Khi người và trâu đều quên (*nhơn nguừ câu vong*), thì nơi chân trời hiện lên mặt Trời huệ, tượng trưng bằng vòng tròn vô-vi Viên-Giác. Đó là Tâm Không, đạt Đạo rồi!

Trở về ngôi vị cũ với bức họa 9 nhan đề: Phản bốn hườn nguyên. Vẽ cảnh lá rụng về cội, nước chảy về nguồn. Từ nguyên thủy, con người vốn thanh tịnh, vốn là không, nên chỉ cần hiểu thấu tánh mình là hườn nguyên.

Mười bức tranh trâu và 10 phương-pháp trị tâm có thể tóm gọn một câu: Vô tâm Đạo để tâm (*Vô tâm Đạo dị tâm*). (Xem thêm mục 7 & 8, cùng chương này)

## 2.- CAO ĐÀI QUỐC ĐẠO

**T**Ừ NGÀY 12.08 BÍNH DẦN (18.09.1926), ĐỨC CHÍ-TÔN TIÊN-TRI CAO-ĐÀI SẼ LÀ QUỐC-ĐẠO TẠI VIỆT-NAM. Nhiều người muốn biết ý nghĩa về hai chữ Quốc-Đạo. Thế nên, ngày 30.07 Đinh-Hợi (1947), Đức Hộ-Pháp bắt đầu giảng về sự giảng trần của Đức Chí-Tôn. Đức Ngài nói:

*“Trên Thế-giới có ba Đền Thờ Chí-Tôn:*

- *Đền thờ Lama (Tibet)*
- *Đền thờ Rome (Vatican),*
- *Đền thờ Cao-Đài (Tòa-Thánh Tây-Ninh)”.*
  - *(Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I, Tây Ninh 1970, trang 57-58)*

Đêm 30.09 Đinh-Hợi (1947), Đức Ngài giảng Quốc-Đạo và Đại-Đồng Thế-Giới. Đức Ngài nói:

“Hai chữ Quốc-Đạo lần đầu Chí-Tôn viết ra làm cho Bản-Đạo mờ mịt... Bản-Đạo 35 tuổi, Chí-Tôn biết Bản-Đạo khao khát nên đem cho tinh thần ấy... Vì Thiên-Hạ nói rằng Việt-Nam không có Đạo (*Từ thuở nước Nam chẳng Đạo nhà*)...

“Nước ta nào là bóng chàng, đồng cốt, ông tà, ông địa làm cho nhớ nhức tinh thần Đạo-giáo. Bản-Đạo uất ức về những điều đó. Ngày Chí-Tôn tình cờ đến... Ban đầu làm bạn thân, sau xưng thiệt danh, Ngài biểu Bản-Đạo phứt đời theo Thầy lập Đạo...”

Bản-Đạo thưa: “*Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus, Thích-Ca con làm cũng không đặng. Con chỉ làm Phạm Công Tắc mà thôi.*”

Ngài trả lời: “*Tắc, thẳng như Thầy lấy tánh Phạm Công Tắc mà lập giáo con mới nghĩ sao? Bản-Đạo liền trả lời: “Nếu đặng vậy...”*. Ngài liền nói: “*Thầy đến lập cho nước Việt-Nam này một Quốc-Đạo.*”

“Được nghe nói một điều mà mình thêm ước, nên Bản-Đạo không từ chối... Ngài cho một bài thi:

“*Từ đây nòi giống chẳng chia ba, tức không chia ra ba Đạo (Nho, Thích, Lão), chớ không phải ba kỳ (Nam Trung bắc).*

“*Thầy hiệp các con lại một nhà: Thầy nắm chủ quyền hiệp Tam Giáo, nếu nói riêng nòi giống ta là hiệp Nam Trung Bắc thì vô lý lắm.*

“*Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc: Nên chơn-giáo Quốc-Đạo không phải của ta thôi mà còn của toàn*

nhơn-loại. Truyền-giáo Nam Bắc thành tướng rồi ra ngoại quốc, tức là Tôn-Giáo hoàn cầu vậy.

“Chủ-quyền Chơn Đạo một mình ta: Ngài vi chủ cả năm châu về tín ngưỡng, qui nhứt Tam Giáo. Chính Chí-Tôn là chúa-tể Càn-Khôn Thế-Giới, làm chúa nền chánh-giáo tại nước Nam vi chủ tinh thần loài người tức đủ quyền năng lập Quốc-Đạo...”

“Chí-Tôn nói rằng: “Quốc-Đạo này Ngài qui tụ tinh thần đạo đức, trí thức toàn nhơn loại... Cả thầy sống đồng sống, chết đồng chết đặng đem Quốc-Đạo làm môi giới đại đồng thế-giới”. (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển 1, Tây Ninh 1970, trang 87-88)

“Vậy hai chữ Đại-Đồng là gì? Bạn đồng sanh, nhìn nhau hiệp một trong nguyên-căn gọi là Đại-Đồng. Thuyết Đại-Đồng ngày nay thể hiện ra sao? Cung kính, tôn trọng, quý hóa mạng sanh vạn loại. Loài người đứng phẩm tối cao tối trọng, thay thế hình ảnh Chí-Tôn, có quyền làm chúa Đại-Đồng... thuyết Đại-Đồng kết quả được là khi nào lấy thuyết hữu thần duy tâm làm môi giới chung, trong sự yêu ái tôn trọng nhau trong tình anh em đồng một căn cội, một máu thịt. Vì có, các Đấng giáng cơ bên Âu-Châu nói: “Loài người sẽ đạt được địa-vị tối cao tối trọng mà họ mong muốn, khi loài người chỉ có Một nòi giống, một Quốc-Gia, Một Tôn-Giáo. Ngày nào loài người đạt được ba điều ấy thì Thế-Giới Đại-Đồng.” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển 1, Tây Ninh 1970, trang 105-106)

Kể từ mồng 1 tháng 4 năm Mậu-Tý (1948), Đức Hộ Pháp triển khai Thánh-Giáo của Đức Cao-Đài dạy về “Nam phong, Nhơn-phong”.

“Theo bài thi của Đức Chí-Tôn cho Hoàng-Đế Bảo-Đại, có hai câu yếu trọng:

*Quốc-Đạo kim triều thành Đại-Đạo,  
Nam-phong thử nhứt biến Nhơn-phong.*

(XEM “QUỐC ĐẠO NAM PHONG)

Đức Chí-Tôn muốn nói với Bảo-Đại về nền Quốc-Đạo (*Nho Thích Lão*) ngày nay đã thành Đại-Đạo (*tức Vạn giáo*). Câu thứ nhì “*Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong*”, chữ Phong đây là phong tục. Chí-Tôn muốn phong tục nước Nam sẽ làm nền cho phong hóa của loài người.

Chí-Tôn vì quá thương mà nói? Chúng ta phải coi nền Quốc-Đạo có sẽ trở nên nền tôn-giáo của toàn cầu chăng? Và phong-hóa của chúng ta có thể thay thế phong-hóa của cả nhơn-loại chăng?

... Chúng ta có lịch-sử bốn ngàn năm tranh đấu cho tự do, độc-lập không chịu tùng mạng lệnh của Trung Hoa... Chúng ta phải chịu ảnh hưởng trọng hệ hơn hết của hai nền tôn-giáo Trung-Hoa và Ấn-Độ. Hai khối tinh thần ấy hiệp nhau lại làm một nền tôn-giáo” (*Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển II, Tây Ninh 1973, trang 44,49,50,53,55*)

Thật vậy, triết-gia Charles Renouvier cũng kêu gọi đồng bào ông hãy quay về tôn thờ triết học Đông-Phương. (*Dẫn bổ Schawb trong Renaissances Orientales, Paris Payot, trang 104*)

♦ “*Luồng tư tưởng lớn Ấn-Độ nằm trong Bà-La-Môn-Giáo và Phật-Giáo. Luồng tư tưởng lớn Trung-Hoa nằm trong Lão-Giáo và Khổng-Giáo. Đặc biệt nhất là cả hai luồng tư tưởng lớn này đều hướng về Việt-Nam,*

tập trung nơi đây, thăng hoa và phát triển đến cao độ, khiến nước này có cái thế vươn mình xa rộng khắp Đông-Nam-Á”. (Helmuth de Glassenapp, *les cinq grandes Religions du Monde*, Paris 1954, trang 255)

“Nước Việt-Nam trên mảnh đất phì nhiêu nên tổ phụ ta biết trọng sanh mạng con cái của Trời, biết nhận nhơn-loại là anh em, là cốt nhục, đồng chủng, biết câu “Tứ hải giai huynh đệ”... Bất cứ Tôn-giáo nào đến nước Việt-Nam thì tổ phụ ta đều kính trọng tôn sùng. Lòng mộ đạo của tổ phụ ta do lấy lương thiện làm căn bản, lấy nhơn nghĩa làm môi giới, cái sự tôn trọng của tổ phụ ta hiển nhiên... “Nền nhơn nghĩa của chúng ta có thể làm môi giới cho các chủng tộc trên thế-giới. Đạo nhơn nghĩa của chúng ta là một căn bản của Quốc-thể và có thể thành Quốc-Đạo được”. (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển II, Tây Ninh 1973, trang 44,49,50,52,55)

Nhân sinh nhật của Ngài năm đó, Đức Ngài giảng tiếp về Nam Phong “Thời kỳ này Chí-Tôn đến lấy Nho tông để chuyển thế và thi thố cho toàn cầu vạn quốc một triết lý tối tân, đặng chỉnh đốn sửa đương những tệ tục đồi phong của nhơn-loại mà thay vào thánh chất...” (trang 50).

“Đạo Nho có Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thập Lục thiện Đồ-đệ. Chí-Tôn lập Hội-Thánh có nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ-Đệ. Rõ ràng là Hội-Thánh của đạo Nho đó” (trang 52).

“Chúng ta thấy Đạo nhơn luân của các sắc dân trên mặt địa cầu buổi này đã nghiêng đổ và lung lạc. Nhứt là bên Âu-Châu, đạo nhơn luân của họ tồi tệ

quá thường... Hại thay! Trải qua tám chục năm nay, những tính yêu nghiệt ấy lại truyền sang nòi giống ta. Đạo Nhơn luân đã vậy, tinh thần con người không còn biết Nhơn-phẩm, Nhơn cách gì nên hạt giống yêu nghiệt biến sanh ra mãi thôi. Thành thử, Nhơn loại ngày nay quá bạo ngược tương tàn, tương sát lẫn nhau, người đối với người còn dữ tợn hơn thú đối với thú nữa. Cha không xứng phận cha, con chẳng biết đạo con, anh chẳng ra anh, em chẳng ra em. Chồng không nên chồng, vợ không đáng vợ. Nền luân lý của Nhơn-loại trên mặt địa cầu này không còn khuôn phép gì hết.

*“May thay! Đạo Nhơn luân của tổ-phụ chúng ta lưu lại, dầu bị ảnh hưởng văn-minh ngoại bang làm ô uest, nhưng nhờ Đức Chí-Tôn đến phổ truyền nền Chơn-Giáo của Ngài có thể sửa đường và làm khuôn mẫu cho toàn các sắc dân trên mặt địa-cầu này bắt chước nữa” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I 1, Tây Ninh 1973, trang 55, 67, 68).*

“Bần-Đạo xin nói trước rằng nó tốt đẹp không gì bì đặng. Hại thay! vì quốc dân xu hướng theo vào mệnh tân thời, muốn phứt bỏ nó, nên đức Thanh-Sơn đề thi trị báo rằng:

*“Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,  
Chi cần dị chủng đến dâng công?”*

Nền văn hóa nước ta đạt được trải qua bốn ngàn năm, không cần ai dâng công tạo văn hiến khác” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I 1, Tây Ninh 1973, trang 44,49,50,52,55)

◆ Tinh thần đó đã thể hiện qua việc tôn thờ cụ Trạng-Trình Nguyễn Bình Khiêm, có Victor Hugo và

Tôn Trung Sơn hầu hạ, có thể coi như là một biểu hiện của tinh thần vị quốc trong lãnh vực tôn-giáo”(TẬP CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, “*Vị trí Đại Việt Trong Lịch Sử Việt Nam*”. Sài gòn, Tập san Sử Địa, Số 4 – 1966, trang 90).

Thật vậy, Đức Thanh-Sơn tiêu biểu cho hơn cách người Việt-Nam, tập trung nơi Người thuyết Tam Giáo đồng nguyên, phù hợp với chủ trương Tam Giáo qui nguyên của Đạo Cao-Đài. Người không màng danh lợi, từ quan về am Bạch-Vân ở ẩn, do ảnh hưởng Lão Giáo; yêu dân, đau nỗi đau của người dân, do ảnh hưởng thuyết Từ-Bi của Phật-Giáo. Lý tưởng chánh-trị cao nhất của Nho-Giáo là chánh-sách “*Đức trị*”, tương đồng với chủ trương “*trị, bình*” của Nguyễn Bình Khiêm “*Cư kính như hành giản*” (*ăn ở chân chánh, hành động đơn-giản*).

Tóm lại, hơn cách của Đức Thanh-Sơn tiêu biểu cho Nam Phong. Cái phong-hóa mà Đạo Cao-Đài đề cao đạt tới chân thiện mỹ, nhằm thi đua với văn minh cơ-giới. Đạo Cao-Đài tự chọn cho nước mình (*cái điểm tựa đầu tiên của Đạo Cao-Đài*) một con đường khác hơn những nước phát triển công nghiệp lắm mưu lược và nhiều xô xát. Đức Hộ-Pháp tin rằng một ngày kia loài người hồi đầu hướng thiện và lúc đó chính là lúc “*Nam phong thử nhật biến Như phong*”, lấy văn-hóa con người Việt-Nam làm văn-hóa hơn-loại mà Thanh-Sơn Đạo-Sĩ là tấm gương tiêu biểu. Hiểu được Sư-Phó (*Le Maitre*) Bạch Vân Động là hiểu được giáo thuyết Đạo Cao-Đài. Nó là một thực thể xã hội đề cao tinh thần dân tộc, chớ không phải là một khái niệm không tưởng.



### 3.- TÁI THỦ QUYỀN ĐẠO

**S**AU KHI TỪ ĐẢO MADAGASCAR VỀ NƯỚC, ĐỂ CHUẨN-BỊ TÁI THỦ QUYỀN-HÀNH, ĐỨC HỘ-PHÁP cho triệu tập Hội-Nghị Nhơn-Sanh tại Tòa-Thánh nhằm chấn chỉnh lại guồng máy của Đạo. Trong Huấn-từ khai mạc Đại-Hội ngày mùng 1 tháng 12 năm Bính-Tuất (1946), Đức Ngài nói:

“Đã trót năm năm dư, Bần-Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại, đã từng chịu biết bao nhiêu là sự khổ tâm hồn, nỗi lo cho tương lai Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi cái nạn chiến-tranh loạn ly.

“Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thăm thiết nơi lòng, tuông châu đồ ngọc, muốn kêu một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm tri kỷ cùng Bần-Đạo, ngoài ra chư hiền hữu, hiền muội. Tưởng khi các bạn có lẽ tội nghiệp cho con hạc linh này mà để tai lóng tiếng.

*“Vây Bần-Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất thiết yếu là hòa giọng yêu thương cùng con hạc lạc này, đừng giục lòng bác ái đến cảnh an nhơn thiêng-liêng cho toàn sanh chúng. Vừa để gót về Tổ đình thì đã quên mãnh thân tiểu tụy hao mòn, vội cầu Đạo đừng sửa đường cho đẹp vẻ chân truyền, nên tức cấp mở Hội-Nghị Nhơn-Sanh đừng phục vụ quyền Vạn-Linh như trước.”*

Mười lăm ngày sau (ngày 15 tháng 12 năm Bính-Tuất), khai mạc Đại-Hội Phước-Thiện, Đức Ngài nói:

“Hội-Thánh có hai cơ-quan Hành-Chánh và Phước-Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm được

chơn-ly hoà nhau. Ngày nào chưa hoà nhau là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận-sự cho ra thiệt tướng. Ấy vậy, mấy em phải rán sức định tâm, lấy tinh thần vi chủ, nêu gương cho mấy em sau nầy đi theo. Nếu khối phạm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đạt mục đích tối cao tối trọng, phải có khối óc thiêng-liêng mới mong thay hình Thánh-thể Chí-Tôn, đối với con cái Ngài là quần linh.

Đức Ngài thêm rằng: *“Mỗi tín đồ đều có cái mào của Giáo-Tông và Hộ-Pháp đội trên đầu, chẳng lẽ chỉ có một người mà người đó chết rồi là tiêu nên Đạo?”*. (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I 1, Tây Ninh 1973, trang 122)

Như vậy, vừa khai Đại-Hội Nhơn-Sanh và Đại-Hội Phước-Thiện, vừa thông-báo chánh thức cho toàn thể con cái Đức Chí-Tôn hay rằng Đức Ngài tái thủ quyền hành, đồng thời khuyên toàn Đạo chung lưng đầu cật xây dựng Tổ-Đình và xiển dương Chánh-Giáo.

Nhơn dịp Tết Đinh-Hợi, vào ngày mồng 6 tháng Giêng (17.01.1947). Đức Phạm Hộ-Pháp đến làm lễ trấn thần Đền-Thánh.

Cũng nên nhắc lại Đền-Thánh khởi công xây năm 1933, sau đó bị ngưng-trệ, vì nội bộ lủng củng. Năm 1936, Đức Hộ-Pháp ra lệnh khởi công tái tạo lại. Năm 1942 bị quân đội Pháp chiếm đóng. Mãi đến ngày mồng 3 tháng Giêng năm Đinh-Hợi, các công thợ hồ làm lễ bàn giao Đền-Thánh cất xong cho Hội-Thánh.

Đúng 9 giờ ngày mồng 6 tháng Giêng năm Đinh-Hợi, Đức Hộ-Pháp mặc tiểu-phục, dạy Thừa-sử Huỳnh Hữu Lợi và Truyền-Trạng Phạm Ngọc Trấn theo Đức

Ngài đến Báo Ân Từ, Đức Phạm Hộ-Pháp vào điện làm lễ xong thỉnh nước âm dương giao cho Thừa-sử Lợi. Đức Ngài dùng ba bó nhang hành-pháp xong thì lại giao cho Truyền Trạng Trấn.

Khi đến Đền-Thánh, Đức Ngài ngó ngay Thiên-Nhãn trước Phi-Tưởng Đài rảy Cam-Lồ-Thủy và cầm nhang làm phép Trấn Thần. Kế tiếp đến tượng Phật Di-Lặc, tượng Đức Quyền Giáo-Tông, Bà Nữ Đầu-Sư đến tượng Ông Thiện, Ông Ác. Sau đó Đức Ngài vào cửa Đền-Thánh, đứng ngó vào Tịnh-Tâm Điện trấn thần cái Càn Công-Bình trên ngưỡng cửa. Đức Ngài nói: *“Kể từ đây cái Càn Công-Bình thiêng-liêng của Đức Chí-Tôn đã biểu tượng thiết-hiện ở thế-gian này, để phân công chiết tội và định phẩm-vị tòa sen của toàn con cái Ngài”*.

Đức Ngài sang phía trái Đền Thánh, đứng ngang Cửa Trùng Đài, cách 12 thước, trấn thần con Long Mã. Trên lưng Long Mã có bộ Hà Đồ Bát-Quái và Cây Kiếm, nên có câu *“Long Mã phụ Hà-Đồ”*. Long Mã chạy về phía Tây mà đầu quay về phía Đông. Ý nghĩa Đạo xuất từ phương Đông, đem từ Phương Đông sang phương Tây để cứu vớt chúng sanh.

Kế Đức Ngài đến Bát-Quái Đài ngó lên trấn thần Tam Thế Phật:

a. Phật Brahma đứng trên con Thiên-Nga, nhìn thẳng về phía Tây, đó là ngôi thứ nhứt tượng trưng đời Thánh-Đức thuộc Cơ Sanh-Hóa.

b. Phật Shiva đứng trên con Giao Long, nhìn thẳng về phía Nam. Đó là ngôi thứ ba, tượng trưng phần trí não thuộc Cơ Tranh-Đấu.

c. Phật Christna (*hay Vishnou*) đứng trên Thất Đầu Xà, nhìn thẳng về phía Bắc. Đó là ngôi hai, có sanh có diệt, đời tái tạo thuộc Cơ Bảo-Tồn.

Sau đó Đức Phạm Hộ-Pháp đến trấn thần bốn con Kim Mao Hẩu ở hai nấc thang bên phải Đền Thánh. Rồi Đức Ngài vào Cửu-Trùng Đài, sang qua bên tả trấn thần bốn con Kim Mao Hẩu nữa, Đức Ngài nói: “Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần con người nhờ nó mà qua được các tầng Trời về cùng Thầy.

Kế tiếp, Đức Ngài vào cửa bên trái Cửu-Trùng Đài, trấn thần các Thiên-Nhân quanh Đền, lần lượt lên tới Bát-Quái-Đài, rồi sang bên phải, cả thảy là 23 Thiên-Nhân ngó ra ngoài. Vào trong Ngài đến Cửu-Trùng Đài bên phải, lên trấn thần tượng Bát-Tiên và sang bên tả trấn thần tượng Thất Hiên. Rồi Đức Ngài trở xuống ngôi Hộ-Pháp trấn thần Chũ Khí. Ngôi Hộ-Pháp có rần bảy đầu Thất-Đầu-Xà. Cái thân mình nó quấn dưới đôn Hộ-Pháp, đưa lên trên 3 đầu (*Hí, Lạc, Ái*) và gục xuống 4 đầu (*Ái, Cự, Ố, Dục*), choàn cái mình quấn dưới đôn Thượng-Phẩm và cái đuôi dưới ngôi Thượng-Sanh.

Đến ngày mồng 8 tháng Giêng năm Đinh-Hợi, lễ rước quả Càn-Khôn từ đền Phật-Mẫu về an vị tại Đền Thánh. Đức Phạm Hộ-Pháp đã thuyết giảng việc này như sau:

“Ngày nay đã dời quả Càn-Khôn (không phải trái đất mà là Thiên-Cầu thuộc Dương phối-hợp với địa-cầu thuộc Âm thành Đạo) về Đền-Thánh. Đức Chí-Tôn đã ngự nơi ngôi của Ngài. Chúng ta nên mừng cho nhưn

loại được ảnh hưởng nơi Đền Thánh này mà tiến-hóa. Đền-Thánh từ đây không còn ai xem nó là vôi, cát, xi măng nữa, mà là một khối đức tin của toàn con cái Đức Chí-Tôn đã dựng nên hình vậy. Nhờ bàn tay khéo léo của mấy em, mấy con thợ-hồ, thợ mộc đã chịu đói rách cực khổ hơn 10 năm trường mới tạo nên. Từ đây, mọi sắc dân nào có đủ đức tin nơi Đức Chí-Tôn là Chúa tể vạn-loại, dầu nơi phương trời nào, họ sẽ hưởng về Đền-Thánh mà cầu nguyện hàng ngày hàng giờ để mong hưởng phước lành của Ngài. Đền-Thánh làm xong, nên Đạo đã vững vàng, chúng ta sẽ đem hạnh-phúc lại cho thiên hạ trong buổi chuyển thế này”.

Vía Đức Chí-Tôn đúng vào ngày mồng 9 tháng Giêng. Theo tục lệ cổ-truyền Nam phong, ngày mồng 7 hạ Nêu để chấm dứt Tết Nguyên-Đán, thì nhơn-sanh mở ngay ngày Tết Khai Hạ. Theo Dịch-Lý, ngày mồng 7 tháng Giêng ứng vào con ngựa trong Thập Nhị Chi, ngày mồng 8 tháng Giêng ứng vào lúa, ngày mồng 9 tháng Giêng ứng vào Trời. Mặt khác, tháng Giêng do quẻ Thái chủ-trì. Quẻ Thái (...) gồm quẻ Khôn (...) trên, quẻ Càn (...) dưới, gồm lại Khôn 6 hào cộng với Càn 3 hào là 9 hào, chỉ Đấng Cửu Thiên Khai-Hóa tức Trời vậy.

Mặt khác, trong nền văn minh nông-nghiệp thì mùa Xuân, tháng Giêng lễ Cha, tức vía Đức Chí-Tôn; mùa Thu, tháng 8 lễ Mẹ, tức vía Đức Phật-Mẫu.

Trong ba ngày lễ vía Đức Chí-Tôn, trừ đêm mồng 8 rạng ngày mồng 9 là chánh Lễ, các ngày còn lại là lễ tạ ơn Tiên Hiền, Tổ Tiên và tổ-chức các cuộc vui. Đức Hộ-Pháp dạy ban Nhà Thuyền làm Rồng Nhang để biểu tượng xe Rồng, chỗ ngự của Đức Chí-Tôn.

Thân Rồng Nhang dài 36 thước, chia làm 18 khúc làm thành hình ống. Rồng Nhang phải trang trí sao cho thật đẹp với hai màu truyền thống vàng và đỏ. Các động tác múa bao gồm: xuất cung, đi vòng, uốn khúc, lượn sóng, Bát-Quái chậm, Bát-Quái nhanh, đi thẳng, lật nhanh 450, lật chậm 1800, lật hình tròn ốc nhanh và chậm 3600. Người múa Rồng Nhang phải là người có sức chịu đựng và đầy đủ kinh nghiệm về múa Long Mã (*Xem hình*).

Mặt khác, giữa Đại-Đồng-Xã, Đức Hộ-Pháp cho dựng Văn-Minh-Điện, tức cái đài hình lục-giác, gồm tầng trệt và tầng cao để mọi người đứng xa đều nhìn thấy rõ người điều hành. Ban Tổ-chức gồm: một Trưởng-Ban cầm cái mõ và một ban Cổ-nhạc. Phía trước Văn-Minh-Điện có một cái cầu thang để người dự lên lãnh thưởng, phía bên trên cao có đề 3 chữ “*Văn-Minh-Điện*”, tức nhà Văn-Minh về Đạo-Đức, văn-học, mỹ thuật. Cuộc vui gồm có Thai Đố, thi thơ, hát vè, ngâm thơ. Ai đáp trúng thì được thưởng kinh sách có giá trị. (*Xem “Ngôi Thờ Đức Chí Tôn” cùng người viết*)

Cũng nên biết thêm, Vía Đức Chí-Tôn năm sau, Đức Hộ-Pháp dạy chưng Cộ-Bông. Đề tài bao gồm: Đức-Tin nhưn-loại, Tam-Giáo (*Xem hình*), Tam Trấn, v.v. phong trào chưng chế mỹ thuật bằng hoa lá bông trái phát triển từ đó, lan về các tỉnh vì người Đạo tại Thánh-Địa vốn là dân Lục Tỉnh.

Trong ngày Vía Đức Phật-Mẫu năm Đinh-Hợi, Đức Hộ-Pháp xuống lệnh cho cơ-quan Phước-Thiện chưng Cộ bày Đức Phật-Mẫu và Cửu Vị Tiên-Nương. Chỉ có Đức Phật-Mẫu là bông hình, còn 4 vị Nữ-nhạc hầu Đức Phật-Mẫu và cửu vị Tiên-Nương mặc áo dài xanh đỏ là

người thật. Do các Giáo-Nhi, Đồng-Nhi nữ hóa trang để thài 10 bài Kinh ca tụng công-đức chư Phật có kỳ công khai nền Đại-Đạo. (Xem “*Công Đức Đức Phật Mẫu*” cùng người viết)

Nên biết, từ mồng 1 tháng 2 năm Đinh-Hợi, ngôi thờ Đức Phật-Mẫu đặt thờ tạm tại Báo-Ân-Từ. Trong ngày lễ an-vị Đức Phật-Mẫu và cửu vị Tiên-Nương, Đức Phạm Hộ-Pháp có giảng:

*“Từ đây, chúng ta rất hân hạnh thờ Phật-Mẫu tại Báo-Ân-Từ. Hồi mới mở Đạo, Bản-Đạo biết công nghiệp của Đức Phật-Mẫu như thế nào: Ngài và Cửu Vị Nữ Phật diu dắt con cái của Đức Chí-Tôn từ ban sơ đến ngày đem chúng ta giao lại cho Thầy. Ngày mở Đạo vì cái cảm tình ấy, các vị Đại Thiên-phong xin thờ Phật-Mẫu ở Đền-Thánh, Phật-Mẫu cho biết quyền Chí-Tôn là Chúa, còn Phật-Mẫu là tôi, mà tôi thì làm sao ngang hàng với Chúa? Chúng ta thấy Phật-Mẫu cung kính Chí-Tôn đến dường ấy”. Đến 1952, Đức Hộ-Pháp cho sửa Báo-Ân-Từ xây thành Đền thờ Phật-Mẫu như ngày nay. (Xem hình)*

#### 4.- ĐỨC HỘ-PHÁP THUYẾT VỀ QUYỀN-NĂNG TÔN-GIÁO

**T**Ừ ĐẦU NĂM MẬU-TÝ (1948), ĐỨC HỘ-PHÁP DÀNH NHIỀU THỜI GIỜ ĐỂ GIẢNG VỀ QUYỀN NĂNG CỦA tôn-giáo. Đạo là sự sống của Vạn loại. Nhứt là Thánh-thể của Hội-Thánh. Hội-Thánh là hình ảnh Thiên-lương của Đức Chí-Tôn. Vì “*Sự thương-yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực-lạc Thế-Giới và Bạch-Ngọc-Kinh. Kẻ nào ghét sự thương-yêu, thì chẳng hề qua khỏi*

*của Luân-hồi”.* (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 43) “*Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương-yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 69)

Đức Hộ-Pháp cũng giảng: “*Bần-Đạo chắc rằng toàn con cái của Ngài (Chí-Tôn) đều ở trong lòng của Ngài, sanh ra đã có một tình-yêu đối cùng nhau. Từ trong vật-loại dĩ chí nhưn thân chúng ta đã có liên-quan mật thiết nồng-nàn, khối tình ái vô biên vô hạn*”. (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I 1, Tây Ninh 1973, trang 24)

Hội-Thánh trong Đạo Cao-Đài tổ-chức theo một đại gia-đình, anh cả tức Giáo-Tông, em nhỏ tức Chánh-Trị-Sự còn gọi là Giáo-Tông em. Nói rộng ra, con cái trong một nhà phải thương-yêu nhau là điều tất nhiên.

Đêm 28.06 năm Mậu-Tý (dl.3.08.1948), Đức Hộ-Pháp giảng rõ:

“*Hội-Thánh là Thánh-thể của Đức Chí-Tôn đến đặng dìu dắt con cái Ngài từ bấy lâu nay bị sa ngã vào đường tội lỗi... Ngài giáng trần với sự đau khổ nhọc nhằn, nhưng vẫn cam chịu để tìm phương tận độ chúng-sanh. Ngài đến gom hết con cái trong kỳ ân-xá thứ ba này. Chúng ta không dè ngày nay được hưởng đặc-ân của Ngài, được nắm quyền làm Thánh-Thể cho Ngài...*”

“*Hội-Thánh là Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn, cho nên khi Ngài lập Pháp-Chánh-Truyền, Ngài định một người làm Anh Cả trông bầy con của Ngài. Người Anh Cả ấy phải làm Cha và làm Thầy. Ngặt một điều là mình không xứng đáng mà thôi, vì mình không đủ đức tánh thay thế cho Ngài...*”



“Trong tám anh em chúng ta ngồi tại đây (trong Đoàn cúng ngời Kiết-Tường), cùng sắp nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật, Tiên giáng thế, nhưng còn chờ chúng ta lập vị cho nó...” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I 1, Tây Ninh 1973, trang 103)

Vào thời Tý đêm mùng 1 tháng 5 năm Mậu-Tý (5.08.1948), Đức Hộ-Pháp giảng về Pháp-Chánh Hiệp-Thiên tức luật thương-yêu, quyền công-chánh. Đức Ngài nói:

“Cây cờ cứu khổ của Đạo Cao-Đài là Thương-Yêu và Công-Chánh. Phải thực-hiện được hai điều ấy, thì hòa-bình và hạnh-phúc mới đến với chúng ta”. “Tù thuở Tam Giáo có: Thích, Đạo, Nho. Luật Tam Giáo có hình, có luật hình, gồm cả tôn chỉ của Tam Giáo, có hai phần:

1. Pháp Chánh Hiệp-Thiên,
2. Hình luật Tam Giáo.

Tại sao Ngài giao cho Hiệp-Thiên-Đài? Từ ngời Giáo-Tông đến ngời Đầu-Sư, giữa có các ngời Chưởng-Pháp, nếu không pháp-chánh do Hiệp-Thiên-Đài nắm giữ là gì?... Pháp-Chánh cốt yếu lập quyền cho con cái Đức Chí-Tôn, có hàng phẩm, quyền hành, thứ tự, đẳng cấp, giao cho Hiệp-Thiên-Đài sắp đặt không cho loạn, nếu loạn hàng thất thứ thì Đạo bị tiêu diệt... Đạo Cao-Đài không lấy nguyên chất của Tam Giáo mà chỉ lọc lược chơn-truyền của các giáo mà tổng-hợp lại...

Hình luật Tam Giáo để định án chăng? Con người chỉ quý cái tâm và hạ sanh xuống đây ít nữa phải có căn duyên mà mình không biết đó thôi. Bản-Đạo dám chắc, dầu cho một vị Phật đến tại thế-gian này, mang thi hài xác thịt cũng quên hết, của huệ quang bị bí lối,

không tự biết mình, không tự hiểu phẩm-vị mình vì mang xác phàm. Duy có Đấng toàn năng, toàn tri, toàn thiện, toàn Mỹ là Chí-Tôn mới tránh khỏi chuyển kiếp luân hồi mà thôi. Ngoài ra không vị Phật nào tránh khỏi luân hồi cả.

Chí-Tôn muốn cho con cái của Ngài nên Thánh, thì phải làm sao? Phải đem cả thầy vô Đạo, tắm rửa cho sạch-sẽ, làm cho thiên-hạ thích gần nhau, phải vì thương mến, kính khen mà gần, vì tôn sùng yêu ái mà gần. Hình luật Tam Giáo là nước Cam-Lồ tắm rửa linh-hồn vậy...

Tội có quá nặng, nếu mình biết ăn năn tự hối, tự tu thân, tự giác tắm thân đặng rửa tội, mình tu một mình (*tu chơn*) dẫu Hội-Thánh không biết tới, mình cũng vẫn tu có Đức Chí-Tôn chứng giám, ngày kia về cõi Thiêng-Liêng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đẹp dạ, hả lòng tiếp rước trọng thể hơn nhiều. Danh vị lập được của kẻ bình thường đâu bằng của người biết ăn năn sám hối”. (*Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I, Tây Ninh 1973, trang 106 – 108*)

Đêm 23.11 năm Mậu-Tý (1948), Đức Hộ-Pháp thuyết giảng về bác-ái công-bình:

“Vì lòng bác-ái từ-bi, Chí-Tôn đến ký hòa-uớc thứ ba, các Đấng Thiêng-Liêng để dấu tượng Tam Thánh hiệu triệu nhơn-loại tín ngưỡng: Thiên thượng, Thiên hạ (*Dieu et Humanité*). Về Luật có bác-ái, Pháp có công bình. Hội-Thánh Cao-Đài dìu dắt nhơn-sanh, chỉ dẫn họ về một luật tối cao là luật Bác-ái và về một nền tư pháp tối trọng là pháp Công-bình.

Luật Pháp của Đạo Cao-Đài, ngoài luật Bác-ái và

pháp Công-bình, tất cả luật điều khác đều là phương pháp giả tạo thành chơn mà thôi.” (*Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I I, Tây Ninh 1973, trang 162*)

“*Bản-Đạo hỏi: “Đạo Cao-Đài có thể đem hạnh-phúc cho nhơn-loại, tạo hòa-bình làm cho Đại-Đồng Thiên-Hạ đặng chăng?”*”

Chúng ta tin nơi Đức Chí-Tôn. Ngài đến tạo nên tôn giáo cốt yếu là ký hòa-ước với nhơn-sanh tạo hạnh-phúc cho nhơn-loại và làm cho Thiên-hạ hưởng đặng thái-bình. Chúng ta dám quả quyết và tin chắc rằng thế nào cũng thành tựu...

Chí-Tôn đến ký hòa-ước với nhơn-sanh có hai khoản thôi:

1. Luật thương-yêu,
2. Quyền là Công-chánh.

Từ thuở ta chưa thấy cái hòa-ước nào đơn-giản như thế mà nó oai quyền làm sao? Khó thể thực hiện đặng, nhưng với thời gian, Đạo Cao-Đài làm thế nào (*tim cách*) đem hạnh-phúc đến cho nhơn-loại, tạo hòa-bình cho thiên-hạ Đại-Đồng Thế-Giới...

Đạo Cao-Đài được hình tướng thương yêu vô tận. Nó có nét đẹp thiên nhiên là nhờ câu viết Thương-Yêu... Quyền Đạo ngày nay do thương yêu mà thành tướng. Vậy Đạo đã do luật thương-yêu thành tướng thì không có quyền năng nào tàn phá cho đặng...

Nó nên hình bởi sự thương yêu, nó trưởng thành trong sự thương-yêu, bởi hình chất của sự thương yêu, hễ càng lớn lên càng tráng kiện. Nó sẽ làm Chúa cả thù hận và quyền lực thù-hằn không thể xâm lấn nó

được.” (*Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I I, Tây Ninh 1973, trang 168 – 170*)

Đầu năm 1949, chánh quyền Pháp mời Đức Ngài và một số nhơn-sĩ để trao trả độc-lập cho Việt-Nam. Đức Ngài thuyết giảng về vấn đề này vào đêm 23-01 Kỷ-Sửu như sau:

“Ngày mai này, Bản-Đạo phải xuống Sài thành đăng giải quyết chấm dứt đổ máu Pháp Việt.

“*Chánh-quyền Pháp lập ra một hội-nghị để bàn thảo về việc trao trả độc lập cho Việt-Nam. Hội-nghị ấy gồm có người Pháp và 48 nhơn-viên Việt-Nam.*”

Đức Ngài đánh giá về lời trao trả độc lập của chánh quyền Pháp cho Việt-Nam như sau:

“*Pháp chỉ nhìn nhận độc-lập thôi chứ người ta đâu có đưa cho mình. Độc-lập hay chẳng là do nơi toàn thể quốc-dân. Ngày nào chưa có lục-quân, hải-quân, không-quân đăng bảo thủ cả lãnh-thổ của mình, thì nói tiếng độc-lập là nói với con nít và ngủ gục mà thôi.*”

## 5.- ĐỨC HỘ-PHÁP AN-XÁ CÁC CHI PHÁI

**T**RONG NĂM 1949, CÒN MỘT SỰ KIỆN QUAN TRỌNG NỮA LÀ NHIỀU CHI PHÁI TRỞ VỀ XIN LÀM VIỆC VỚI Tòa-Thánh Tây-Ninh. Điều mà chưa Chi Phái nào được hãnh diện như Tòa-Thánh Tây-Ninh là những nhơn-sĩ, những kẻ ưu thời mẫn thế đều tìm về với Tòa-Thánh Tây-Ninh, danh sách có thể kể hàng trang chưa hết, như Phan Khắc Sửu, Trần văn Ân, Vũ Tam Anh, Võ văn Truyen, Phạm Xuân Thái, Trần văn Quế, v.v....

Về tập-thể có phái Tiên-Thiên, do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh-đạo. Thánh huấn số 380, ngày 22 tháng 3 năm Kỷ-Sửu (19-04-1949) có ghi về sự-kiện này như sau:

*“Bản-Đạo đã ân xá cho toàn cả Chi Phái, bất cứ ai, nếu nhập môn lại và vâng y Luật Pháp Tòa-Thánh sẽ là Tín-đồ chánh-thức của Đạo Cao-Đài.”*

Thánh-lệnh số 535 ngày 4 tháng 6 năm Kỷ-Sửu (29-06-1949) chấp thuận phái Tiên-Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh-đạo đưa về Tòa-Thánh Tây-Ninh. Tất cả chức-sắc đều tạm chức Hiền-Tài (*Ban Thế-Đạo*) để đợi quyền Thiêng-Liêng định đoạt: như vẫn giữ các Thánh-Thất và được tạm dùng cơ bút tại tư gia để học hỏi riêng, chớ không được phổ-biến.

Theo Thánh-lệnh số 302 ngày 27.05 năm Canh-Dần (11-07-1950), thì các chức-sắc phái Tiên-Thiên có danh-sách trong thông-qui ngày 30 tháng 10 năm Kỷ-Sửu được dâng lên Đức Lý Giáo-Tông xem xét vào ngày mùng 3 tháng Giêng Canh-Dần, được tạm phong vào hàng chức-sắc Tòa-Thánh Tây-Ninh như sau:

1. Phối-sư Thượng-Tài Thanh tức Nguyễn Bửu Tài.
2. Phối-sư Thượng Hiền Thanh tức Phan Lương Hiền.
3. Giáo-Sư Ngọc Dừng Thanh tức Đinh văn Dừng
4. Giáo-Sư Ngọc Thiệu Thanh tức Phan Lương Thiệu
5. Giáo-Sư Thượng Tấu Thanh tức Trần văn Tấu

Giáo-hữu gồm đủ ba phái tất cả 26 vị, Lễ-Sanh 35 vị. Đức Hộ-Pháp lại ký Thánh-Lệnh số 13/TL phong thêm 5 vị Giáo-Sư, 3 vị Giáo-Hữu và 17 Lễ-Sanh. Còn Trung-Hòa Học-Phái, lãnh đạo Trương Kế-An được phong làm Bảo Y Quân. Xem thế lúc nào Tòa-Thánh Tây-Ninh cũng mở rộng cửa để đón nhận các Chi Phái

trở về gốc Đạo. Xem danh sách ân phong trên, toàn chức sắc cao cấp, người tín-hữu Thánh-Địa sống giữa lòng Đạo còn chưa được vậy. Nhưng tại sao họ bỏ đi, không ở lại hành đạo tại Tây-Ninh? Với họ thì không thể trả lời tại “*Bát Đạo Nghị-Định*”, vì họ đã nhìn nhận Tòa-Thánh Tây-Ninh và đã được thọ phong chức sắc rồi. Bát Đạo Nghị-Định không hề ngăn trở sự trở về của bất cứ ai. Người ta trích điểm Đạo Nghị-Định thứ tám và thứ năm. Đạo Nghị-Định thứ tám, điều thứ nhứt có ghi như vậy:

*“Những Chi Phái nào do bởi Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ làm gốc lập thành, mà không do nơi mạng-lệnh Hội-Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí-Tôn và phải định quyết là Bàng Môn Tả Đạo.”*

Đàn cơ tại Cung-Đạo Đền Thánh đêm 17 tháng 10 năm Đinh-Dậu (8.12.1957), Đức Lý-Bạch có dạy:

*“Chư Hiền-hữu Hiệp-Thiên-Đài! về Đạo Nghị-Định của Lão đối với Chi Phái là phương pháp lúc trước để phổ-độ hơn-sanh mà thôi. Hiện giờ của Đạo đã mở rộng thì cơ qui nhứt thế nào cũng thực hiện được.”*

Thêm vào đó, đàn cơ tại Giáo-Tông Đường đêm mồng 10 tháng 04 năm Giáp-Thìn (1964, vía Đức Phạm Hộ-Pháp), có Đức Thượng-Sanh, chư chức sắc Hiệp-Thiên-Đài, Cửu Trùng Đài hầu đàn, Đức Hộ-Pháp giảng dạy có khoản như vậy:

*“Ngày giờ đã đến, Bản-Đạo để lời khuyên cả chức-sắc và toàn Đạo rán thế nào thống nhất nền Đạo cho được, mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc.”*

Theo lời dạy của Đức Lý và Đức Hộ-Pháp thì Đạo Nghị-Định thứ tám chỉ “là phương pháp lúc trước” có

tính cách giai-đoạn mà thôi.

Bình tâm mà xét, ai trong chúng ta cũng đều tin tưởng là Đạo chỉ có một, cũng có nghĩa là Đạo chỉ có một Cung Đạo tại Tòa-Thánh Tây-Ninh mà thôi. Một Cung Đạo là nơi duy nhất cầu các Đấng giảng dạy Đạo, phải do các Đồng-tử phò-loan mà Đạo ta gọi là Thập Nhị Thời-Quân và ba vị cầm đầu của ba Chi của Hiệp-Thiên-Đài, Tòa-Thánh Tây-Ninh vậy. Chính từ sự tự-chuyên sửa đổi mới thêm nhiều Giáo-Tông, nhiều Hộ-Pháp. Từ đó đẻ ra nhiều Hội-Thánh, chức sắc thì nhiều mà đạo-hữu thì không có. Cái quan trọng của một Hội-Thánh là có thực lực về tín-đồ hay không. Mang danh Hội-Thánh mà chẳng nơi làm việc, gặp biến-cố thì tan rã ngay, ai lo giữ thân này, làm tuồng đàm tiếu cho thiên-hạ. Chưa kể làm sai luật Thiên-Điều. Đức Chí-Tôn dạy: *“Sau đời Giáo-Tông thứ nhất đến đời Giáo-Tông thứ hai, thì Tịch-Đạo đổi ra Đạo Tâm”*. Thế mà Phối-Sư Nguyễn Bửu Tài rời khỏi Tòa-Thánh Tây-Ninh đi lập Chi-phái cũng tự tôn-xưng Giáo-Tông? Xin nhắc lại Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ chỉ mới có duy nhất Đức Lý Giáo-Tông, sau khi Đức Ngô Minh Chiêu tu vô-vi. Còn Ngài Lê văn Trung chỉ là Quyền Giáo-Tông về mặt hữu hình thế cho Đức Lý Giáo-Tông vô-vi mà thôi. Ngài Lê văn Trung chưa hề mặc đại-phục Giáo-Tông, Có điều làm các tín-hữu ở Thánh-địa thắc mắc: Tại sao các Chi Phái sau khi được ân-phong rồi không ở lại tu hành mà lại ra đi? Đi tu tham thiền nhập định, tự nhiên cô tịch phải buồn. Thêm vào đó xa nhà, xa người thân lòng cảm thấy cô quạnh. Ngày hai buổi đi hành đạo, đi cúng-kiếng... Việc hành đạo chao ôi! không quyền thế sinh lợi lộc như quyền đời. Còn tình người

nữa, các chức sắc Tây-Ninh đều có gia-đình ở đây. Đức Cao Thượng-Phẩm đã dạy: “*Đường tu được bền vững là nhờ đấm khuê môn vẹn gót hài*”. Nghĩa là việc hành đạo được bền vững là nhờ vợ con lo vẹn vẽ ở gia-đình, còn giúp lương thực cho chồng đi tu. Thấy buộc phải lo cho Nhơn-Đạo là vì thế, nếu Nhơn-Đạo chưa tròn thì khó thành Thiên-Đạo.

Đạo Nghị-Định thứ năm, điều thứ nhứt ghi như vậy: “*Buộc cả chức sắc đã thọ phong phải phế đời hành đạo.*” Đó là đương nhiên thôi, Thiên-phong mà còn đi làm ăn riêng tư coi sao được. Hãy nhìn vị Linh-Mục (*đối phẩm Giáo-Hữu*) bên đạo Ki-tô, người ta bám chặt với giáo dân, lo cho giáo dân. Đạo Nghị-Định thứ năm phải có. Không thể nào về Tòa-Thánh thọ phong Thiên-phẩm rồi về gia-đình sống với vợ con được. Đó là thực tế cuộc sống. Đó là chủ Tánh-hạnh người tu. Nếu đi tu mà còn ham muốn, chen lấn bụi hồng, vô tình làm Thiên-tước bị rẻ rúng. Vào Đạo là tự nguyện. Nhận lãnh Thiên phong là tự nguyện. Tự nguyện làm con vật hy-sinh cho vạn linh, thì phải nhận lấy khảo đảo để lột bỏ chất phàm. Nếu nhận Thiên-phong vì mũ cao áo rộng, có mưu lược ẩn bên trong, khi không thực-hiện được thì thối chí ngã lòng là điều đương nhiên không tránh khỏi.

Tóm lại, Đạo Nghị-Định thứ năm ràng buộc cả nhơn chức-sắc phải có hạnh người tu. Người tín-hữu Cao-Đài nào cũng mong ước hàng lãnh đạo tôn-giáo mình xứng đáng và vinh diệu.



## 6.- NHỮNG CHUYẾN ĐI THIÊN CHÍ

**Q**UA NĂM 1950, ĐỨC PHẠM HỘ-PHÁP ĐI ĐÀ-LẠT ĐỂ GẶP VUA BẢO-ĐẠI BÀN VIỆC QUỐC-GIA TRỌNG-HỆ. Sau đó Đức Ngài sang Campuchia để hành đạo. Đêm 27 tháng 3 năm Canh-Dần (1950), Đức Ngài thuật lại như sau:

“Tù thuở đến giờ, Bản-Đạo chưa có buổi nào đặng hưởng hạnh-phúc đại thắng lợi một cách mỹ mãn như khi Bản-Đạo đi Cao-Miên. Bản-Đạo thấy từ vua đến dân trước trường quan lại khéo giữ nền chánh-trị của họ. Trí thức tinh thần của họ cương-quyết biết tôn trọng cái quyền dân, quyền nước hơn lợi lộc. Từ Soài Riêng tới Kinh-Đô, Bản-Đạo đã thấy cái tự do của nước người. Trong nước trường cờ Đạo dọc dài theo đường đặng nghinh tiếp một vị Giáo-chủ một cách tự do không ái-ngại. Trong mấy ngày, Bản-Đạo, Bảo-Thế, Tiếp-Đạo ở đó, nhưt là nhà binh Pháp canh chừng nghiêm ngặt. Sự cung kính đối đãi với Bản-Đạo và các bạn lấy làm cảm kích vô hạn. Kế tiếp, chúng tôi đến thăm nhà Vua. Vua dùng lễ Đế-vương mà tiếp rước tại Tư-dinh của Ngài. Nơi ấy là nơi để rước người thân yêu của nhà Vua, mà rước chúng tôi, làm cho chúng tôi ngạc nhiên. Sự đối đãi của nhà Vua rất long trọng, không thể tưởng tượng. Khi đến trước đền Vua, nhạc trời lên, quân lính nghinh tiếp. Chúng tôi liền đến trước quốc-kỳ làm lễ. Ngài thấy chúng tôi đi bách bộ. Ngài chấp hai tay bái. Bản-Đạo phải bái lại. Ngài mời Bản-Đạo ngồi. Bản-Đạo không ngồi. Bản-Đạo nhường cho Ngài. Ngài nhất định nhường cho Bản-Đạo. Khi chúng tôi đã viếng Thủ-Tướng rồi; ra

*khởi điện nhà vua, vua Sãi mời đến nhà thờ Norodom. Khi đến nhà thờ, thì đức Vua cũng tiếp rước như vị Giáo-chủ. Tiếp chuyện Đạo đức với nhau, tâm đầu ý hiệp về giáo-lý. Bản-Đạo nói thật, Đạo của nước Tân và vua của nước Việt-Nam có thể liên hiệp cùng nhau. Nếu ơn Thiêng-liêng Đức Chí-Tôn định, thì Hội-Thánh Cao-Đài có thể hiệp nhứt với Đạo của nước Tân. Dem giáo-lý là con thuyền Bác-Nhã đặng độ thiên-hạ.”*

Ngày 18.10.1950, Đức Ngài đi Hà-Nội để kêu gọi các Tôn-giáo, các Đảng-phái ngoài Bắc thống nhứt để làm sức mạnh đòi chánh-phủ Pháp trao trả độc-lập cho Việt-Nam. Đức Ngài đã tiếp-xúc về phía Công-giáo có Giám-mục Lê Hữu Từ, về phía Phật-Giáo có Thượng-Tọa Thích Tâm Châu... Trong dịp này Đức Ngài có làm bài thơ hàm súc nhiều ý như sau:

### **BẮC DƯ**

*Non nước hồn thiêng đã tỉnh dân,  
Xuân Thu nay đổi lại Xuân Thu.  
Nam phong đở vững xa thơ Hán,  
Bắc tục xô nghiêng đánh nghiệp Tân.  
Bác-ái là đề thi tiến hóa,  
Nghĩa nhơn ấy mục định duy tân.  
Thiên thời địa lợi đôi điều sẵn,  
Chỉ thiếu hòa nhơn để hiệp-quần.*

Sau đó, Đức Ngài đến đánh lễ Đức Chí-Tôn tại Thánh-Thất Thăng Long do bà Giáo-Hữu Hương-Dư làm Đầu Tỉnh Đạo. Bà đã trình lên Đức Hộ-Pháp về buổi thuyết đạo tại nhà hát lớn ở Hà-Nội do Giáo-sư Khâm-Mạng Tòa-Thánh Trần văn Quế tổ-chức. Lúc đó, Giáo-sư Quế đang dạy Đại-học tại Hà-Nội, nên

ông vận-động sinh-viên các khoa đến tham dự rất đông. Diễn-giả là Giáo-Hữu Tý. Ông này học-lực có hạn, khi bước lên diễn đàn, đứng trước các cử-tọa có học thức, mặt ông tái nhợt, đầu xây xẩm. Giáo-Hữu Tý định thần, niệm danh Thầy, một lần, hai lần, rồi ba lần, ông mới lấy lại bình tĩnh và diễn thuyết Đạo một cách trầm tĩnh và tự nhiên. Ông được thính giả hoan-nginh nhiệt-liệt. Giáo-sư Quế đến bắt tay ông và khen ngợi: “*Nhờ Thầy hỗ-trợ, ông diễn thuyết Đạo thật hay ngoài sức tưởng tượng của người nghe*”. Thế mới biết mọi việc chi chi cũng có Thầy. “*Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay*”.

Sau chuyến viếng thăm Hà-Nội của Đức Hộ-Pháp, số tín đồ tăng lên nhanh, nhưng từ sau năm 1954, cơ Đạo ở đây gặp nhiều ngăn trở.

Nhắc lại việc truyền Đạo ra Bắc là do Đức Chí-Tôn định từ ngày 21.10.1926:

*Từ đây nòi giống chẳng chia ba,  
Thầy hiệp các con lại một nhà.  
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,  
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta.*

Đầu năm Quý-Dậu (1933), Hội-Thánh bổ Giáo-Hữu Thượng Tuất Thanh, Thượng Chũ Thanh lập Thánh-Thất đầu tiên ở Ga Hàng-Cỏ, Lê-Lợi. Đầu năm 1934, Hội-Thánh bổ Giáo-Hữu Thượng Ngọan Thanh, Lễ-Sanh Thượng Điểm Thanh liên lạc với hội Nam-Kỳ Tương-Tế ở Hà-Nội để mở mang việc truyền-giáo. Đêm mồng 1 tháng 3 năm Giáp-Tuất (14.04.1934), lễ Khai Đạo tại Bắc Việt ở Thánh-Thất phố Harmand, sau dời về Quỳnh-Lôi, vốn là nhà của Đạo-Hữu Phạm Đăng Chũ. Cơ Đạo

ngày càng phát triển là chỗ dựa cho nhơn-sanh, nên đầu năm 1935, Hội-Thánh bổ Tiếp-Thế Lê Thế Vĩnh và bà Lê-Sanh Hương Thân (*phối ngẫu của ông Vĩnh*) coi Tông-Đạo Bắc-Việt. Năm sau, Đạo truyền tới Hải-Phòng. Thánh-thất lần lượt lập ở Tam-Giang, Cẩm-Phá, Tây-Tựu (*Hà-Đông*), Chùa Vua... Năm 1936, Giáo-Sư Thượng Bảy Thanh (*Lê văn Bảy*) về Nam, Thánh-Thất Lê-Lợi phải dời về phố Hàng Than (*rue du Charbon*). Năm 1941, ảnh hưởng tình hình ở Tòa-Thánh, cơ đạo ở Bắc Việt gặp nhiều khó khăn.

### 7.- ĐỨC HỘ-PHÁP NHẬP TỊNH-THẤT

**S**AU ĐÓ, ĐỨC HỘ-PHÁP TRỞ VỀ TÒA-THÁNH ĐÔN ĐỐC XÂY CẤT CÁC TỊNH-THẤT. NGÀY 15 THÁNG 12 năm Canh-Dần, Đức Ngài làm lễ Trấn-Thần Trí-Huệ-Cung, trong Thiên-Hỉ-Động là ngôi tịnh thất của Nữ-Phái. Đó là ngày lễ lớn, các đạo-hữu phải đi vòng xuống Thiên-Thọ Lộ qua Đoạn-Trần Kiều mới vào Trí-Huệ-Cung tham dự lễ. Đó là bí-pháp phạm qui Thánh. Nhưng rủi thay, các thợ đắp Vân Trung Tử cõi hạc bay về chợ Thiên-Vương (*tức chợ Trường-Lưu*) lại biểu tượng Thánh lâm Phạm!

Tịnh-thất của nam-phái là Vạn-Pháp-Cung trong có Nhơn-Hòa-Động tọa-lạc ở Sơn-Đình, Núi Bà. Đức Hộ-Pháp giảng về Trí-Huệ-Cung như sau:

*“Trí-Huệ-Cung là cơ-quan tận-độ chúng sanh. Nó không phải của ta mà của toàn thể nhơn-loại, bởi nó tượng trưng hình-ảnh Chí-Linh của Đức Chí-Tôn tại thế. Nó không cho phép phân biệt đảng phái, tôn-giáo*

hay nòi giống. Cửa Thiên-Hỉ-Động là cửa Thiêng-Liêng Hằng-Sống của toàn thể các Chơn-linh.”

“Bản-Đạo cả tiếng kêu gọi con cái Đức Chí-Tôn, nhứt là Cửu Nhị Ước Nguyên-Nhơn hãy tỉnh mộng, ngó lại Trí-Huệ-Cung, phải vào nơi cửa này (Tịnh-Thất) mới đạt Đạo đặng mà thôi. Đạt cơ giải thoát mới nhập vào cửa Thiêng-Liêng Hằng-Sống, mà Đức Chí-Tôn đã dựng riêng dành cho mỗi người.”

Rõ ràng, Đức Hộ-Pháp chánh thức mở cơ vô-vi tịnh-luyện từ đó. Ngài khẳng định “*phải vào cửa tịnh-luyện mới đạt Đạo đặng*”. Tại ta thiếu trí, không theo được hành tàng của Đức Ngài mà thôi. Chớ đừng trách sư-phụ chưa truyền phép tu chơn cho ta.

Câu liễn tại Trí-Huệ-Cung thể hiện lời giảng-đạo đó của Đức Ngài:

*TRÍ định thiên-lương qui nhứt bổn,  
HUỆ thông đạo pháp độ quần-sanh.*

Đến ngày 16 tháng Giêng năm Tân-Mão (1951), Đức Hộ-Pháp vào Trí-Huệ-Cung tịnh luyện theo Tân-Pháp Nội-Giáo Tu Thiển mà Đức Chí-Tôn đã chỉ dạy ngay từ đêm 14.01.1926 (*Xem lại chương II, Mục 3*). Khi nhập Tịnh-Thất, Đức Ngài nói: “*giải chức Hộ-Pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi*” (*Trí Huệ Cung, Tây Ninh 1973, trang 13*). Chính Đức Ngài đã đặt nền tảng luyện kỹ tu đơn cho mọi chúng ta đó.

Khi nhập tịnh-thất Trí-Huệ-Cung, Đức Hộ-Pháp nói: “*giải chức Hộ-Pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi*”, có nghĩa là muốn vào tịnh-thất, nếu là chức-sắc phải gởi chức cho Hội-Thánh trở thành đạo-hữu.

Sau khi được chơn Sư-phụ chỉ dẫn, rồi hành pháp tịnh luyện, tự tu, tự thành, biết được tánh-giác hằng hữu là sắp có ấn-chứng thiêng-liêng.

Năm Tân-Mão (1951), Đức Hộ-Pháp vào Trí-Huệ-Cung, vì Vạn-Pháp Cung chưa xây. Sau khi ra khỏi nhà tịnh, Đức Ngài đã thuyết-đạo tại Đền-Thánh như vậy:

*“Bản-Đạo giải rõ hành-tàng trong ba tháng mà Bản-Đạo đã làm (trong nhà tịnh). Cái hành-tàng về mặt Đạo pháp giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsus ra ngoài sa-mạc cầu khẩn với Đức Chí-Tôn ban bố hồng-ân cho nhơn-loại, đặng đem cơ cứu thế của Ngài giao cho toàn xã-hội nhơn-quần được hưởng; giống như Đức Thích-Ca vào vườn Bồ-Đề ngồi thiền-định đặng xin giải-thoát chúng sanh.”*

Khi Đức Ngài đến Trí-Huệ-Cung để nhập Tịnh-Thất có nhiều người gửi thư đến xin nhập tịnh một lượt với Đức Ngài, Đức Ngài trả lời:

“Nếu người nào không có Tam Lập, thì không ở chung với ai được hết. Chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời (tức thể pháp) mà không ai có bằng cơ chi hết, thì ai tin rằng có bí pháp đạt đạo.

*“Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Con người khi sanh ra nơi mặt địa cầu này, không có Tam Lập, thì không có chi hết. Tam Lập quyết-định cho ra, ta mới sống chung với xã-hội nhơn-quần được.”*

Đức Ngài còn thuyết thêm về phương-pháp tịnh-luyện như vậy:

*“Bản-Đạo thuyết-minh cái bí-pháp tịnh-luyện và khuôn luật tấn-hóa Tạo-Đoan: Cơ huyền-bí ấy Đức Chí-Tôn đã đem đến cho chúng ta đặng cho đạt cơ tấn-*

hóa. Thật ra, Đức Phật-Tổ chỉ đạt được kiếp siêu thoát của Ngài mà thôi. Máy người đã đạt được vị Phật đều ở trong cái huyền-vi tịnh-luyện để làm cho chúng ta sống đời đời. Sống lưng lại ba kiếp trước, rồi nhờ kiếp trước, ta có thể biết luật nhưn-quả của ta. Nhờ kiếp này, có thể đem tương lai cho ta đạt Phật-vị của ba kiếp trước. Đạt bí-pháp ấy chúng ta mới có thể biết chúng ta là ai. Ta biết đường lối chúng ta đi như thế nào. Đạt cơ siêu-thoát là mở kiếp thông-minh cho chúng ta đó vậy”. (Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 1-4-Quý Tỵ)

### 8.- VAI TRÒ CỦA ĐỨC PHẠM HỘ-PHÁP VỚI BÍ-PHÁP

**T**RƯỚC HẾT, NGHI LỄ THỌ PHONG HỘ-PHÁP KHÁC THƯỜNG, KHÔNG LỜI TUYÊN-THỆ, LỜI NGUYỆN, MÀ là một cuộc hành-pháp trực Chơn-Thần. Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm, để Chơn-Linh Vi-Đà Hộ-Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài. Từ đó Phạm Công Tắc trở thành Hộ-Pháp Cao-Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể, như chơn-linh của Nguyễn-Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí-Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp-Thiên-Đài, thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về phần Chơn-Thần của toàn thể Đạo-Hữu (chỉ chung cả chức-sắc), còn phẩm Giáo-Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ-Pháp lập Khổ-Hiền-Trang, mở Phạm-Môn tu luyện không áo mào với “*Phương Luyện Kỳ*” để đạt cơ giải-thoát. Thánh-Ngôn của Đức Chí-Tôn đã dạy: “*Hộ-Pháp hằng đứng (nơi Vi-Hộ) (Cửa Mỏ Ấc tức Thượng Đơn Điền) mà gìn*

*giữ chơn-linh các con khi luyện đạo, đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thần, đến Chơn-Thần hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh”.*

Năm 1951, tại Trí-Huệ-Cung, Đức Phật-Mẫu cũng ban cho Đức Ngài «*ven toàn pháp môn*»:

*Hễ làm mẹ quyền hành dạy trẻ,*

*Con đừng lo mạng thế thi phàm.*

*Huyền-Linh mẹ chịu phần cam,*

*Ban cho con trẻ ven toàn pháp-môn.*

Vì thế dù Đức Ngài còn ở thế hay qui Thiên, Đức Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển-lực của Kim-Quang-Tiên trợ phần cho hành-giả công-phu tu luyện đạt thành chánh-quả.

Khi sinh-tiên, ai đến xin luyện đạo, Đức Ngài CÂN THẦN, đo mức độ khí trược trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điển-lực thiêng-liêng không, nếu kém sức sẽ biến tướng thành Tả Đạo, thì không cho luyện đạo. Các vị Thời-Quân Chi Pháp cũng có truyền bí-pháp cho chức-sắc, nhưng khả năng cân thần không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm-Môn chuyển qua Phước-Thiện, nhận lãnh Đầu Họ-Đạo Phước-Thiện tại các Tỉnh, Đức Hộ-Pháp đã truyền các phép Bí-Tích: Giải-Oan, Tắm Thánh, Phép-Xá và Hôn-Phối cho các vị tân Đầu-Họ tại Hộ-Pháp-Đường. Đức Ngài còn hành pháp trực Thần, khai khiếu và ban pháp Bạch-Đăng (*cây đèn trắng*) để khi hành đạo tha phương gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ Tý rồi thành tâm cầu-nguyện. Đức Ngài hiển-linh chỉ giáo. Nhiều chức-sắc như Chí-Thiện Võ văn Đợi, Giáo-hữu Thượng Tý Thanh... đã được dạy



đạo qua phương-pháp này. Huyền diệu nhất là việc Đâu-Su Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ Thân khi tịnh luyện. Ngài Thái Đâu-Su rất kính phục và hủy bỏ sơ đồ xây dựng nội-ô Tòa-Thánh theo ý phạm và giao việc xây cất Tòa-Thánh lại cho Đức Hộ-Pháp làm theo thiên-khải, mà trong chuyến xuất thần vân du Ngài thấy được.

Xem thế, ngay buổi đầu, Đức Chí-Tôn dạy người theo Đạo tu thân là: công-quả và tịnh-luyện. Tân Luật cũng xác nhận: Đạo gồm các Thánh-Thất (*thể-pháp*) và Tịnh-Thất (*bí-pháp thiên định*). Thể-pháp là hình-tượng của Đạo, biểu tượng là Hội-Thánh. Bí-pháp là quyền năng của điển-lực để người Đạo giải thoát. Thế nên, lúc mới khai đạo, nặng về phổ-độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt đạo-lý mà lập công, lập ngôn, rồi lập đức mà tiêu trừ nghiệp chướng. Hai phần phổ-độ và vô-vi nằm chung trong chánh-thể Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ. Hội-Thánh Cao-Đài thực-hành trọn vẹn cả hai. Bởi lẽ, trong chơn-truyền của Đức Chí-Tôn không hề có sự phân-chia hai phần:

– 1. Phổ-độ là ngoại giáo công-truyền do Tòa-Thánh Tây-Ninh đảm trách,

– 2. Vô-vi tịnh luyện là nội-giáo bí-truyền do Chi Phái thực thi, như một ít người lầm tưởng.

Thể-pháp và bí-pháp tương liên khắn khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, câu Kinh tứ Thời là thể hình để người đạo, mỗi ngày một ít, gom Thần định Trí và lý thanh cao tưởng đến Phật Trời. Còn cái bóng của Kinh-kệ là trạng thái sống tinh-thần của người đạo đạt

được khi vọng niệm. Các âm-ba hòa nhập vào điển-lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn-Thần. Âm-ba Kinh-kệ là cái bóng, chữ nghĩa Kinh-kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.

### 9.- NGƯỜI ƯƠM MẦM ĐẠO DỊCH

**V**ÀO MÙA XUÂN NĂM NHÂM-TÝ, TÔI ĐƯỢC HIỀN-TÀI VÕ HIẾU NGHĨA CHO XEM BẢN THẢO VỀ DỊCH-LÝ. Ông kể:

“Vào mùa Xuân Canh Dần (1950), từ Biên-Hòa về Đất Thánh viếng Sư-Phụ (*chỉ Đức Hộ-Pháp*). Trong cuộc hội-kiến Đức Hộ-Pháp dạy:

“*Các con nên lưu ý: Đền-Thánh và các kiến-trúc trong hay ngoài đều tiềm-ẩn Dịch-lý. Các con đã thấy, Thấy lập ba Tịnh-Thất: Thiên-Hỉ Động (Trí-Huệ-Cung), Địa-Linh Động (Trí-Giác-Cung) và Nhơn-Hòa-Động (Vạn-Pháp-Cung) hàm ý Tam Tài*”.

“Ở ngoài miền Trung, chi Minh-Sư của Đạo-sĩ Trần Cao Vân (1866 – 1916), trong Kinh Nhứt-Tụng có hai câu:

*Con cầu Phật-Tổ Như Lai,*

*Con cầu cho thấu Cao-Đài Tiên-Ông.*

Vì đó, ông nghiên-cứu Trung Thiên dịch và viết bài “*Vịnh Tam Tài*” như sau:

*Trời Đất sinh ta có ý không?*

*Chưa sinh Trời Đất có ta trong.*

*Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,*

*Trời Đất in ta một chữ đồng.*

*Trời nứt ra ta, Trời chuyển động,*

*Ta thay Trời mở đất mênh mông,  
Trời che đất chở ta thông thả,  
Trời Đất Ta đây đủ hóa công”.*

Đúng chín năm sau, Đức Chí-Tôn giảng dạy về Bát Quái Cao-Đài như sau: “*Thầy khai Bát-Quái mà tác thành Càn-Khôn Thế-giải*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I, trang 48). Đức Chí-Tôn dạy tiếp: “*Thầy phân Thái-Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát-Quái, mà biến hóa vô cùng*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển II, trang 62), rồi Thầy định phương vị Tòa-Thánh đối với Bát-Quái và Bát Phương như vậy: “*Tòa-Thánh day mặt hướng Tây (cung Đoài). Ấy là cung Đạo. Bên trái Thầy là cung Càn, tay mặt Thầy là cung Khôn (từ trong Bát-Quái Đài nhìn ra)*” (Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris Gasnier 1952, trang 71). Do đó, các cao-đồ vẽ Bát-Quái Cao-Đài theo hình ở trang sau.

Xem thứ tự các quẻ Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, thì giống thứ tự các quẻ Hậu-Thiên Bát-Quái, như cách sắp xếp phương-vị của Bát-Quái và phương địa-lý khác nhau vì bát-Quái Cao-Đài vận-hành theo chiều ngược kim đồng-hồ (*chiều Dương của Dịch-Lý*), còn Bát-Quái Hậu-Thiên bắt đầu bằng cung Chấn và vận-hành ngược lại. Sở-dĩ như vậy là vì:

1. Hậu-Thiên làm cho Càn, Khôn thất vị nhiễm Trần,

2. Đạo Cao-Đài thờ Con Mắt Trái mở rộng, nên phải đưa quẻ Ly (*là con mắt*) về hướng Bắc để vẽ con mắt lên cung Bắc-Đẩu, trong khẩu truyền của chi Minh-Sư:

*CAO như Bắc Nguyệt như chiêm ngưỡng,  
Đài tại Nam phương Đạo thống truyền.*

Trong khi đó, quẻ Ly của Hậu-Thiên Bát-Quái nằm ở phương Nam để quẻ Càn nằm ở Tây-Bắc, chỉ vùng Kỳ-Sơn, đất của Văn-Vương, nơi ông dấy nghiệp vua (Càn).

Việc thờ Quả Càn Khôn được lý-giải như vậy: Càn (...) là Trời, nhẹ nhàng nên ở trên, biểu tượng bằng Thiên-Cầu. Khôn (...) là Đất, trọng trước nên nằm dưới, biểu tượng bằng Địa-Cầu, lỏng bên trong, tức Âm trong Dương. Đó là quẻ Bỉ (.), biểu-tượng thời Hạ-Ngươn mặt Pháp, tương ứng với ý chưa sinh, chưa biến-hóa. Song Đạo lập ra để cứu đời, nếu đối diện với Quả Càn-Khôn là chữ KHÍ nơi Hiệp-Thiên-Đài (*tức hiệp nhứt Thiên Nhơn trong Kinh Dịch*), biểu-tượng Âm Dương phải khí hóa. Trong mỗi quẻ đều biểu tượng Tam Tài: Trời, Đất, Người; luôn luôn biến-thiên khí Âm, khí Dương, đổi chỗ nhau, nhưng con người luôn nằm giữa. Nói cách khác con người ở trạng thái quay của trái đất, lúc sáng (Dương), lúc tối (Âm). Điều đó giải thích tại sao Âm nặng-nề, nằm dưới, mà có thể biến-hóa chiếm chỗ chánh-vị Dương. Nhờ đó, quẻ Bỉ... khí-hóa mới trở thành quẻ Thái..... (*Âm lên trên Dương*), là thông suốt an lạc mà tạo đời Thánh Đức. Nhờ Âm Dương hợp nhứt sinh ra người (*Âm Dương hợp nhứt vị nhân*). Theo từ nguyên, chữ Nhân được hợp thành do nét trái chỉ Dương và nét phải chỉ Âm, nên trong mỗi con người đều có hai khí Âm Dương.

Cụ thể hơn, ta lấy Càn Khôn, tức quẻ Bỉ để vẽ sơ-đồ Bát-Quái đã có trong Vũ-Trụ:

Khi quẻ Càn di chuyển chồng lên quẻ Khôn thì Tồn cũng di chuyển chồng lên quẻ Cấn mà sinh ra

quê Tiệm.

Theo Dịch-Lý, Càn cầu ở Khôn thì sinh Nữ, Khôn cầu ở Càn thì sinh Nam. Càn Khôn sinh ra Tiệm, tức con người đứng giữa Trời Đất, giữ đạo trung chánh. Đức Chí-Tôn đã dạy: “Đạo khai vào Rằm tháng 10 năm Bính-Dần, vì Nhơn sanh ư Dần, lấy Bính-Dần (1926) làm năm đầu lịch Đại-Đạo (*Võ Vương đã lấy Bính Dần [1134 trước Tây Lịch] làm năm đầu lịch can chi nhà Châu*). Thế nên, Đạo Cao-Đài lấy Nhơn-Đạo làm nền tảng giáo-lý. Nói cách khác, Đạo Cao-Đài đồng nghĩa với chủ-nghĩa Nhơn-Đạo (*Humanitarisme*), với chủ thuyết Tâm Vật bình hành, không nghiêng Duy Tâm hay Duy Vật mà DUY NHÂN, vì tâm và vật đều do Âm Dương khí hóa mà thành, chỉ có con người tối quan trọng.

Nhắc lại việc Đức Phạm Hộ-Pháp cho xây dựng ba Tịnh-thất như sau:

Trí-Huệ-Cung trong Thiên-Hỉ Động, ở về phía Nam cách Đền Thánh độ 5 Km. Thiên-Hỉ Động là tòa nhà vuông (*tứ tượng*) có hai lầu, phía dưới đất có làm phòng ngầm, xây cầu thang đi xuống đó là nơi nhập đại-tịnh của Đức Phạm Hộ-Pháp.

Sau khi ra tịnh, trấn pháp Long Tu Phiến và Kim-Tiên trên Thiên-Hỉ Động, Đức Ngài thuyết rằng:

“Ngày mai trấn pháp Thiên-Hỉ-Động Trí-Huệ-Cung, Bản-Đạo lấy làm mừng đã làm tròn phận-sự đặc biệt của Bản-Đạo.

*“Trước Bản-Đạo đã gánh vác về Thử-pháp Cửu-Trùng Đài... Ngày nay vui mừng là Bản-Đạo có sức khỏe đầy đủ, cảm bí-pháp của Đức Chí-Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bản-Đạo vậy”*.

Trí-Giác-Cung trong Địa-Linh Động, nằm trên đường đi Qui-Thiện, cách Đền-Thánh độ 3 Km. Đây là nơi đầu tiên xây dựng đền thờ Đức Phật-Mẫu.

Vạn-Pháp-Cung trong Nhơn-Hòa-Động, định xây ở Sơn-Đình, chân Núi Bà Đen, sau dời về Phận-Đạo Thập-Tam, cuối đường Bình-Dương-Đạo.

Chương này cho ta thấy vai trò của Đức Phạm Hộ-Pháp trong Thể-Pháp và Bí-Pháp. Thể-Pháp và Bí-Pháp là hai mặt mà bất cứ Tôn-giáo nào cũng phải có. Thể pháp của Đạo ai cũng thấy được. Đức Phạm Hộ-Pháp lập ra những kiến-trúc hình tượng rất đặc thù của tôn-giáo Cao-Đài: Thánh-Thất, Tòa-Thánh, Đền-Thờ Phật-Mẫu, y phục toàn trắng. Bất cứ ai, bất cứ ở đâu, nhìn thấy những biểu tượng đó đều biết ngay là Đạo Cao-Đài.

Từ lúc “*giáng-linh Hộ-Pháp Vi-Đà*” thì Đức Phạm Hộ-Pháp nắm cả quyền về Bí-Pháp. Trong Pháp Chánh-Truyền, Đức Chí-Tôn đã dạy: “*Hiệp-Thiên-Đài là nơi Thấy ngự cầm quyền Thiêng-Liêng mới Đạo*”. “*Quyền Thiêng-Liêng*” đó là bí-pháp, là điển-lực giải thoát Chơn-Thần con người thoát khỏi vòng tục lụy. Bí-pháp thuộc trách-nhiệm nơi Hiệp-Thiên-Đài mà vị Chưởng-Quản là Hộ-Pháp.

Hãy nghe Đức Ngài giảng việc này như sau:

“*Khi Đức Chí-Tôn chọn Bản-Đạo làm Hộ-Pháp, dạy Bản-Đạo phò-loan chấp bút. Nhờ chấp bút mà Bản-Đạo được Đức Chí-Tôn dạy cách tham-thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh, nhưng nhập-tịnh không phải dễ...*

“*Chính Bản-Đạo được Đức Chí-Tôn mở Huệ-Quang Khiếu, nên mới về được hội-kiến cùng Đức Chí-Tôn và*

*học hỏi được nơi Đức Chí-Tôn nhiều điều bí yếu bí trọng”.  
(Lời Thuyết Đạo, đêm 13-8-Mậu Tý tức 16-9-1948 tại Đền Thánh)*

Nhờ đó mà Đức Ngài truyền lại cho các chức-sắc hành pháp giải-oan, phép xác, hôn-phối, v.v... và luyện Cam-Lô-Thủy, Ma-Ha-Thủy, v.v... Những thể-pháp và những bí-pháp mà Đức Ngài xây dựng và truyền giảng, các chức-sắc thừa-hành cố giữ y nguyên-trạng.





## CHƯƠNG VII: ĐẠO CAO-ĐÀI RA MẶT QUỐC-TẾ (1951 - 1955)

- ★ Đức Hộ-Pháp lập Long-Hoa Thị
- ★ Các Phủ-Từ và Ngọc Xá-Lợi
- ★ Xây-dựng nơi thờ Diêu-Trì-Cung
- ★ Đức Hộ-Pháp Âu-Du
- ★ Lễ Khánh-Thành Tòa-Thánh

### 1.- ĐỨC PHẠM HỘ-PHÁP LẬP LONG-HOA THỊ

**K**HI RA NHÀ TỊNH, ĐỨC NGÀI THẤY CHỢ NGÃ-NĂM (GẦN CỬA SỐ 4 NỘI-Ô TÒA-THÁNH) CHẬT CHỘI VÀ ảm thấp, nên lấy 47 mẫu đất ở phía Nam Tòa-Thánh lập chợ Long-Hoa. Đến ngày 05.06.1951, chợ Long-Hoa cơ-bản thiết-lập xong, Đức Ngài làm lễ Ban Phép-Lành và trấn thần Long-Hoa Thị và hiệu dụ:

*“Bản-Đạo cho lập gấp cái chợ này, tạo một nguồn sinh sống để dành cho hơn-sanh. Ngày giờ này tuy là cái chợ thô-sơ, rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn. Chắc chắn con cái Đức Chí-Tôn không bao giờ ngờ đến thế. Nhưng Bản-Đạo quả quyết việc đó phải có và nhất định có, vì cái chợ chuyển thế và quyền Thiêng-Liêng của Đức Chí-Tôn đã định vậy.”*

Sở dĩ Đức Ngài nhấn mạnh “phải có”, vì lúc bấy giờ vùng chợ Long-Hoa là khu rừng chồi, toàn gốc cây, gò mối, một vài đường trường sinh lấy. Người ta khó tin nơi đây trở thành ngôi chợ sầm uất như ngày nay.

Khi khánh thành văn phòng Ban Quản-Trị Long-

Hoa Thị (15.07 Quí-Ty), Đức Ngài nói:

*“Bần-Đạo rất tin cậy với lòng nhiệt-thành của toàn thể, hãy giúp cho Ban Quản-Trị và Hội-Thánh lập chợ Long-Hoa thiệt mau. Bần-Đạo dám chắc rằng đời sống của mấy em sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu tươi đẹp. Ngôi nhà chung của chúng ta là một Tông-đường để đào tạo đám thơ-sinh tiếp tục làm Thánh-thể Đức Chí-Tôn, thừa chí đưa hết năng lực tận tình đặng cứu khổ chúng sanh”.*

Chính Đức Ngài đôn đốc công cuộc khai phá rừng và hiểu dụ:

*“Sau hai năm, Qua còn nhớ, khi Qua ra khỏi nhà tịnh Trí-Huệ-Cung. Về nơi đây, Qua ban phước lành chợ Long-Hoa là tháng 7 năm Tân-Mão cho đến tháng 7 nầy thật ra có hai năm mà thôi. Đức tin con người, nếu mà nhờn-loại tụ cả lại làm một khối, thì không có gì làm không đặng. Qua vẫn biết cái sự nghiệp kinh doanh do tinh thần hoạt bát của mấy em làm cho Qua được hưởng hạnh-phúc.*

*“Chợ Ngã Năm, mấy em đừng tưởng có phép huyền-bí. Qua thấy chợ Ngã Năm rất sung túc, nhưng lại ảm thấp, chật chội. Cái tinh thần của mấy em đi cao tiến mạnh. Vì có, Qua mới lấy khu rừng 47 mẫu (chưa có chợ nào đặng 47 mẫu), nhưng chừng vài năm nữa đây sẽ chật hết. Qua đã thấy chen chúc với nhau rồi đó.”*

Thật vậy, chợ cũ Long-Hoa không đủ chỗ buôn bán, nên ngày mùng một tháng Giêng năm Nhâm-Thìn (1952), Đức Hộ-Pháp cho khởi công đào móng xây Long-Hoa Thị (chỗ buôn bán hiện nay).

Đức Ngài nói: *“Bát Long dẫn thủy”*, thì mở tám

con lộ Bát-Quái. Trong nhà lồng, xây dựng một hồ nước thật cao, lấy nước rửa chợ, các tiệm, các phố đủ sức xài. Nhà lồng cất bốn cánh, có hai tầng lầu: tầng dưới bán thực phẩm, tầng trên bán mỹ phẩm.

Trên bốn nước giữa chợ, cất cái nhà nóc bằng để cho Thánh-Vệ ở, luân phiên giữ gìn châu vi chợ và làm nơi ăn ở trên nhà gác.

Còn bốn phía chợ, đúc cột làm hàng rào bằng song sắt thật đẹp, để trống cho bốn bề trông vào thấy chợ thông dong mát mẻ. Mỗi phía hàng rào, có một cái cổng. Bốn mặt như nhau, nhưng mỗi cửa để chũ theo mỗi hướng, như: Đông-Môn, Tây-Môn, Nam-Môn, Bắc-Môn. Đứng để mấy cái quán cóc che lấp cái vẻ đẹp của chợ. Mấy cái xếp theo góc Bát-Quái, cho Ban Kiến-Trúc cất, đúc cột lên mấy tầng lầu như phố vậy, để làm Nhà Hàng hoặc bán các loại máy móc, radio, nhưng tầng dưới chứa hai thước vuông cho trạm Y-tế, ở cứu thương hoặc bệnh-hoạn sẵn có thuốc. Nghe qua công cuộc từng câu chuyện, Đúc Ngài trở lại cầm thước dây đo ngang 40 thước, từ mặt phố bên phải qua trái, khoảng trên con lộ 40 thước, ở giữa con lộ lớn có hai cái lè. Bên trong, sát mặt phố, có hai con lộ nhỏ, xe hơi chạy vào được. Dài trên lộ biểu Trưởng-Tộc và nhân-viên Chương-Quản Phước-Thiện cũng lo cất 20 cái Bar, cất trọn trên lè, dùng vi phạm choán con lộ mất đẹp. Bar cất hai tầng, cách 40 thước, xa xa để chứa đường ra vào mặt phố. Nếu cất khít, choán chỗ, người ta rầy, mà coi không đẹp. Cho bán đồ bazar hoặc các thú đồ chơi hoặc bông hoa trái cây Đà-lạt. Mỗi Bar đều có bốn mặt, cửa kiếng xinh đẹp. Cắm nấu nướng. Chỉ đến giờ, mở cửa bán, cũng như Bar giữa lộ ở Đô-thành, giống

như Đại-Lộ Charner, Sài-gòn vậy.

Trong 20 cái Bar dành cho người nghèo không phương sanh sống, hoặc đám nội trợ của chức-sắc nghèo cần có phương sống. Khi bớt khổ phải đền ơn, giao lại cho Hội-Thánh cho người khác, cứ kế tiếp không ai có quyền làm chủ vĩnh-viễn.

Hội-Thánh biết kẻ nghèo cho ở chớ không thâu nạp đơn xin (*bị lợi dụng*), còn nên nhà hình, Thầy định cất tại đầu lều lộ, hai bên cất y một kiểu có hai tầng. Bên Xuân Dung thì làm nghề ảnh đặc biệt riêng cho Thầy, dành lại số huê lợi đặng cho đám cô-nhi có phương sống và mấy con nhiếp ảnh nên cố gắng truyền nghề cho chúng nó thành tài về nghề phim ảnh chiếu bóng.

Trong nhà hình, từng dưới chùng triển lãm các kiểu cổ kim hoặc các cuộc kỷ-niệm, mỗi khi Thầy cần dùng thì có sẵn; từng trên để làm nghề. Sau này ngoại quốc họ vô xem Báo-Quốc-Từ, thì họ phải vào lấy hình ảnh, mấy con đủ nuôi đám cô-nhi. Còn bên kia giao cho mấy đứa thủ trình. Công-nghiệp tụi nó mà Thầy chưa ban đặc-ân, vậy để cho chúng nó làm nhà cơm chay. Thầy làm ăn mót trên lều lộ mà có nghĩa giúp đám cô-nhi và những người nghèo mà cũng là làm cho Long-Hoa-Thị ngày kia sung túc.

Long-Hoa-Thị sung túc rồi, tụi nó sẽ làm chén cơm bát nước của Hội-Thánh, của chức-sắc, của nhơn-sanh chung hưởng đặc-ân. Vậy nên cố gắng tạo cho thành". Hồi mới xây dựng, Tòa-Thánh có chợ Từ-Bi (*khoảng trước Tòa Nội-Chánh*), chợ Thương-binh (*vì phần đất này trước dành cho Thương Phế-binh Cao-Đài*) nay là chợ Hiệp-Lễ; Tân-Dân-Thị (*tức chợ Qui-Thiện*), Thiên-

Vương-Thị (tức chợ Trường-Lưu), chợ Bến-Kéo, v.v....

## 2.- VIỆC LẬP CÁC PHỦ-TỪ VÀ NGỌC XÁ-LỢI

**K**HỞI ĐẦU TỪ NĂM 1952, ĐỨC PHẠM HỘ-PHÁP CHO THIẾT LẬP CÁC PHỦ-TỪ, TRONG VÙNG THÁNH-ĐỊA nằm trong mục-đích truyền Đạo mà phương-tiện là Tông-đường. Phủ-Từ hay nhà thờ Họ, như Lê Phủ-Từ, Phạm Phủ-Từ, Văn Phủ-Từ,... Thường tôn-vinh một vị văn võ song toàn trong lịch-sử và một vị có phẩm-tước cao trong Đạo như Trần Phủ-Từ có thể đức Thánh Trần Hưng Đạo và Ngài Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa. Tất cả người trong họ có thể thờ tại Phủ-Từ.

Đức Hộ-Pháp phủ dụ về việc lập Tông-đường như sau:

*“Từ trước đến giờ Đạo Cao-Đài lấy Tông-Đường làm nền móng. Từ đây sẽ càng mạnh mẽ hơn nữa, sẽ càng cao trọng hơn nữa. Nhờ Tông-đường mà ta tạo dựng, bá Tộc ngày kia không ai không Đạo. Máy em tạo phủ thờ, công-nghiệp này là máy em lập công đối với Đạo Cao-Đài một cách gián tiếp đó vậy”.*

Trong dịp đến hội ở Phạm Phủ-Từ, Đức Ngài giảng dạy:

“Hôm nay Bản-Đạo vào hội chẳng phải lấy danh thể Hộ-Pháp mà chỉ lấy danh thể Phạm Công Tắc mà thôi. Chũ hiếu là chũ đứng đầu hết. Không trọn hiếu thì không thể làm việc khác được. Chúng ta có một cơ-nghiệp tận thiện, tận mỹ, vĩ-đại, ta muốn danh thể ta bền bỉ lâu dài, đại-nghiệp thiết của chúng ta là đây.

“Các bậc tiền bối đã dạy rằng: “lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế”. Ta có thể làm đạo lập thân danh nhưng phải có hiệu trước đã.

“Tạo Phạm Phú-Từ, chẳng phải cho riêng trong cửa Đạo hay nội trong nước Việt-Nam mà thôi. Chúng ta ngó tới Bắc-Việt, Trung-Hoa... tông-đường của ta ở mé biển nữa, thành một cơ-quan vĩ-đại”.

Xem đó, ta thấy quan niệm của Đức Ngài rất rộng-rãi, rất lớn, lớn như nền đạo Cao-Đài.

Sang năm 1953, có nhiều biến cố quan trọng. Khởi đầu Đức Ngài Narada Théra phó Giáo-Tông Phật-Giáo Tích-Lan (*nay là Srilanca*) đem cho nước ta ba hạt Ngọc Xá-Lợi: một cho Đại-Thừa, một cho Tiểu-Thừa Phật-Giáo Việt-Nam, còn một cho Tiểu-thừa Phật-Giáo Campuchia. Vì Phái Đại-Thừa chưa quyết-định để hạt ngọc ở đâu, nên Đại-Đức Narada Théra giao cho Hoàng-Thái-Hậu Từ-Cung (*bà được ân-phong Phối-Sư Tòa-Thánh Tây-Ninh*) để tặng nơi nào tùy ý. Kèm theo ba hạt ngọc, có ba cây bồ-đề: một cây tặng Tiểu-Thừa Việt-Nam, một cây tặng Tiểu-Thừa Campuchia và một cây tặng Tòa-Thánh Tây-Ninh trồng gần trụ-phước trước Đền-Thánh. Còn hạt Xá-Lợi Phật, thì được đăng-điện đêm 18.05 Quý-Tỵ (1953), Đức Phạm Hộ-Pháp thuyết-giảng như sau:

“Hạt Xá-Lợi đem về Tòa-Thánh hôm nay là đặc biệt của Đại-Đức Narada Théra, Phó Giáo-Tông Phật-Giáo Tích-Lan, lấy của tư Ngài hiến cho Tòa-Thánh. Chúng ta đã thấy sự khó khăn đem Ngọc Xá-Lợi về Tòa-Thánh, đều do công của Ngài Bảo-Sanh Quân Hiệp-Thiên-Đài (*tức Bác-sĩ Lê văn Hoạch*).

“Phật Thích-Ca, theo Đại-Đức, là người như ta, có xác thân như ta, sống chết như ta, chớ không phải là người trong thân thoát. Nhưng cái cao siêu về tâm hồn của Ngài, về tiền căn thiêng-liêng của Ngài đã lên tới Phật-vị.

*“Trước kia, Đức Thích-Ca đã thành Phật đặng, chúng ta cũng thành Phật đặng. Bản-Đạo mong cả con cái Đức Chí-Tôn cố gắng học đòi như Ngài”.*

*“Khi Thích-Ca đắc đạo, các Tông-đồ của Ngài thiêu thi hài của Ngài. Các lóng xương chưa thiêu hủy, được cất giữ coi như báu vật, người ta gọi là Xá-Lợi Phật.”*

Ngày 18.08.1953 (10.07 Quý-Tỵ) Thủ-Tướng Nguyễn Văn Tâm mời Đức Hộ-Pháp và một số môn-sinh cũ của nhà giáo Trần văn Giảng để ban cho Thầy cũ Huân-chương. Đức Hộ-Pháp đề-nghị tặng cụ danh-hiệu Linh-Sơn Phu-Tử (*Phu Tử đối phẩm Phối Sư, chức sắc cao nhất trong Ban Thế Đạo*). Các cụ môn-sinh đều nhứt-trí.

Ngày hôm đó tỉnh-ly Tây-Ninh trang hoàng rực-rỡ biểu-chương, cờ-xí treo khắp nơi. Tinh thần “*Tôn Sư trọng Đạo*” của các môn-sinh được thể hiện cao độ. Mười giờ, cuộc lễ khai mạc, có mặt các môn-sinh đều hiển đạt, như Thủ-Tướng Nguyễn Văn Tâm, Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, Tướng Nguyễn văn Hinh, Giáo-sư Võ Thành Cú, Ông Phủ Trần văn Giảng và nhiều Bác-sĩ, Kỹ-sư,... Sau khi Thủ-Tướng gấn Bảo-Quốc Huân-Chương cho cụ giáo Trần văn Giảng (1875-1964), Đức Hộ-Pháp trao lời cho giáo-sư Cú xưng tụng công nghiệp tôn-sư. Ông nói:

*“Thầy lập công bằng trí não, bằng tâm can. Trót 40*

*năm. Thầy chẳng lùi bước trước trở lực nào của nghề-nghiệp thanh cao... Hôm nay Thầy hân-diện trông thấy đám môn-sinh thân mến của Thầy đây là Thủ-Tướng, đây là Hộ-Pháp, kia là bác-sĩ, kỹ-sư... Chúng con hết sức tự-đắc là môn-đồ của cụ giáo Trần văn Giảng, xứng đáng tôn vinh là bậc Linh-Sơn Phu-Tử.” (Huỳnh Minh, Tây Ninh Xưa và Nay, Sài Gòn 1972, trang 120-122)*

### 3.- XÂY DỰNG NƠI THỜ ĐIỀU-TRÌ-CUNG

**Đ**Ể KỊP LỄ KHÁNH-THÀNH TÒA-THÁNH TÂY-NINH (1955) VÀO THÁNG 3.1955, ĐỨC HỘ-PHÁP RA LỆNH sửa Báo-Ấn Từ thành đền thờ tạm Điều-Trì-Cung. Vì Đức Phật-Mẫu có công rất lớn trong việc mở Đạo, nên Bà Bát-Nương giáng cơ tại Kiêm-Biên (Campuchia) viết ra. Đức Hộ-Pháp giảng về việc tiếp nhận Kinh có đoạn như sau:

*“Kinh Phật-Mẫu cho tại Kiêm-Biên, nơi Báo-Ấn Đường của Thừa-Sử Huỳnh Hữu Lợi. Bản-Đạo đến nhằm lúc cúng vía Đức Phật-Mẫu. Bà Bát-Nương đến cầm cơ viết, có nhiều người làm chứng. Các đạo-hữu và một người không biết đạo, đó là ông Hiếu ngồi trước sân chơi. Họ thấy từ phía đền có hào quang giáng hạ, xẹt xuống ngay Báo-Ấn Đường. Tối chùng trọn bài Kinh rồi cả thầy (người ngoài sân) đều nói không biết cái gì xẹt khi nấy, không dè trong nhà (Báo-Ấn-Đường) đương chấp bút”.*

Nhân dịp sửa chữa lại Báo-Ấn-Từ (136), Đức Phạm Hộ-Pháp có chỉ cho các thợ-hồ công-quả đắp các pho tượng sau:



1. Trên hết đắp chân dung Đức Phật-Mẫu cõi thanh loan.
2. Dưới đắp 9 pho tượng của Cửu Vị Tiên-Nương.
3. Liên tiếp đắp 4 vị Nữ Nhạc hầu Đức Phật-Mẫu là: Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát-Trình.
4. Tượng Đông Phương Sóc (*Nhà văn hóa đời Hán biết nghe tiếng chim*) quì nâng 4 quả đào Tiên.
5. Tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện Cổ-Tự.

Đức Hộ-Pháp chỉ dạy về việc đắp chơn-dung như sau:

“Hình của Đức Phật-Mẫu đắp theo hình chưng công-bộ Cửu Nương lần đầu tiên vào tháng 8 năm Đinh-Hợi. Thầy có chỉ cho Chí-Thiện Trạch, Trần Phong Lưu và Tá-lý Kia cất giữ, coi theo đó mà làm mẫu, theo sự tích đời Hán Võ Đế bên Tàu. Hồi đó mượn bức ảnh của bà Phối-sư Hương Hiếu.

“Đức Phật-Mẫu có từ thuở khai Thiên do khí Âm Dương tạo thành, có quyền năng vô đối, vô biên, vô lượng cũng như Đức Chí-Tôn, hữu hữu vô vô, nắm trọn bí-quyết nhiệm-mẫu của Càn-Khôn Vũ-Trụ. Chớ không phải bí-pháp biến thành thể-pháp. Do hiện tượng sự tích đời Hán Võ-Đế, đó chỉ là mượn ý tạc hình, chớ Phật-Mẫu vốn vô-vi.”

Đức Phạm Hộ-Pháp nói về việc cầu Phật-Mẫu của Hán Võ Đế như sau:

“Vào tiết Trung-Thu, 15 tháng 8 năm Ngọ, đầu giờ

Tý, vua Võ-Đế quì trước chùa thành tâm cầu-khẩn. Đúng 12 giờ, thanh loan đáp trước sân Hoa-Điện. Vua ra thỉnh Đức Phật-Mẫu ngự tại Chánh-Điện.

Đức Phật-Mẫu dạy 4 Nữ Nhạc trao 4 quả đào Tiên cho Hán Võ Đế và Đông Phương Sóc quì rước lộc.”

#### 4.- ĐỨC HỘ-PHÁP ÂU-DU

**S**ANG NĂM 1954, QUỐC-TRƯỞNG BẢO-ĐẠI MỜI ĐỨC HỘ-PHÁP LÀM CỐ-VẤN TỐI CAO ĐỂ HOẠCH-ĐỊNH cho chương-trình Hội-nghị Genève. Đồng thời Đức Ngài sang Pháp để đáp lời mời của Chánh-Phủ Pháp trước kia mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Ngày 17.04 Giáp-Ngọ (19.05.1954) các cơ-quan đưa tiễn Đức Ngài lên đường, Đức Ngài nói:

“Hôm nay Bản-Đạo lấy sứ-mạng Thiêng-Liêng đem ngọn cờ cứu-khổ đến Châu-Âu. Mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức Chí-Tôn sẽ đem tình ưu-ái vô biên của Ngài đặng an-ủi tâm-hồn các chủng-tộc Châu Âu. Quyền năng vô tận của Đức Chí-Tôn sẽ làm cho trường hỗn-loạn trở nên thái bình.

*“Một điều trọng-yếu nữa là cả thầy cầu-nguyện thế nào cho ngọn cờ từ-bi bao phủ trên mặt địa cầu này. Bản-Đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ-Phụ hơn điều đó.”*

Sáng hôm nay, Đức Ngài lên máy bay rời phi-trường Tân-Sơn-Nhất. Nhiều chánh-khách, chức-sắc, chức-việc ra tiễn đưa Đức Ngài. Khi máy bay đáp xuống phi-trường Orly (Pháp) có rất đông quan khách đến

đón Đức Ngài. Về phía Chánh-Phủ Việt-Nam, có Phó Thủ-Tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng Trưởng Tài-Chánh Dương Tấn Tài, đại-diện Cao-Ủy Phủ Vương Hồng Chương và Đỗ Hùng, rất đông Việt-Kiểu ra đón Đức Ngài. Về phía chánh-phủ Pháp, có ông Thị-Trưởng thành Paris, ông Plas và Mattei đại-diện Bộ Trưởng Bộ Liên-Quốc.

Chiều ngày 21.05.1954, Đức Hộ-Pháp mở cuộc họp báo tại nhà hàng George V. Trong lúc dự tiệc, các đại-diện báo-chí phỏng-vấn Đức Ngài về đường lối chánh-trị. Đức Ngài trả lời: *“Bản-Đạo sang Pháp với danh-nghĩa cổ-vấn tối cao của Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại. Bản-Đạo sẽ gặp Đức Quốc-Trưởng và sẽ thành ý Ngài”*. (Xem hình)

Báo chí hỏi Đức Ngài có chống cộng không? Đức Ngài đáp: *“Chúng tôi là người Tôn-Giáo, thay mặt Thượng-Đế cứu vớt tất cả con cái Ngài, dầu kẻ tội lỗi nào cũng cứu vớt”*.

Trưa hôm sau Trung-Tướng Nguyễn văn Xuân, cựu Thủ-Tướng, đến mời Ngài dùng cơm tại tư-gia.

Ngày 23.05.1954, Đức Ngài đến Canne rồi tới điện Thorene gặp Đức Quốc-Trưởng, Đức Ngài tỏ vẻ hài lòng rồi trở về Paris cùng ngày, được Thủ-Tướng Bửu-Lộc và các chánh-khách đưa ra tận ga Canne.

Trưa ngày 24.05.1954, ông Laniel, Thủ-Tướng Pháp tiếp Đức Ngài tại điện Matignon. Cùng đi với Đức Ngài có ông Ngô Khai Minh, Ông Nguyễn văn Ba (em ông Xuân) và ông Hồ Bảo-Đạo. Thủ-Tướng Laniel tham khảo ý-kiến riêng với Đức Ngài.

Trước khi Đức Hộ-Pháp sang Paris, bản Hiệp-Ước

Genève đã được đăng tải trên các báo. Người ta phao tin đã ký rồi, nhưng thật ra chưa ai ký. Các chánh-khách đều trông vào Đức Ngài.

Ngày 25.05.1954, ông Trần Vinh, Trưởng ban Nghi-Lễ Cao-Ủy Phủ Việt-Nam, sắp chương-trình cho Đức Hộ-Pháp đi viếng và làm lễ ở Chùa thờ chiến-sĩ trận vong Việt-Nam Nogent-Sur-Marne. Đến chiều tối Đức Ngài đặt tràng-hoa nơi mộ chiến-sĩ trận vong Pháp ở Arc-De-Triomphe. Tướng Collion, Tổng-Trấn Paris thay mặt chánh-phủ Pháp và quân đội nghinh đón. Hai bên đài có đoàn Vệ-quân bồng súng chào, giàn nhạc trối quốc-thiếu Việt-Nam và quốc-thiếu Pháp.

Sau khi đặt tràng-hoa lên mộ chiến-sĩ vô-danh, Đức Hộ-Pháp trở ra. Các quan-khách đưa tận xe. Việc đón tiếp như vậy là long trọng lắm, vì Đoàn Vệ-Quân (*Garde Républicaine*) và giàn nhạc thường chỉ để đón tiếp các Quốc-Trưởng mà thôi.

Tờ mờ sáng ngày 27.05.1955, Đức Ngài cho ông Hồ Bảo-Đạo hay: đêm qua Đức Ngài hội-kiến với Đức Chưởng-Đạo Nguyệt-Tâm Chơn-Nhơn (*Victor Hugo*). Đức Chưởng-Đạo có dạy nhiều việc và cho một bài thi như sau:

*Giờ điểm vinh-quang đã khởi màu,  
Giang sơn Đất Việt giá là bao?  
Nền nhân Câu-Tiến vừa che bước,  
Cửa ải Phù-Tang đã mở vào.  
Mong lịch duyệt, nay đà lịch-duyet,  
Muốn thanh-cao, đã dựng thanh-cao.  
Tiên rồng sắp gặp hồi phong vũ,  
Thay đổi Càn Khôn thử thế nào?*

Tiếp đó, Đức Ngài đi viếng Điện Versailles. Nhân viên điện đưa Ngài đi xem từng nơi. Điện xây cất từ thời vua Louis XIV (1668), đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Mấy bậc thang, cột và tường đều lát cẩm-thạch có vân và bông tuyệt đẹp. Người hướng dẫn nói cẩm-thạch này có 144 màu khác nhau. Trong phòng khác có chiếc đồng-hồ từ máy đến vô đều bằng vàng chạy rất đúng giờ. Cái vô đồng tượng hình một đền vua. Vừa đúng 10 giờ, cửa đền mở, vua Louis 14 trong đền bước ra, có nhạc đánh chào. Cứ mỗi giờ đánh một bản khác nhau, bản nhạc cuối vừa dứt thì đồng hồ gõ 10 tiếng. Vua Louis 14 bước vô đền, cửa tự động đóng lại. Những động-tác đó, do máy tự động bên trong đồng-hồ tự điều khiển.

Chiều hôm đó, Bộ-Trưởng Mécheri thay mặt Tổng-Thống Pháp René Coty đến viếng Đức Hộ-Pháp. Trước khi ra về, ông Mécheri nói Tổng-Thống Coty mời Đức Ngài sang viếng Điện Élysées.

Sau đó, Đức Ngài nhường thời giờ tiếp xúc các đạo-hữu ở Pháp. Ông Henri Regnault (*người thay mặt Đạo Cao-Đài dự nhiều hội-nghị Thần-Linh Học thế-giới*) thay mặt người Pháp có Đạo đến chào Đức Ngài.

Ngày 28.05.1954, Đức Hộ-Pháp và đoàn tùy tùng đến Điện Élysées, được Tổng-Thống René Coty đón chào tại cửa. Tổng-Thống Pháp đưa Đức Ngài vào phòng khách đàm luận, sau đó dự tiệc rồi từ giã. Chủ khách rất quyến luyến nhau.

Hôm sau, Thủ-Tướng Bửu-Lộc mời Đức Ngài đến Hotel Raphael, Thủ-Tướng rất vui mừng trước thành-quả mà Đức Ngài ngoại-giao đã đạt được và hứa sẽ mời Quốc-Trưởng Bảo-Đại lên Paris hội-kiến với Đức Ngài.

Chiều hôm đó, giáo-sư Gustave Meillon đến thăm Đức Hộ-Pháp. Ông đang nghiên-cứu về Đạo Cao-Đài, viết luận-án Tiến-sĩ. Ông chăm-chỉ lắng nghe từng câu từng chữ của Đức Hộ-Pháp khi Ngài giải-thích về Đạo.

Ngày 30.05.1954 là ngày Đức Hộ-Pháp bận rộn nhứt, tiếp phái-đoàn này, nhân-vật nọ, xin ý kiến và thỉnh ý Đức Ngài. Từ ông Đỗ Hùng, Thư-ký Hội-Đồng Quốc-gia Liên-Kết, đến giáo-sư Pierre Max và nhiều nhân-vật chánh giới Pháp lắng nghe tiếng nói của Đức Ngài.

Chiều ngày 31.05.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Panthéon. Điện này là một tòa nhà đồ-sộ lộng-lẫy, những bức vẽ hàng mấy trăm năm nay mà vẫn linh-động. Giữa Đền có một bức vẽ trên trần màu sắc rực-rỡ. Nhờ nóc Đền lợp bằng kiếng nên khi mặt trời xoay hướng, thì bức vẽ đổi màu luôn. Trên tường có nhiều bích-họa diễn tả lịch-sử nữ Thánh Sainte Génèvière, tức Thánh bảo hộ thành Paris.

Một bức bích-họa khác mô tả thành Paris bị nạn đói, chánh nhờ nữ Thánh Génèvière cầu-nguyện Ông-Trên và kêu gọi các nơi tiếp tế mà thành Paris thoát nạn đói. Đến đời vua Napoléon dời tượng bà thờ nơi khác và lấy Điện Panthéon làm Báo-Ân-Tử, chôn xác các danh-nhơn dưới đường hầm.

Phái-đoàn xuống hầm. Khi đến mộ Đức Nguyệt-Tâm Chơn-Nhơn, Đức Phạm Hộ-Pháp đốt nhang cầu-nguyện.

Ngày 1.06.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Invalides. Ông Trần Vinh và Phó Giám-Đốc Điện Invalides tiếp rước Đức Ngài. Giữa Điện có ngôi mộ của Napoléon I, làm toàn bằng đá cẩm-thạch, chiếu lóng lánh. Điện

này chứa các di-tích đời vua Napoléon.

Ngày 2.06.1954, Đức Hộ-Pháp viếng lâu đài Liên-Quốc (*Union des États Associés*). Ông Mécheri, Tổng Thư-Ký Hội Liên-Quốc tiếp Đức Ngài và nói: “*Đây là nhà chung của các quốc-gia liên-kết, có các cộng-sự-viên Việt, Miên, Lào, ... Bộ Quốc-Gia Liên-Kết không phải là Bộ Thuộc-Địa trước kia*”.

Ông Mécheri hứa với Đức Hộ-Pháp rằng ông sẵn sàng giúp đỡ Ngài trong công-cuộc xây dựng một nước Việt-Nam hùng cường và thịnh-vượng ngang hàng và làm bạn với Pháp.

Ngày 4.06.1954, nhân sinh-nhật mồng 5 tháng 5 năm Giáp-Ngọ của Đức Phạm Hộ-Pháp, phái-đoàn có tổ-chức tiệc tại Hotel George V, thết đãi quan khách Việt Pháp, lãnh-sự các nước và Việt-Kiều hải-ngoại. Giữa buổi tiệc, Đức Ngài được thông-báo Thủ-Tướng Laniel đã ký hai bản hiệp-ước về chủ-quyền độc-lập của quốc-gia Việt-Nam đúng ngày mồng 5 tháng 5, để làm món quà sinh-nhật của Đức Ngài. Người ta thường nói, người Pháp lịch-sự và tế-nhị quả không ngoa.

Trước khi Đức Hộ-Pháp trở về Việt-Nam, ngày 6.07.1954, ông Cheval, Trưởng phái-đoàn Pháp tại Hội-Nghị Genève mời Đức Hộ-Pháp và phái-đoàn Cao-Đài dự buổi tiệc vào lúc 12 giờ. Lúc chia tay, Đức Hộ-Pháp nhắc ông Cheval một câu: “*Ne mettez pas vos doigts dans le panier des crabes*”. (Xin ông đừng thọc tay vào giỏ đựng cua).

Trước bối cảnh đó, Đức Ngài viết bài thơ đáng lưu ý như sau:

### ÂU DU 1954

*Cõi gió tung mây đến Pháp triều,  
Đo lường vận nước được bao nhiêu?  
Tương lai gởi phận tay tha chúng,  
Mai một thương thân đám Việt-Kiều.  
Cứu quốc khó trông mong gặp Thuần,  
An dân hết sở cậy nhờ Nghiêu.  
Cho hay chánh-nghĩa chưa cần đứng,  
Máu mủ vì thương phải đánh liều.*

Cặp luận cho ta thấy nội dung chủ yếu của hai hiệp ước trên. Nói một cách khác nước ta sẽ không có hòa-bình kiểu “*thời đại Nghiêu – Thuần*”.

Ở Genève độ một tuần, cuộc vận động hòa-bình của Đức Ngài không đem lại kết-quả mong muốn, nên phái-đoàn trở về Paris. Quốc-Trưởng Bảo-Đại mời Đức Hộ-Pháp đến diện kiến và yêu-cầu Đức Hộ-Pháp ủng hộ Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền. Thủ-Tướng Chánh-Phủ miền Nam thay Bửu-Lộc.

Để vừa lòng Bảo-Đại, Đức Ngài cho Sĩ-Tải Bùi Quang Cao và Tướng Lê văn Tấn trở về nước vận-động đồng-bào, đồng đạo đón rước Ngô Đình Diệm.

Ngày 20.07.1954, Đức Hộ-Pháp và phái-đoàn trở về Việt-Nam. Ngót hai tháng sang Pháp tìm cách giải-quyết về nền hòa-bình cho đất nước khỏi chia đôi bất thành.

Thời gian Đức Hộ-Pháp ở Paris, có đến viếng xã-giao vị Lãnh-sự Trung-Hoa Quốc-Gia Đài-Loan, nên về nước không bao lâu, Đức Ngài được thơ mời của Tổng-Thống Tưởng Giới Thạch, sang viếng Đài-Loan. Phái-đoàn gồm có Đức Hộ-Pháp, Sĩ-Tải Bùi quang Cao



và một ít Chúc-sắc Đường-Nhơn.

Ngày 20 tháng 7 năm Giáp-Ngo, phái-đoàn lên đường. Trước các cơ-quan Đạo, Đức Ngài phủ-dụ:

“Hôm nay, Bản Đạo lãnh một sứ mạng mới do ý muốn của Đức Chí-Tôn. Bản Đạo vừa được Chánh-Phủ Trung-Hoa mời sang Đài-Loan. Chủ-đích của họ mời Bản-Đạo chỉ vì Đạo mà thôi.

*“Bản Đạo được danh-dự của Đại Từ-Phụ ban cho cầm cây cờ Cứu-Khổ để giải khổ cho nhơn-loại. Mình đã đau khổ mà lãnh sứ mạng thiêng-liêng để an-ủi đau khổ của thiên-hạ. Điều ấy làm cho chúng ta suy ngẫm lắm đó”.*

Sau khi viếng Đài-Loan., gặp riêng Tổng-Thống Tưởng Giới Thạch, Đức Ngài sang Đại-Hàn thăm xã giao Tổng-Thống Lý Thừa Vãng, sau đó Đức Ngài bay qua Nhật để rước tro cốt Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Để, (quí danh là Nguyễn Phước Vân, đích tôn của Đông-Cung Thái-Tử Cảnh), về nước. Khi về đến Phi-trường Tân-Sơn-Nhất, Đức Ngài tuyên-bố:

“Đức Cường-Để đã hy-sinh cuộc đời nơi đất khách, cốt theo đuổi một mục đích là làm thế nào để phục hồi vận mạng tổ-quốc, độc-lập được thực-hiện.

“Ngài cũng như Bản-Đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn Bản-Đạo, là chẳng lúc nào Ngài phân-biệt màu sắc chánh-trị, đảng phái, đoàn thể, tôn-giáo,...

“Đau đớn thay! trên 40 năm lưu vong nơi đất khách, Ngài theo đuổi một ước vọng mà Ngài không đạt đặng. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài thành người thiên-cổ nơi đất khách quê người.

Hôm nay, di hài của Người đã được đưa về nước. Do đó, khối anh linh của Ngài sẽ cùng hòa-hiệp với khối quốc-hồn của bốn nghìn năm lập quốc”.

Ngày 20 tháng 9 năm Giáp-Ngọ (1954), Đức Ngài về tới Tòa-Thánh và tuyên-bố trước toàn Đạo:

“Tiếp theo lời tuyên-bố của Bản-Đạo khi về đến Sài thành, Bản-Đạo không cần nhắc lại. Cả một đời sống hy-sinh của Ngài mong tạo hạnh-phúc cho tổ-quốc mà phải chịu biết bao nhiêu gian-khổ cũng vì lòng ái-quốc của Ngài.

*“Cả thanh-niên Việt-Nam nên ghi nhớ những lời nhắn gởi của Ngài. Trước nửa giờ chết, Ngài còn rón gối dậy nhắn cho toàn thanh niên Việt-Nam phải cương-quyết quật cường cứu quốc”.*

### 5.- LỄ KHÁNH-THÀNH TÒA-THÁNH

**S**ANG NĂM 1955, TỪ NGÀY 29.01 ĐẾN 8.02.1955 (MÔNG 6 ĐẾN 16.01 NĂM ẤT-MÙI) LÀ LỄ KHÁNH-THÀNH Tòa-Thánh Tây-Ninh. Đây là một cuộc lễ có một thời gian dài nhất, 10 ngày. Số người từ các Tỉnh về tham dự lễ lên đến hàng triệu và số người đến xem lễ và đến quan sát trên hai triệu lượt người.

Vào mông 8 tháng Giêng Ất-Mùi, ngày chánh lễ, Đại-Đồng Xã bề ngang 40 thước, bề dài 80 thước, hai khán-đài nam nữ, mỗi cái chứa trên hai chục ngàn người, đã chật nức. Trên hàng ghế danh-dự, ngoài Đức Hộ-Pháp, còn có Thủ-Tướng Ngô Đình Diệm, các Đại-Sứ các nước. Sân Đại-Đồng Xã đã đầy người. Các

Đạo-hữu đến sau phải đứng tạm trong Rừng Thiên-nhiên, sau hai khán-đài chánh. Thiếu bút mực để ghi chép các ngày lễ lớn đó!

Trong cuộc lễ, Đức Phạm Hộ-Pháp lên Thiên-Hi Đài thuyết giảng:

*“Hôm nay là ngày Kỷ-niệm Đạo Cao-Đài đã ra mặt quốc-tế. Nó đã ra mặt quốc-tế rồi, thì ta cũng nên luận về tình hình đương thời của các liệt cường”.*

Giờ Tý đêm hôm đó, Hội-Thánh rước Đức Hộ-Pháp cắt băng khánh-thành, pháo bông rực cháy hiện dòng chữ: “*Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ. Lễ khánh-thành Tòa-Thánh*”. Và khởi hành ngay đại lễ trong Chánh-điện.

Hôm sau, lễ khánh-thành Đền Thờ Phật-Mẫu (tạm thờ tại Báo-Ấn-Từ). Đến ngày 12 tháng Giêng Ất-Mùi, khánh thành các dinh thự như Giáo-Tông Đường, Hộ-Pháp Đường, Nữ Đầu-Sư Đường, Tòa Nội-Chánh, Văn-Phòng Hội-Thánh Phước-Thiện. Đức Ngài nói:

“Khởi đầu, Bản-Đạo đi viếng các dinh-thự: Hiệp-Thiên-Đài và Cửu-Trùng Đài.

“Bản-Đạo cho toàn chức-sắc đương quyền hành-chánh Đạo được rõ mục-đích của Hội-Thánh Phước-Thiện do đâu mà sản xuất. Trong Pháp-Chánh-Truyền, Chí-Tôn lập Hội-Thánh Hiệp-Thiên Đài, Hội-Thánh Cửu-Trùng Đài. Trước khi Chí-Tôn đến giao truyền mối Đạo là Thiên-Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem cơ cứu khổ để lại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả Cửu Nhị Ưc Nguyên-Nhơn. Đức Chí-Tôn giao phó cho Hiệp-Thiên-Đài. Chỉ có 15 người gồm Thập Nhị Thời Quân với Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh và Bản-Đạo. Trong số 15 vị chỉ có 4, 5 vị lãnh lịnh mà thôi.

Hội-Thánh Cửu-Trùng Đài của Giáo-Tông, Hội-Thánh Phước-Thiện của Hộ-Pháp.

Hội-Thánh Phước-Thiện thay thế cho Hiệp-Thiên-Đài lo cứu khổ, giải khổ cho nhơn-loại, mà Hiệp-Thiên-Đài chỉ lãnh lĩnh có bốn, năm vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được. Bản-Đạo chỉ lấy bài thi của Đức Chí-Tôn dạy mà lập thành:

### BÀI THI

*Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm-Môn,  
Khuyến tu hậu nhật độ sanh-hồn.  
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,  
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

Vì bài thi của Đức Chí-Tôn dạy mà Bản-Đạo mới lập ra Phạm-Môn rồi sản xuất Thập-Nhị Đẳng Cấp Thiêng-Liêng vị”.

Đến ngày Rằm tháng Giêng năm đó làm lễ thiêu xác các Thánh Tông-đồ, vì theo Thánh-Ngôn chư chức sắc Đại Thiên-Phong qui vị ba năm thì thiêu xác. Đức Phạm Hộ-Pháp thuyết-minh về việc này như sau:

“Cả toàn thể quốc-dân của chúng ta, hạng đại đức cũng nhiều, hạng học-thức cũng đông; nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không giành chỗ cho ông Lê văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Bá Trang (*tên của chư vị sắp thiêu xác*)...

“Ngọn lửa sẽ thiêu xác các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngọn lửa thiêng. Nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao-Đài, đặng kêu gọi cả nhơn-loại tìm một con đường giải-thoát. Con đường cứu khổ của họ mà cũng là ngọn lửa thiêng-liêng diu dẫn cả tâm-hồn con cái Đức Chí-Tôn, luôn cả Thánh-Thể của Ngài nữa”.

Xen trong cuộc lễ khánh-thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn-ngệ, lửa trại, hòa nhạc, đấu bóng, cộ-bông, v.v.... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân-hoan và tin vào tương lai rực sáng của toàn thể tín-hữu.

Khi Thủ-Tướng Ngô Đình Diệm từ giã ra về, Đức Hộ-Pháp nhắc nhở Thủ-Tướng nhớ sớm quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài. Thế nên, chánh phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lệnh quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài vào ngày 2.05.1955. Từ đó, Đức Hộ-Pháp từ vị Thượng-Tôn Quản-Thế do Thánh-lệnh số 704/VPHP, ngày 11.03 Ất-Mùi vì Đạo không còn quân-đội nữa.

Tóm lại, thời gian từ năm 1947-1955 là giai-đoạn thanh-bình thịnh-trị của Đạo Cao-Đài. Danh Đạo đã sáng chói trên hoàn cầu.

Nhứt là những năm 1953-1954, chiến-sự Điện-Biên Phủ đang hồi quyết-liệt. Tòa-Thánh trở thành cái nôi “*bảo-sanh*” cho trí-thức, thanh-niên khỏi bị Pháp bắt đem nướng vào chiến-trường miền Bắc. Các chánh-khách lũ lượt kéo về Thánh-Địa như Trần văn Ân, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu, Vũ Tam Anh... Đạo phải lập nhà Quốc-Sự-Vụ cho họ tá túc. Các khoa-bảng như Trần văn Tuyên, Nhị Lang, Phạm Xuân Thái, Hồ Hán Sơn... Các trí-thức khác làm trong các cơ quan Đạo hoặc dạy học như Chu văn Bình (*tức Chu-Tử*), Trương Bảo Sơn (*sau chủ-nhiệm tạp chí Tân-Phong*), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn văn Quyết..., nhứt là các thanh-niên trong tuổi lính. Họ về Thánh-Địa núp dưới bóng Đạo Kỳ kéo theo sự di-cư của gia-đình về Tòa-Thánh.

Vì đó, số tín-đồ tăng lên đột-ngột. Thống-kê của

Lại-Viện năm 1953 có 1.500.000 tín-đồ (không kể các Chi-phái). Đến năm 1954 tăng lên 2.500.000. Đó là những người Đạo trên 18 tuổi phải nhập môn lập thệ; có “Số Cầu Đạo” hẳn hoi, chưa kể vị-thành-niên. Nếu tính bình-quân mỗi gia-đình có năm người thôi, trừ cha và mẹ đã nhập môn, còn lại 3. Vậy số dân Đạo lúc đó là:  $(2,500.000 \times 3) / 2 = 3.750.000$  người chia hai là tính cha mẹ trong một gia-đình. Lúc bấy giờ dân-số cả Miền Nam Việt-Nam là 18 triệu.

Đền-Thánh, bất cứ thời nào, như là thời Tý chậ ních người, phải ngồi cả ngoài sân để cúng và nghe Đức Hộ-Pháp thuyết đạo. Các Túc-Ký viên đã ghi chép và sưu tập thành bộ năm quyển “*Lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp*”, dày trên một ngàn trang đã in cho cả năm quyển. Quý nhưt là quyển “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bí-Pháp*”. Đó là quyển bí pháp của Đạo.

Với trên ba triệu bảy trăm năm chục ngàn giáo-dân là cái gai nhọn chĩa vào mắt Ngô Đình Diệm, người có tham vọng làm Tổng-Thống sau này.

Chương này nổi bật nhất là việc khánh-thành Tòa-Thánh Tây-Ninh. Một cuộc lễ long trọng vô tiền khoán hậu vẻ vang và hoành-tráng nhưt trong lịch-sử Đạo Cao-Đài, kéo dài hơn 10 ngày. Đức Phạm Hộ-Pháp gọi đây là ngày “*Đạo Cao-Đài ra mặt quốc-tế*”. Vì trong ngày khai mạc lễ có đủ ngoại giao đoàn các nước và đồng chủ-tọa với Đức Phạm Hộ-Pháp là Thủ-Tướng Chính-Phủ miền Nam Việt-Nam đương thời, Ngô Đình Diệm.

Tưởng nên nhắc lại một chút quá trình xây cất Đền-Thánh: Tháng 3.1927, Hội-Thánh phải dời Thánh-Tượng, cốt Phật-Tổ từ chùa Từ-Lâm (tức chùa Gò-Kén) về làng

Long-Thành. Để có nơi thờ tự, Đức Cao Thượng-Phẩm cất Thánh-Thất tạm bằng cây và tranh.

Đến cuối năm 1933, Ngài Đầu-Sư Thái Thơ Thanh (*Nguyễn Ngọc Thơ*) khởi công xây cất bằng bê-tông cốt sắt. Công-trình của ông còn lưu lại là chùa Cục-Lạc Cảnh. Sau đó ông Tiếp-Thế Lê Thế Vĩnh mượn Kỹ-sư Phan Hiếu Kinh lãnh làm lầu Hiệp-Thiên-Đài rồi cũng dở dang.

Trước tình-hình bế tắc đó, cuối năm 1936, Đức Phạm Hộ-Pháp bắt tay vào việc với khẩu-hiệu “*Bắt gió nắm hình*”. (*tay không làm nên hình Thánh-Thất*). Đức Ngài kêu gọi Phạm-Môn phát hồng-thệ và thủ trình chấp hành sự chỉ dẫn xây cất của Ngài. Không Kiến-Trúc-Sư, không thợ lành nghề, làm tới đâu hỏi các Đấng chỉ tới đó. Trước, Đức Lý dạy xây lầu Hiệp-Thiên-Đài cao 36 mét, khi xây dựng xong chỉ có 27 mét, là vì phải tiết giảm cho nền móng chỉ chịu nổi sức nặng cao ngần ấy thôi. Chiều dài, chiều ngang cũng tiết giảm, sau khi xây xong đo đạc mới thấy điều đó. Xây dựng tô vẽ, đắp tượng chỉ có mình Đức Ngài chỉ dẫn, có ai hỏi thì Đức Ngài bảo “*các Đấng dạy*”, mà không nhận sự tài giỏi của mình.

Ta tự hỏi: tại sao các vị trước đây, nhiệt tình như Đức Cao Thượng-Phẩm; lắm tiền nhiều của như ông Huyện Thơ; đầy đủ học-vấn như kỹ-sư Kinh lại xây không thành? Chỉ có Đức Phạm Hộ-Pháp “*bắt gió nắm hình*” xây nên một Đền Thánh độc đáo với hình “*Long-Mã bá sứ*”. Bao nhiêu đó cũng đủ xứng đáng tôn vinh Đức Ngài lên ngai Hộ-Pháp, mà không có ai dám mạo xưng hay tiếm vị Hộ-Pháp của Đức Ngài. Khác hơn ngôi Giáo-Tông, lắm người ham muốn, khiến cho nhà

Đạo chia chi rẽ phái.

Đi xa trở về, mỗi lần nhìn lại Tòa-Thánh, bạn nghĩ gì? thấy gì? và định làm gì để không hổ thẹn với người xưa?



## CHƯƠNG VIII: NHỮNG HOẠT-ĐỘNG CUỐI ĐỜI (1955 – 1959)

- ★ Một chuyến đi
- ★ Những hoạt-động cuối đời
- ★ Triều-Thiên trên đất chùa Tháp
- ★ Bát Thiên-tính

### 1.- MỘT CHUYẾN ĐI

**N**HỜ VIỆN-TRỢ MỸ, NGÔ ĐÌNH DIỆM VẬN-ĐỘNG PHÁ VỠ “*MẶT TRẬN THỐNG NHẤT TOÀN LỰC QUỐC-GIA*”, bằng cách (*Donald Lancaster, – The emancipation of French Indochina, London 1963*). mua chuộc và chia rẽ các lực lượng giáo-phái. Phòng Nhì của Diệm đã bỏ ra một trăm triệu để mua chuộc Nguyễn Thành Phương (*chưa nhập-môn theo Đạo*) và Năm Lửa.(Cố-vấn Ngô Đình Nhu ra lệnh cho Nguyễn Thành Phương kéo quân lên Tòa-Thánh để thanh trừng những phần-tử Cao-Đài chống-đối chế-độ độc tài gia đình trị.

Trong khi Nguyễn Thành Phương bao vây Hộ-Pháp Đường không cho Đức Hộ-Pháp trốn thoát, một số cựu quân-nhơn do Đại-Tá Huỳnh Thanh Mừng (*sau trận này ông đi theo Mặt-Trận Giải-Phóng Miền Nam*), chỉ huy binh-sĩ chống lại hành động của Tướng Phương chiếm đóng vùng chợ Long-Hoa đến Cửa Số 6. Đại-Tá Mừng cho đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa-Viện, nhứt quyết một còn một mất với Tướng Phương. Nhưng chẳng may Đại-Tá Mừng bị bộ-hạ của Tướng Phương phục-kích bắn gãy một cánh tay, khiến cuộc tranh chấp

đôi bên quyết liệt hơn.

Nhóm thứ ba do Thiếu-Tá Nguyễn văn Đồn và Nguyễn văn Mạnh chỉ huy, kéo quân vào đóng trong nội-ô Tòa-Thánh tuyên-bố là sẽ ngăn chặn hai nhóm kia hầu tránh cảnh lưu huyết vô lối.

Để tránh viễn cảnh máu đổ giữa đồng-đạo và làm cơ cho cường-quyền Ngô Đình Diệm chiếm Tòa-Thánh, Đức Ngài ra “*Bản Tuyên-Ngôn*” có câu: “*Cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển, Bản-Đạo khuyên cả con cái Đức Chí-Tôn bình tĩnh, sáng suốt, chờ Hội-Thánh giải quyết*”.

Đức Ngài cũng nói với các cấp chỉ-huy quân-đội: “*các con là lửa Tam-Muội. Lửa dữ trừ được ma vương mà cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa-Thánh*”.

Vì thế Đức Ngài phải ép lòng ra đi để làm cho các phe phái đối lập không còn lý do gì tranh chấp với nhau. Dự kiến này được giữ kín, ít ai biết. Thế mà nhóm Mừng, Đồn, Mạnh cũng đoán được, nên họ đề-nghị dọn đường rừng đưa Đức Hộ-Pháp đi để tránh sự săn đuổi của Tướng Phương. Đức Ngài lặng lẽ và làm theo kế hoạch của riêng mình.

“Trong ngày mồng 4 tháng Giêng năm Bính-Thân, Đức Hộ-Pháp cho sắp xếp mọi hành-trang vào xe Chevrolet, nhưng khi hỏi lại giấy xe thì kiểm không ra, khiến cho tài xế xe Hồ Tấn Lực bị quở. Chùng lên tới Nam-Vang mới hay là cô Tư (*Phạm Hương Tranh*) lấy đem đi Nam-Vang trước.

“Đến 5 giờ chiều, Đức Hộ-Pháp mới cho tôi (*tức Bảo-Đạo Hồ Tấn Khoa*) hay việc này. Tôi lật đật ra Tây-Ninh kiểm thế làm tờ có mất giấy xe để tạm dùng đi đường, nhưng vô hiệu quả, vì đã hết giờ làm việc”.

Lúc trở về thì trời đã tối. Đức Hộ-Pháp dạy dọn đồ vật qua xe của Bà Tám. (tức Phối-sư Hương Nhiều) để đi vì xe này có giấy tờ đủ.

“Đồng thời nhóm Huỳnh Thanh Mừng từ trong núi đi xe Jeep ra, định rước Đức Hộ-Pháp đi ngã đường rừng, vì họ đã dọn đường và cho phục-kích rồi, nhưng xe của họ chạy đến cầu Kỹ-Nghệ thì chết máy mà sửa hoài không chạy được, buộc lòng cho người ra xin tôi gọi xe vô rước họ. Trời khiến lúc đó không có chiếc xe nào ở nhà, nên họ đành chờ sáng mới ra đặng, thì Đức Hộ-Pháp đã đi hồi khuya rồi...”

“Bên chiếc xe của Đức Hộ-Pháp có bảy người. Ở ghế trước có Giáo-Hữu Cửa (tức Phạm kim Cửa, từng ở Nam-Vang) làm tài xế, kế bên là cô Hai Đạm, em Ba Hiệu theo để hầu Đức Hộ-Pháp. Ở phía sau, Đức Hộ-Pháp ngồi giữa, bên trái là tôi (ông Bảo-Đạo), bên mặt là Trung-Tá Lê văn Thoại (hiện là Hữu-Phan Quân) và con cả của tôi là Bạch (tức Hồ Thái Bạch) ngồi trên góe đờ. Đức Hộ-Pháp và tôi thì mặc Đạo-phục, ông Thoại mặc áo dài trắng, em Bạch mặc đồ Hướng-Đạo, còn Giáo-Hữu Cửa, cô Đạm, em Hiệu thì mặc thường-phục.

“Theo sau xe có chiếc xe của chức-sắc Phước-Thiện, trong đó có ông Trưởng-Tộc Phạm văn Út và vài vị khác tôi không nhớ. Họ đưa Đức Hộ-Pháp lên đường. Bà Tám ở lại một mình rất buồn.

“Trước khi ra đi, tôi có bạch với Đức Hộ-Pháp có cần để lệnh gì dạy Hội-Thánh hay không. Đức Ngài nói không và dạy tôi viết văn tắt vài hàng báo tin rằng: “Đức Hộ-Pháp đã đi Nam-Vang rồi...” “

“Vào lối hai giờ khuya, xe ra cửa hông bên tay trái

Hộ-Pháp Đường. Xe Đức Hộ-Pháp ra trước, xe chức-sắc Phước-Thiện ra sau, vẫn mở đèn sáng. Nhưng không hiểu sao tốp lính của Nguyễn Thành Phương đứng gác nơi bót trước Hộ-Pháp Đường (*bót này nay là vùng Bá-Huê Viên*) ngủ say không hay gì hết.

“Xe đi theo đường Bình Dương (*nay là Đại-lộ Phạm Hộ-Pháp*) ra cửa Hòa-Viện. Khi xe đến cửa Hòa-Viện, có hai em Bảo-Thể gác đêm ra mở cửa cho xe đi, rồi đóng cửa lại.

“Xe ra cửa thì rẽ tay trái đến ngã ba quẹo qua đường Nhân-Du Khách-sạn (*tức đường Ca Bảo-Đạo*) tới Cửa Số 4, thì quẹo tay mặt ra Cửa Số 7, rồi đi luôn tới Mít-Một.

“Khi ngang Cửa Số 7, bót gác nơi đó gạn hỏi, Trung-Tá Thoại trả lời là xe của Ông Hồ Bảo-Đạo đi Sài gòn rồi chạy luôn.

“Khi xe chạy qua Tổng-Hành-Dinh (*ở Cẩm-Giang*) thấy có lính đứng gác cửa, nhưng xe vẫn mở đèn pha chạy luôn. Xe của ông Trưởng-Tộc Út chạy theo sau cũng qua êm ái.

“Qua khỏi Tổng-Hành-Dinh rồi, không khí trong xe có vẻ nhẹ nhàng. Từ đó xuống Gò-Dầu thì đường yên tĩnh, nhưng vẫn còn e ngại người theo dõi.

“Đến Gò-Dầu, ban đêm lính gác cổng không cho xe qua cầu. Giáo-Hữu Cửa đậu xe lại bên đường rồi nhảy xuống nhanh nhẹn, đến chào người lính gác, to nhỏ một hồi rồi bắt tay thân mật. Người lính gác đến gần xe bật đèn piles rọi trong xe để khám xét. Lúc đó, Đức Hộ-Pháp giả bộ quay qua phía Trung-Tá Thoại nói chuyện: còn tôi ngồi trên trên, đưa bộ râu cho người

gác rọi đèn coi.

“Qua cầu bên kia lại gặp cổng đóng nữa, nên Giáo-Hữu Cửa cũng lạnh lẽn nhảy xuống bắt tay anh lính gác, nên anh nẩy mở cửa cho đi liền, vì đầu cầu bên kia đã xét rồi.

“Xe qua khỏi cầu Gò-Dầu, thì mọi người đều nhẹ thở. Xe cứ tiến về phía ranh giới Cao-Miền. Một chập sau thấy đèn xe của ông Trưởng-Tộc Út theo sau. Ai nẩy đến an tâm.

“Xe đến biên-giới lối 5 giờ khuya. Trời còn tối nhưng cũng có vài người gánh đồ đi bán qua lại cổng.

“Tại biên-giới, bên quốc-gia lúc ấy chưa có đóng bót, chỉ bên Miên có bót gác khóa cổng, chưa cho xe qua lại. Đến đó xe ngừng. Ai nẩy xuống xe xả hơi và được thở nhẹ nhàng như vừa thoát khỏi cảnh ngục trần gian, mong sẽ được sống trong cảnh tự-do.

*“Vì Giáo-Hữu Cửa lo giấy tờ tạm. Chỉ được cho Đức Hộ-Pháp, tôi và cô Hai Đạm mà thôi; còn ba cậu thanh-niên thì không có. Thừa dịp lính trong bót còn ngủ, Giáo-Hữu Cửa nói với ba cậu (Thoại, Bạch, Hiệu): “qua cổng đi bộ trước, rồi xe sẽ theo rước”.*

“Ông xếp bót vì còn say ngủ không ra xét xe, nên Giáo-Hữu Cửa quen thuộc việc “phải quấy” vào bót gọi, ông xếp dậy, đưa giấy tờ cho ông ta xét và ghi sổ xong xuôi rồi tự mình ra mở cổng cho xe qua.

“Khi ấy xe ông Trưởng-Tộc Út cũng theo tới. Hai đàn ông phải tạm biệt nhau, lòng quyến luyến bùi ngùi, nhưng rồi cũng phải chia tay kẻ đi người ở lại; nửa vui thoát vòng hắc ám, nửa buồn vì cảnh chia ly.

“Xe Đức Hộ-Pháp qua cổng rồi, Ông Trưởng-Tộc Út quày xe trở về báo tin cho Bà Tám và mọi người hay rằng Đức Hộ-Pháp đã qua biên-giới bình yên. Đến sáng ngày, xe đến Soài-Riêng, ghé lại vệ đường đổ xăng, thấy thiên-hạ buôn bán tấp nập dập dìu, thừa dịp ta mua bắp nấu và bánh trái ăn đỡ lòng, rồi lên đường không có ghé Thánh-Thất.

“*Lối 10 giờ trưa, đến Hồ-Lương (tức Neak Luong), xe đậu lối 15 phút mới qua “bắc” được. Nơi bến “bắc” này, người ở cũng đông đúc. Phố xá cũng nhiều, buôn bán coi mòi sung túc lắm.*

“Khi xe qua bên kia bờ sông, thì có ông Giám-Đạo Huỳnh Hữu Lợi ngồi xe hơi xuống chờ đón rước. Mừng rỡ nhau, ông Giám-Đạo cho xe chạy trước dẫn đường, xe Đức Hộ-Pháp theo sau. Lối 11 giờ tới Nam-Vang, ghé đến thờ Phật-Mẫu (*Báo-Ấn Đường*) có chức-sắc, chức-việc và Đạo-hữu đông-đảo đón tiếp chào mừng. “Đức Hộ-Pháp và đoàn tùy tùng lên đánh lễ Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu xong, bà Đạo-Nhơn Võ Hương Nhâm sắp đặt chỗ nghỉ-ngơi cho Đức Hộ-Pháp và mọi người trong đoàn.

“*Qua ngày sau, Đức Hộ-Pháp viết thư cho Quốc-Vương Norodom Sihanouk hay tin và xin hưởng chế-độ “lánh nạn chánh-trị”.* Tin ấy làm cho chánh-quyền Cao-Miên xôn xao không ít. Vì họ không biết Đức Hộ-Pháp lên Nam-Vang hồi nào và đi đường nào mà cả cơ-quan an-ninh, công-an, cảnh-sát của họ không ai biết. Báo hại, khi rõ Đức Hộ-Pháp qua biên-giới ngã Soài-Riêng, thì toàn bót gác ở biên-giới đều bị phạt đỗi đi hết.

“*Ấu cũng là một “chuyến đi lịch-sử”.* Lạ lùng làm sao

cho nhiều người bàn tán, như là chuyện thân-thoại ly kỳ”. (*Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, “Một Chuyến Đi Lịch Sử, Tay Ninh, Thông Tin số 21 [trang 12-14] và 22 [trang 11,12,13] ra ngày 25-01- Tân Hợi [20-02-1971]*)

Tóm lại: Vào đầu tháng 8 năm Ất-Mùi, vị cựu Tổng-Tư-Lệnh quân-đội Cao-Đài (*Nguyễn Thành Phương*), sau khi được quốc-gia-hóa ra lệnh lập Ban Thanh-Trừng, bắt nhiều đạo-hữu giam cầm. Một số thiếu-nữ trong Đạo cũng bị câu-lưu mấy tháng và ép buộc phải khai nhiều điều kiếm nhả cho Đức Ngài.

“Còn chính Đức Ngài cũng bị cầm lỏng tại Hộ-Pháp Đường, xung quanh có quân-đội võ trang canh phòng từ 20.08 Ất-Mùi (1955) đến mừng 5 tháng Giêng năm Bính-Thân (1956)”.

- (*Diễn Văn của Đức Cao Thượng Sanh đọc nhân lễ kỷ niệm Triều Thiên của Đức Hộ Pháp năm 1964*)

Ban Thanh-Trừng của Tướng Nguyễn Thành Phương bị toàn Đạo lên án nặng-nề. Nguyễn Thành Danh, vừa là anh ruột, vừa là cố-vấn chánh-trị cho Nguyễn Thành Phương, đưa ra thuyết lý “khổ-nhục kế”, để biểu lộ hành động nông nổi của nhóm họ.

Khổ-nhục kế là gì? Trong “*Tam Quốc Chí*”, chuyện khổ-nhục kế nổi nhất là lão tướng Huỳnh-Cái xin Chu-Du đánh đòn nặng mình để ông qua đầu Tào-Tháo, rồi sau đó dùng lửa đốt quân Tào Tháo trên sông Xích-Bích. Vậy chuyện ở đây, ai đóng vai Chu-Du? Ai đóng vai Huỳnh Cái? Giải-thích khổ-nhục kế, mà Nguyễn Thành Danh nói, như thế nào cho hợp lý đây? Chỉ có một câu nói cho vừa tầm vóc với hành-động tổ-khổ sư-phụ của Nguyễn Thành Phương: “*Đây là cuộc thanh trừng*”

*nội-bộ lớn nhứt trong lịch-sử Đạo Cao-Đài”.*

Trước kia, Tư Mã Nguyễn Phát Trước tố khổ Đức Cao Thượng-Phẩm cho tới chết. Nguyễn Phan Long (*sau làm Thủ Tướng*) tố-khổ Đức Quyền Giáo-Tông phải thất chí mà qui Tiên. Nay thì Nguyễn Thành Phương xuyên-tạc, bôi bác Đức Hộ-Pháp phải phần-chí buồn lòng mà qua đời. Những tội lỗi đó được gọi là khổ-nhục kể được sao? Khổ-nhục kể để Đức Hộ-Pháp phải ra đi ư? Đó là trúng kế Ngô Đình Diệm, để Đạo mất đầu, sau đó họ đàn-áp Đạo suốt chín năm trời (1955-1963), có sao gọi là khổ-nhục kể? Giả thử, Ngô Đình Diệm cho mật-vụ ám-sát Đức Hộ-Pháp, hoặc bắt Đức Ngài bỏ tù, thì cố-vấn chánh-trị Ngô Đình Nhu có để cho Ngô Đình Diệm làm như thế không? Ngô Đình Nhu không bao giờ muốn chọc tay vào tổ ong có mạng lưới khắp cả Miền Nam như tôn-giáo Cao-Đài. Ngô Đình Nhu cũng không muốn đổ thêm dầu vào lửa, vì tình hình giữa chánh-phủ và Mặt-Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc-Gia đã đổ vỡ. Không cách nào hơn, Ngô Đình Nhu dùng mẹo “*ném đá dẫu tay*”. Mà người thi-hành kế là Nguyễn Thành Phương được Nhu hứa hẹn cho nhiều quyền lợi, mà chịu “*nối giáo cho giặc Đạo*”. Người Đạo nào lúc ấy lại không biết chuyện đó, biện minh mà chi?!

Hậu-quả của cuộc thanh-trừng rất lớn, ngày 20-03 Bính-Thân, trên đất Cao-Miền, Đức Phạm Hộ-Pháp đưa ra “*Bản Tuyên-Ngôn*” xác nhận rõ việc lập quân-đội Cao-Đài như sau:

*“Sau 5 năm 2 tháng bị đồ lưu nơi hải ngoại, Bản-Đạo để hết sức lực và tâm não đặng nghiên-cứu và thi-hành các phương-pháp bảo-vệ phong trào cách-mạng và giải ách lệ thuộc giống nòi, lại tìm phương hay bảo thủ tinh-*



*thần dân-tộc, hầu đủ phương thống nhất hoàn đồ, tránh nạn Nam Bắc phân tranh, nổi da xáo thịt...*

*“Khi Đức Bảo-Đại về nước, chính Bản-Đạo giao trọn quyền sử dụng quân-đội Cao-Đài cho Đức Ngài điều khiển trong hàng ngũ quân lực quốc-gia. Khi Đức Ngài đi Pháp, tạm giao quân-lực ấy lại cho Bản-Đạo, trong lúc vắng mặt Đức Ngài, Bản-Đạo đã ra lệnh cho hai Chánh-Phủ Nguyễn văn Tâm và Bửu-Lộc thi-hành hợp-pháp quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài. Nhưng sự thi-hành ấy vẫn kéo dài cho tới chánh-phủ Ngô Đình Diệm thọ phong toàn-quyền cũng chưa quyết-định. Bản-Đạo phải nhắc nhở và yêu cầu chánh-phủ Ngô Đình Diệm quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài một cách hợp pháp. (Chính phủ Ngô Đình Diệm đã quốc gia hóa quân đội Cao Đài vào ngày 02-05-1955)*

*“Bản-Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận-mạng nước nhà với quân-lực, mà chỉ dùng phương-pháp đạo-đức, đặng đem hòa-bình hạnh-phúc cho giống nòi”.*

Đức Phạm Hộ-Pháp giảng cơ ngày 10-03-1971, nói lên nỗi đau của tình huynh-đệ bị cấu xé: *“Cái đau đớn nhất của tình cốt nhục là tự cắt tay nhau cho thành người tàn phế”.*

Cái hậu-quả bao vây Tòa-Thánh bằng vũ-lực của anh em quân-đội rất trầm trọng, làm cho quân-đội trong nhà phải đối đầu nhau. Nguyễn Thành Phương chiếm đóng vùng chợ Long-Hoa đến Cửa Số 6. Đại-Tá Huỳnh Thanh Mừng đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa-Viện quyết sống mái với Tướng Phương. Còn Thiếu tá Nguyễn văn Đồn kéo quân vào đóng trong nội-ô Tòa-Thánh, với chiêu bài ngăn chặn hai nhóm

kia. Những hành-động đó cho ta thấy quân-đội đã riệu rã phân-hóa đến cùng tột. Sau đó, bản thân Nguyễn Thành Phương cũng không được Ngô Đình Diệm đền ơn đáp nghĩa gì mà còn phải ra Tòa về tội tàng trữ vũ khí trái phép. Nguyễn Thành Phương cố thử uy-tín của mình lần cuối bằng cách ra ủng cử Phó Tổng-Thống liên danh với Nguyễn Đình Quát. Tại Tỉnh Tây-Ninh Phương đã thua phiếu xa liên danh Trương Đình Du, chủ trương nói chuyện với Mặt-Trận Giải-Phóng Miền Nam. Ngày tàn của Phương, linh-cửu không được đi qua Hộ-Pháp Đường để chào sư-phụ lần cuối và cũng không được đến Đền-Thánh để hành lễ Đức Chí-Tôn. Ai tai! Đối với dân Đạo, cuộc thanh-trừng làm xáo trộn nếp sống sinh-hoạt hàng ngày và đời sống kinh-tế của nhiều người. Vì Ban Thanh-Trừng bắt bớ bắt cứ ai chống báng hoặc họ nghi-ngờ trung thành với Đức Hộ-Pháp, đối với dân Đạo trước 1945. Còn đối với dân Đạo từ 1952 đến 1954, họ hăm dọa rằng để cho hồi cư về quê cũ. Nhóm trí-thức đến giúp Đạo trong thời kỳ này bỏ đi. Các cơ-sở trường học thiếu thầy giáo trầm trọng, kéo theo học sinh phải bỏ trường tản lạc khắp nơi, liu chiu lít chít như bầy gà lạc mẹ. Hậu-quả tang thương, đau buồn thái quá như thế mà bảo là “*khổ-nhục kể*” sao?

Tờ Thế-Đạo tháng 5.1970 lên án nhóm Thanh-Trừng gắt gao hơn cả. Điển-hình là bài

### VẾT CŨ ĐỪNG LOANG

*Ngày ấy Ất-Mùi hai mươi tháng tám,  
Đội lột người, một bầy chồn cáo săn.  
Ăn cơm Đạo bọn còn dính kẻ răng,  
Quay cấn ngược bắt cấn ai chủ tớ.*

Nhưng tất cả vẫn phẳng lì không ngạo nghễ,  
 Nhìn cáo chôn cùng đồng bọn cuồng điên.  
 Say nhân nhớ với bã lợi môi tiền,  
 Làm tất cả để được lòng chủ mới.  
 Qua bao cuộc phế hưng đời đời,  
 Bọn phản Thầy ăn dãi được bao?  
 Hay nhớ lại chỉ nuốt lệ nghẹn ngào!  
 Mới thăm bài: “Vắt chanh bỏ vỏ”.  
 Đây, đã rõ ràng thế đó,  
 Thiệt hư ranh giới đã chia bờ,  
 Đừng dại khờ bước vào dấu xe đã đổ,  
 Vết cũ đừng loang để Sử Đạo không nhớ!

## 2.- NHỮNG HOẠT-ĐỘNG CUỐI ĐỜI

**W**ỚI TẤM LÒNG THƯƠNG ĐỜI MẾN ĐẠO CỔ HỮU, ĐỨC NGÀI DỪ SỐNG TẠM YÊN NƠI BÁO-ÂN-ĐƯỜNG (Nam-Vang), vẫn cho tiến hành hai phương-án: một nhóm do Sĩ-Tải Bùi Quang Cao, Thiếu-Tá Thoại, Cả Bạch lập bản dự-thảo Chánh-Sách Hòa-Bình Chung Sống. Nhóm thứ hai do Giám-Đạo Huỳnh Hữu Lợi và các chức-sắc thuộc Hội-Thánh Ngoại-Giáo lo vật liệu xây cất Báo-Ân-Đường vì phần đất Báo-Ân-Đường cũ bị nhà cầm quyền Cao-Miền trưng thu vào lợi-ích công-cộng. Không mấy tháng, nhờ công thợ Tòa-Thánh sang, ngôi đền thờ đã xây xong về cơ-bản, chỉ còn đổ la-phông và nóc là hoàn tất.

Ngày 26.03.1956, Đức Hộ-Pháp ban hành “Chánh-Sách Hòa-Bình Chung Sống”; do dân, phục-vụ dân,

lập quyền dân. Cương-lĩnh gồm ba điểm chánh-yếu:

1. Thống nhất lãnh-thổ và khối dân tộc Việt-Nam với phương-pháp ôn-hòa;
2. Tránh mọi cách xâm phạm nội-quyền Việt-Nam;
3. Xây dựng hòa-bình hạnh-phúc và tự-do dân-chủ cho toàn dân.

Chánh-sách này không làm ngăn trở một chánh-quyền nào, mà cũng không tranh lấy chánh-quyền, không chống báng chánh-quyền, cốt chỉ để cứu nhưn-loại khỏi vòng tội lỗi giết hại lẫn nhau. Đúng với tiêu-chuẩn nhưn nghĩa của một Tôn-giáo. Sở dĩ, Đức Phạm Hộ-Pháp tuyên ngôn “*Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống*” (ngày 26-3-1956) là vì hai khối cộng sản và tư bản đấu tranh càng quyết liệt. Trong nước, chánh quyền Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại hiệp định Genève; từ chối hiệp thương với chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về việc tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam, nhằm phân chia lâu dài là một thiệt thòi lớn cho con Hồng cháu Lạc.

Để thực hiện Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, Ban Túc Trục Bến Hải được thành lập, ngày 17-4 năm Bính Thân (1956), vị Trưởng phái đoàn Lê Văn Thoại đã cầm được cờ Nhan Uyên (*Nhan Uyên kỳ là cờ trắng của Thầy Nha Hồi dùng để khi nòi giống xô xác thì trương lên giải hòa*) trên nhịp thứ hai cầu Hiền Lương thuộc sông Bến Hải, ông Thoại bị mật vụ Ngô Đình Cẩn bắt ngay tại Quảng Trị và ba người khác: Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi và Nguyễn Quốc Đại cũng bị cảnh sát bắt tại bến xe tỉnh này. Tất cả nhóm 4 người đều bị giam tại Lao xá Thừa Thiên trên 3 năm mới

được trả tự do.

Cảnh sát Thừa Thiên còn bắt Giáo-sư Thượng Cao Thanh (*Mã Tăng Cao*), Khâm Trấn Đạo Cao Đài Thừa Thiên vì bị tình nghi chứa chấp và đưa đường Ban Túc Trục tới Bến Hải. Ông chết trong ngục tại Huế.

Chánh sách này hoạt động âm ỉ trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh. Vào ngày 23-10-1961, Sĩ Tải Phạm Duy Nhung thừa ủy nhiệm của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà hàng Soái Kinh Lâm (*Chợ Lớn*) trước báo chí, đài phát thanh trong và ngoài nước, ông công bố các bức thư gửi cho các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ có đoạn viết:

*“Chúng tôi tin tưởng vào sự chân thành của quý quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi”*. Ông bị chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết. Phong trào Thánh Xa Thờ ngày càng lên mạnh. Các ông Chơn Nhơn, Trịnh Phong Cương, Thừa Sử Phan Hữu Phước... đều bị bắt từ đây và đều bỏ mạng trong tù.

Tính số, có trên hai ngàn chức sắc, chức việc và tín đồ trên toàn quốc bị bắt giam cầm. Đức Hộ Pháp có lập danh sách gửi đến Hội Nhân Quyền nhờ can thiệp mà không kết quả. Để bù lại, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và các cường quốc nhiệt tình hoan nghinh Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống. Có thể liệt các văn thư, phúc thư dưới đây:

- 21.04.1956 - International Commission for Supervision and Control Cambodia do ông S.C. ấn ký.
- 24.04.1956 - Président du Conseil Guy Mollet, đó là tên của Thủ Tướng Pháp ấn ký.

- 26.04.1956 – Pierre Mendès France, Quốc Vụ Khanh Pháp ấn ký.
- 2.05.1956 – United Nations, New York (*Chef de Section. Département des Affaires Politiques et du Conseil de Sécurité*) ấn ký.
- 3.05.1956 – Haut Commissariat de la République Française du Cambodge do ông Pierre Gorce ấn ký.
- 14.05.1956 – United Nations (*Liên Hiệp Quốc*), New York, do ông Pedro L. Yap ấn ký.
- 16.05.1956 – Norodom Sihanouk Upayuvareach do Quốc Trưởng Norodom Sihanouk ấn ký.
- 19.05.1956 – Office of the President of the Philippines do ông Fort Unato de Léon ấn ký.
- 4.01.1958 – Cụ Tôn Đức Thắng, Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam mời Đức Hộ Pháp ghé thăm Hà Nội vào xuân Mậu Tuất.

Trước tình hình đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tổ chức lễ chào mừng tiếp nhận “*Hiệp Ước Bính Thân*” mà Bảo-Thế Lê Thiện Phước đã ký với Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ vào ngày 17-1-Bính Thân (28-2-1956) xác nhận tách rời chánh trị ra khỏi Đạo Cao-Đài. Thực chất là để phô trương thanh thế chánh quyền nhằm thị uy, đàn áp tinh thần giáo dân Cao Đài.

Giáo dân bị bắt buộc tham gia mít-tinh, bắt mũn tỏ thái độ bất kính, nên Ngô Đình Diệm bực mình khiển trách hai viên Tỉnh Trưởng và Trưởng Ty Cảnh Sát rồi về Sài Gòn. Nhân đó giáo dân thừa thế tấn công các phóng viên quay phim lấy cớ họ xâm phạm chỗ tôn nghiêm, thật ra chiếm lấy các cuộn phim quay cuộc lễ:

Vì đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh thẳng tay đàn áp bắt bớ các tín đồ Cao Đài. Đến ngày 17-9-1956, Diệm cho mở chiến dịch Trương Tấn Bửu gồm chín bước, kéo dài trong 150 ngày đêm, nói là “*tổ cộng*”. Nhưng thực chất là diệt Đạo Cao Đài. Đầu tiên làm thí điểm ở xã Phước Vinh (*Hảo Đuốc*), mật vụ của Diệm bắt 4 người lính Cao Đài cũ nói là Việt Cộng nằm vùng. Giáo dân Cao Đài phản đối kịch liệt họ phải thả bốn người này.

Tại Nhà Du Khách Sạn bị mật vụ Diệm chiếm đóng không ngày nào họ không bắt người tra khảo xem coi có liên lạc gì với Đức Phạm Hộ Pháp. Chiến dịch kết thúc mà không đạt ý muốn vì người tín đồ ngậm miệng chịu tra tấn tù đày để giữ vẹn niềm tin.

“Mặc dù bị đàn áp gắt gao, khí thế của giáo phái Cao Đài vẫn mạnh mẽ, khiến đầu năm 1957, anh em họ Ngô phái đại diện đi Nam Vang gặp giáo chủ Phạm Công Tắc thương thuyết, mời về hợp tác.

“Vị Giáo chủ Đạo Cao Đài đưa điều kiện đòi Diệm phải thả hết những người Cao Đài bị giam giữ, chấm dứt chiến dịch gọi là *Tổ Cộng*, để bắt bớ các tín đồ tôn giáo, ngưng hẳn đàn áp các giáo phái, ban hành các tự do dân chủ, và thành lập chánh quyền liên hiệp quốc gia.

“*Không mua chuộc, dù dỗ được giáo chủ Phạm Công Tắc, anh em Diệm tiếp tục chánh sách kỳ thị tôn giáo*”. (Hoàng Trọng Miên, - *Đệ Nhất Phu Nhân, Tập 1*)

Nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Ngô Đình Diệm đưa tiền mua chuộc một số người kêu gọi giáo dân mít tinh, trưng hình Đức Hộ Pháp và các biểu ngữ: “*Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan*” và “*Đạo*

*không đời không sức, đời không Đạo không quyền*”. Một số người nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của cán bộ thông tin “*Ngô Tổng Thống đã chấp thuận Đạo Cao Đài là quốc Đạo*” v.v...

Nhưng nhóm Hòa Bình Chung Sống đã hay tin sự từ khước trở về Việt Nam của Đức Hộ Pháp, nên họ phản tuyên truyền, biến cuộc mít-tinh “*Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan*” thành cuộc biểu tình đòi dân sinh dân chủ, chống bọn phản Thầy phản Đạo theo Diệm. Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng đành đầu dụ rồi giải tán cuộc mít-tinh. Sau đó họ tìm bắt các người chủ trương chống kế hoạch làm cho cuộc mít-tinh bị phá vỡ.

Ngô Đình Diệm còn cử phái đoàn Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lên Tòa Thánh áp lực Hội Thánh lấy tro Đức Cường Để tại Báo Quốc Tử. Một số chức sắc buộc phải làm biên nhận việc lấy tro cốt, mượn danh nghĩa là đưa về Huế thờ, thật sự là đào tận rễ không để chút di tích chánh trị nào giữa nhà Nguyễn và Hội Thánh Cao Đài. Đồng thời Ngô Đình Diệm cho chiếm luôn Nhà Du Khách Sạn (*vốn của Đạo*), trước cửa chánh môn Tòa Thánh, tăng cường thêm mật vụ để dò la các tín đồ Cao Đài thường tới lui cúng kiếng. Mọi việc diễn biến ở Tòa Thánh đều được báo cáo đầy đủ lên Đức Phạm Hộ Pháp ở Nam Vang.

Trong thời gian lưu vong, Đức Ngài ban hành nhiều văn bản như sau:

1. Thư gửi Chủ-Tịch Liên-Hiệp Quốc và Thủ-Tướng Chánh-Phủ và các cường-quốc đề ngày 20.03.1956.
2. Gởi cho toàn Đạo, chức-sắc Thiên-phong, Hội-Thánh nam nữ Hiệp-Thiên-Đài, Cửu-Trùng Đài,



Phước-Thiện và Phạm-Môn, cùng cả con cái Đức Chí-Tôn nam nữ lưỡng phái, đề Kiêm-Biên ngày 23.03.1956.

3. Chánh-Sách Hòa-Bình Chung Sống, đề ngày 26.03.1956.
4. Bản Tuyên-Ngôn ngày 30.04.1956, trong đó nói rõ lý do lập quân-đội Cao-Đài và từ đây bắt kỳ quân-lực nào mượn danh Đức Ngài đến giả dối.
5. Thư gửi chư Đại-Đức toàn thể các Tôn-Giáo, đề ngày 3.11.1956.
6. Thư gửi cho cụ Hồ Chí-Minh, Chủ-Tịch nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa và cụ Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa, ngày 28.03.1956 và một bức thư khác đề ngày 26.04.1956.

Để phúc-đáp, cụ Hồ Chí Minh, Chủ-tịch nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa, từ Hà-nội gửi điện-văn cho Đức Phạm Hộ-Pháp, nội dung bức điện-tín như sau:

Kính gửi:

Hộ-Pháp Phạm Công Tắc

Phnom Penh

Tôi trân trọng cảm ơn bức điện cụ gửi tôi ngày 26.04.1956 và thành thật hoan-nghênh cụ đã tỏ ý mong muốn nước Việt-Nam ta được hòa-bình thống nhất. Chánh-phủ Việt-Nam dân-Chủ Cộng-Hòa, toàn dân ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước đều đang cương quyết và bền bỉ đấu tranh để thực hiện nguyện vọng tha thiết của dân tộc, là làm cho Việt-Nam ta được hòa-bình, thống-nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phải khó khăn

và phức tạp song toàn dân đoàn kết một lòng, cương quyết phấn đấu, cho nên nhứt định sẽ thắng lợi.

Tôi xin gửi cụ lời chào trân trọng.

*Hà Nội, ngày 21.06.1956*

*Hồ Chí Minh*

*Chủ Tịch Nước Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hòa*

Đến ngày 4.01.1958, Chủ-Tịch Tôn Đức Thắng gửi thư mời Đức Hộ-Pháp ra thăm Hà-Nội. Nội dung như sau:

*Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hòa*

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ban Trung-Ương

Mặt Trận Tổ-Quốc

Việt-Nam

Kính gửi:

Ngài Hộ-Pháp Phạm Công Tắc

Phnom Penh

Chúng tôi vui mừng được biết ý định của Ngài muốn đến Hà-Nội thăm đồng bào và tín-đồ Cao-Đài ở miền Bắc.

Vậy chúng tôi, Ủy-Ban Trung-Ương Mặt Trận Tổ-Quốc Việt-Nam và cá nhân tôi, trân trọng mời Ngài đến Hà Nội nhân dịp Tết Nguyên-Đán Mậu-Tuất.

Xin gửi đến Ngài lời chào thân ái, đoàn kết.

Kính chúc Ngài và đồng-bào Cao-Đài luôn luôn mạnh khỏe.

*Hà Nội, ngày 4.01.1956*

T.M. Ủy-Ban Trung-Ướng

*Mặt-Trận tổ-quốc việt-nam*

Chủ Tịch Đoàn

Tôn Đức Thắng

(ấn ký)

### 3.- TRIỀU THIÊN TRÊN XỨ CHÙA THÁP

**B**IẾT MÌNH SẮP QUI THIÊN, TUY ĐANG NẪM BỆNH-VIỆN CALMETTE, ĐỨC NGÀI GỌI CÁC CHỨC-SẮC dãn từng người từng trách-nhiệm riêng rẽ. Đức Ngài dạy lập bản di-ngôn và gửi lên Quốc-Trưởng Norodom Sihanouk theo hệ-thống hành-chánh. Dù vậy Đức Ngài vẫn gọi Thái Chánh Phối-Sư Thái Khí Thanh, Khâm Trấn-Đạo Tân-Quốc, dạy rằng: “Ngày thứ bảy là ngày Hoàng-Thượng Norodom Suramarit tiếp kiến thần dân Cao-Miên theo lệ thường. Vậy hiền-đệ và Giáo-Hữu Thái Đồng Thanh hãy vào hoàng cung bái-kiến Hoàng-Thượng dâng bức di-ngôn của Bản-Đạo.”

Khi Hoàng-Thượng Suramarit đến sân châu, thấy trong đám quần thần có hai vị chức-sắc của Cao-Đài, mặc sắc phục trắng, Hoàng Thượng liền đến gặp hai vị chức-sắc nhận bức di-ngôn và nói: “Về thưa lại với Đức Hộ-Pháp, Hoàng-Thượng đã nhận bức di-ngôn và chấp thuận những lời yêu cầu”.

Nhị vị Chánh Phối-Sư Thái Khí Thanh và Giáo-Hữu Thái Đồng Thanh bái lễ Hoàng-Thượng Suramarit rồi về thẳng bệnh-viện Calmette trình lên Đức Hộ-Pháp tường tri.

Nguyên-văn bức Di-Ngôn viết bằng tiếng Pháp được dịch lại như sau:

**Hộ-Pháp Phạm Công Tắc**  
**Bê-Trên Đạo Cao-Đài**

Kính gửi:

Hoàng Thân Norodom Sihanouk

SAMDACH UPAYUVAREACH

Thưa Điện-Hạ,

Bản-Đạo gửi những dòng chữ này đến Điện-Hạ trên giường bệnh của Bản-Đạo (*bệnh-viện Calmette*), sức khỏe của Bản-Đạo nghĩ không còn sống được bao lâu nữa.

Vậy Bản-Đạo gửi lần cuối cùng đến Điện-Hạ và Chánh-Phủ Hoàng-Gia Cao-Miên, tất cả lời cảm tạ chân-thành về sự đỗi đãi rộng rãi của Điện-Hạ và Chánh-Phủ Hoàng-Gia dành cho Bản-Đạo với đoàn tùy tùng và cho cả tín đồ của Bản-Đạo. Bản-Đạo thành tâm cầu-nguyện Thượng-Đế Cao-Đài và Phật Tổ ban hồng-ân che chở Vương-Quốc Cao-Miên và cho Điện-Hạ để chóng thực-hiện và thành-công về vang chánh-sách hòa-bình trung-lập và chung sống hòa-bình, là chánh-sách đặc biệt ưu ái của Bản-Đạo, vì nó Bản-Đạo chịu hao mòn sức khỏe của cả cuộc đời mà Bản-Đạo không thể thực hiện được.

Bản-Đạo thành tâm ước mong rằng: Tổ-quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt-Nam có thể đeo đuổi theo chánh-sách ấy trong một ngày gần đây, tay bắt tay đi với nước Cao-Miên trong đường lối thương-yêu và hòa hợp giữa các sắc dân và nhất là giữa hai dân tộc Việt Miên.

Bần-Đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện-Hạ, để tỏ bày tất cả những lời cảm tạ của Bần-Đạo. Không biết sức khỏe Bần-Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện-Hạ.

Dầu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, nhưn danh tình thương yêu và tình huynh-đệ giữa hai dân tộc Cao-Miên và Việt-Nam, nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của hai nước chúng ta: Cao-Miên và Việt-Nam.

Bần-Đạo cung kính xin Điện-Hạ như một ân-huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh-Thất chúng tôi khỏi chịu dưới lệnh phá hủy, để giữ kỷ-niệm độc nhất của Bần-Đạo trên đất Miên.

Để giúp Điện-Hạ có một ý niệm đúng đắn về tình hình, Bần-Đạo trân trọng gửi đến Điện-Hạ một bản sao thơ khẩn cầu của Bần-Đạo vừa chuyển đến Hoàng Thượng. Bần-Đạo giải-thoát kiếp sống nơi đây. Bần-Đạo xin thỉnh cầu Điện-Hạ cho phép Bần-Đạo tạm gởi thi-hài ở nơi đất Miên, dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng-Gia Cao-Miên. Ngày nào tổ-quốc thân yêu của Bần-Đạo là nước Việt-Nam đã thống nhất sẽ theo chánh-sách hòa-bình trung-lập, mục phiêu đời sống của Bần-Đạo, tín-đồ của Bần-Đạo sẽ di thi-hài về Tòa-Thánh Tây-Ninh.

Bần-Đạo khẩn cầu Điện-Hạ và Chánh-Phủ Hoàng-Gia sau khi Bần-Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện-nam tín-nữ của Bần-Đạo sự khoan-đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu-hành theo tôn-giáo.

Biết rằng Điện-Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu

này, Bản-Đạo sẽ thanh thản nhắm mắt đem theo cái kỷ-niệm dịu dàng nhất trong đời của Bản-Đạo.

Cung kính xin Điện-Hạ chấp thuận lòng tri ơn vĩnh viễn của Bản-Đạo.

*Nam-Vang, ngày 14 tháng 5 năm 1959*

*Hộ-Pháp Phạm Công Tắc*

Mỗi ngày thấy sức khỏe mình càng yếu, Đức Ngài nói với một ít tông-đồ: “*Bản-Đạo đã lớn tuổi, không thể lột da để sống đời đặng! Tương-lai của Đạo đều do ở các con, là đoàn hậu tấn nối tiếp. Bản-Đạo chỉ là người tiên phong khai sáng mỗi Đạo. Đó là bước đầu hy sinh lót đường mà thôi. Mỗi Đạo sau này thuộc về quyền của đoàn hậu tấn tô điểm cho thiên hạ. Số mạng của đoàn hậu tấn là vậy*”.

Hai việc lớn ảnh hưởng đến sức khỏe Đức Ngài là:

1. Việc xây Thánh-Thất bị chính Thái-Tử Norodom Sihanouk ngăn chặn vì Ngô Trọng Hiếu, đại-diện chánh-phủ miền Nam Việt-Nam bên cạnh chính-phủ Cao-Miên, sau khi thương-thảo sự trở về của Đức Hộ-Pháp không thành, họ cho rằng việc xây đền thờ chỉ là bình phong che đậy âm mưu giục loạn ở Cao-Miên. Để giữ tình giao hảo với chánh phủ miền Nam, Norodom Sihanouk ra lệnh trục xuất tất cả các công thợ về miền Nam. Những người này về nước đều bị cảnh sát Ngô Đình Diệm bỏ tù.

2. Thêm vào đó phong trào Hòa-Bình Chung Sống bị đàn áp và bị bắt giam vô số kẻ. Mặc dầu Đức Ngài có lập danh-sách những người bị bắt gởi qua Hội Nhân-Quyền và Liên-Hiệp Quốc mà không thấy kết quả gì. Trong tình thế ấy, Ông Hồ Bảo-Đạo được lệnh xin một

lá xâm như vậy:

*Bao năm chìm đắm biển công-danh,  
Chí muốn bay cao dạ chẳng thành.  
Đêm thấy Thần Nhơn về báo mộng,  
Ban lời Ngọc-chỉ của Thiên-Đình.*

Thật vậy, một sáng vào tháng tám năm Bính-Thân (1956), Đức Hộ-Pháp gọi ông Hồ Bảo-Đạo cho biết Ngài đã thấy chữ APOTHÉOSE (*hiển Thánh*) trong đêm rồi. Chữ này có hai nghĩa:

1. Vua chúa, Đại thần chết được đăng Tiên.
2. Thành-công rục rờ theo chí hướng của mình.

Điều này phù hợp với lá xâm và cuộc đời hoạt-động đạo đời không ngừng nghỉ của Đức Ngài. Bây giờ, Đức Ngài được Ngọc-chỉ APOTHÉOSE về châu Thượng-Đế. Một sáng, Đức Ngài thức dậy định bước xuống giường mà lực bất tòng tâm, choáng váng ngã ngửa lên giường, nửa trên, nửa dưới. Đồng đạo lo thuốc thang chạy chữa cho Đức Ngài khỏe lại. Ngày 20 tháng 2 năm Đinh-Dậu (27.03.1957, Đức Cao Thượng-Phẩm về cơ khuyến Ngài đi bệnh-viện, vì lúc ấy Đức Ngài đi đứng đã khó khăn lắm.

Đến đầu tháng tư năm Kỷ-Hợi (1959), viên cò Cảnh-sát Cao-Miền thay vì báo tin cho Khâm-Trấn Đạo Kiêm-Biên, lại đem giấy báo triệt hạ đền thờ mới xây vào thẳng bệnh-viện Générale, gần Chợ Mới cho Đức Ngài. Tin sét đánh đã góp phần cho sự khổ tâm cùng cực của Đức Ngài. Đức Ngài đòi về Báo-Ân-Đường, nhưng đồng-đạo và cô Ba, cô Tư nhất trí đưa thẳng Đức Ngài đến bệnh-viện Calmette, bệnh-viện lớn nhất của

Pháp tại Nam-Vang. Nộp tiền phòng 10 ngày, nhưng mới 8 ngày Đức Hộ-Pháp đã qui Thiên., sau một cơn mệt, vào khoảng 12 giờ ngày Chủ-Nhật, nhằm lễ Ascension., 17.05.1959 (*Mồng 10.04 Kỷ-Hợi*), thọ 70 tuổi. Thánh thể được đưa về Thánh-Thất Toul-Sway-Prey.

Đêm đó, Ngài Hồ Bảo-Đạo và Sĩ-Tải Bùi Quang Cao phò-loan., lúc thi thể chưa liệm., Đức Ngài cho bài thi:

*Ba năm xa cách để chờ may,  
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.  
Chí muốn cao bay trong một kiếp,  
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.  
Đã đành cam phận còn xa thăm,  
Nhưng đắng mảy râu chẳng mấy may.  
Một kiếp vì đời, tua gắng trả,  
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.*

Đêm 13.04 Kỷ Hợi, Hồ Bảo-Đạo và Sĩ-Tải Bùi Quang Cao lại phò loan., Đức Ngài cho bài thi khác:

*Trót đã ba năm ở xứ người,  
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.  
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,  
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.  
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,  
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.  
Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,  
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.*

Sĩ-Tải Bùi quang Cao cho tôi biết, tuy cầu hai lần mà Đức Phạm Hộ-Pháp không vui lòng nên dạy: “*Bảo-Đạo yếu thần, tạm dùng bài này, sau sẽ chọn bài khác thay*”.



Sự trở về của Đức Ngài không bình lặng như của nhơn-sanh, mà sự trở về của Đức Ngài là một biến cố lớn cho toàn nhơn-loại, vị Giáo-chủ hoàn-cầu của Đạo Cao-Đài (*The World Leader of Caodaism*) như tuần-báo *Le Lien des Cercles d'Études* gọi danh.

Đức Ngài hiện xuống vào Tết Đoan-Ngọ, giữa khổ đau nhục-nhẫn của dân-tộc, dưới hai tầng áp-bức phong kiến và thực-dân. Đức Ngài san xẻ niềm đau đó bằng cách mang đến cho niềm tin vào đấng Trọn-Lành. Đấng ấy sẽ giúp nước họ được tự-do dân chủ, thoát vòng nô-lệ. Đức Ngài kêu gọi Tình-Thương và Công-Lý, mong hai điều này bao phủ toàn thể thế-giới.

Nhưng khốn thay, chính bọn lừa Thầy phản bạn, vì chút lợi danh dẫm đạp lên tình thương cao cả của Đức Ngài.

Đức Ngài từ-bi tha thứ cho kẻ đại hối lỗi ăn năn. Ngài tự lưu đày bên xứ Chùa Tháp mà không lúc nào không hướng về Thánh-Địa, nơi còn nhiều nặng nề trong bể khổ cường quyền, gia-đình trị đàn áp.

Đức Ngài trở về với Cha Lành trong bao tham lam tội lỗi của bọn lừa Thầy phản bạn. Đức Ngài hiện xuống và trở về đều vì nhơn-loại và chúng sanh được hằng sống.

*Hiện xuống từ mùa Hạ,  
Trở về từ mùa Hạ.  
Thế-giới mộng ứng linh,  
Ngài ban tình thương cao cả!*

Thế theo thánh-ý của Đức Hộ-Pháp, đồng thời tránh sự trích-điểm của các nhà thơ, nhà tư-tưởng, chúng tôi mạo muội đan cử bài “*Tân niên khai bút*” của Đức

Ngài viết vào ngày mừng 4 tháng Giêng năm Bính Thân (1956), tức trước khi Ngài lưu vong không bao lâu. Bài này không những tóm tắt chân dung về đời, đạo của Đức Ngài mà còn thể hiện văn phong của Đức Ngài nữa:

**TÂN NIÊN KHAI BÚT**

*Vẫn gánh non sông đến tuổi già,  
Đòn tâm làm mạnh thể tài ba.  
Đôi phen kiên nhẫn dầu hôn nước,  
Lắm lúc truân-chuyên giữ Đạo nhà.  
Tính đức cổ-truyền trừ giặc loạn,  
Nghĩa nhân pháp-bửu dẹp can qua.  
Hồng-ân đã sẵn làm thao lược,  
Ích quốc an dân dụng chữ Hòa!*

Được tin Đức Hộ-Pháp triều Thiên, toàn Đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa-Thánh làm lễ truy điệu Đức Hộ-Pháp. Mật-vụ của Ngô Đình Diệm hay tin đến giải tán. Tấm lòng của người Đạo đối với Đức Ngài quá to lớn, nên họ phân tán từng nhóm nhỏ vượt biên giới sang Nam-Vang. Những tổ-chức trong nước cũng phân tán mỏng như Hòa-Bình Chung-Sống, Thánh Xa-Thơ, Phạm-Môn, Phạm-Nghiệp... Mỗi nhóm đều tổ-chức tưởng niệm Đức Ngài trong nội-bộ của mình để che mắt mật-vụ và Cần-lao Nhân-vị.

Tại Nam-Vang, năm mươi ngàn tín-hữu Cao-Đài khắp nơi lũ lượt đưa nhau về Thủ-đô Phnom Penh thọ tang suốt mười ngày đêm tức trực bên Liên-đài của Đức Ngài. Đại-diện các Tôn-Giáo trong nước Cam-Bốt từ các Tỉnh xa như Xiêm-Rệp, Battambang, Kratié, Kompong Cham, Kompong Speu, Kompong

Xom, Sway Rieng, Mimot đều đến chia buồn phúng điếu với Hội-Thánh Ngoại-Giáo. Một số lớn ngoại-giao đoàn tại thủ-đô Phnom Penh cũng đến đặt vòng hoa. Thủ-Tướng Pen Nouth đại-diện chính-phủ Hoàng-Gia Cao-Miền đến chiêm-ngưỡng và đặt vòng hoa trước Liên-đài. Khi Quốc-trưởng Norodom Sihanouk công-du hải-ngoại trở về, trong buổi họp báo Norodom Sihanouk nói: *“Khi trở về nước, rất tiếc tôi không được hội-kiến với Đức Hộ-Pháp lần cuối. Tôi hoàn toàn chấp nhận những lời đề-nghị của Đức Hộ-Pháp”*.

Phái-đoàn Phật-Giáo, đại-diện Vua Sãi đến trì kinh và tiễn đưa Liên-đài của Đức Hộ-Pháp đến Bửu-tháp.

Tại miền Bắc Việt-Nam, nữ Giáo-sư Hương-Dư, đại-diện Hội-Thánh Cao-Đài toàn miền Bắc thiết lễ truy điệu rất trọng thể tại Thánh-Thất Thăng-Long. Trong khi ở miền Nam, Mật-vụ Ngô Đình Diệm ngăn chặn bất cứ cuộc lễ tưởng niệm nào. Ít hôm sau, Đức Ngài dùng huyền diệu ứng linh cho nữ đồng-tử Sarah Barthel tại Paris. Đến đầu tháng 6 năm 1959, tuần báo Le Lien des Cercles d'Etudes của Hội Nghiên Cứu Thần Linh Học bên Pháp có đăng tin nữ đồng-tử Sarah Barthel tiếp nhận những tin từ cõi vô hình do Giáo-chủ Cao-Đài Phạm Công Tắc khai ngộ. Sau khi đọc tin trên báo Le Lien, Hội-Thánh Ngoại-Giáo có viết bài trả lời trên báo, bày tỏ quyền năng của Đức Phạm Hộ-Pháp, về Liên-đài, về cách liệm ngôi và bức di ngôn của Đức Ngài gửi cho Sihanouk. Sau đó, các báo ngoại-quốc tiếp tục nghiên-cứu về huyền diệu linh-ứng của Đức Ngài.

Theo thư của ông Olion và Thánh-Giáo tiếp được, bà Sarah Barthel cho biết ngày rước chui Thánh có đủ các Phật, Tiên, Thánh ngự, trong đó có ông mặc đồ đẹp,

sắc phục có khôi giáp về đồng ngũ. Chư Phật, Thánh, Tiên đến chực đón mừng Chơn-ling ấy.

Chơn-ling ấy là Đức Hộ-Pháp ở xứ Việt-Nam tên là Phạm Công Tắc. Sau khi hồn xuất ngoại thể xác, Ngài ngồi trong cái hòm tám góc, giữa hai bàn tay ban phép lành cho các sắc dân vàng, xanh, đỏ, trắng. Mỗi sắc dân đều linh hiển khác nhau. Các tín-đồ của vị Phật ấy toàn các sắc dân ấy, đều hưởng được diệu pháp của vị Phật Hộ-Pháp.

Theo thư của ông Placren và Thánh-Giáo của bà Sarah Barthel đã đăng trên tuần báo *Le Lien* số 5 tháng 7 và 8 năm 1959, thì có nhiều người phỏng-vấn Đức Hộ-Pháp giữa không trung. Ngài đã dùng huyền diệu thuyết giảng đạo đức uyên thâm để giác ngộ nước Việt-Nam phải biết tôn trọng Đấng Thượng-Đế và Ngài cho biết Ngài còn phải trở lại một lần nữa, chưa hề định đến nơi nào để kịp kỳ chuyển thế tạo dựng hoàn cầu.

Trên đây là cơ-quan đồng-tử nước ngoài, các báo nước ngoài xác nhận ông Phạm Công Tắc là một vị Phật Hộ-Pháp ở thượng-giới chớ không riêng gì các tín-đồ người Việt Nam của Đức Ngài đã từng sùng kính suy tôn vị Giáo-Chủ của mình như vậy. Những ai chưa có đức tin vô đối về vị lãnh đạo tinh-thần của Đạo Cao-Đài, nên đọc kỹ lại các bài của nữ đồng-tử Sarah Barthel trên báo "*Le Lien des Cercles d'Etudes*".

Tóm lại, không tín-hữu Cao-Đài nào phủ nhận công đức của Đức Ngài. Đức Ngài là một vị Phật, không phải từ chữ Giáo-chủ, mà cốt ở cái đức-độ, tài năng của Đức Ngài, khiến cho bất cứ ai, dù không sống trong 18 Phận-Đạo vùng Thánh-Địa, cũng kính phục phẩm-

giá cao quý đó. Thế nên người đời dù có tán-dương hay “*bốc-thơm*” thêm bớt một điều gì về sự-nghiệp của Đức Ngài đã làm trong khi còn hóa dân ở trần thế, thì cái đức của Ngài không vì thế mà nhòe đi hay thăng trầm được.

### HOÀI NIỆM TÔN-SU

*Giáng-sanh trùng ngũ hạnh thanh tao,  
Sư-phụ độ đời đạt vị cao.  
Ngự-Mã Thiên-Quân danh Hộ-Pháp,  
Tây Sơn Đạo giả bậc thi-hào.  
Linh-Tiêu chánh pháp nâng gương huệ,  
Trần thế nghĩa nhân tỏa ánh sao.  
Đắc Đạo Thầy về Kinh Bạch-Ngọc,  
Ngàn thu thương tiếc lệ dâng trào.*

VÂN ĐĂNG

### 4.- BÁT THIÊN-TÍNH CỦA ĐỨC HỘ-PHÁP

**D**ỌC ĐẾN ĐÂY, TA THẤY ĐƯỢC PHẦN NÀO NHỮNG NÉT CƠ BẢN CỦA “*CHÂN DUNG HỘ-PHÁP PHẠM CÔNG TẮC*”. Từ đó, toát lên những đức tính siêu phàm của một bậc Giáo-Chủ mà chúng ta tạm gọi là Bát Thiên-Tính. Xin trình bày như dưới đây:

Thánh-ngôn thuở khai đạo, Đức Chí-Tôn có lần hỏi Đức Phạm Hộ-Pháp rằng: “*Tắc, Thầy lấy đức tính của con mà lập đạo được chăng?*”. Xem vậy, đức tính của Đức Ngài thật quan trọng, có tác dụng lớn trong nền tôn-Tôn-Giáo. Mỗi Thánh-nhân giảng trần giáo đạo có hai tính đức: một là Nhân-tính, hai là Thánh-tính.

Nhân-tính là tính làm người ở thế-gian vì còn chịu mang thi phàm xác thịt. Thánh-tính, là tính Trời định cho chơn-linh ấy khi lâm phàm. Vì Đức Ki-Tô cũng phải mang hai đức tính đó, nên Ngài đã ba lần bị quỷ Satan thử-thách mới đạt đạo. Trường hợp Đức Phạm Hộ-Pháp cũng vậy, vì mang thi phàm mà phải chịu bao nhiêu thử-thách để xứng đáng trở về ngôi xưa cảnh cũ.

Nhân-tính của Đức Ngài phảng-phất nhiều hương-vị hiền triết của Thích-Ca, Chúa Ki-Tô, Khổng-Tử, Gandhi, Nguyễn Bình Khiêm... Bởi Đức Ngài đã từng nghiên cứu về cuộc đời của các bậc siêu-nhân thế giới này. Bằng chứng là lúc còn sanh tiền, ngoài lịch kỷ-niệm trong Đạo, Ngài còn cho thiết lễ kỷ niệm các nhân vật trên. Do đó vô hình trung con người của Đức Ngài được hun đúc qua các Thánh-chất đó, trở thành Bát Tính sau:

### **1.- HY-SINH THÂN-THỂ VÀ CHỊU ĐỰNG TÙ ĐÀY MƯU TÌM HẠNH-PHÚC CHO NHƠN-SANH:**

Đức tính đầu tiên của Đức Phạm Hộ-Pháp là hy-sinh và chịu đựng một mình để cứu vớt muôn sanh linh.

Đó là gương hy-sinh chịu đựng của bậc Thánh-nhân. Về các điểm này, tính đức của Đức Ngài phảng-phất tư chất của Gandhi (1869-1946) và Chúa Kitô. Thánh Cam-Địa sinh ra đời, thì nước Ấn chịu dưới sự đô-hộ của người Anh. Tuy đỗ Tiến-sĩ Luật-Khoa ở Anh, nhưng ông chống lại sự áp bức của người Anh. Trong thế chiến thứ nhất, trước lời hứa hẹn của chính-phủ Anh, Gandhi kêu gọi đồng-bào đầu quân giúp chính quốc. Khi chiến tranh kết thúc, Anh quên lời hứa. Thế nên, Gandhi lập Đảng Quốc-Đại dùng chánh-sách bất

bạo động chống Anh. Dân chúng hưởng-ứng nhiệt liệt. Chánh quyền phải bắt giam ông. Khi ra tù ông vẫn tiếp tục tranh đấu rồi bị người đồng bào quá khích ám sát chết.

Đức Phạm Hộ-Pháp cũng sanh dưới chế độ thuộc-địa Pháp. Khi thế-chiến thứ hai bùng nổ, theo lời hứa của chánh phủ Pháp, Đức Ngài kêu gọi toàn đạo đầu quân giúp Pháp và cũng bị Pháp cầm tù ở Sơn-La, rồi Mã-Đảo (1941-1946). Được tự-do, Đức Ngài tiếp tục tìm phương giành lấy độc-lập trong tay người Pháp. Cuối cùng Đức Ngài tự lưu đày do chính các đê-tử của Ngài làm áp lực và bỏ xác nơi xứ người.

Điều khác thường là cả hai vị, không ai giữ địa-vị cao trọng nào trong chính-phủ và cũng không là chính-khách nắm vận mạng quốc-gia.

Trên 5 năm chịu đặng ở Mã-Đảo, mấy tháng bị bòn phân Thầy lửa Đạo thanh trừng tại Hộ-Pháp Đường. Nếu không là bậc Thánh-nhân, hoặc vì sự liêm-sĩ nhất thời không tìm phương gỡ rối thế tình,... không cách nào hơn để giữ tình sư đệ, là phản tỉnh ra đi.

Chánh sách về quốc gia của Mahatma Gandhi cũng giống như Chánh Sách Hòa-Bình Chung Sống của Đức Hộ-Pháp. Chủ-nghĩa quốc-gia của chúng ta không làm hại quốc-gia khác, cũng như chúng ta không phá hoại nước nào.

## 2.- HÀNH-ĐỘNG TÍCH-CỰC VÀ TẬN TÂM:

Thiên-tính của Đức Phạm Hộ-Pháp là hành-động tích-cực và quả quyết. Để xướng một việc gì nhất định sẽ đi đến kết quả tốt và nhất định vận dụng mọi kế-

hoạch để thực-hiện cho kỳ được. Tìm việc chớ không đợi việc. Nếu không có đức tính tích-cực thì kỳ chắc Tòa-Thánh xây dựng không xong. Không tiền, không nguyên vật-liệu, chỉ “*bắt gió nắm hình*” (Ngài nói) mà công thợ phải trường trai tuyệt dục, thì thử hỏi không tận tâm và hết sức làm việc, tổ-đình đồ-sộ kia làm sao hoàn-thành?

Với thái-độ tích cực này, giống như Tổng-Thống Hoa-Kỳ Theodore Roosevelt (1858–1969), người đã hành-pháp tại Kiêm-Biên giúp đạo. Theodore Roosevelt là một người tích-cực, hoạt động không ngừng, có ý kiến trong hầu hết các vấn-đề trên mọi địa hạt và diễn tả với khí phách như thác lũ. Đức Phạm Hộ-Pháp cũng vậy, Ngài phê-kiến và giải-quyết mọi vấn-đề. Ai có đọc tập “*Lời phê của Đức Phạm Hộ-Pháp*” thì rõ. Từ việc nhỏ như đắp đường đến nền chánh-trị đạo to lớn, nơi nào cũng có mắt của Đức Ngài. Từ sau khi ở Mã-Đảo về, Đức Ngài đã ban hành nhiều Thánh-Lệnh và Thánh-Huấn. Theodore Roosevelt cũng vậy, chỉ trong hai tháng đầu năm quyền Tổng-Thống, các công văn do ông ký có thể nối liền từ Mỹ quốc đến Việt-Nam.

### 3.- **ỨC SÁNG TẠO HUYỀN-BÍ:**

Một Tôn-Giáo bao gồm Thể-pháp và Bí-Pháp. Thể-pháp là cái hình ảnh bên ngoài ai cũng có thấy và biết được. Bí-Pháp là huyền-nhiệm hư hư thực thực bên trong. Thiếu một trong hai pháp đó thì không còn là Tôn-Giáo.

Đức Chí-Tôn lập Đạo căn cứ trên thiên-tính của Đức Hộ-Pháp thì Ngài cũng giao bí-pháp Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ nơi tay Hộ-Pháp. Vào năm 1948, Đức Ngài



đã để ra thời gian dài giảng về bí-pháp của Đạo, được các tổ-ký viên ghi chép và in thành tập. Các đạo-hữu truyền miệng nhau những lời tiên-tri của Ngài. Chẳng hạn như khi thiên-phong nhiều cho phái Tiên-Thiên, nhiều đạo-hữu suy bì theo ý phạm tục, Đức Ngài nói: *“Các em đừng lo, rồi đây áo mào máng đầy rừng Thiên-nhiên. Có ai đem đi đâu mà sợ”*. Thật vậy, chẳng bao lâu, mấy trăm chức-sắc phái Tiên-Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo *“cuốn tượng”* về quê cũ. Danh từ *“cuốn tượng”* rất thịnh hành trong vùng Thánh-Địa, ám chỉ những kẻ chối Đạo bỏ Thầy. Hiện tượng này xảy ra nhiều lần khi bị cường quyền áp-chế, những đạo hữu nhát nhúa, thiếu đức tin *“cuốn tượng”*, dẹp trang thờ Thầy (*tức Đức Chí-Tôn*). Từ *“cuốn tượng”* ngày nay đã bình-dân-hóa, ám chỉ những kẻ thua rút chạy.

Chuyện Đức Ngài giải phép ếm Long Tuyền Kiếm ở Phú-Mỹ, Mỹ-Tho; chuyện tiếp Kinh Phật-Mẫu ở Kiên-Biên, v.v... không thể kể hết được... Khi còn nhỏ quạt hầu Đức Ngài ở Hộ-Pháp Đường, tôi mê xem hát *“Con Bạch-Tuột”* ở rạp *“Dân Tiến”*, sát cửa số 6 mà vào muộn, Đức Ngài rầy nhẹ: *“Sắp nhỏ mê xem hát quá hé! Thời gian nữa gánh hát sẽ đến hát tận nhà. Lúc đó không thèm coi mới lạ kỳ chớ!”*. Bây giờ tôi mới biết Đức Ngài muốn ám chỉ về truyền-hình hay video. Chao ôi! Ngài nhìn xa, xa quá...

Ngoài ra Đức Ngài còn tuyên-bố nhiều yếu ngôn quan trọng về nền Đạo, chính-trị nước nhà và thế-giới. Những lời nói đó có thể sưu tập và in thành sách, chẳng thua gì *“Sấm Trạng-Trình”* của Thanh-Sơn Đạo-Sĩ.

Đức Ngài nắm giữ bí-pháp các kiến-trúc xây cất Đền-Thánh, Thánh-Thất, Báo-Ân-Từ... Những chi phái

chấp nhận giáo-ly Đạo qua Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyển và Pháp-Chánh-Truyền, thì không thể phủ-nhận các công-trình kiến-trúc. Mặt khác Đạo Cao-Đài được phổ-quát và truyền-bá trong dân chúng là do cặp cơ Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc, đã phong thánh cho tất cả tướng sủng, những tông-đồ đầu tiên của nền Đại-Đạo. Rồi từ đó, ví lý do này nọ, các chức-sắc bỏ Tòa-Thánh đi lập Hội-Thánh riêng, nhưng vẫn giữ theo Tân Luật và Pháp-Chánh-Truyền. Có những kẻ đi xa hơn, chối bỏ Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, mà lại giữ những Thánh-Ngôn buổi đầu do cặp cơ Cư – Tắc viết ra. Sao có hiện tượng kỳ lạ vậy: vừa là Hộ-Pháp, vừa không là Hộ-Pháp? Nếu bất kính Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, thì nên dẹp bỏ luôn những gì do ông viết ra mà lập một Đạo khác, làm như thế mới hợp với lẽ hằng. Chỉ có một cách giải-thích lý-luận bất nhất đó là: “Ông Hộ-Pháp Phạm Công Tắc không được độc-quyền cơ bút, mà để họ tự quay cơ ban tặng các chức: Giáo-Tông, Hộ-Pháp, Đầu-Sư, v.v... cho một ít người hám danh<sup>1</sup>. Đức Chí-Tôn đã dạy: “Thà là một tín-đồ mà làm tròn nhiệm-vụ còn hơn mũ cao áo rộng mà phạm luật Thiên-Điều”.

#### 4. CHỊU NỖI THỐNG-KHỔ VÀ OAN-NGHIỆT CỦA MỘT CON NGƯỜI:

Vì còn mang thi phạm xác thịt, thì còn chịu bao nhiêu thử thách, khổ ải của một kiếp người. Chẳng hạn, Đức Kitô bị quỷ Satan khai chiến ba lần. Lần thứ nhất Satan vẫn nạn: “Nếu ông là con Thiên-Chúa, hãy truyền cho những hòn đá này trở thành bánh đi”. Ngài

---

1 (Khi nhóm Nguyễn Bửu tài cở Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp cho tự do lập đàn cơ ở chùa Thiên Linh Tự để học hỏi. Đồng tử đi qua đã phong cho ông Đốc Nguyễn Bửu Tài là Chương quản Cửu Trùng Đài, và BS Cao Sĩ Tấn làm chương quản Hiệp Thiên Đài)

đáp rằng: “*Người ta không sống bằng bánh, nhưng bằng mọi lời bởi Chúa phán ra*”. Satan mở cuộc tấn công thứ hai: “*Nếu ông là con Thiên-Chúa, hãy gieo mình xuống sông*”. Chúa Kitô đáp: “*Người chớ thử Chúa là Chúa của người*”. Và lần thứ ba, nó đem Ngài lên một ngọn núi rất cao, cho xem tất cả các nước trên thế gian với những vinh-quang của trần thế và bảo Ngài rằng: “*Tất cả những vinh-quang phú quý đó ta sẽ cho ông, nếu ông quì xuống mà lạy ta*”. Đức Jésus Christ: “*Hỡi Satan cút đi, vì có lời chép rằng: người sẽ thờ phượng Chúa là Thiên-Chúa của người*”. Kết quả là ác quỷ bỏ Ngài và Thiên-Thần hiện đến hầu hạ Ngài.

Đấng Kitô chỉ chịu đựng và truyền đạo trong ba năm, còn Đức Phạm Hộ-Pháp phải chịu lắm nỗi nhọc nhằn từ năm 1926 đến năm 1959. Đức Ngài không bị Kim Quang Sú (*ngang với Satan*) khảo đảo mà bị cường quyền Pháp đàn áp lưu đày. Đức Ngài nói: “*Khi vâng lệnh Đức Chí-Tôn đến Gò-Kén mở Đạo, Bản Đạo có xin phép nghỉ sáu tháng (vì là công-chức). Đến chừng trở lại làm việc, người ta không cho Bản-Đạo làm ở Nam-Việt nữa mà chuyển lên Kiêm-Biên... Từ khi lập Đạo chịu khổ hạnh truân-chuyên, chịu nhục nhã, chịu mọi điều thống khổ*”. Ngài chịu sự đàn áp của 6 đời toàn quyền Pháp ở Đông-Dương.

Năm 1941 Đức Ngài bị chánh quyền Pháp bắt đi an trí ở Di Linh rồi Sơn La. Viên cai tù nói với Đức Ngài “*Nếu ông do trời sai xuống hãy phá tù mà ra*”. Đức Ngài trả lời: “*thân phàm ta ở trong tù, chớ chơn linh ta ở thượng giới*”. Sau đó Đức Ngài bị đày đi Mã Đảo (*Phi Châu*) suốt 5 năm 2 tháng 3 ngày. Một sĩ quan Pháp nói: “*Ong là giáo chủ Đạo Cao Đài hả, hãy nhảy xuống biển*”

*mà lợi về Việt Nam*”. Ngài mạnh dạn đọc bài thơ của Đấng Vô-Danh vừa cho Ngài tại Madagascar:

*Hòn đảo này đây trước nhất tù,  
Mà nay làm khám nhất thầy tu.  
Quả như oan-nghiệt vay rồi trả,  
Thì lũ Tây-Man, Nhật-bốn trừ.*

Chúng cho là giả điên nên cười rồi bỏ đi. Bởi lẽ, chúng cũng không hiểu Đức Ngài ngâm nga nói gì.

Gần cuối năm 1955, Nguyễn Thành Phương, nguyên Tổng Tư Lệnh Quân-Đội Cao-Đài (*Lúc ấy ông Nguyễn Thành Phương vẫn chưa nhập môn theo Đạo (?)*). Khi chết đả tang ông không được làm phép xác), sau khi được quốc-gia-hóa, vì miếng đỉnh chung, nghe lời Ngô Đình Diệm lập “*Ban Thanh-Trừng*” bao vây Hộ-Pháp Đường và bắt nhiều thiếu nữ, ép buộc phải khai gian dối nhiều điều khiếm-nhã cho Đức Ngài, mà toàn thể các tín-hữu ai cũng biết là Ban Thanh-Trừng vu khống. Anh của Nguyễn Thành Phương là Nguyễn Thành Danh nói với chúng tôi: đó là khổ-nhục kế. Khổ-nhục kế gì mà kẻ chủ mưu vênh cao mặt, được nhiều lợi lộc, còn người chịu nhục bị toi tả suốt bao năm trời không hề thấy mặt kẻ phản bội nào nhận lỗi.

Việc trên đây, chẳng khác nào việc Juda bán Đức Chúa Jêsus Christ cho bọn Giáo-trưởng Caiphe. Một lãnh-tụ tôn-giáo mà bị chính kẻ mình lập lên bêu xấu, thì thử hỏi đứng ở địa-vị phạm nhân, thiếu độ-lượng có lẽ sẽ xảy ra điều gì khác hơn là tấm lòng đại độ phản tỉnh ra đi? Một đòn tâm lý hết sức cao nhã. Nếu những ai còn chút lương-tri, còn chút hương-vị đạo đức trong lòng, chắc chắn không khỏi bị tòa-án lương-tâm

xét xử. Càng được sống lâu, thì càng ray rứt nhiều, càng tiếc một hành động vội vàng, vị-kỷ, quên hẳn nghiệp đạo chung, quên hẳn vị đại-diện tối cao của một tôn-giáo với bao nhiêu tín hữu đang thờ kính. Kính Đạo phải trọng Thầy, không Thầy thì ai giữ Đạo cho ta kính.

### 5.- NGƯỜI CỦA BÌNH-DÂN:

điều này quá hiển-nhiên, vì “Ngày nay Thầy đã khai Đạo nơi Đông Dương là cực Đông của Á-Châu, mà lại khai nơi xứ Nam-Kỳ là xứ thuộc-địa. Ấy là do nơi thiên-cơ tiền-định cả muôn năm, lại để thưởng cái lòng tín ngưỡng của người Nam từ xưa”. (Lời thuyết giáo của Đức Quyền Giáo Tông, 1933)

Đức Chí-Tôn đã chọn hạng bình-dân Việt-Nam để dạy đạo trước tiên và chọn hạng trung lưu để lãnh đạo. Hạng bình-dân lắm lòng trong sạch, cơ hàn đáng được đặc-ân. Đức Phạm Hộ-Pháp tuy xuất thân trong đám trung-lưu, nhưng lại đứng về phía bình-dân. Đức Ngài thường nói: “Không cần người giỏi, chỉ cần biết làm và chịu làm là được”. Sở dĩ Đức Chí-Tôn thay vì chọn bậc bác học thông thái để giáo đạo, lại chọn hạng trung lưu và bình-dân mà dạy đạo là để cho thế gian này thấy rõ quyền năng của Đức Chí-Tôn; bằng không, đời sau với tật sùng bái cá nhân sẽ cho rằng Đạo Cao-Đài do các bậc thông-thái bày ra, chứ không phải do Trời lập. Đức Ngài coi các thợ-hồ, nông dân là con của Thượng-Đế. Trong một lời phê năm tân-Sửu, Đức Ngài viết:

“Qua đã biết trước thế nào trong mấy em cũng có đứa ngồi ngục. Gấm bị trước vì Phối-Thánh Thoại (vốn thợ-hồ đập vế) muốn cho nó trả quả đối với Phối-Thánh lúc còn ở phàm; đáng kiếp Gấm đụng đầu xe lửa, cũng

như mẹ con Út Giáp đung đầu xe lửa của Màng (cũng thợ hồ, ân phong Phối-Thánh) buổi trước vậy. Máy em ráng cần thận, đừng ăn hiếp mấy ông Thánh ẩn thân bất ngờ, phải ngồi của Phong-Đô mà khóc đa nghe”.

Việc này, trùng hợp với việc Thánh Gandhi nâng đỡ tập cấp (caste) Paria, cùng đỉnh của xã hội Ấn, hết lòng thương họ vì họ bị ghét bỏ, cho là cặn bã của xã hội. Thánh Gandhi cho họ là con của “Thượng-Đế”.

Đức Hộ-Pháp, trong câu văn ngắn, đã nhắc lại hai lần “đung đầu xe lửa”. Nhất là quý ông Bùi Ái Thoại và Phạm văn Màng, họ là những người như chiếc xe định hướng, chỉ đi về một hướng, chỉ đi về một phía đạo-đức. Ai có đàn áp, chửi mắng thế nào, họ vẫn một lòng làm công quả. Khi qua đời, nhị vị hiển Thánh. Đức Phạm Hộ-Pháp mới cảnh-giác cho những ai lấy quyền thế khôn-ngoan khinh khi kẻ nghèo hèn bình dân, rồi thế nào cũng bị trả quả nhân tiền.

## 6.- CÓ HẤP LỰC MÃNH LIỆT:

Đức Ngài có một nhân diện mãnh liệt, nhờ luyện đạo đến chỗ đạt pháp và sức nói lời cuốn trong khi thuyết đạo. Ngoài cái khẩu khí của bậc Thánh lâm phạm, Ngài còn am tường thủ thuật nói trước công-chúng và “*phương pháp Socrate*” là đặt những câu hỏi làm thế nào cho khách bàng quang chỉ có thể đáp có mà thôi. Chính nhờ vậy, đến ngày nay chưa thấy ai phản đối hành động của Đức Ngài, chỉ trừ biến cố thiếu suy-nghĩ của lũ môn-đồ Juda cuối năm 1955.

Nhờ có giọng nói ôn tồn mà Đức Ngài thuyết đạo rờng rã hằng tháng về “*Con Đường Thiên-Liêng hằng sống*” và “*Bí-Pháp*” vào ban đêm. Đêm nào cũng đông

chật tít-hữu, giờ mà mọi người ngoại đạo đang yên giấc. Nếu không có một mãnh lực hấp dẫn lôi cuốn được người nghe, mấy ai có thể theo dõi được những đêm triển miên thuyết giảng đó.

Nhân điện của Đức Ngài mạnh đến nỗi kẻ đối diện, đừng nói đến chư tít-đồ, ít dám nhìn thẳng tạt mặt. Lúc Ngài ban phép lành tuy đứng xa hàng 10 đến 20 mét mà trong người nghe nhân-điện chạy rờn rợn. Lời Ngài phán là răm rắp tuân theo, dù là chức-sắc Thiên-phong đương quyền. Tất cả vì kính mà hành theo, không ai dám cãi sửa điều gì. Còn nếu vì sợ mà làm theo, thì khi Ngài triệu thiên chắc có người sẽ bươi móc và chối bỏ những di sản của Đức Ngài. Sự kính trọng ấy đã đóng thành khối và trở thành ấn tượng trong đầu mỗi tít-hữu, coi lời Đức Ngài nói là một định đề hằng đúng.

Đức Ngài đã tiên liệu: “Qua nói rằng mỗi vị tít-đồ đều có cái mào Giáo-Tông và Hộ-Pháp, không lấy là lỗi tại mấy em, chẳng lẽ chỉ có một người mà người đó chết rồi thì diệt tiêu Đạo?”

*“Ngày kia không có gì vui cho qua hơn, khi thấy xuất-hiện trong mấy em, ở dưới bước lên ngôi địa-vị cao trọng trong Đạo”. (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển II, Tây Ninh 1973, trang 122, 123)*

## 7.- CÔNG BÌNH VÀ CHÍNH TRỰC:

Đọc tập “*Những lời phê của Đức Hộ-Pháp*” về việc Đạo, ta thấy rõ hai đạo công-bình và chính-trực. Hai đức-tính này ảnh hưởng nơi Nho-Giáo, cách hành xử đối với các tông-đồ của Đức Khổng Phu-Tử.

Ngày 17.03 Nhâm-Thìn, Đức Ngài phê về việc đánh lộn như sau:

“Xem rõ vụ đánh lộn đã nêu gương xấu cho đám trẻ nơi Long-Hoa-Thị, do một vị Lẽ-Sanh và một Giáo-viên trường Đạo-Đức. Hai người như thế mà làm gương như thế... Lẽ-Sanh Hoàng đã dạy đàn em đánh lộn: võ-sĩ chớ không phải là một vị Lẽ-Sanh của Hội-Thánh! Hoàng không nên phạt đàn anh, có đâu làm chúc-sắc.

“Giáo-viên Thới là một Giáo-viên, dạy dỗ đoàn thiếu sinh trong trường Đạo-Đức mà thô lỗ, không lễ nghi khiêm tốn, hỏi dạy sắp nhỏ học cái gì?

“Bần-Đạo định án:

*“Ngừng chức Lẽ-Sanh trong sáu tháng và buộc phải cầu khẩn một vị Thiên-phong cho phục-vụ và bảo lãnh giáo đạo cho Hoàng, trong sáu tháng mà không thuần nết thì sa thải xuống hàng tín-đồ. Giáo viên Thới thì không cho dạy ở trường Đạo-Đức nữa và nếu từ nay còn sanh sự với ai thì đuổi ra khỏi Thánh-Địa”.*

Đức Ngài lại phê về việc xin chế giảm phẩm Thính-Thiện và Hành-Thiện thuộc Cơ-Quan Phước-Thiện:

*“Đạo luật chơn-pháp của Đức Chí-Tôn đã dạy, không được phép chế sửa. Nam phái thật hành chơn pháp, đúng lý ra nữ phái cũng phải tùng nam phái mà thật-hành y luật định. Nghĩ lúc ban sơ, nếu thi hành y luật thì phải thất phạm, nên Bần-Đạo chế giảm cho nữ phái mà thôi”.*

Đức Ngài đã áp dụng đúng câu: “Tư vô tà” của Đạo Nho, lấy công bình chính trực mà trị an thiên-hạ.



## 8.- TỪ-BI, KHOAN HỒNG VÀ ĐẠI ĐỘ:

Nói đến khoan hồng và từ-bi là nói đến tấm lòng, nói đến cái tâm của nhà Phật. Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc chơn-linh là Hộ-Pháp Di Đà. Gặp kỳ ba phổ-độ, Ngài hạ mình mà diu dẫn toàn chư môn-đệ.

Đối với chức-sắc Đại Thiên-phong như Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Ngài gọi là Giáo-chủ; Đức Quyền Giáo-Tông, Đức Ngài gọi là Anh Cả; Đức Cao Thượng-Phẩm, thì một cũng Anh Tư hai cũng Anh Tư.

Đối với huynh đệ và người cộng-sự, tuy Đức Ngài nắm chi Pháp, nên phải dùng pháp-trị: công-bình chánh trực, nhưng về tình người lúc nào cũng khoan dung thân thiện. Nhất là trong hàng Thập Nhị Thời Quân, những người lỡ phạm lỗi, Đức Ngài quên quá khứ chống báng của họ. Đức Ngài cho lập Thánh-Xa-Thơ tìm rước hài cốt các chiến-sĩ vị quốc vong thân (*Nay Ngài dùng huyền diệu cho các đồng tử dân gian tìm xác các liệt sĩ*) và cả chức-sắc bỏ mình ngoài Thánh-Địa. Nhờ thế, cốt của đại-huynh Nguyễn Bảo-Pháp mới được cải táng về phần đất của Thập Nhị Thời Quân. Còn Trần Khai-Pháp có lời quá đáng đối với Đức Ngài khi ở Mã Đảo. Đức Ngài không nhớ và vẫn dùng công-quả của Trần Khai-Pháp. Khi qui vị, đám tang của Trần Khai-Pháp, Đức Ngài cho làm rất lớn, không thua gì đám tang của Đức Thượng-Sanh. Năm 1946 khi tái thủ quyền hành, Đức Ngài ân-xá cho những người lầm đường. Nhờ vậy Cao Bảo-Văn (*Bảo-Văn Pháp-Quân Cao Quỳnh Diêu*), Sĩ-Tải Phạm văn Ngọ (*được phong là Bảo-Đạo ở Ban Chính-Đạo*), rời phái Bến-Tre trở về Tây-Ninh. Cao Bảo-Văn, sau khi qui vị được xây tháp và táng trước Tòa-Thánh, Còn Sĩ-Tải Phạm văn Ngọ được thăng

lên Truyền-Trạng. Những sự kiện đó, cho đồng-đạo thấy tấm lòng khoan dung và đại độ của Đức Ngài. Đức Phạm Hộ-Pháp còn ban tặng cho những nhân-tài, những đạo-tâm phẩm Hiền-Tài, như Hiền-Tài Mã Nguyên Lương (*Tướng Trung-Hoa*), Hiền-Tài Hồ Tấn Khoa (*Đốc Phủ-Sứ*) và các vị Lễ-Sanh Nagafuchi (*Nhật-bổn*), Serge Vanony (*Pháp*), Ngọc Ba Thanh, Ngọc Hòa Thanh... Các Lễ-Sanh do Ngài ứng phong này đều tạm dùng phái Ngọc, để mở rộng cơ tận-độ và đáp ứng sự phát triển của nền Đạo. Đức Ngài còn cho lớp Hiền-Tài cầu phong vào hàng Thánh-thể thay lớp chức-sắc cũ ít học.

Năm 1955, quý Ngài Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối-Sư cầu xin Đức Hộ-Pháp truy-phong tướng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Thế-Đạo. Đức Ngài phê như sau: *“Truy thăng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Quốc-Sĩ và đặng thờ nơi Báo-Quốc-Tử cùng Đức Thành-Thái và Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường-Đế”*.

Xem vậy, không những truy tặng phẩm Quốc-sĩ đầu tiên Ban Thế-Đạo, mà còn đặc ân cho thờ chung với các vị vương, thì đủ rõ lòng yêu mến người chiến-sĩ của Đức Ngài như thế nào!

Khi Hội-Thánh Phước-Thiện trình về việc ông Giáo-Thọ Nguyễn văn Tường, đại-diện ông Đạo Nắm, Phật-Giáo Thiên-Lâm (*Long Xuyên*), xin về hiệp nhất vào Phước-Thiện, Đức Ngài phê:

*“Cửa từ-bi Phước-Thiện vẫn mở rộng... Bản Đạo lấy làm vui đẹp và hân-hạnh mà tiếp đón họ, chỉ khuyên họ đừng quá mê tín mà thôi”*.

Do phúc-trình số 329/PT, ngày 7.11.1952, dâng lên

Đức Hộ-Pháp về việc Thiếu-Tá Khanh xin nhường chức Lễ-Sanh cho thân phụ là cụ Chánh-Trị-Sự Đỗ văn Cầm, 73 tuổi, Đức Ngài phê:

“Phê y và tư cho Quyền Ngọc Chánh Phối-Sư lập Thánh-linh ân phong cho cụ Đỗ văn Cầm vào hàng Lễ-Sanh phái Ngọc (*hàm phong*). Còn Thiếu-Tá Khanh chỉ là một tín-đồ mà thôi.

Bần Đạo để lời khen lòng hiếu thảo của Khanh, đáng ghi vào Đạo-Sử”.

Sau này, Đức Ngài giảng cơ phong cho ông Khanh làm Hộ-Đàn Pháp-Quân.

Đại-Đạo không phải là nơi nhường tước phẩm thiêng-liêng. Đây là trường hợp biệt lệ. Thứ nhất, cụ Cầm đã là cụ Chánh-Trị-Sự, tức đủ điều kiện lên Lễ-Sanh. Thứ hai, cụ đã 73 tuổi, không biết thăng thiên lúc nào, có thể không đợi Hội Nhơn-Sanh phán xét kịp. Đây chỉ có “*phụ tử tử hiếu*”, lòng hiếu động thấu đến lòng Trời mà thôi.

Bát Tính của Đức Ngài xin tóm lược bằng câu: “*Tâm vô quái ngại, đại hùng, đại lực, đại từ-bi*”.

Với tám chương xây dựng nên Bát Tính của Đức Phạm Hộ-Pháp. Còn về hoạt-động giúp đời, giúp nước của Đức Ngài, xin để lịch-sử phán xét.

Về sự nghiệp Đạo, tác-giả chỉ nêu được những nét chính, còn biết bao nhiêu điều khác nữa, nên khó tóm tắt trong vài hàng.

Có điều chắc chắn, theo các Đạo Sử của bà Đầu-Sư Nguyễn Hương-Hiếu và của Ngài Trương Hiến-Pháp là “*Không có Đức Ngài thì không có Đại-Đạo Tam Kỳ*

*Phổ-Độ, vì khi Đức Chí-Tôn đến với Đức Ngô Minh Chiêu, chỉ xưng là Thầy và ban hồng-danh Cao-Đài Tiên-Ông”.*

Thế nên, hình thể của Đạo Cao-Đài, danh từ “*Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ*” là do cặp cơ Cui – Tắc viết ra trong Pháp Chánh-Truyền trích từ Thánh-Ngôn của các Đấng, chớ không phải nơi nào khác. Ngay cả hình thể hữu-vi Đền-Thánh, Đền thờ Phật-Mẫu, Thánh-Thất đều do Đức Ngài chấp bút vẽ nên. Vì thế, bất cứ ai theo Đạo Cao-Đài cũng đều cần tìm hiểu về các hoạt-động tôn-giáo của Đức Ngài. Đó là mục đích của quyển sách này.

## CHƯƠNG IX: GIẢN-LƯỢC CHÂN-DUNG PHẠM HỘ-PHÁP (1890 – 1959)

- ★ Ngươn-linh của Phạm Hộ-Pháp
- ★ Văn thi Ái-Dân
- ★ Lược-sử chân dung Hộ-Pháp Phạm Công Tắc

### 1.- NGƯỜN-LINH CỦA PHẠM HỘ-PHÁP

#### ★ Ngự Mã Thiên-Quân

Vị Thiên-Quân đánh xe ngựa cho Thượng-Đế đi tuần du bốn phương trong Vũ-Trụ, nên tôn Ngài là Chuyển Luân Vương (*Tchakravartin*), dùng Pháp Chánh mà trị-an nhơn-sanh. Khi tức vị, Ngài có đủ 7 bửu bối, về thể pháp tượng trưng Thất Tinh: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Cự; về bí-pháp tượng trưng Thất Bảo:

1. Luân bảo (*xe báu*),
2. Tượng bảo (*voi báu*),
3. Mã bảo (*ngựa báu*),
4. Ma-ni châu (*châu báu*),
5. Nữ bảo (*Ngọc-Nữ*),
6. Chủ Tàng Thần (*vị Thần giữ kho tàng*),
7. Chủ Binh Thần (*vị Thần coi binh*).

Ngài răn bảy đầu bao hàm cả hai mặt đó.

1. Ngài ngự trên bánh xe vàng, thì thống trị cả bốn Đại Châu.
2. Ngài ngự trên bánh xe bạc, thì cai-trị ba Châu: Đông, Tây, Nam.

3. Ngài ngự trên bánh xe đồng, thì cai trị hai Châu: Đông, Nam.
4. Ngài ngự trên bánh xe sắt, thì cai trị châu phương Nam.

Bánh xe Pháp (*Luân Bảo*) lăn đến đâu, thì nơi đó dứt lấm lạc, người người ngộ đạo, nên Đức Phạm Hộ-Pháp giáng trần thức-tỉnh tâm mê muội của nhơn-sanh.

### MỪNG NGỰ-MÃ THIÊN-QUÂN

*Đào nguyên lại trở trái hai lần,  
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy lân.  
Cung Đẩu vít xa gươm xích quý,  
Thiểm Cung mở rộng cửa Hà-Ngân.  
Xuân Thu định vững ngôi Lương-tể,  
Phất Chủ quét tan lũ nịnh thần.  
Thổi khí vĩnh-sanh lau xã tắc,  
Mở đường quốc thể định phong vân.*

BÁT NƯƠNG (1946)

### ★ Nam-Bình Vương Phật

Nam-Bình Vương Phật hay đọc tắt là Nam Phật (*Ratna Sambhava*), một Đức Phật trong bốn vị Phật cai trị ở phương Nam tức Châu Thiệm-Bộ hay Nam-Thiệm-Bộ Châu (*Jambudvipa*), một Châu trong biển ở về Phía Nam núi Tu-Di, tức là Châu mà nhân loại đang ở.

Đức Phạm Hộ-Pháp dạy rằng khi nào đến thờ Phật-Mẫu xây dựng thì đối diện với ngôi Phật-Mẫu và Cửu-vị Nữ Phật là tượng của Nam-Bình Vương Phật (*Nam Phật*) tức tượng Đức Hộ-Pháp mặc tiểu phục, trong Kỳ Ba Phổ-Độ này.

### ★ Shiva cưới rắn bảy đầu

Trên chót vót Bát-Quái-Đài của Đền-Thánh, Tòa-Thánh Tây-Ninh có tạc hình Tam Thế Phật, biểu tượng cho ba thời kỳ khai Đạo.

Phật BRAHMA day mặt về phía tây, giáng trần vào ngưỡn Thánh đức, cưới chim Huyền Nga bay khắp Càn Khôn.

Phật SHIVA hay CIVA giáng trần trong Ngưỡn Tranh-đấu, cưới rắn bảy đầu diệt thất tình. Phật Civa day mặt về phương bắc để cầu khẩn Đức Chí-Tôn đại xá tội cho toàn nhơn-loại.

Chính vị Phật này là ngưỡn-linh khởi thủy của Đức Phạm Hộ-Pháp. Thần Civa còn giữ vai trò của Dharmapala tức là Hộ-Pháp giữ các đền thờ. (*Nghiêm Thẩm, Tôn giáo của người Chăm tại Việt nam. Sài gòn, Đại học Văn Khoa 1972, trang 18*)

Phật CHRISTNA hay KRISHNA là hóa thân thứ tám của vị Thần tối cao Vichnou hay Vishnou (*Bình Luận văn Học, NXB Khánh Hòa 1991, trang 38*) giáng trần vào Hạ-ngưỡn tức Ngưỡn Bảo-tồn. Phật Krisna day mặt về phương Nam, cưới con Giao-Long.

### ★ Hộ-Pháp – Dharmapala

Hộ-Pháp Đàm-ma-pa-la là một vị Bồ-Tát ở Thế-Kỷ thứ VI giáng trần ở Ấn-Độ, viên tịch năm 560. Ngài soạn bộ “*Thành duy thức luận*”, truyền đạo cho Giới-Hiền. Giới-Hiền truyền lại cho sư Huyền-Trang, cao tăng nhà Đường. Khi Ngài lâm chung, trên không có tiếng nói: “*Đó là Đức Phật trong một ngàn đức Phật ở hiện kiếp này*”. (*Đoàn Trung Côn, Phật Học Tự Điển (tập II). Sài gòn 1967, trang 44*)

★ **Vi-Đà Hộ-Pháp**

Ở cửa bên trong các Chùa có vị Hộ-Pháp mặc đồ nhà tướng cầm cây Kim Cang. Đó là Ngài Vi Đà (*tức Vi-Hộ*), một vị Thiên Đại Tướng-Quân trong Tứ Thiên-Vương, hộ-trì Tam-Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Đàn đêm 22 rạng 23.04.1926, Đức Chí-Tôn dạy lập bàn Vi Hộ-Pháp như sau:

*“Cư, nghe dặn: con biểu Tắc tắm rửa sạch-sẽ (xông-hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón...”*

*“Cười...”*

*“Đáng lẽ nó phải sắm khôi, giáp như hát bội, mà mặc nó nghèo, Thầy không biểu.*

*“Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay Giáo-Tông, lấy chín tấc vải điều đắp mặt nó lại.*

*“Lịch, con viết một lá phù **“Giáng Ma Xử”** đưa cho nó cầm.*

...

*“Cả thầy Môn đệ phân làm ba ban, đều qui xuống, biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất chơn-thần nó ra. Nhớ biểu Hậu, Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ.”*

Đức Chí-Tôn đã dạy rõ: trục-xuất chơn-thần phàm-nhơn của ông Phạm Công Tắc ra để chơn-thần Vi-Đà nhập vào. Điều đó cho ta biết Ngài là gương-linh của Phật Vi-Đà.

Trong Kinh Đại Tường có câu:



*Giáng-linh Hộ-Pháp Vi-Đà,  
Chuyển cây Ma-Xử đuổi tà trục tinh.*

Câu trên chỉnh lại chính tả, Đức Chí-Tôn viết “Vi-Hộ-Pháp” mà ta nhầm lẫn viết Di-Đà, tiếng gọi tắt A-Di-Đà Phật, là vị Phật Chưởng-Quản cõi Cực-Lạc. Vi Đà như trên đã giải là một trong Tứ Thiên-Vương, viết bằng chữ V (*chữ Việt đầu thế-kỷ 20 chưa chuẩn*).

Đức Phạm Hộ-Pháp cũng dạy: Cây Giáng Ma Xử để trấn giữ Thiên-Môn. Bửu-bối Đức Ngài cầm là cây Kim Tiên để nhắc giữ Đạo-Pháp.

*“Kim Tiên là gì? Là biểu tượng của điện-lực điều khiển Càn-Khôn Vũ-Trụ mà chính đó là sanh-lực của Vạn-vật. Nhờ nó mới có thể mở Đệ bát Khiếu và còn có một khiếu vô hình là Huệ Quang Khiếu. Con người có ngũ quan hữu tướng và lục quan vô tướng, đều phải nhờ cây Kim Tiên ấy mới có đủ quyền lực mở lục quan của mình đặng”.*

- (*Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp  
đêm 14-12 Canh Dần, 1950*)

Câu liên ở Hộ-Pháp Đường khởi đầu bằng hai chữ Phạm Môn (*cửa Phật*), rất khác câu liên ở Giáo-Tông Đường, khởi đầu bằng hai chữ Giáo Tông.

**PHẠM GIÁO TÙY NGƯỜN, CỨU THẾ ĐỘ NHƠN HÀNH CHÁNH PHÁP,  
MÔN QUYỀN ĐỊNH HỘI, TRỪ TÀ DIỆT MỊ HỘ CHƠN TRUYỀN.**

Qua câu liên trên ở Hộ-Pháp Đường, các Đấng đã xác nhận Đức Ngài là một vị Phật, nên nơi Ngài ở gọi là cửa Phật (*Phạm Môn*).

- **Câu 1:** Phật dạy tùy người mà giáng trần cứu đời, độ người hành Đạo đúng theo Pháp Chánh Truyền.

- **Câu 2:** Cửa quyền định hội mà trừ tà, diệt mê, bảo hộ đúng chơn truyền đạo pháp.

Câu liên trên phản ảnh đúng theo Pháp-Chánh Truyền: “Hộ-Pháp là người nắm cơ mầu-nhiệm của Đạo, nắm luật của Trời, xử đoán chư Chức-sắc Thiên-phong và cả tín-đồ, cùng xin ban thưởng: công thưởng tội trừng nơi thế này... Người dùng hình-phạt phạm cho giảm tội thiêng-liêng, nắm cơ mầu-nhiệm công-bình mà đưa các chơn-hồn vào Bát-Quái-Đài, hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. (*Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris, Gasnier 1952, trang 91*)

## 2.- VĂN THI CỦA ÁI-DÂN PHẠM CÔNG TẮC

### VĂN

*Phương-Tu Đại-Đạo*: tác-giả Ái-Dân viết năm 1928. In lần thứ nhất 1969 do Hội-Thánh Phước-Thiện. In lần thứ hai cùng năm 1969 phân làm hai quyển:

- **Quyển thứ nhứt:** phần phát đoạn có viết: “Ai ai đã mang mãnh xác phạm nầy thì cũng tùng theo ba cái luật thiên nhiên là: luật đời, luật đạo và luật Trời. Ba luật tương tự, cũng phù hợp với luật điều Tam Giáo.
- **Luật đời (Đời của Đạo) gồm có:** phận anh, phận chị, phận em trai, phận làm cha. Mỗi quyển chỉ có 32 trang.

### BÀI THUYẾT- ĐẠO

Gồm những bài thuyết-đạo từ năm 1946 đến 1955 của Đức Phạm Hộ-Pháp do Ban Túc-Ký ghi chép và quay Ronéo:

1. *Lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp (Quyển I)*, in năm Canh-Tuất (1970) gồm 134 trang. *Lời tựa của Ngài Tiếp-Pháp Trương văn Tràng, kiêm Trưởng-Ban Đạo-Sử như sau*: “*Những lời thuyết-đạo trong quyển sách này là lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ-Pháp, một vị Giáo-chủ của Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ, một bậc vĩ-nhân của thế-hệ, nên Ủy-Ban Sưu tâm và Biên tập được thành lập có Đức Thượng-Sanh chấp thuận. Nay cuộc sưu tầm và biên tập đã có kết quả mỹ mãn, nên Ủy-Ban đem ra ấn-tống cho toàn đạo thưởng thức*”.
2. *Lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp (Quyển II)*, Ban Đạo-Sử in năm Quý Hợi (1973), gồm 175 trang, chủ yếu thuyết về “*Quốc-Đạo kim triêu thành Đại-Đạo. Nam Phong thử nhật biến Nhơn Phong*”.
3. *Lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp, Quyển III, quyển IV (1974), quyển V* đều đã in xong.
4. *Nam Phong Quốc-Đạo*, do nhóm phụng-sự Đại-Đạo ở Kiến-Phong sưu tập trong những lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp năm 1948, gồm chín bài, 64 trang, in năm 1971.
5. “*Bí-Pháp*” & “*Con đường Thiêng-liêng Hằng Sống*”, hai quyển này cũng nằm trong chương-trình thuyết đạo 10 năm (1946-1955) của Đức Hộ-Pháp.

Riêng quyển “*Con Đường Thiêng-Liêng Hằng Sống*” gát những bài không phù hợp chuyên đề, còn lại 29 (30?) bài, dưới các tiểu mục có chủ đề như sau:

1. Từ Hiệp-Thiên Đài đến Cung-Đạo.
2. Cung Thể Thiên Hành-hóa.
3. Cung Thể Thiên Hành-hóa (tiếp theo).
4. Bát-Quái-Đài.

5. Cung Tào Hóa Thiên.
  6. Điều-Trì Cung (Bát hỗn).
  7. Ngọc-Hư Cung.
  8. Hoa Hội.
  9. Triết-lý về tứ khổ.
  10. Tôn-giáo làm nhơn-tâm bất nhứt.
  11. Vấn nạn tín ngưỡng.
  12. Luật thương-yêu, Quyền công-chánh.
  13. Hiệp Thiên Hành-Hóa, Bác-ái Công Bình.
  14. Tôn-giáo các Tôn-Giáo.
  15. Cung Điều-Trì, tiền kiếp Đức Phật-Mẫu.
  16. Người đẹp và con thú.
  17. Ngọc-Hư Cung – Nam-Tào Bắc-Đẩu.
  18. Hiệp Thiên Hành-Hóa, các Tông-Đường.
  19. Cung Phục-Linh.
  20. Cung Phục-Linh, các Ngươn Đạo.
  21. Cung Phục-Linh, cơ giải-thoát.
  22. Linh Tiêu Điện.
  23. Linh Tiêu Điện (tiếp).
  24. Cực-Lạc Thế-giới, Niết-Bàn.
  25. Cửu Thiên khai hóa.
  26. Cõi Niết-Bàn.
  27. Giám-khảo Kim Quang Sứ.
  28. Cung Thượng-Thiên Hỗn-Nguồn.
  29. Lôi-Âm Tự, Bạch-Ngọc Kinh.
6. “*Trì-Hệ Cung*”: do Phạm-Môn in năm 1973, có 32 trang chủ-yếu bài “*Phương Luyện Kỳ đặng vào con đường thứ ba Đại-Đạo*” do Đức Hộ-Pháp ký ban hành ngày 14 tháng Giêng năm Đinh-Hợi (1947) và 6 bài thuyết-đạo dạy về phép tu chơn.

## THI

*Thiên-Thai Kiến Diện* – do Đức Hộ-Pháp viết từ năm 1927, bằng thể Thất ngôn Đường Luật, gồm 77 bài. Nhà sách Minh-Tâm xuất bản và phát-hành năm 1964, có 24 trang. Sách gồm 2 phần:

7. **Thiên-Thai kiến diện**: có 7 bài.
8. **Tam Thập lục Thiên ký bút**: có 70 bài mà bài thứ 74 như sau :

### BÀI 74

*Dời ra hướng Bắc đặng xem qua,  
Mới rõ chánh kia chẳng nệ tà.  
Tà chánh Thế-gian không biện biệt,  
Chánh tà tâm nội có đầu xa.  
Khử tà thân chánh, tà kiên chánh,  
Phụ chánh cận tà, chánh biến tà,  
Người có chơn-hồn, hồn ấy mất,  
Muốn xem hí mắt ngó sao xa.*

## THI TUYỂN

### AI-ĐIỀU CA BẢO-ĐẠO

*Cởi Hạc anh đà tách cõi Tây,  
Từ nhau oằn oại gánh tình nầy.  
Muôn lần sóng thâm nơi trần tục,  
Ngàn dặm bước nhàn tách gió mây.  
Cõi thọ anh nương theo huệ bóng,  
Thân phàm em trẻ chịu chia bầy.  
Vui buồn sót thâm ơn xưa tạc,  
Càng nhớ càng sâu khó giải khuây.*

19.10 MẬU-THÌN (1927)

### DẠO ĐÀN CẢM TÁC

(của bà Bát Nương, Ái-Dân họa-vận)

Năm âm mượn bức tỏ tơ lòng,  
Đờn “bắc” ra “ai” oán dội song.  
Tiếng thắm làm cơm tràn quá chén,  
Hơi sâu đồn gối chất nên chông.  
Tranh Tần gheo khóc người Cung Lãnh,  
Tỳ Hồn khêu đau khách ải đồng.  
Nhạn lạc lià cung đành lỗi nhịp,  
Cậy lẩn phong nguyệt nhắc duyên nồng.

21.02.1929

### NGƯỜI TU-HÀNH

Chẳng ham danh lợi chẳng mê trần,  
Thạch-động thanh nhàn thêm độ thân.  
Biển Bắc mặc dầu con sóng bủa,  
Non Nam chi quản đám mây vần.  
Ngày ăn hai bữa nuôi Tinh huyết,  
Đêm ngủ ba canh dưỡng Khí Thần.  
Quyết đoán công-phu thân vận động,  
Đường Tiên, cửa Phật mới mong gần.

1935

### NHẢ BẠN QUYỀN GIÁO-TÔNG

Hồ-lô ai để ở nơi đâu?  
Ái quốc Việt-Nam nghĩ bể dâu.  
Cứu thế hồng-ân chưa rã khắp,  
Nâng thuyền lòng nước vốn còn sâu.  
Nhân tài nảy nở tuy trăm bụng,  
Dân-trí biển sanh bởi một đầu.  
Vĩ nhượng mắt Tiên xem rõ trận,

*Cuộc cờ thắng bại tận phao câu.*

11.09 BÍNH-TUẤT (1946)

**THẦN LÝ NGỪNG DƯƠNG DU NAM**

*Bầu linh gậy sắt quảy du Nam,  
Nường bóng Tử-bi đến cõi phàm.  
Độ thế so đồng vắng nhật nguyệt,  
Phục-sinh đổ trọn giỏ hoa-lam.  
Nẻo Tiên lối cũ thân dầu toại,  
Bợn tục đường xưa bước đã nhàn.  
Bây bạn ai còn nơi cõi thế,  
Đông-Du xin nhắc vụ ông Lam (Thế-Hòa).*

ĐÊM 12.10 KỶ-SỬU (1949)

*Cảm Tác Vía Đức Quyền Giáo-Tông  
Nguyên vọng như anh đã thỏa rồi,  
Cố tâm kế chí có thắng tôi.  
Bầu linh gậy sắt ông an thế,  
Chày Gián Xử Ma tó giúp đời.  
Vững tiến xa thơ già gắng đẩy,  
Xuôi chèo Bác Nhã trẻ đua bơi.  
Khuôn hồng trước thấy trời quang đảng,  
Kế nghiệp mai sau vẫn có người.,*

18.11.1954

**KINH**

Ngoài văn thi, Đức Phạm Hộ-Pháp còn viết kinh. Mười bài kinh Song Thất Lục Bát in trong phần Kinh Thế-Đạo, giọng Nam-Xuân là:

- Kinh thuyết pháp,      ■ Kinh xuất-hội,
- Kinh nhập-hội,        ■ Kinh đi ra đường,

- Kinh khi đi về,           ▪ Kinh vào học,
- Kinh khi đi ngủ,       ▪ Kinh vào ăn cơm,
- Kinh khi thức dậy,   ▪ Kinh khi ăn cơm rồi,

Tất cả mười bài đều làm theo thể song thất lục bát, chỉ có bài Kinh nhập hội là 6 vế, hầu hết đều 4 vế; chỉ trừ hai bài Kinh ăn cơm là hai vế mà thôi.

Mười bài đều xen nhiều chữ Hán và điển-tích, đã được Hiền-Tài Đặng Mỹ Lệ soạn thảo dưới nhan-đề: “Giải nghĩa Kinh Thế-Đạo”.

### VĂN TẾ

*Tiểu-tường Đức Quyền Giáo-Tông*

*(Ngày 16.10 Ất-Hợi)*

*Đoái Nam đảnh mây giăng,  
Lượn Long-Giang sóng bùa.  
Hồn Linh-điện đeo sấu trang Chí-Sĩ,  
Tòa Cao-Đài chứa lụy mặt anh-hùng.  
Nước Việt-Thường ghi tạc mặt tài-danh,  
Nòi Hồng-Lạc roi truyền gương tiết nghĩa.  
Phương độ thế dầu lỗ làng chùa mãn địa,  
Phép hóa-thân cũng mai mĩa đủ kinh Thiên.  
Ba mươi năm lặn cửa quyền,  
Hay quan tiền vũ hậu,  
Để tài tình ích nước lợi dân.  
Trọn một đời người vinh diệu đại cân.  
Thường suy cỡ nghiệm kim,  
Đủ trí thức an bang tế thế.  
Sanh gặp lúc ruộng dâu hóa bể,  
Phong di tục diệt,*



Nhìn nước non tha thiết tấm trung thành.

Ở phải hồi dĩ Lữ diệt Đinh,

Hiên vong ác tạnh.

Tìm không môn, xa lánh cửa công-khanh,

Nhưng mà: Toan cỡi lao ẩn dật chốn non xanh.

Thương chủng-tộc lao đao vòng tử xích,

Chuông cảnh tỉnh rán khua đêm tịch-mịch,

Trống chiều già gương khích bóng trời mới.

Trút bầu linh đổ Cam-lô rưới nơi nơi,

Đưa gậy sắt dẹp sâu than cùng chốn chốn.

Qui tâm lý đem nhưn sanh về một bốn,

Lấy Thiên-lương làm thiên-hạ hiệp trăm nhà.

Cầm cờ Tang (\*) cầu Vạn-Quốc dẹp can qua.

Đưa gươm huệ khuyên giống nòi thôi loạn lạc.

Mang thiên mạng Chí-Tôn phú thác.

Độ quân-linh giải thoát trăm luân.

Bổ hồng-oai Hội-Thánh gọi-nhuần,

Dắt nhưn-loại lánh thân ác Đạo.

Thuyền Bác-Nhã chở đầy khổ não,

Liên trở lui Bồng-Đảo bến xưa.

Chủ Thiên lâm im tịnh mây mưa,

Vội rào chắc Tây-phương nẻo cũ.

Anh cả ơi!

Này sự nghiệp nhà Nam đầy nghĩa-vụ,

Anh lòng nào bỏ phú cho đám em khờ?

Kìa giang-san đất Việt những cơ đồ,

Anh sao nỡ nấy giao cho đàn em dại?

Nhìn dấu bước ưu chơn nơi hồ hải,

Giục nhớ người nặng quảy gánh đồ thơ.

Nghe chày kinh khua tiếng chốn đền thờ,

*Giục nhớ khách giõi khai đường tận độ.  
Ngôi còn đó, vị còn đó, Đạo còn đó, đời còn đó,  
Nhà ở đây, vợ ở đây, con ở đây, bạn ở đây,  
Anh sao nỡ vui miền Cực-Lạc!  
Hay là giận nhờn-tình tráo chác?  
Bến Ngân-Hà tắm mát tâm hồn.  
Hay là hờn thế-sự đại khôn,  
Vào Bát-Quái bảo tồn tri giác.  
Vài từng rượu lạt,  
Ít chén cơm chay.  
Hỡi ơi! Thương thay!  
Linh thiêng chứng chiếu.*

(ĐỨC HỘ-PHÁP ĐỌC TẠI ĐẠI-ĐỒNG XÃ)

### ĐỨC HỘ-PHÁP GIẢNG-CƠ

Đạo Nghị-Định thứ tám của Đức Lý Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp lập vào ngày 15.07 Giáp-Tuất (1934) có nói về Chi Phái. Năm 1957, đàn cơ tại Cung-Đạo đêm 17.10 Đinh-Dậu, Đức Lý Giáo-Tông giảng dạy:

*“Chư Hiền hữu Hiệp-Thiên-Đài! Về Đạo Nghị-Định của Lão đối với chi phái là phương pháp lúc trước để phổ-độ nhờn-sanh mà thôi. Hiện giờ của Đạo đã mở rộng, thì cơ qui nhất thế nào cũng sẽ thực-hiện được”.*

Mặt khác, Đàn cơ tại Giáo-Tông Đường đêm 10 tháng 4 năm Giáp-Thìn (1964), Đức Hộ-Pháp giảng dạy:

*“Ngày giờ gần đến, nên Bản-Đạo để lời khuyên cả chức-sắc và toàn đạo rán thế nào thống nhất Đạo cho được, mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc”.*

Đêm mừng 4 tháng 7 Kỷ-Dậu (16.08.1969), tại Giáo-Tông Đường có đủ mặt Đức Thượng-Sanh và các chức-

sắc cao cấp, Đức Hộ-Pháp giảng dạy:

“Kính chào Hiền-tử Đầu-Sư, bạn Thượng-Sanh, chư Hiền-Hữu Hiến-Pháp, Hiến-Đạo, Khai Đạo và các em Hiệp-Thiên, Cửu-Trùng.

“Bần-Đạo rất vui mừng về việc hội ngộ hôm nay của chúng ta. Bần Đạo tin rằng các bạn có việc gì hay muốn tỏ bày. Vậy bạn Thượng-Sanh khá cho biết...

“Cười! Cũng là việc hữu hình nữa, nếu các bạn đã để trọn tâm chí vào việc ấy (*Qui-Điều Ban Thế-Đạo*) mà tu chỉnh thì hay thêm, chớ có sao. Vậy Bần-Đạo chấp-thuận...

“Đức Lý Đại-Tiên có thảo-luận với Bần-Đạo về việc tuyển chọn chức-sắc cao cấp Cửu-Trùng Đài, thì nên tìm kiếm nhân-tài trong hoặc ngoài Ban Thế-Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục-vụ cho Đạo. Đức Lý sẽ đặc cách ân phong quyền tước để phụng-sự cho có hiệu-lực hơn”.

Đêm 10 tháng 03 năm 1971, tại Thánh-Thất Nam-Thành (Sàigòn), Đức Hộ-Pháp giảng cơ dạy Đạo:

“Hoa mai nào không trở vào mùa Đông? Người sứ mạng ưu thế nào không trở mặt lúc thế sự loạn ly, nhơn-tâm tán-loạn?...

“*Cái đau đớn nhất của tình cốt nhục là tự cắt tay nhau cho thành người tàn phế*”. “Đạo có sáng chói nơi mọi người, thì xã hội đời mới an.

“Sống dưới Thánh-Đường uy nghiêm, đọc thuộc lòng từ câu văn Đạo-Luật, Thánh-Ngôn, cũng chưa chắc hiểu trọn vẹn Cao-Đài Chủ-Nghĩa. Câu văn chỉ là hình thức, phương tiện vẽ nên chơn lý Đạo-Pháp, chớ không là

Đạo-Pháp. Thánh-Đường ngoại thể đã huy hoàng, thì Thánh-Đường nội tâm sẽ sáng chói.

*“Thế cuộc đã mở màn. Cơ Trời đang vận chuyển. Bản-Đạo muốn nói với chư Hiền là đừng nghĩ tới, đừng bàn tới cái gì về phân-hóa, cái gì về thống nhất, duy nhất hay hiệp nhất nữa, mà phải chấp nhận tất cả. Bao nhiêu kinh nghiệm đã thấy rồi... Hãy siết chặt tay nhau, tìm những giải pháp để làm chung một lối về cho tất cả các con cái của Đức Chí-Tôn...”*

### **3.- LƯỢC-SỬ CHÂN-DUNG ĐỨC HỘ-PHÁP PHẠM CÔNG TẮC**

#### **A. PHẦN ĐỜI**

##### **1)- Thời thanh thiếu niên.**

- Phạm Công Tắc (1890-1959), tự Ái-Dân, sanh vào tiết Đoan-Ngọ năm Canh-Dần, tại làng Bình Lập (Long-An).
- Học chữ quốc-ngữ, chữ Nho, rồi vào Trường Chasseloup Laubat (Sàigòn).

##### **2)- Đường Đời**

- 1916 làm Thơ-Ký sở Thương-Chánh, rồi đổi đi Cái-Nhum (Hậu-Giang).
- 1917 lập gia-đình với bà Nguyễn thị Nhiều, sinh được ba người con : 1 trai, 2 gái.

##### **3)- Tám đức-tính:**

1. Hy-sinh thân thể và chịu đựng tù đày mưu tìm hạnh-phúc cho nhơn-sanh.
2. Hành-động tích-cực và tận tâm.
3. Óc sáng tạo huyền-bí.

4. Chịu nổi thống khổ và oan-nghiệt của một con người.
5. Người của bình-dân.
6. Có hấp lực mãnh-liệt.
7. Công-bình và chính-trực.
8. Từ-bi, khoan hồng và đại-độ.

## B.- PHẦN ĐẠO

### 1)- Tiền Khai Đạo

- Ngày 5-06 Ất-Sửu (25-07-1925) ông Phạm Công Tắc xây bàn lần đầu tiên tại nhà ông Cao Hoài Sang, cạnh Chợ Thái-Bình (Sàigòn) với ông Cao Quỳnh Cư.
- Ngày 10-06 Ất-Sửu (30-07-1925), nhóm Cao Phạm gặp tiếp xúc Đấng A, Ầ, Ầ, tức Đức Chí-Tôn, dạy đạo.
- Ngày 15-08 Ất-Sửu (2-10-1925), Hội-Yến Diêu-Trì Cung lần đầu tiên tại nhà ông Cao Quỳnh Cư. Bắt đầu dùng Đại Ngọc Cơ lần thứ nhất.
- Ngày 3-09 Ất-Sửu (20-10-1925), nhóm Cao Phạm được bà Cửu Thiên Huyền Nữ dạy tu tâm dưỡng tánh.
- Ngày 30-10 Ất-Sửu (15-12-1925), Đức A, Ầ, Ầ dạy tam vị vọng Thiên Cầu Đạo vào ngày mùng 1 tháng sau.
- Ngày 1-11 Ất-Sửu (16-12-1925), Tam vị Thiên-Sứ Cầu Đạo.
- Ngày 16-11 Ất-Sửu (31-12-1925), Đức Cao-Đài xác nhận chính Ngài đã tá danh A, Ầ, Ầ.
- Ngày 19 tháng 11 Ất-Sửu (3-01-1926), Đức Cao-Đài dạy thủ cơ, chấp bút, triết lý Thiên Nhơn hợp nhất trong cơ-bút.
- Ngày 1-12 Ất-Sửu (14-01-1926), Đức Cao-Đài dạy

cặp cơ Cự Tắc về Nội-Giáo tâm truyền (*tu tịnh*).

- Ngày 5-12. Ất-Sửu (18-01-1926), cặp cơ Cự Tắc được lĩnh Đức Cao-Đài lập đàn tại nhà ông Lê văn Trung.
- Ngày 18-12 Ất-Sửu (31-01-1926), Đức Cao-Đài dạy ông Phạm Công Tắc hãy ngừng việc đời ngoài xã hội để lo việc Đạo.
- Ngày 20-12 Ất-Sửu (31-01-1926), cặp cơ Cự Tắc độ Chủ-Quận Cần-Giuộc Nguyễn Ngọc Tương.
- Ngày 30-12 Ất-Sửu (12-02-1926), nhân đêm giao-thừa, cặp cơ Cự Tắc đi với ông Ngô văn Chiêu đến nhà bạn Đạo chúc Xuân. Mỗi nhà đều được Đức Cao-Đài ban cho bốn câu thơ.

### BÍNH DẪN

- Ngày 8-01 Bính-Dẫn (20-02-1926), Đức Chí-Tôn dạy : “*Thầy là các con, các con là Thầy*”.
- Ngày 9-01 Bính-Dẫn (21-02-1926, Lễ Vía Đức Chí-Tôn lần đầu tiên tại nhà ông Vương quan Kỳ và 13 vị môn-đệ đầu tiên được điểm-danh.
- Ngày 13-01 Bính-Dẫn (25-02-1926, Đức Chí-Tôn giải thích việc thờ Thiên-Nhân, cách niệm danh Cao Đài Tiên Ông, cách bắt ấn Tý, cách lạy và cách dâng Tam Bửu tại nhà ông Cao Quỳnh Cư.
- Ngày 26-02 Bính-Dẫn (8-04-1926), Đức Chí-Tôn giải nghĩa tuyên ngữ Tam-Kỳ Phổ-Độ, kêu ông Lê văn Lịch đem bửu pháp ra cứu chúng-sanh, tức không được dấu kín thiển định, trong nghĩa “*Đại Ân-Xá*”.
- Ngày 11-03 Bính-Dẫn (22-04-1926), Đức Chí-Tôn dạy sắp xếp bốn ghế dành cho Giáo-Tông và ba vị Đầu-Sứ tại nhà ông Lê văn Trung. Lập bàn Ngũ-Lôi

để chức-sắc lập thế khi lãnh sứ mạng và tín-đồ lập thế khi nhập-môn vào Đạo.

- Ngày 13-03 Bính-Dần (24-04-1926), Đức Chí-Tôn dạy về Ngũ-Chi Đại-Đạo và việc qui nguyên phục-nhút.
- Ông Ngô văn Chiêu tách rời khỏi nhóm Cao Phạm.
- Ngày 14-03 Bính-Dần (25-04-1926, Đức Chí-Tôn dạy lập bàn thờ Vi Hộ-Pháp để các chức-sắc lập thế.
- Ngày 15-03 Bính-Dần (26-04-1926), lễ Thiên-phong đầu tiên gồm có Đầu-Sư Thượng Trung Nhựt, Đầu-Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Hộ-Pháp Phạm Công Tắc, Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng-Sanh Cao Hoài Sang. Vì ông Ngô văn Chiêu tách rời khỏi nhóm Phổ-Độ, nên Đức Chí-Tôn chưa hề phong ông làm Giáo-Tông. Ai gọi ông Chiêu là Giáo-Tông, thứ nhất là sai về chơn-truyền vô-vi và giáo luật.
- Ngày 8-06 Bính-Dần (17-07-1926), Đức Chí-Tôn dạy tổ-chức Nữ Phái, dạy về Tân Pháp trường trai, thập trai, hiệp Tinh Khí Thần.
- Ngày 13-06 Bính-Dần (22-07-1926), Đức Cao-Đài dạy về Khí Hư-Vô và Đạo : “*Khí Hư-vô sanh có mình Thấy “...”. Nếu không Thấy, thì không có chi trong Càn Khôn Thế-Giới*” và Đạo sanh ra Phật, Tiên, Thánh.
- Ngày 2-07 Bính-Dần (9-08-1926), Đức Chí-Tôn khai Tịch-Đạo Nam-phái “*Thanh đạo tam khai thất ức niên*”.
- Ngày 1-08 Bính-Dần (7-09-1926), Đức Cao-Đài dạy đất Tây-Ninh là Thánh-Địa, phải lập Tòa-Thánh ở Tây-Ninh, lo phổ-độ Nam-Kỳ trước, rồi ra Trung

và Bắc.

- Ngày 12-08 Bính-Dần (18-09-1926), Đức Chí-Tôn cho biết Đạo Cao-Đài sẽ là Quốc-Đạo.
- Ngày 16-08 Bính-Dần (22-09-1926), Đức Chí-Tôn giao việc lập TÂN-LUẬT cho ba vị Chưởng-Pháp : Nguyễn văn Tương, Như Nhãn Nguyễn văn Tường và Lão-Sư Trần văn Thụ.
- Ngày 21-08 Bính-Dần (27-09-1926), tại Thánh-Thất Từ-Lâm (Gò-Kén) Thầy dạy : *“Nhạc Lễ là phép nhà Nam. Thầy muốn giữ sao cho trọn vẹn”*.
- Ngày 28-08 Bính-Dần (4-10-1926), Đức Chí-Tôn chọn trong Kỳ Ba Phổ-Độ này : *“Nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ-Đệ”*.
- Ngày 1-09 Bính-Dần (7-10-1926), ngày khai Tịch-Đạo với Chánh-Phủ Thuộc-địa, đơn gởi đến Thống-Đốc Nam-Kỳ, Le Fol.

## 2)- Thời-Kỳ khai nguyên Đạo

- Ngày 15-10 Bính-Dần (18-11-1926) chánh-thức khai Đạo tại Thánh-Thất Từ-Lâm (Gò-Kén - Tây-Ninh). Đức Chí-Tôn cho hai câu liễn trước các Thánh-Thất, lập Tân-Luật, Pháp Chánh-Truyền, tuyển-phong Hội-Thánh Cửu Trùng Đài, Hiệp-Thiên Đài, lập Tịch-Đạo Nữ Phái.
- Ngày 20-02 Đinh-Mão (23-03-1927), dời Thánh-Tượng về chùa mới ở làng Long-Thành tức khuôn viên Tòa-Thánh ngày nay, vì Hòa-Thượng Như Nhãn đòi chùa Từ-Lâm lại.
- Tháng 4 Đinh-Mão (tháng 5-1927), thành lập Hội-Thánh Ngoại-Giáo ở Nam-Vang. Thiên-phong đầu



tiên cho Hội-Thánh Ngoại-Giáo vào đêm 27-07-1927, mà Tiếp-Đạo Cao Đức Trọng được phong trong đàn này.

- Ngày 16-10 Mậu-Thìn (17-11-1928), Bà Bát Nương chỉ cách phá phép ếm Long Tuyền Kiếm cho Đức Hộ-Pháp.

### 3)- Thời kỳ Chưởng-Quản Hiệp-Thiên Đài

- Ngày 3-10 Canh-Ngọ (22-11-1930), Đức Lý Giáo-Tông và Đức Phạm Hộ-Pháp lập 6 Đạo Nghị-Định và ban hành ngày 15-10 năm Canh-Ngọ.
- Ngày 15-07 Giáp-Tuất (25-08-1934) ban hành thêm hai Đạo Nghị-Định gọi chung là Bát Đạo Nghị-Định.
- Ngày 21-01 Nhâm-Thân (17-02-1932), Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Phạm Hộ-Pháp ban hành Ba Hội Lập Quyền Vạn-Linh, gồm có : Thượng-Hội, Hội-Thánh và Hội Nhơn-Sanh.
- Ngày 23-07 đến ngày 4-08 năm Ất-Hợi (21 đến 31-08-1935), các Đấng giảng cho Tân Kinh.

### 4)- Thời kỳ Chưởng-Quản Nhị Hữu-Hình Đài

- Ngày 17-10 Ất-Hợi (8-11-1935), Hội Nhơn-Sanh biểu-quyết như vậy : “*Đồng lòng bỏ thăm tín nhiệm chính sách độc tài của Đức Hộ-Pháp*”.
- Ngày 18-10 Ất-Hợi (9-11-1935), Hội-Thánh Cao-Đài cũng biểu-quyết như trên. Từ đó Đức Hộ-Pháp Chưởng-Quản Nhị Hữu-Hình Đài.
- Ngày 1-11 Bính-Tý (14-12-1936), Đức Hộ-Pháp tái khởi công xây dựng Đền-Thánh và khánh-thành từ ngày 6 đến 16 tháng Giêng năm Ất-Mùi (29-01 đến 8-02-1935).
- Tháng 11-1937, Đức Hộ-Pháp trả lời chất-vấn của

Chủ-Tịch Ủy-Ban Điều-Tra các Thuộc-Địa Hải-Ngoại.

- Ngày 4-06 Tân-Tỵ (1941), lính mật-thám Pháp vào Hộ-Pháp-Đường bắt Đức Hộ-Pháp đưa đi an-trú tại Di-Linh (*Lâm-Đồng*), Sơn-La (*Bắc-Việt*), rồi đưa về Sài-gòn.
- Ngày 3-07 Tân-Tỵ (27-07-1941), Đức Hộ-Pháp và 5 vị Chức-sắc bị đưa xuống tàu Compiègne ở cảng Nhà-Rồng sang cảng Diego Suarez, miền Bắc đảo Madagascar.
- Ngày 30-08-1946 (*mùng 4 tháng 8 Bính-Tuất*) Đức Hộ-Pháp được trả tự-do về Tòa-Thánh Tây-Ninh, sau 5 năm hai tháng bị tù đày.
- Ngày 14-01 Đinh-Hợi (1947), Đức Hộ-Pháp ban hành Đạo-Lệnh 209, chỉ dẫn về “*Phương Luyện Kỷ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo*”.
- Ngày 27-05 Canh-Dần (11-07-1950) theo Thánh Lệnh số 302, chư chức-sắc phái Tiên-Thiên được phong vào hàng chức-sắc Tòa-Thánh Tây-Ninh gồm 2 Phối-Sư, 6 Giáo-Sư, 26 Giáo-Hữu và 53 Lễ-Sanh.
- Ngày 18-10-1950, Đức Hộ-Pháp đi Hà-Nội kêu gọi các Tôn-Giáo, Đảng-phái đoàn kết và thăm đồng bào Cao-Đài miền Bắc.
- Ngày 10 tháng 07 Quý-Tỵ (18-08-1953), Thủ-Tướng Nguyễn Văn Tâm trao Huân-Chương cho Thầy Trần văn Giảng. Đức Hộ-Pháp cũng tặng Thầy cũ danh hiệu Linh-Sơn Phu-Tử.
- Ngày 17-04 Giáp-Ngọ (19-05-1954), đáp lời mời của Quốc-Trưởng Bảo-Đại, Đức Hộ-Pháp sang Pháp cố-vấn hoạch-định chương-trình Hội-nghị Genève.

- Ngày 20-07 Giáp-Ngọ (18-08-1954), Đức Hộ-Pháp thăm xã-giao các Tổng-Thống Tưởng Giới Thạch (Đài-Loan), Lý Thừa Vãn (Đài-Hàn) và sang Nhật rước di cốt Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề.

5)- **Triều-Thiên trên đất Chùa-Tháp (Nam-Vang)**

- Ngày 20-08 Ất-Mùi (1955) Ban Thanh Trùng của Nguyễn Thành Phương bao vây Hộ-Pháp Đường đến ngày 5-01 Bính-Thân.
- Ngày 5-01 Bính-Thân (1956), Đức Hộ-Pháp tự lưu vong sang Cao-Miên.
- Ngày 26-03-1956, Đức Hộ-Pháp ban hành “*Chánh-Sách Hòa-Bình Chung-Sống*”: do dân, phục-vụ dân.
- Ngày 28-03-1956 : Đức Hộ-Pháp gửi thư cho lãnh-đạo hai miền Nam Bắc Việt-Nam.
- Ngày 14-04-1959, Đức Hộ-Pháp lập bản di-ngôn gửi Hoàng-thân Norodom Sihanouk.
- Ngày 10-04 Kỷ-Hợi (15-05-1959), Đức Hộ-Pháp triều thiên tại Thánh-Thất Toul-Swey-Prey, Thủ-đô Nam-Vang, Cao-Miên.

## THƯ-MỤC TÀI LIỆU THẨM KHẢO

- ARSCHOT Ph. – Le Caodaisme; Message d'Extrême-Orient. Năm thứ hai, 1972, số 6 (trang 419–430), số 8 (603–609, số 9 (715–718).
- BERNADINI P. – Le Caodaisme au Cambodge (*Luận-án Tiến-sĩ đệ Tam cấp*). Đại-Học Paris VII, 1974, 451tr.
- BỬU CHƠN – Cao-Đài đối với người cầm vận-mệnh dân-tộc. Sài-gòn, Đại-Đạo Nguyệt-San số 10 (6–1965).
- CAO HOài Sang – Lễ Kỷ-niệm Đức Hộ-Pháp. Sài-gòn ĐĐNS số 54, 1964.
- CASTELLA Y. – Le Spiritisme (*Le Caodaisme* trang 78–83), Paris, que sais je? 1959, 128 trang.
- CENDRIEUX J. – Une Jérusalem Nouvelle. Qu'est ce qu'au juste le Caodaisme; quatrième religion indochinoise. Extrême Asie (*Revue Indochinoise*), số 25 (7–1928), trang 33–37.
- CHIẾU-MINH – Đại-Thừa Chơn-Giáo. Gia-Định, Trước tiết tàng thơ 1956.
- Cô Việt Tử – Tại sao Hộ-Pháp Phạm Công-Tắc bị Pháp đày? Cao-Đài có làm chính-trị không? Sài-gòn Đại-Chúng, số 117–120 (14–01 đến 24–01–1961).
- GOBRON G. – Histoire et Philosophie du Caodaisme; Paris, Dervy 1949. Histoire and Philosophy of Caidaim. Phạm Xuân Thái dịch, Sài-gòn Tú Hải 1950, 188 trang.
- GOBRON Marg Gab – Le Caodaisme en images. Paris, Dervy 1949.
- GOUVERNEMENT de l'Indochine Francais, quyển VII, Le Caodaisme; Hà Nội 1934.
- Hà Bá Sanh – Nam Bộ trong cuộc thử thách đầu tiên. Sài-gòn Điện Báo, bộ mới, Năm thứ 2, số ngày 12–08–1948 trở đi.
- Hành-Sơn – Tôn-Giáo Cao-Đài và chính-trị. Sài-gòn, Nhân

- ngày 4-07-1946. Gương xuất xứ của Đạo-Trưởng Cao Triều Phát, Sài Gòn. Cao-Đài Giáo-Lý số 81 (1973), trang 33-39.
- Hồ Tấn Khoa – Chuyển đi lịch-sử, Tây-Ninh, Thông tin số 21, 22 và 23 năm 1971.
  - Hồ Tấn Khoa – Cuộc Ân-Du của Đức Hộ-Pháp, Tây-Ninh, Thế-Đạo 1971.
  - Hội-Thánh Bến-Tre – Tiểu-sử Đức Giáo-Tông Nguyễn Ngọc Tương. Bến-Tre 1958. – Châu-tri chính-đạo (1934-1936). – Châu-tri hành-đạo ở Tây-Ninh (1927-1934).
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Ba Hội lập quyền Vạn-Linh. Tây-Ninh 1960.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Hiến-Pháp Hiệp-Thiên-Đài 1932. Tây-Ninh 1972.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Kinh-Lễ Paris. Gasnier 1952.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Le Caodaisme. Tây-Ninh, Troupes Caodaistes 1940. La Constitution religieuse du Caodaisme, Paris Dervy, 1953.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Lễ giao lãnh Đền-thờ Đức Chí-Tôn. Tây-Ninh 1971.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Tân Luật, Pháp Chánh-Truyền. Paris, Gasnier 1952, 176 trang.
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Thánh-Ngôn Hiệp Tuyển, Tây-Ninh quyển I, (1964), quyển II (1963).
  - Hội-Thánh Tây-Ninh – Tiểu-sử Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc. Tây-Ninh 1954.
  - Hồng-Lĩnh – Kỳ Ngoại Hầu Cường-Đế. Sài Gòn, Phương-Đông số 479 -481 (10-1973).
  - Hoài Nhân – Bốn mươi năm Lịch-sử Cao-Đài (1926-1966). Biên-Hòa 1966.
  - Huỳnh Minh – Tây-Ninh xưa và nay. Sài Gòn 1972.
  - J.J. – Un mouvement religieux au Vietnam “Le Caodaisme”. Saigon, Sud-Est, số 11 (5-1950) trang 21-27.

- LA LAURIETTE et VILMONT – Le Caodaïsme; Rapport du Service des Affaires Politiques et Administratives de Cochinchine; Saigon 1933.
- Lê Thiện Phước – Tìm hiểu hiện-tình Tòa-Thánh Tây-Ninh. Saigon. Ngày Mới, số 36-40 (6-12-1961 đến 10-01-1962).
- Lê văn Trung – Caodaïsme; Boudhisme rénové. Saïgòn., Thái-Hòa, 1931.
- Lương văn Bồi – Tu thành, Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ. Saigon. 1961, 99 trang.
- Meillon. Gustave – Le Caodaïsme (*In trong Les Messages Spirités*). Tây-Ninh 1962.
- Minh Chơn Đạo – Lịch-sử Quan Phủ Ngô văn Chiêu. Saïgòn. 1962.
- Minh-Hiền – Sự-Nghiệp của Đức Hộ-Pháp. Tây-Ninh, Hòa-Bình số 5, 1969
- Minh-Lý Đạo – Kinh Nhựt-Tụng, Saïgòn., Tam Tông Miếu 1927, 85 trang.
- Nguyễn Long Thành – Danh hiệu và tiêu-chuẩn lập pháp Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ, Khảo Cứu Vụ 1974.
- Nguyễn Long Thành – Đức Hộ-Pháp và đường lối chính-trị. Tây-Ninh, Thế-Đạo Xuân 1973.
- Nguyễn Long Thành – The Path of a Caodai Disciple; Tây-Ninh 1970.
- Nguyễn Lương Hưng – Vài nhận-định về Cao-Đài Giáo. Saïgòn., ĐĐNS số 3-1964.
- Nguyễn Đăng Thục – Cao-Đài Giáo với ý-thức hệ dân tộc. Saïgòn.. Nguyệt-San Đặc Biệt 1964.
- Nguyễn Đăng Thục – Thiên-Tông học với vấn-đề đồng-nguyên Tam Giáo. Saïgòn số 9-1965.
- Nguyễn Đăng Thục – Triết-lý Bình-dân với xã hội Nông-Nghiệp. Saïgòn., Nhân-Sinh số 1, 2, 3 năm 1964.
- Nguyễn Đăng Thục – Ý-thức-hệ cho Xã-hội khai phóng. Saïgòn., ĐĐNS số 3, 1964.

- Nguyễn Thành Phương – Diển-văn quốc-gia-hóa Quân-Đội Cao-Đài, Sài-gòn, Thăng, năm thứ VIII, Bộ Mới, số 12 (30-04-1955) trang 2, 9, 16.
- Nguyễn Thế Phương – Trạng-sư Trịnh Đình Thảo bày tỏ tôn chỉ Đạo Cao-Đài, Sài-gòn, Đại-Đạo số 1 ngày 1-08-1945, trang 19-26.
- Nguyễn thị Hiếu – Đạo-Sử Xây-Bàn. Tây-Ninh 1967. Đạo-Sử I, II năm 1968.
- Nguyễn Trần Huân – Histoire d'une secte religieuse au Vietnam. Paris ed. Anthropos, 1971, 194 trang.
- Nguyễn Trung Hậu – Đại-Đạo Căn-Nguyên, Sài-gòn 1930. A short history of Caodaism.. Tourane 1956.
- Nguyễn Trung ngôn – Vía Đức Hộ-Pháp. Sài-gòn. Tiếng Việt số 147-1969.
- Nguyễn văn Sâm – Tín-ngưỡng Việt-Nam (*cận đại và hiện đại*) giảng khóa. Sài-gòn, Đại-học Văn-Khoa 1973.
- Nguyễn văn Tâm – Le Caodaisme et les Hòa-Hảo, conférences d'information sur l'Indochine, 14-11-1945. Sài-gòn 1949.
- Nguyễn văn Trương – Đại-đồng tôn-giáo là gì? Sài-gòn, ĐĐNS số 4-05-1964.
- Đồng-Tân – Lịch-sử Đạo Cao-Đài (*quyển II*). Sài-gòn, Cao-Hiền 1972.
- Phạm Công-Tắc – Con đường Hoà-bình chơn-thực. Sài-gòn 1966.
- Phạm Công-Tắc – Lời thuyết-đạo năm 1946, 1947, 1948. Tây-Ninh 1970-1973.
- Phạm Công-Tắc – Lời thuyết-đạo năm 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955. Tây-Ninh, Ronéo 1966.
- Phạm Công-Tắc – Nam Phong Quốc-Đạo. Kiến-Phong 1971.
- Phan Khoang – Tinh thần chung của dân-tộc Việt-Nam. Sài-gòn. Nguyệt-San số 5-1964.
- Phan Trường Mạnh – La voie du Salut Caodaique – Đường

- Cứu Rỗi Đạo Cao-Đài. Saigon. 1954.
- Phan Trường Mạnh – Thiên-Đạo. Tây-Ninh, Minh-Tâm. 1963.
  - Phan Trường Mạnh – Qu'est ce que le Caodaisme? Saigon., éd. Phan Trường 1949.
  - Phan văn Tân – Lịch-sử cơ-bút Đạo Cao-Đài. Sài-gòn., Hồn-Quê 1967, 58 trang.
  - Phan xuân hòa – Lịch-sử Việt-Nam hiện kim (1954-1956). Sài-gòn. 1957, 317 trang.
  - Pononti J.C. – Nhận xét về Đạo Cao-Đài. Sài-gòn. Nguyễn Lộc Thọ dịch. Tây-Ninh, Hòa-bình số 7-1970, trang 28-30.
  - Regnault Henri – Caodaisme et réincarnation., Paris 1951.
  - Regnault Henri – Comment réaliser l'universallisme religieux., Paris 1951.
  - Raymond G. – Cảnh u buồn của Tòa-Thánh Vatican Việt-Nam. Tạp-chí Illustration số 4748 (3-03-1934).
  - Sainteny Jean – Histoire une paix manquée. Paris, Amiot Dumont, 1953.
  - Smith R.B. – An introduction to Caodaism: I – Origins and early history (*trang 335-349*) quyển XXXIII, tập 2, 1970; II – Beliefs and organisations (*trang 573-589*), quyển XXXIII, tập 3, 1970. Bulletin of the School of Oriental and African Studies University of London.
  - Sơn-Nam – Thiên-Địa Hội và Cuộc Minh Tân. Sài-gòn., Phù-Sa. 1971, 297 trang.
  - Tạ Chí Đại Trường – Vị-trí của Đại Việt trong lịch-sử Việt-Nam. Sài-gòn., Quỳnh Lâm 1972.
  - Thái Chân – Thử tìm một triết-học Cao-Đài. Sài-gòn. Nguyệt-San số 2, 1964 và kế tiếp.
  - Thái Nguyên – Phan Bội Châu. Sài-gòn., Tân-Việt 1956.
  - Thái Nguyên – Phan Chu Trinh. Sài-gòn., Tân-Việt 1956.
  - Thái văn kiểm – Đất Việt trời Nam. Sài-gòn., Nguồn Sống 1960.



- Thiên Giang – Lược thuật Tòa-Thánh Tây-Ninh. Tây-Ninh, Minh Tâm 1963.
- Toán-Ánh – Tôn-Giáo Việt-Nam. Sài Gòn, Hoa Đăng 1064.
- Trần Duy Nghĩa – Nền tảng Chánh-Trị Đạo. Tây-Ninh, Hiển-Trung 1948.
- Trần Quang thuận – Tư-tưởng chính-trị trong triết học Khổng-Giáo. Sài Gòn, Thư Lâm ấn-quán 1961, 28 trang.
- Trần Quang Vinh – Lịch-sử Đạo Cao-Đài (1926-1940), Tây-Ninh 1972.
- Trần Quang Vinh – Lịch-sử Đạo Cao-Đài thời kỳ phục-quốc (1941-1946). Tây-Ninh 1967.
- Trần Tấn Quốc – Hòa-Bình 1954. Sài Gòn. Điện-Tín từ số 900-960 (tháng 7 và 9 năm 1974).
- Trần Trọng Kim – Việt-Nam Sử-Lược. Sài Gòn, Tân-Việt 1968. Nho Giáo. Sài Gòn, Tân Việt 1958.
- Trần văn Quế – Cao-Đài sơ giải. Sài Gòn, Thanh-Hương 1963.
- Trần văn Quế – Lý do bành trướng mau lẹ của Cao-Đài. Sài Gòn, ĐĐNS số 4-1964.
- Trần văn Quế – Đạo Cao-Đài trong đời sống quốc-gia. Sài Gòn, Nguyệt-San số 3 năm 1964.
- Trần văn Quế – Vai trò của các tôn-giáo trước sự khủng-hoảng tinh thần hiện nay của toàn cầu. Sài Gòn, ĐĐNS số-1964.
- Trần văn Rạng – Đại-Đạo Danh Nhân, 1971.
- Trần văn Rạng – Đại-Đạo Sử-Cương I, II, III năm 1970-1972.
- Trần văn Rạng – Cao Đài Giáo trong Quốc-Sử. Tiểu-Luận Cao-Học Sử, Đại-Học Văn-Khoa Sài Gòn 1974.
- Trần văn Rạng – Tam Giáo Triết-Học Sử Yếu Lược. Tây-Ninh, 1970.
- Trần văn Rạng – Tam Thánh Bạch Vân Động, 1972.
- Trần văn Rạng – Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư, 1973.
- Trần văn Tuyên – Hội-Nghị Genève 1954 (Hồi-Ký). Sài Gòn.

- Chim. Đàn. 1964, 143 trang.
- Tráng-Liệt – Cuộc đời cách-mạng của Cường-Đế. Sài-gòn. 1957.
  - Vô Danh – Âm mưu của Diệm để đàn áp Cao-Đài. Sài-gòn. Buổi Sáng, số 1555, ngày 20-11-1963.
  - Vô Danh – Cao-Đài influence in Tây-Ninh has been great (trong bài *Garden of the elephant*). Hurricane, số 6 (April 1968) trang 18-21.
  - Vô Danh – Cao-Đài sẽ đóng vai chính-trị. Sài-gòn, Báo-chí số 497, ngày 18-11-1963.
  - Vô Danh – Caodaisme ou Bouddhisme rénové. Sài-gòn, Imp Bảo-Tồn, 1949, 52 trang.
  - Vô Danh – Diệm ra lệnh triệt hạ quả Càn-Khôn. Sài-gòn. Thời-Báo số 3, ngày 21-11-1963.
  - Vô Danh – Histoire sommaire du Caodaisme. Đà-nẵng, Trung-Hưng Bửu-Tòa, 1956, 106 trang.
  - Vô Danh – Lý do ông Cao Hoài Sang thay thế ông Phạm Công Tắc. Sài-gòn. Báo Mới, số 498, ngày 19-11-1963.
  - Vô Danh – Đạo Cao-Đài với nền văn-hóa Việt-Nam. Sài-gòn. Hành đạo, số 6, tháng 5-1963.
  - Vô Danh – Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc với những thăng trầm của lịch-sử. Sài-gòn. Hoà-Bình, số 127, ngày 21-02-1967.
  - Vô Danh – Thánh-Mẫu Fatimat đồng-hóa với Phật-Mẫu Cao-Đài. Sài-gòn. Trắng Đen, năm thứ 7, số 2024, ngày 04-02-1974.
  - Vô Danh – Tìm hiểu Cao-Đài-Giáo. Minh-Tân số 27.

KD Kinh Sách Đạo  
số 102 – KD/TT  
ngày 23-07-1974



# Chân Dung Hộ-Pháp PHẠM CÔNG TẮC

Soạn Giả: HIỀN-TÀI TRẦN VĂN RẠNG